

**BỘ CÔNG THƯƠNG - UBND TỈNH NINH THUẬN  
BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG THƯƠNG  
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN  
LẦN THỨ VIII NĂM 2022**



# **TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG THƯƠNG  
KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN  
LẦN THỨ VIII, NĂM 2022**



**Ninh Thuận, tháng 8 năm 2022**

**BỘ CÔNG THƯƠNG - UBND TỈNH NINH THUẬN  
BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG THƯƠNG  
KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN  
LẦN THỨ VIII NĂM 2022**



**TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG THƯƠNG  
KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN  
LẦN THỨ VIII, NĂM 2022**



**Ninh Thuận, tháng 8 năm 2022**

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN NĂM 2022 TẠI NINH THUẬN**  
*(Ngày 19 tháng 8 năm 2022)*

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thành phần/Đơn vị chủ trì, thực hiện</b>
<b>07g00: 07g30</b>	Đón tiếp đại biểu, ổn định tổ chức	Đ/c Trần Quốc Sanh – PGĐ Sở Công Thương Ninh Thuận
<b>7g30- 10g:00</b>	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Đ/c Trần Quốc Sanh – PGĐ Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận
	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Lãnh đạo Bộ Công Thương
	Phát biểu chào mừng Hội nghị	Lãnh đạo Lãnh đạo UBND tỉnh Ninh Thuận
	Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động năm 2021, 6 tháng đầu năm 2022, nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2022 của ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực Miền Trung - Tây Nguyên	Đ/c Võ Đình Vinh, Tỉnh ủy viên - GD Sở CT Ninh Thuận
	Tham luận, thảo luận của Sở Công Thương các địa phương và các đại biểu tham dự Hội nghị	Lãnh đạo các Sở CT trong khu vực và các đại biểu tham dự HN
<b>10g:00- 10g:15</b>	Giải lao 15 phút: Mời lãnh đạo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, Cục CTĐP và các Sở CT chụp hình lưu niệm.	LĐ Sở CT Ninh Thuận
<b>10g:15-12g</b>	- Tiếp tục tham luận, thảo luận của các Sở Công Thương, các đại biểu tham dự Hội nghị (theo tình hình và thời gian thực tế) - Lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện và các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương trao đổi và giải đáp kiến nghị của các tỉnh, thành phố tại Hội nghị	Lãnh đạo các Sở Công Thương trong khu vực, LĐ các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các đại biểu tham dự Hội nghị
	Kết luận chỉ đạo Hội nghị	Lãnh đạo Bộ Công Thương
	Đại diện các SCT tiếp thu ý kiến chỉ đạo	Đ/c Võ Đình Vinh - GD Sở CT Ninh Thuận
	Tặng quà lưu niệm cho các đồng chí LĐ Sở Công Thương các tỉnh, thành phố nghỉ chế độ hưu trí	LĐ Bộ Công Thương LĐ UBND Ninh Thuận
	Trao Cờ đăng cai tổ chức Hội nghị ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực Miền Trung - Tây Nguyên năm 2023	LĐ Cục CTĐP, Sở CT Ninh Thuận và Đơn vị đăng cai năm 2023
	Bế mạc Hội nghị	LĐ UBND Ninh Thuận
	Mời đại biểu dùng cơm trưa thân mật	Toàn thể đại biểu tham dự Hội nghị

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
SỞ CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ  
KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN**

# **BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021, 6 THÁNG  
ĐẦU NĂM 2022; NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 6 THÁNG  
CUỐI NĂM 2022 CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH,  
THÀNH PHỐ KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN**

**Ninh Thuận, tháng 8 năm 2022**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022;**  
**NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**  
**CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN**

Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên gồm 15 tỉnh, thành phố bao gồm từ Quảng Bình đến Ninh Thuận và 5 tỉnh khu vực Tây Nguyên với tổng diện tích tự nhiên 108.907,6 km<sup>2</sup>, chiếm hơn 32% diện tích của cả nước, có tổng chiều dài bờ biển hơn 1.456 km, dân số 16,8 triệu người, chiếm hơn 17% dân số cả nước. Là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú về rừng, biển, khoáng sản cùng nhiều di sản văn hóa, di tích lịch sử... hệ thống giao thông thuận tiện. Đây là những tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như: lọc hóa dầu, năng lượng tái tạo, chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp đóng tàu, sản xuất lắp ráp ô tô... và phát triển giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh trong nước và quốc tế.

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG**  
**MẠI NĂM 2021 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

**A. TÌNH HÌNH CHUNG**

Năm 2021, và 6 tháng đầu năm 2022 trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do các đợt dịch Covid-19 bùng phát với những biến chủng mới; sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, biến đổi khí hậu, xung đột thương mại tiếp tục gia tăng đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế, thương mại và đầu tư... của thế giới, tác động lớn đến cân đối cung cầu, lạm phát, gây tắc nghẽn chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa; chi phí vận chuyển, giá nguyên vật liệu tăng; ảnh hưởng đến lao động việc làm,.. Trước những thách thức, khó khăn trên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo điều hành, nhận định đúng tình hình, đôn đốc, kiểm tra kịp thời, đúng hướng, hiệu quả; chỉ đạo các cấp, các ngành trong việc “*tiếp cận vắc xin nhanh chóng*” và “*Chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch Covid -19*” thực hiện “*Mục tiêu kép*” thông qua việc ban hành hàng loạt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, để sớm “*mở cửa lại nền kinh tế*” theo tinh thần Nghị quyết 128/NQ-CP; Kinh tế nước ta mở cửa trong trạng thái bình thường mới, dịch Covid -19 được kiểm soát, các cơ chế chính sách hỗ trợ cho sự

phục hồi và phát triển kinh tế,...đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2022.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố; Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực đã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, HĐND tỉnh; kịp thời tham mưu đề xuất nhiều giải pháp và chính sách cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy nội lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước... Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cộng đồng doanh nghiệp nên hoạt động Công nghiệp - Thương mại trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 đã có những chuyển biến tích cực.

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2021 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

### **I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP**

#### **1. Tình hình sản xuất công nghiệp năm 2021**

Năm 2021, Sản xuất công nghiệp ở các tỉnh/thành phố đã nỗ lực vượt qua khó khăn trong đại dịch để duy trì và giữ được nhịp độ tăng trưởng tích cực; 12/15 địa phương có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao hơn cả nước; trong đó, một số địa phương tăng trưởng cao trên 2 con số như: Ninh Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Kom Tum, Lâm Đồng...

Giá trị sản xuất công nghiệp (*giá so sánh năm 2010*) khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2021 đạt 474.871,5 tỷ đồng, tăng 1,6% so với cùng kỳ.

#### **2. Tình hình sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022**

Hoạt động sản xuất công nghiệp trong khu vực tiếp tục đà hồi phục. Một số tỉnh/thành phố có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao hơn cả nước, điển hình như: Quảng Nam, Đắk Lắk; Quảng Bình, Khánh Hòa, Kom Tum, Lâm Đồng, Gia Lai, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế;

Giá trị sản xuất công nghiệp toàn khu vực 6 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng cao, ước đạt 261.371 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ.

#### ***Tiêu chí số 4 về Điện trong xây dựng nông thôn mới***

Đến nay trong khu vực có 1.579/1.606 xã đạt Tiêu chí số 4, chiếm 98% tổng số xã của vùng. Mục tiêu đến hết năm 2022, phấn đấu có 1.590 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm tỷ lệ 99%.

#### **3. Tình hình phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

- Toàn khu vực có 11 Khu Kinh tế với tổng diện tích trên 304.383 ha; với 726 dự án, tổng số vốn thực hiện 1.715.030 tỷ đồng, tạo việc làm cho 99.962 lao động.

- Có 50 khu công nghiệp hoạt động, với tổng diện tích 73.660 ha; thu hút 1.834 dự án, với số vốn trên 445 nghìn tỷ đồng, tạo việc làm trên 212 nghìn lao động.

- Theo phương án phát triển CCN, khu vực miền Trung - Tây nguyên có 393 CCN với tổng diện tích 12.349 ha. Đến nay, có 242 CCN thành lập với tổng diện tích 7.401 ha; trong đó có 196 CCN hoạt động, với tổng diện tích 4.350 ha, thu hút 2.168 dự án đầu tư, tổng vốn đăng ký trên 40,7 nghìn tỷ đồng, tạo việc làm trên 89 nghìn lao động..

## **II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

### **1. Hoạt động thương mại năm 2021**

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2021 toàn khu vực đạt 740.249,1 tỷ đồng, tăng 2,4% so với năm 2020, cao hơn mức bình quân của cả nước (-3,8%), chiếm tỷ trọng 15,4% cả nước.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2021 đạt 13.495,7 triệu USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ. Trong đó, các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao là: Quảng Ngãi 1.800 triệu USD, Quảng Nam 1.719 triệu USD, Bình Định 1.332,6 triệu USD, Khánh Hòa 1.302,2 triệu USD, Đắk Lắk 1.136 triệu USD,..

- Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 đạt 11.678,9 triệu USD, tăng 22,5% so với cùng kỳ.

### **2. Hoạt động thương mại 6 tháng đầu năm 2022**

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm, toàn khu vực ước đạt 425.321,5 tỷ đồng, tăng **14,3%** so với cùng kỳ và đạt 52% kế hoạch năm 2022.

Hầu hết các tỉnh đều tăng trưởng tích cực, trong đó có 10 tỉnh, thành phố có tăng trưởng cao trên 2 con số như: Kon Tum, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Đắk Nông, Bình Định, Đắk Lắk, Quảng Bình, Phú Yên, Thừa Thiên Huế.

- Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 8.140,8 triệu USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ và đạt 70% kế hoạch năm 2022. Trong đó, các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu rất cao là: Đắk Lắk (+61,7%), Quảng Nam (+44,8%), Lâm Đồng (+43,1%), Quảng Bình (+38,5%), Kon Tum (+35,4%), Gia Lai (+33,3%); Khánh Hòa (+31,4%).

- Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 5.839,5 triệu USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ và đạt 73% kế hoạch năm 2022.

### ***Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn***

Toàn vùng có 1.435/1.606 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chiếm 89% tổng số xã của vùng, cao hơn bình quân chung cả nước (cả nước đạt 70%). Mục tiêu đến hết năm 2022, phấn đấu có 1.470 xã đạt tiêu chí số 7 chiếm tỷ lệ 92%.

### **3. Tình hình phát triển hạ tầng thương mại.**

Tính đến tháng 6/2022, đã thực hiện đầu tư: 1.556 chợ; 207 siêu thị; 37 Trung tâm thương mại; 2.871 cửa hàng xăng dầu; 4.077 cửa hàng LPG; 13 tổng kho hàng hoá; 02 Trung tâm hội chợ triển lãm và 02 Kho ngoại quan; 06 trung tâm Logistic.

## **III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **1. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch**

Chủ động phối hợp xây dựng, tích hợp các Quy hoạch ngành vào Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến 2050. Đồng thời phối hợp với các Đơn vị tư vấn, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương xây dựng Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch sản phẩm chuyên ngành của Bộ Công Thương.

Kịp thời xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Công Thương nhằm thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, HĐND tỉnh về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Tham mưu UBND tỉnh/thành phố ban hành các Kế hoạch liên quan phát triển ngành Công Thương.

## **2. Công tác quản lý công nghiệp**

Chủ động nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh/thành phố. Tham mưu triển khai các Kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt.

Rà soát các quy định hiện hành, tham mưu UBND cấp tỉnh xây dựng quy chế/quy định phối hợp quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”.

Công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Năm 2021, có 171 sản phẩm cấp tỉnh được công nhận. Năm 2022, có 207 sản phẩm cấp tỉnh được công nhận (tăng 21%)

## **3. Công tác quản lý thương mại, xuất nhập khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế.**

Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình bình ổn giá các mặt thiết yếu trên địa bàn tỉnh/thành phố; Xây dựng và triển khai phương án dự trữ, cung ứng hàng hóa ứng phó dịch Covid-19; Tổ chức có hiệu quả các Chương trình phiên chợ hàng Việt; đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi; xây dựng điểm giới thiệu và bán hàng sản phẩm OCOP.

Đẩy mạnh công tác kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp; đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát, các địa phương đã phối hợp Bộ Công Thương triển khai hàng loạt chương trình hỗ trợ, giúp ổn định đầu ra cho nông sản thông qua kênh thương mại điện tử.

Phối hợp với Cục Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, giá cả, gian lận thương mại và hàng giả...Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.

## **4. Công tác Quản lý năng lượng**

Thực hiện tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án về nguồn điện, đường dây và TBA 500KV, 220KV, 110KV. Tham mưu UBND các tỉnh, thành phố trình Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện...

Chỉ đạo ngành điện đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục phục vụ



phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; thường xuyên tổ chức kiểm tra hành lang an toàn lưới điện cao áp; tăng cường công tác kiểm tra đầu tư xây dựng, vận hành, an toàn đập và hồ chứa các công trình thủy điện. Triển khai có hiệu quả Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

### **5. Công tác Kỹ thuật, an toàn môi trường công nghiệp**

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Công Thương.

Tiếp tục triển khai công tác quản lý, hoạt động hóa chất; tăng cường công tác An toàn - Lao động - Phòng chống cháy nổ trong ngành Công Thương. Tổ chức huấn luyện, kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn hóa chất, Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

### **6. Công tác quản lý an toàn thực phẩm**

Tiếp tục rà soát, đánh giá, tổng hợp vướng mắc trong thực hiện Luật an toàn thực phẩm; thống kê, cập nhật đầy đủ và chính xác các quy định liên quan trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm,... ; triển khai xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý an toàn thực phẩm; thực hiện thẩm tra, cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương.

### **7. Công tác Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp**

- Hoạt động khuyến công ngày càng đa dạng và phong phú, bám sát mục tiêu, kế hoạch đề ra, giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

Trong năm 2021, đã thực hiện 249 đề án, kinh phí 48,793 tỷ đồng. Bình quân kinh phí khuyến công đạt 3,25 tỷ đồng/01 tỉnh. Sáu tháng đầu năm 2022, đã thực hiện 132 đề án khuyến công, tăng 22,2%; kinh phí trên 15 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ.

- Hoạt động Tư vấn phát triển công nghiệp được thực hiện thường xuyên, hiệu quả; năm 2021, toàn khu vực thực hiện tư vấn 177 dự án, tổng kinh phí trên 12,6 tỷ đồng. Sáu tháng đầu năm 2022 thực hiện 37 dự án, kinh phí trên 1,38 tỷ đồng.

### **8. Hoạt động Xúc tiến thương mại**

Triển khai có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin, tìm kiếm khách hàng, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Đẩy mạnh đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo, phát triển các cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; tổ chức các Hội nghị kết nối giao thương liên tỉnh, liên vùng nhằm quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản

phẩm hàng hóa.

Năm 2021, đã hỗ trợ 46 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; 31 đợt Đưa hàng Việt về nông thôn, xác nhận 266 lượt đăng ký khuyến mại. Xác nhận 8.727 lượt hồ sơ thực hiện “Tháng bán hàng khuyến mại”;..

Trong 6 tháng đầu năm 2022, hỗ trợ 107 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; tổ chức 19 đợt đưa hàng Việt về nông thôn, xác nhận 127 lượt đăng ký khuyến mại; tổ chức 31 lượt hội thảo, hội nghị chuyên đề về xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm,..

### **9. Công tác Thanh tra**

Công tác thanh tra được thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo tính xác thực, khách quan theo các quy định của pháp luật; Xây dựng và triển khai các kế hoạch phòng chống tham nhũng, lãng phí. Công tác tiếp dân được các Sở Công Thương quan tâm, duy trì thường xuyên; xử lý dứt điểm đơn thư khiếu nại tố cáo, không xảy ra tình trạng tồn đọng, khiếu nại kéo dài, vượt cấp.

### **10. Công tác Cải cách hành chính**

Kiểm soát chặt chẽ các quy định về thủ tục hành chính (TTHC): công bố, công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC, đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết đối với một số TTHC.

Triển khai việc tiếp nhận, xử lý và quản lý văn bản điện tử; cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4; thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng thời hạn, đúng pháp luật.

## **IV. CÔNG TÁC LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG**

### **1. Kết quả thực hiện**

Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương trong khu vực đã được chú trọng như: chia sẻ thông tin về công tác quản lý nhà nước; kết nối giao thương hàng hoá được thực hiện thông qua việc tổ chức, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, hội nghị xúc tiến đầu tư... tạo cơ hội cho các doanh nghiệp gặp gỡ, tìm kiếm cơ hội hợp tác, liên kết, phát triển sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giao thương giữa các địa phương.

### **2. Những mặt hạn chế**

Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương chưa thật sự chặt chẽ, chưa thật sự đi vào chiều sâu, chỉ mới dừng lại ở mức trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm, kết nối giao thương hàng hóa... .

Thiếu sự liên kết trong công tác xây dựng quy hoạch phát triển vùng, Hệ thống hạ tầng của khu vực thiếu đồng bộ và tính kết nối hình thành các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị hàng hóa, dịch vụ logistic để tận dụng khai thác tốt lợi thế so sánh

của từng địa phương.

## **C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp tiếp tục chuyển biến tích cực theo đúng định hướng tái cơ cấu ngành, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng. Hoạt động thương mại tăng trưởng cao; Hạ tầng công nghiệp đã được quan tâm đầu tư xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng mặt bằng phát triển sản xuất kinh doanh, tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.

Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Công Thương được chú trọng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn giúp doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, nhiều thủ tục hành chính được rút ngắn, giảm thiểu thời gian cho người dân và doanh nghiệp.

### **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Tồn tại, hạn chế**

Sản xuất công nghiệp của một số tỉnh, thành phố trong khu vực phục hồi chậm, tăng trưởng còn thấp, thiếu tính bền vững. Quy mô sản xuất và trình độ công nghệ còn hạn chế, chưa có nhiều dự án lớn được đầu tư với công nghệ hiện đại, kỹ thuật cao tạo động lực phát triển của vùng.

Công tác lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch trong ngành chậm được ban hành (như Quy hoạch điện VIII, quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia; chính sách giá điện...). Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp còn chậm, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là kêu gọi đầu tư xã hội hóa xây dựng chợ nông thôn.

Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương còn hạn chế, chưa có sự phối hợp đồng bộ, hợp tác liên kết liên doanh giữa các doanh nghiệp trong khu vực để hình thành các trung tâm sản xuất, chuỗi cung ứng hàng hóa dịch vụ nhằm khai thác tốt tiềm năng lợi thế phát triển của toàn vùng.

#### **2. Nguyên nhân**

Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất gặp khó khăn về nguồn lao động, nguyên liệu nhập khẩu, thị trường xuất khẩu bị gián đoạn và thu hẹp...

Phần lớn các tỉnh, thành phố trong khu vực điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn nên khó thu hút được các dự án lớn đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp và thương mại; Các doanh nghiệp trong vùng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tài chính hạn chế.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp, hợp tác phát triển giữa các tỉnh, thành phố trong khu vực chưa được quan tâm đúng mức.

**Phần thứ hai**  
**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**  
**6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

**I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022**

**1. Mục tiêu chung**

Ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa tận dụng tốt các cơ hội, nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung đẩy nhanh tái cơ cấu các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư... để ứng phó kịp thời, có hiệu quả với bối cảnh mới của đất nước. Quyết liệt triển khai thực hiện các dự án, công trình trọng điểm; đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa; phát triển mạnh thương mại điện tử... bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu tăng trưởng của năm 2022, tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mức tăng bình quân chung của cả nước.
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 tăng 11,5% so với cùng kỳ, bằng 100% kế hoạch.
- Kim ngạch xuất khẩu năm 2022 tăng 6,7% so với cùng kỳ và tăng 25,8% kế hoạch năm. Kim ngạch nhập khẩu năm 2022 giảm 2,0% so với cùng kỳ và tăng 32,9% kế hoạch.

**II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Để hoàn thành tốt các mục tiêu trên, ngành Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực tập trung triển khai một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

**1. Đối với lĩnh vực công nghiệp**

- Triển khai Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến 2050 sau khi được phê duyệt đối với các nhiệm vụ liên quan ngành Công Thương.
- Tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển ngành Công Thương trong trạng thái bình thường mới;
- Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng phát triển theo chiều sâu, chuyển từ gia công chế biến sang sản xuất từng phần và tiến tới toàn bộ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

- Tập trung thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ; và các văn bản cụ thể hóa của UBND tỉnh, thành phố trong khu vực.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu về nguyên phụ liệu để gia tăng hàm lượng nội địa cho hàng hóa xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng CCN phù hợp với từng địa phương; tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào các khu kinh tế, khu CN, CCN.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án Khuyến công theo kế hoạch đã phê duyệt nhằm tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường.

## **2. Đối với hoạt động thương mại**

### **2.1. Phát triển thương mại trong nước**

- Tiếp tục đẩy mạnh phát huy hiệu quả vai trò thị trường nội địa các tỉnh trong khu vực, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Xây dựng Chương trình dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

- Thu hút đa dạng các nguồn vốn nhằm phát triển hạ tầng thương mại; Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm, sàn giao dịch thương mại điện tử, hội nghị kết nối cung cầu; xây dựng các điểm bán hàng OCOP.

- Tăng cường phối hợp quản lý, kiểm tra thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại...Thực hiện tốt chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

### **2.2. Xuất nhập khẩu**

- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có giá trị cao, mặt hàng chủ lực có lợi thế cạnh tranh của từng địa phương.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu có cơ hội giao thương, kết nối, mở rộng các thị trường tiềm năng xuất khẩu hàng hóa.

- Tập trung triển khai có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mà Việt

Nam đã tham gia, đặc biệt là triển khai Kế hoạch thực thi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

### **3. Công tác cải cách hành chính**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thực hiện kiểm soát chặt chẽ, rà soát cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin triển khai ứng dụng phần mềm quản lý, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4. Tiếp tục thực hiện cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông” theo quy định đảm bảo công khai, đúng thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật.

### **4. Công tác khác**

Đẩy mạnh các dự án năng lượng tái tạo; Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nhân rộng mô hình điện mặt trời trên mái nhà.

Tập trung thực hiện Tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và Tiêu chí số 7 (cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) theo kế hoạch của từng tỉnh, thành phố. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hành chính và chuyên ngành việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công thương.

### **5. Tăng cường hợp tác, phát huy sức mạnh liên kết vùng**

Thường xuyên việc trao đổi thông tin về công tác quản lý Nhà nước, Đề xuất xây dựng mô hình và các công cụ thiết thực để điều hành, quản lý hoạt động liên kết vùng có hiệu quả.

Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, hợp tác phát triển giữa các địa phương trong xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, kết nối giao thương hàng hóa, logistic... nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của từng địa phương và của toàn khu vực.

---



Số: /BC-SCT

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022;**  
**NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**  
**CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN**

Khu vực miền Trung - Tây Nguyên gồm 15 tỉnh, thành phố: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tổng diện tích tự nhiên toàn khu vực là 108.907,6 km<sup>2</sup>, chiếm hơn 32,8% diện tích của cả nước, bao gồm vùng ven biển một phần Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với tổng chiều dài bờ biển hơn 1.456 km. Dân số của khu vực trên 16,8 triệu người, chiếm hơn 17% dân số cả nước.

Đây là khu vực có vị trí thuận tiện về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không để phát triển giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các tỉnh trong khu vực và với các nước như: Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar cũng như các nước trong khu vực Đông Nam Á qua trục hành lang kinh tế Đông - Tây và hệ thống các Quốc lộ 9, 12, 14, 19, 24, 25, 29...

Khu vực miền Trung - Tây Nguyên có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú về rừng, núi, biển, đảo, vịnh nước sâu, đất đai, di sản văn hóa, di tích lịch sử... Đây là những tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế với các ngành công nghiệp chủ lực như: lọc hóa dầu, thủy điện, điện gió, điện mặt trời, công nghiệp đóng tàu; công nghiệp cơ khí, sản xuất thiết bị điện, điện tử, công nghiệp hỗ trợ; chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng...

Phát huy những tiềm năng lợi thế cộng với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các Bộ, ngành Trung ương cùng với sự quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, chính quyền, cộng đồng các doanh nghiệp và người lao động của 15 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên, ngành Công Thương đã đạt được những kết quả đáng kể trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022.

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG**  
**MẠI NĂM 2021 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

**A. TÌNH HÌNH CHUNG**

Năm 2021, và 6 tháng đầu năm 2022 trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do các đợt dịch Covid-19 bùng phát với

những biến chủng mới; sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, biến đổi khí hậu, thiên tai và xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại tiếp tục gia tăng đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế, thương mại và đầu tư... của thế giới, tác động lớn đến cân đối cung cầu, lạm phát, gây tắc nghẽn chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa, chuỗi cung ứng nguyên nhiên vật liệu, chuỗi sản xuất; khiến chi phí vận chuyển, giá nguyên vật liệu tăng; ảnh hưởng đến lao động việc làm,..Trước những thách thức, khó khăn trên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo điều hành, nhận định đúng tình hình, đôn đốc, kiểm tra kịp thời, đúng hướng, hiệu quả; chỉ đạo các cấp, các ngành trong việc “*tiếp cận vắc xin nhanh chóng*” và “*Chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch Covid -19*” thực hiện “*Mục tiêu kép*” thông qua việc ban hành hàng loạt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người dân để sớm “*mở cửa lại nền kinh tế*” theo tinh thần Nghị quyết 128/NQ-CP;

Kinh tế nước ta mở cửa trong trạng thái bình thương mới, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, dịch Covid -19 cơ bản được kiểm soát, các cơ chế chính sách hỗ trợ cho sự phục hồi và phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách các thủ tục hành chính, quá trình chuyển đổi kỹ thuật số tại Việt Nam...đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên, giá xăng dầu tăng đã tác động làm tăng giá thành sản phẩm hàng hóa và dịch vụ gây áp lực lên hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ đó đã làm chậm sự phục hồi của nền kinh tế; cùng với việc Trung Quốc tiếp tục theo đuổi chiến lược “Zero Covid” kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt đã dẫn đến gián đoạn chuỗi cung ứng, hàng hóa.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực đã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, HĐND tỉnh; kịp thời tham mưu đề xuất nhiều giải pháp và chính sách cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy nội lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước...Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cộng đồng doanh nghiệp nên hoạt động Công nghiệp - Thương mại trong khu vực miền Trung - Tây nguyên trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 đã có những chuyển biến tích cực.

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2021 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022.**

### **I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP.**

#### **1. Tình hình sản xuất công nghiệp năm 2021**

##### **1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 1)**

Năm 2021, Sản xuất công nghiệp ở các tỉnh/thành phố đã nỗ lực vượt qua khó khăn trong đại dịch để duy trì và giữ được nhịp độ tăng trưởng tích cực; có 12/15 địa phương có IIP tăng trưởng cao hơn cả nước (cả nước tăng 4,8%); trong đó, một số tỉnh có chỉ số IIP tăng trưởng trên 2 con số như: Ninh Thuận (+24,6%), Đắk Lắk (+20,0%), Gia Lai (+19%); Đắk Nông (+13,4%), Kom Tum (+12,6%), Lâm Đồng (+10,5%)...



## **1.2. Giá trị sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 2)**

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2021 (không tính TP Đà Nẵng) đạt 474.871,5 tỷ đồng, tăng 1,6% so với cùng kỳ<sup>1</sup>.

## **2. Tình hình sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022**

### **2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 1)**

Hoạt động sản xuất công nghiệp trong khu vực tiếp tục đà hồi phục, do người lao động trong các doanh nghiệp đã được tiêm đủ liều vắc-xin phòng Covid-19, giúp các doanh nghiệp tự tin khôi phục toàn bộ hoạt động và tìm đơn hàng mới để đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu. Một số tỉnh/thành phố có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao hơn cả nước (cả nước tăng 8,7%) điển hình như: Quảng Nam (+21,8%); Đắk Lắk (+19%); Quảng Bình (+17,3%); Khánh Hòa (+16,5%); Kon Tum (+16,0%); Lâm Đồng (+15,2%); Gia Lai (+14,9%); Quảng Trị (+8,7%); Thừa Thiên Huế (+9,2%);

### **2.2. Giá trị sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 2)**

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) toàn khu vực 6 tháng đầu năm 2022 (không tính TP Đà Nẵng) tăng trưởng cao, ước đạt 261.371 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ.<sup>2</sup>

### **2.3. Tiêu chí số 4 về Điện trong xây dựng nông thôn mới (Phụ lục số 9)**

Qua rà soát, tổng hợp, đến nay có 1.579/1.606 xã đạt Tiêu chí số 4, chiếm 98% tổng số xã của vùng. Việc thực hiện Tiêu chí số 4 được UBND các tỉnh, thành phố huy động mọi nguồn lực, nguồn vốn để đầu tư. Sở Công Thương cũng phối hợp tích cực với Công ty Điện lực các tỉnh, thành phố trong khu vực để xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Mục tiêu đến hết năm 2022, phấn đấu có 1.590/1.606 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm tỷ lệ 99%.

## **3. Tình hình phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục 6a, 6b, 6c)**

Các tỉnh, thành trong khu vực đã quan tâm chú trọng đầu tư phát triển các Khu kinh tế và khu, cụm công nghiệp (CCN), do đó đã tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư các dự án phát triển công nghiệp, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành, tạo động lực phát triển kinh tế và giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại các địa phương trong khu vực.

(<sup>1</sup>) Sản xuất công nghiệp năm 2021 tuy gặp nhiều khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19 nhưng nhiều tỉnh trong khu vực vẫn duy trì mức tăng trưởng cao như: Ninh Thuận (+20%); Đắk Nông (+19,3%); Quảng Ngãi (+14,6%); Đắk Lắk (14,8%); Lâm Đồng (+10,7%); Gia Lai (+10,1%)..

(<sup>2</sup>) Các tỉnh đạt mức tăng trưởng cao như: Quảng Nam (+22,5%); Gia Lai (+17,7%); Khánh Hòa (+17,0%); Lâm Đồng (+16%); Quảng Bình (+12,3%); Đắk Lắk (+11,1%); Kon Tum (+9,9%)...

### **3.1. Về tình hình phát triển các Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp:**

Tính đến tháng 6/2022, khu vực miền Trung – Tây Nguyên có 11 Khu Kinh tế với tổng diện tích trên 304.383 ha (tất cả các Khu Kinh tế đã được thành lập và đi vào hoạt động); với 726 dự án đăng ký đi vào hoạt động với tổng số vốn thực hiện 1.715.030 tỷ đồng, tạo việc làm cho 99.962 lao động.

Các tỉnh trong khu vực đã quy hoạch phát triển 70 Khu Công nghiệp, diện tích 70.323 ha; hiện nay có 52 khu công nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động, với tổng diện tích 74.746 ha; có 1.834 dự án đi vào hoạt động với số vốn thực hiện 445.435 tỷ đồng, tạo việc làm cho 212.704 lao động.

### **3.2. Về tình hình phát triển CCN:**

Theo phương án phát triển CCN, khu vực miền Trung - Tây Nguyên có 393 CCN với tổng diện tích 12.349ha. Đến nay, có 242 CCN được thành lập với tổng diện tích 7.401 ha; có 196 CCN với tổng diện tích 4.350 ha đi vào hoạt động, thu hút 2.168 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký của các dự án là 40.725 tỷ đồng, tạo việc làm trên 89 nghìn lao động.

Nhìn chung, việc thu hút, triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN của khu vực còn chậm, hình thức đầu tư chủ yếu là vừa đầu tư hạ tầng vừa cho thuê đất, một số CCN có tỷ lệ lấp đầy chưa cao, vấn đề môi trường chưa được quan tâm đầu tư cải thiện, chỉ có 21/196 CCN đi vào hoạt động có xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng cho các CCN lớn, chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, vì vậy các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc kêu gọi, thu hút doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng CCN và huy động vốn từ doanh nghiệp đầu tư CCN. Bên cạnh đó, do nguồn vốn ngân sách hạn chế, theo kế hoạch ngân sách hàng năm nên cơ sở hạ tầng hầu hết các CCN trong vùng chưa được đầu tư hoàn chỉnh. Công tác chuyên đổi mô hình quản lý hạ tầng CCN từ nhà nước sang doanh nghiệp chưa được hướng dẫn cụ thể nên gặp khó khăn và lúng túng; Công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao đất sạch cho doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nên đã ảnh hưởng đến việc thu hút các dự án đầu tư vào CCN;

## **II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

### **1. Hoạt động thương mại năm 2021**

#### **1.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (chi tiết Phụ lục 3)**

Trong bối cảnh cả nước bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4; thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương; Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực đã tập trung triển khai công tác bảo đảm nguồn cung các mặt hàng thiết yếu, thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường; tạo điều kiện thuận lợi trong vận chuyển lưu thông và tăng cường hỗ trợ tiêu thụ hỗ trợ các sản phẩm nông sản; siết chặt và tăng cường các biện pháp phòng chống dịch trên địa bàn, tại hệ thống phân phối, đặc biệt là chợ đầu mối, chợ truyền thống, siêu thị, cửa hàng; đồng thời khuyến khích đẩy mạnh các hoạt động, hình thức mua bán hàng hóa trực tuyến, tổ chức các điểm bán hàng lưu động, các điểm

bán bổ sung thay thế các cơ sở kinh doanh bị đóng cửa do dịch bệnh... Lưu thông hàng hóa được đẩy mạnh và thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu, nhất là nhu cầu hàng hóa thiết yếu cho người dân.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2021 của khu vực miền Trung –Tây Nguyên đạt 740.249,1 tỷ đồng, tăng 2,4% so với năm 2020, cao hơn mức bình quân của cả nước (-3,8%), chiếm tỷ trọng 15,4% cả nước. So với cùng kỳ năm 2020, một số tỉnh có tốc độ tăng trưởng rất cao như: Kon Tum (+12,6%); Quảng Bình (+11,7%); có 04 tỉnh, thành phố tăng trưởng âm so cùng kỳ như: Quảng Nam (-3,3%); Quảng Ngãi (-4,8%); Khánh Hòa (-2,5%); Lâm Đồng (-2,4%).

## ***1.2 Tình hình xuất, nhập khẩu***

### ***a. Xuất khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4a)***

Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên đạt 13.495,7 triệu USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ. Trong đó, các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao là: Quảng Ngãi 1.800 triệu USD, Quảng Nam 1.719 triệu USD, Bình Định 1.332,6 triệu USD, Khánh Hòa 1.302,2 triệu USD, Đắk Lắk 1.136 triệu USD,..

### ***b. Nhập khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4b)***

Năm 2021, kim ngạch nhập khẩu của các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên đạt 11.678,9 triệu USD, tăng 22,5% so với cùng kỳ. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên vật liệu, phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và hàng hoá tiêu dùng.

## **2. Hoạt động thương mại 6 tháng đầu năm 2022**

Sáu tháng đầu năm 2022, tình hình bệnh Covid -19 dần được kiểm soát, các hoạt động trong lĩnh vực du lịch được khôi phục, nhiều chương trình kết nối cung cầu, giao thương được tổ chức, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp đang dần phục hồi... đã tác động tích cực đến thị trường hàng hóa trong nước. Nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với ảnh hưởng của biến động giá xăng dầu, giá nguyên nhiên vật liệu trên thị trường thế giới vẫn diễn biến phức tạp và ở mức bằng giá cao, đã đẩy giá các hàng hóa này tại thị trường trong nước tăng, nhưng nhìn chung mặt bằng giá vẫn cơ bản được kiểm soát tốt, đảm bảo nguồn cung các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, lương thực, thực phẩm dồi dào, đáp ứng nhu cầu của người dân.

### ***2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (chi tiết Phụ lục 3)***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ khu vực miền Trung - Tây Nguyên 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 425.321,5 tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ và đạt 52% kế hoạch năm 2022. Hầu hết các tỉnh đều có tăng trưởng, trong đó có 10 tỉnh, thành phố có tăng trưởng cao trên 2 con số như: KonTum (+37,8%); Lâm Đồng (+26,6%); Ninh Thuận (+20,9%); Khánh Hòa (+20,3%); Đắk Nông (+19,9%), Bình Định (+14,6%), Đắk Lắk (+16,6%), Quảng Bình (+11,1%), Phú Yên (+10,8%), Thừa Thiên Huế (+10,3%).

## **2.2. Tình hình xuất nhập khẩu**

### *a. Xuất khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4a)*

Kim ngạch xuất khẩu các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung-Tây Nguyên 6 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng rất cao, ước đạt 8.140,8 triệu USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ và đạt 70% kế hoạch năm 2022. Trong đó, các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu rất cao là: Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Bình Định, Khánh Hòa. Các địa phương có mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng chung của toàn khu vực như: Đắk Lắk (+61,7%), Quảng Nam (+44,8%), Lâm Đồng (+43,1%), Quảng Bình (+38,5%), Kon Tum (+35,4%), Gia Lai (+33,3%); Khánh Hòa (+31,4%).

### *b. Nhập khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4b)*

Kim ngạch nhập khẩu các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5.839,5 triệu USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ và đạt 73% kế hoạch năm 2022.

Mặt hàng nhập khẩu chính vẫn là máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, hóa chất, sắt thép, dược phẩm, dệt may... và hàng tiêu dùng.

## **2.3. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chi tiết tại Phụ lục 9)**

Toàn vùng có 1.435/1.606 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chiếm 89% tổng số xã của vùng, cao hơn bình quân chung cả nước (70%). Mục tiêu đến hết năm 2022, phấn đấu có 1.470/1.606 xã đạt tiêu chí số 7 chiếm tỷ lệ 92%.

## **3. Tình hình phát triển hạ tầng thương mại (chi tiết tại Phụ lục 7)**

Tính đến tháng 6/2022, đã thực hiện đầu tư: 1.556 chợ; 207 siêu thị; 37 Trung tâm thương mại; 2.871 cửa hàng xăng dầu; 4.077 cửa hàng LPG; 13 tổng kho hàng hoá; 02 Trung tâm hội chợ triển lãm và 02 Kho ngoại quan; 06 trung tâm Logistic (không có số liệu tỉnh Thừa Thiên Huế).

Các tỉnh, thành trong khu vực đã quan tâm đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, hình thành mạng lưới phân phối hàng hoá rộng khắp với nhiều loại hình kinh doanh văn minh, hiện đại đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hoá và từng bước làm thay đổi nhận thức, tập quán mua sắm của người dân. Các chợ truyền thống được phân bố đều khắp trên địa bàn, đây là kênh phân phối truyền thống quan trọng, cung cấp hàng hóa tiêu dùng thiết yếu hàng ngày cho người dân. Ngoài vai trò là nơi diễn ra các hoạt động mua bán, trao đổi sản phẩm, một số chợ truyền thống còn là điểm đến hấp dẫn, đậm nét văn hóa Việt cho du khách tham quan, mua sắm các sản phẩm đặc sản của các vùng miền.

Tuy vậy, cơ sở hạ tầng thương mại của các tỉnh, thành trong khu vực vẫn còn nhiều bất cập, rất ít trung tâm mua sắm lớn, một số chợ nông thôn đã xuống cấp, chưa đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển chợ. Việc thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ nông thôn còn

gặp nhiều khó khăn do tỷ suất sinh lợi từ đầu tư chợ ở những khu vực nông thôn thấp nên khó thu hồi vốn.

### **III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

#### **1. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch**

Sở Công Thương các tỉnh, thành trong khu vực đã tích cực phối hợp xây dựng, tích hợp các Quy hoạch ngành như: Quy hoạch điện lực, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời...); Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại; Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp... vào Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồng thời phối hợp với các Đơn vị tư vấn, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương xây dựng Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch sản phẩm chuyên ngành của Bộ Công Thương.

Sở Công Thương các tỉnh, thành trong khu vực đã kịp thời xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Công Thương nhằm thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, HĐND tỉnh về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Xây dựng Kế hoạch phát triển ngành Công Thương hàng năm... Trong thời gian dịch bệnh Covid -19 bùng phát, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực đã kịp thời xây dựng các Kế hoạch, kịch bản ứng phó với dịch bệnh Covid-19;..

#### **2. Công tác quản lý công nghiệp**

Các Sở Công Thương đã chủ động nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp; phối hợp với các Sở ngành, địa phương và đơn vị liên quan kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhằm duy trì và đẩy mạnh sản xuất, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án sản xuất công nghiệp trọng điểm của tỉnh/thành phố, các dự án xây dựng hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp, nhất là kế hoạch phục hồi và phát triển sản xuất công nghiệp trong điều kiện mới gắn với phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh Covid-19 vừa qua.

Tham mưu triển khai các Kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt: sản xuất và tiêu dùng bền vững; chương trình khuyến công; an toàn thực phẩm ngành Công Thương; chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; phát triển công nghiệp tinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh/thành phố...

Thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN; Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP..., Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực rà soát các quy định hiện hành, tham mưu UBND cấp tỉnh xây dựng quy chế/quy định phối hợp quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong các CCN theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”; tháo gỡ khó khăn, hướng dẫn, giải



quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư vào các CCN; thực hiện chế độ báo cáo về CCN; Triển khai thực hiện phương án, Đề án phát triển CCN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, báo cáo UBND tỉnh/thành phố tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, quản lý các hoạt động khuyến công đã được Sở Công Thương các tỉnh, thành quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra. Năm 2021, Khu vực miền Trung - Tây Nguyên có 224/304 sản phẩm được công nhận là sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện (chiếm 74%); 171/316 sản phẩm được công nhận là sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh (chiếm 54%). Dự kiến số lượng sản phẩm CNNT tiêu biểu được công nhận năm 2022, cấp huyện là 81 sản phẩm, cấp tỉnh là 207 sản phẩm.

### **3. Công tác quản lý thương mại, xuất nhập khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế:**

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình bình ổn giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn tỉnh, thành phố trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần. Xây dựng và triển khai phương án dự trữ, cung ứng hàng hóa ứng phó dịch Covid-19 và đảm bảo hoạt động cung ứng, lưu thông hàng hóa, bình ổn thị trường, giá cả.

Tuyên truyền, triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết. Tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia các Chương trình trực tuyến do các Bộ, ngành, cơ quan TW tổ chức nhằm trao đổi phổ biến thông tin về các Hiệp định, kết nối với các thị trường, hỗ trợ xúc tiến, quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp. Ngoài ra tổ chức hướng dẫn, triển khai thông qua việc đăng tải các tin, bài viết trên trang thông tin điện tử, tập san của ngành Công Thương, các nhóm zalo doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng; triển khai các chương trình, hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức để hỗ trợ các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia kết nối với các thị trường ở nước ngoài và nâng cao năng lực cho các đối tượng tham gia vào hoạt động thương mại.

Tổ chức có hiệu quả các Chương trình phiên chợ hàng Việt; đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi; đưa hàng Việt qua biên giới bằng nguồn kinh phí Xúc tiến thương mại quốc gia và địa phương; Thảng bán hàng khuyến mại; Xây dựng điểm giới thiệu và bán hàng sản phẩm OCOP trên địa bàn. Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng; đẩy mạnh công tác Kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp; thường xuyên tổ chức các Hội nghị kết nối cung cầu, các buổi giao thương, gặp gỡ, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp nhằm giới thiệu, quảng bá các sản phẩm đặc trưng của địa phương, tạo điều kiện để các doanh nghiệp ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các nhà phân phối. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát, Bộ Công Thương đã phối hợp cùng các địa phương đã triển khai hàng loạt chương trình hỗ trợ, giúp ổn định đầu ra cho nông sản thông qua kênh TMĐT; đồng thời các Sở Công Thương đã liên kết tiêu thụ nông sản cho bà con trong mùa thu hoạch như: hành tím, rau, củ, vải thiều,...

Phối hợp với Cục Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, giá cả, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn; nhất là công tác kiểm tra quản lý giá, niêm yết giá và an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương, trong đó tập trung tại Trung tâm thương mại, siêu thị, các chợ dân sinh, nhất là trong tình hình dịch Covid-19 và các dịp Lễ, Tết,...

Phối hợp tổ chức các Hội nghị tập huấn chuyên sâu về việc thực hiện các Hiệp định Thương mại tự do CPTPP, EVFTA, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); đồng thời tổ chức tham gia các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo bằng hình thức trực tuyến về tuyên truyền phổ biến kiến thức xoay quanh các hiệp định thương mại tự do và diễn biến tổng quát tình hình các thị trường thành viên của các hiệp định thương mại tự do. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động Sàn giao dịch thương mại điện tử của các tỉnh, thành phố trong khu vực.

#### **4. Công tác Quản lý năng lượng**

Phối hợp với các sở ngành, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện công tác bồi thường GPMB để triển khai các dự án về nguồn điện, đường dây và TBA 500KV, 220KV, 110KV trên địa bàn. Tham mưu UBND các tỉnh, thành phố trình Bộ Công Thương thẩm định, phê duyệt bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện. Đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án ngay sau khi có Quyết định phê duyệt.

Phối hợp chặt chẽ với các Công ty Điện lực địa phương triển khai phương án đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Thường xuyên tổ chức kiểm tra hành lang an toàn lưới điện cao áp và các tổ chức kinh doanh điện đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực. Phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng trên địa bàn.

Với vai trò là cơ quan thường trực, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực đã thực hiện tốt, triển khai có hiệu quả Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua các hoạt động như: Tham mưu UBND tỉnh/thành phố ban hành Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm; Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hưởng ứng Giờ trái đất; Phổ biến kiến thức, văn bản quy định pháp luật về sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân biết để thực hiện...

Tăng cường công tác kiểm tra việc đầu tư xây dựng, vận hành và an toàn đập và hồ chứa các công trình thủy điện. Chỉ đạo các đơn vị vận hành tăng cường cảnh báo để đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du khi vận hành nhà máy thủy điện. Rà soát các dự án, công trình thủy điện không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chậm tiến độ; trong đó đặc biệt chú ý đến môi trường, đất sản xuất, đất rừng và công tác di dân tái định cư.

#### **5. Công tác Kỹ thuật, an toàn môi trường công nghiệp**

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ

tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp, Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Thủ tướng Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp. Chỉ thị số 08/CT-BCT ngày 15/7/2019 của Bộ Công Thương về việc tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Công Thương;

Chỉ đạo triển khai công tác quản lý, hoạt động hóa chất theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Hóa chất; Chỉ thị của Bộ Công Thương về tăng cường công tác An toàn - Lao động - Phòng chống cháy nổ trong ngành Công Thương. Tổ chức huấn luyện, kiểm tra và cấp GCN kỹ thuật an toàn hóa chất, GCN huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

Tiếp tục triển khai tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế mở các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến khoáng sản; tham gia các đoàn kiểm tra thực địa đối với các khu vực xin cấp mới và gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản của doanh nghiệp.

## **6. Công tác quản lý an toàn thực phẩm**

Tiếp tục tập trung vào các công tác: rà soát, đánh giá, tổng hợp vướng mắc trong thực hiện Luật an toàn thực phẩm; thống kê, cập nhật đầy đủ và chính xác các quy định liên quan trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm,... để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tiến hành rà soát, triển khai xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; đồng thời tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm ngành Công Thương, trong đó tập trung tại các cơ sở sản xuất, Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, chợ dân sinh và cao điểm là “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” được tổ chức hàng năm. Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý ATVSTP trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong khu vực. Thực hiện công tác kiểm tra, cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành.

## **7. Công tác Khuyến công và Tư vấn phát triển Công nghiệp (chi tiết tại Phụ lục 5)**

Công tác khuyến công của các tỉnh, thành phố khu vực Miền Trung - Tây Nguyên đã ngày càng đi vào chiều sâu, bám sát mục tiêu, kế hoạch của Chương trình khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương. Các Chương trình Khuyến công tập trung hướng đến các ngành công nghiệp chủ lực của địa phương, các cơ sở công nghiệp nông thôn với các nội dung như: tư vấn hướng dẫn chuyển giao công nghệ, hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị và công nghệ mới tiên tiến vào sản xuất, trình diễn mô hình kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu ... Hoạt động khuyến công đã giúp các cơ sở sản xuất công nghiệp từng bước mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã, bao bì, thu hút giải quyết được nhiều việc làm ở khu



vực nông thôn.

Trong năm 2021, toàn khu vực đã thực hiện 249 đề án khuyến công (trong đó khuyến công quốc gia 18 đề án, khuyến công địa phương 231 đề án), tăng 18% so với năm 2020. Tổng kinh phí khuyến công toàn khu vực 48,793 tỷ đồng, trong đó khuyến công quốc gia 11,065 tỷ đồng; khuyến công địa phương 37,728 tỷ đồng. Bình quân kinh phí khuyến công đạt 3,25 tỷ đồng/01 tỉnh; một số tỉnh, thành phố có nguồn kinh phí khuyến công cao như: Lâm Đồng 9,39 tỷ đồng; Quảng Nam 7,67 tỷ đồng; Quảng Bình 4,87 tỷ đồng; Bình Định 4,45 tỷ đồng...

Trong 6 tháng đầu năm 2022, toàn khu vực đã thực hiện 132 đề án khuyến công, tăng 22,2% so với cùng kỳ. Tổng kinh phí khuyến công thực hiện 15,063 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch năm, tăng 31% so với cùng kỳ; chủ yếu thực hiện từ nguồn khuyến công địa phương. Các tỉnh, thành phố trong khu vực đã triển khai, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nghề, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm, xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm.

Hoạt động Tư vấn phát triển công nghiệp, trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 các tỉnh, thành phố trong khu vực đã triển khai một số nội dung như sau: Tư vấn các dự án đầu tư lĩnh vực sản xuất công nghiệp; thiết kế lập tổng dự toán công trình điện; kiểm toán năng lượng ... Năm 2021, toàn khu vực thực hiện tư vấn 177 dự án, tổng kinh phí trên 12,6 tỷ đồng. Sáu tháng đầu năm 2022 thực hiện 37 dự án, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2021, kinh phí trên 1,38 tỷ đồng.

### **8. Hoạt động Xúc tiến thương mại:**

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên đã đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận thông tin, tìm kiếm khách hàng, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. Đã triển khai có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Tăng cường tuyên truyền vận động và nâng cao nhận thức của người dân về hàng Việt Nam, góp phần thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" gắn với thúc đẩy sản xuất và phát triển thị trường trong nước. Các Hội nghị kết nối giao thương liên tỉnh, liên vùng được tổ chức hằng năm nhằm quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của các địa phương tại các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước.

Năm 2021, khu vực miền Trung-Tây Nguyên đã hỗ trợ 46 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; 31 đợt Đưa hàng Việt về nông thôn và theo dõi 116.260 lượt thông báo thực hiện Chương trình khuyến mại quốc gia, xác nhận 266 lượt đăng ký khuyến mại. Xác nhận 8.727 lượt hồ sơ thực hiện "Tháng bán hàng khuyến mại"; Ngoài ra, đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị chuyên đề về xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm; .. Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác xúc tiến thương mại trên các phương tiện thông tin đại chúng của

Trung ương và địa phương cũng như đưa tin lên các website của ngành.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, toàn khu vực hỗ trợ 107 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; tổ chức 19 đợt đưa hàng Việt về nông thôn và theo dõi 64.958 lượt thông báo thực hiện Chương trình khuyến mãi quốc gia, xác nhận 127 lượt đăng ký khuyến mại; tổ chức 31 lượt hội thảo, hội nghị chuyên đề về xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm,...

## **9. Công tác Thanh tra**

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực Công Thương thực hiện đúng các quy định của pháp luật; trong đó trọng tâm là công tác thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, điện lực, điện mặt trời mái nhà, an toàn thực phẩm, an toàn khai thác khoáng sản, lĩnh vực thương mại, kiểm tra các đơn vị kinh doanh xăng dầu, hàng hóa và dịch vụ thiết yếu. Thành lập đoàn kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn,...

Công tác thanh tra thực hiện có trọng tâm, trọng điểm theo đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo tính xác thực, cụ thể và pháp lý theo đúng quy định của pháp luật, góp phần lập lại kỷ cương kinh doanh, nâng cao nhận thức về việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.

Xây dựng và triển khai có hiệu quả các kế hoạch: Phòng chống tham nhũng, lãng phí; Tuyên truyền phổ biến pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện thường xuyên thông qua các hình thức như: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật"; tổ chức tập huấn, đăng tải lên website của Sở, gửi văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp... Vì vậy, các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương đều được tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ đến các doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức của Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực. Công tác tiếp dân được các Sở Công Thương quan tâm, duy trì thường xuyên; các đơn thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền được thụ lý giải quyết nhanh, dứt điểm, không để xảy ra tình trạng tồn đọng, khiếu nại kéo dài, vượt cấp.

## **10. Công tác Cải cách hành chính**

Kiểm soát chặt chẽ các quy định về thủ tục hành chính (TTHC): công bố, công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm thời gian giải quyết đối với một số TTHC.

Triển khai hiệu quả việc tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử; triển khai áp dụng hình thức chữ ký số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4; phối hợp Trung tâm Hành chính công tỉnh tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền của ngành Công Thương; thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Ban hành Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2022; Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (chỉ số PAPI) năm 2022; Kế

hoạch về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI)... Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, nghiên cứu, hồ sơ, thủ tục hành chính nhanh chóng; duy trì thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả các thủ tục hành chính đúng thời hạn, đúng pháp luật.

#### **IV. CÔNG TÁC LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG**

Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương trong khu vực đã được chú trọng, được đẩy mạnh hơn trên các lĩnh vực như: chia sẻ thông tin về công tác quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, kết nối giao thương hàng hoá.

##### **1. Các nội dung đã thực hiện**

Công tác chia sẻ thông tin: Duy trì thường xuyên việc trao đổi thông tin về công tác quản lý Nhà nước, hoạt động sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại thông qua việc gửi Báo cáo theo định kỳ hàng tháng, quý, năm giữa Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực; các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc có liên quan trong công tác quản lý Nhà nước nhằm tăng cường liên kết, hợp tác phát triển vùng trong ngành Công Thương.

Công tác hỗ trợ sản xuất kinh doanh, kết nối giao thương hàng hóa: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực thường xuyên tổ chức, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, hội nghị xúc tiến đầu tư... trong khu vực nhằm tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong khu vực gặp gỡ, tìm kiếm cơ hội hợp tác xúc tiến đầu tư, tăng cường các hoạt động liên kết, phát triển sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giao thương giữa các địa phương trong khu vực.

Ngoài ra, một số Sở Công Thương đã tổ chức đoàn tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm về triển khai công tác quản lý nhà nước tại các địa phương trong Vùng<sup>3</sup>.

##### **2. Những mặt hạn chế**

Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương chưa thật sự chặt chẽ, chỉ mới dừng lại ở mức trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm, kết nối giao thương hàng hóa... chưa đi vào chiều sâu để hợp tác cùng nhau phát triển nhằm phát huy thế mạnh của toàn vùng. Do đó, chưa có nhiều đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy sự liên kết phát triển của toàn khu vực, chưa có sự phối hợp đồng bộ, liên doanh, liên kết tham gia các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị hàng hóa... để vừa khai thác tốt lợi thế so sánh của từng địa phương vừa thúc đẩy sự hợp tác phát triển của toàn vùng.

Hệ thống hạ tầng khu vực miền Trung - Tây Nguyên như đường giao thông, cảng biển, sân bay... còn thiếu đồng bộ và thiếu tính kết nối trong toàn khu vực nên sự kết nối hạ tầng giữa các tỉnh, thành còn yếu, gây trở ngại lớn trong việc hợp tác

<sup>3</sup> 6 tháng đầu năm 2022, Sở Công Thương Ninh Thuận tổ chức Đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm trong công tác quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quảng Nam.

phát triển và thu hút đầu tư, đặc biệt là trong việc khai thác hạ tầng thương mại và dịch vụ logistic.

Các doanh nghiệp trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên đa số là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, thị trường còn hạn chế, chưa xây dựng được các thương hiệu lớn. Một số doanh nghiệp còn mang nặng tư tưởng cạnh tranh của nền sản xuất nhỏ và cục bộ địa phương nên chưa quan tâm nhiều đến vấn đề liên kết hợp tác cung ứng hàng hóa, dịch vụ để cùng phát triển trong xu thế hội nhập.

## **C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:**

Mặc dù, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do các đợt dịch Covid-19 bùng phát với những biến chủng mới; sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, biến đổi khí hậu, thiên tai và xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại tiếp tục gia tăng đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế, thương mại và đầu tư... của thế giới; nhưng hoạt động sản xuất công nghiệp của khu vực vẫn duy trì ở mức tăng trưởng khá. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp tiếp tục chuyển biến tích cực theo đúng định hướng tái cơ cấu ngành, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng .

Hoạt động thương mại phục hồi tăng trưởng tích cực, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng khu vực miền Trung - Tây nguyên 6 tháng đầu năm 2022 tăng 14,9%, cao hơn cả nước (11,7%); Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng toàn khu vực tăng trưởng cao (+28,2%) Các tỉnh trong khu vực tăng cường tổ chức kết nối cung cầu, Hội chợ, phiên chợ, thực hiện tốt các giải pháp nhằm kích thích tiêu thụ tại thị trường nội địa, tạo điều kiện cho doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, giải phóng hàng tồn kho. Phối hợp Cục Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường giá cả, đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa ổn định thị trường trong từng địa phương và khu vực.

Các tỉnh, thành phố trong khu vực đã quan tâm đầu tư xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, hệ thống kho tàng, bến cảng... đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng mặt bằng phát triển sản xuất kinh doanh, tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.

Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Công Thương được chú trọng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố đã chủ động triển khai kịp thời các chương trình, kế hoạch của Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố. Tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn giúp doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, nhiều thủ tục hành chính được rút ngắn, giảm thiểu thời gian cho người dân và doanh nghiệp.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN:**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

Hoạt động sản xuất công nghiệp trong khu vực gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng chung của ngành. Các doanh nghiệp sản xuất trong nước chủ yếu có quy mô vừa, nhỏ, sức cạnh tranh còn thấp gặp rất nhiều khó khăn dưới tác động của dịch bệnh Covid-19 kéo dài: chi phí sản xuất tăng cao do giá nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí vận chuyển, logistics tăng và phát sinh thêm chi phí phòng, chống dịch bệnh khiến cho các doanh nghiệp khó khăn lại càng khó khăn. Nhiều doanh nghiệp bị gián đoạn sản xuất, giảm đơn hàng, thiếu hụt lao động, doanh thu giảm mạnh.

Sản xuất công nghiệp của một số tỉnh, thành phố trong khu vực chậm phục hồi, tăng trưởng còn thấp, thiếu tính bền vững, khả năng cạnh tranh còn hạn chế. Quy mô sản xuất và trình độ công nghệ, thiết bị của các doanh nghiệp trong khu vực còn hạn chế, chưa có nhiều dự án lớn được đầu tư với công nghệ hiện đại, kỹ thuật cao tạo động lực phát triển của vùng. Sản phẩm chế biến thô và gia công còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành công nghiệp và cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của vùng. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp xuất khẩu trong nước

Công tác lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch trong ngành chậm được ban hành (như Quy hoạch điện VIII, quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia; chính sách giá điện...), đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư phát triển tiềm năng lợi thế của các tỉnh trong khu vực; đồng thời gây lãng phí nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp.

Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp, CCN còn chậm, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư. Công tác xúc tiến đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp được các địa phương quan tâm nhưng hiệu quả còn hạn chế, chưa thu hút được các dự án lớn, kỹ thuật cao. Một số dự án đã đăng ký đầu tư nhưng chưa triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của ngành.

Hệ thống mạng lưới hạ tầng thương mại phát triển còn chậm, chưa có nhiều các Trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm mua sắm lớn của vùng; Hệ thống phân phối chủ yếu nhỏ lẻ, thiếu tính liên kết và tính chuyên nghiệp trong phân phối trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Việc thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa xây dựng chợ nông thôn.

Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương còn hạn chế, chưa có sự phối hợp đồng bộ, hợp tác liên kết liên doanh giữa các doanh nghiệp trong khu vực để hình thành các trung tâm sản xuất, chuỗi cung ứng hàng hóa dịch vụ nhằm khai thác tốt tiềm năng lợi thế phát triển của toàn vùng.

## **2. Nguyên nhân:**

Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp sản xuất gặp khó khăn về nguồn lao động, nguyên liệu nhập khẩu, thị trường xuất khẩu bị gián đoạn và thu hẹp... bên



cạnh đó, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đầu vào sản xuất công nghiệp đều tăng giá,... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và doanh nghiệp.

Phần lớn các tỉnh, thành phố trong khu vực điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn và chậm phát triển nên khó thu hút được các dự án lớn đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp và thương mại.

Các doanh nghiệp trong vùng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tài chính hạn chế, trình độ công nghệ thiết bị chậm được đầu tư đổi mới nên năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa dịch vụ còn thấp, sức cạnh tranh yếu. Sự lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp, hợp tác phát triển giữa các tỉnh, thành phố trong khu vực chưa được quan tâm đúng mức.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

Sáu tháng cuối năm 2022, dự báo tình hình kinh tế thế giới, khu vực vẫn diễn biến phức tạp, với những thời cơ thuận lợi đan xen nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt dịch Covid-19 vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát với các biến chủng mới, khủng hoảng tại Ukraina còn phức tạp, kéo dài, khiến giá cả, lạm phát còn ở mức cao, các nước thắt chặt chính sách tài khóa, tiền tệ, tăng mạnh lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát, rủi ro tài khóa (nợ công, thâm hụt ngân sách, nghĩa vụ trả nợ...) tăng lên khi lãi suất tăng và đồng USD tăng giá... Biến đổi khí hậu, thiên tai, dự kiến vẫn tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển sản xuất, thương mại trong nước và xuất nhập khẩu của hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó đặc biệt là những quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Trong nước và khu vực miền Trung - Tây nguyên, sẽ tiếp tục đà phục hồi, nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh và các hoạt động kinh tế - xã hội tiếp tục khởi sắc; thực hiện tốt Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH 2022-2023, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công nhất là đối với các dự án trọng điểm, đầu tư cơ sở hạ tầng; tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh tiến trình cải cách và chuyển đổi số; quá trình hội nhập tiếp tục diễn ra tích cực, nhất là các Hiệp định thương mại tự do hệ mới như CPTPP và EVFTA và RCEPEVFTA giữa Việt Nam với Liên minh châu Âu tiếp tục phát huy hiệu quả tạo động lực thêm cho sự tăng trưởng. Đây là những yếu tố thuận lợi đặc biệt quan trọng để cả nước và khu vực Miền Trung -Tây Nguyên tận dụng cơ hội, nhanh chóng khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2022.

## **I. CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022**

### **1. Mục tiêu chung:**

Ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây nguyên tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa tận dụng tốt các cơ hội, nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo quan điểm chỉ đạo của Chính phủ “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”. Tập trung đẩy nhanh tái cơ cấu các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư... để

ứng phó kịp thời, có hiệu quả với bối cảnh mới của đất nước, trong khu vực và toàn cầu. Quyết liệt thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm; Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa và phát triển thương hiệu Việt; phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống; Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng chống tham nhũng; lãng phí; xây dựng bộ máy liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp

## **2. Các mục tiêu cụ thể:**

Trên cơ sở dự báo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và tình hình thực tế, để thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2022, ngành Công Thương khu vực miền Trung - Tây nguyên phấn đấu trong 6 tháng cuối năm đạt được các chỉ tiêu cụ thể như sau:

**2.1** Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mức tăng bình quân chung của cả nước.

**2.2.** Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phần đầu 6 tháng cuối năm đạt 355.169,9 tỷ đồng, đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm đạt 741.242,5 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2021, bằng 100% kế hoạch năm 2022.

**2.3.** Kim ngạch xuất khẩu phần đầu 6 tháng cuối năm đạt 6,03 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt 13.752,2 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ và tăng 25,8% kế hoạch năm.

**2.4.** Kim ngạch nhập khẩu phần đầu 6 tháng cuối năm đạt 4.794,9 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu cả năm đạt 10.543,6 tỷ USD, giảm 2,0% so cùng kỳ và tăng 32,9% kế hoạch.

## **II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Để hoàn thành tốt các mục tiêu trên, ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây nguyên tiếp tục thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ chỉ đạo về phát triển kinh tế xã hội<sup>4</sup>, đồng thời triển khai một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

---

<sup>4</sup> Nghị quyết số 01/NQ-CP của chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho Doanh nghiệp; ...

## **1. Đối với lĩnh vực công nghiệp**

**1.1.** Tập trung hoàn thành nhiệm vụ xây dựng các đề án, cơ chế chính sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Triển khai Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến 2050 sau khi được phê duyệt đối với các nhiệm vụ liên quan ngành Công Thương. Lồng ghép các chương trình, đề án để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp.

**1.2** Tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển ngành Công Thương trong trạng thái bình thường mới; Tập trung bố trí nguồn lực và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động bị mất việc, thiếu việc làm, giảm sâu thu nhập do đại dịch Covid-19 và khôi phục sản xuất, kinh doanh, thị trường.

**1.3.** Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng phát triển theo chiều sâu, chuyển từ gia công chế biến sang sản xuất từng phần và tiến tới toàn bộ để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh của địa phương; khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm; Đẩy nhanh tiến độ các dự án đang đầu tư để sớm đưa vào hoạt động nhằm nâng cao năng lực sản xuất của ngành.

**1.4.** Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19

**1.5.** Tập trung thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; và các văn bản cụ thể hóa của UBND tỉnh, thành phố trong khu vực.

**1.6.** Triển khai thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu về nguyên phụ liệu để gia tăng hàm lượng nội địa cho hàng hóa xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

**1.7.** Tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Thông tư số 15/2017/TT-BCT và quy định của pháp luật về CCN; Ban hành quy chế/quy định phối hợp quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá



nhân triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong các CCN theo cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông"; Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp phù hợp khả năng ngân sách địa phương; quy chế phối hợp CCN; Tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào các khu CN, CCN; Chỉ đạo tập trung nguồn lực hoàn chỉnh hạ tầng các CCN hiện có để phát huy hiệu quả; trong đó chú trọng công tác bảo vệ môi trường tại các CCN, quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường tại các CCN đã đi vào hoạt động.

**1.7.** Thực hiện có hiệu quả các đề án Khuyến công từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và địa phương theo kế hoạch đã được phê duyệt nhằm tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, phát triển sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm các chương trình đề án đã thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả của công tác khuyến công.

## **2. Đối với hoạt động thương mại**

### **2.1. Phát triển thương mại trong nước**

Tiếp tục đẩy mạnh sự phát triển và phát huy hiệu quả vai trò thị trường nội địa các tỉnh trong khu vực, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị, chú trọng đến các mặt hàng nông sản. Tham mưu UBND các tỉnh, thành phố xây dựng Chương trình dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho người dân trong các tháng cuối năm 2022 và Tết Nguyên đán 2023.

Đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích thu hút đầu tư các dự án trọng điểm phát triển hạ tầng thương mại. Thu hút đa dạng các nguồn vốn nhằm phát triển hạ tầng thương mại, trong đó chú trọng xã hội hóa đầu tư phát triển chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, các cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn, đẩy mạnh phát triển thị trường nông thôn.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động XTTM thông qua việc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030” và triển khai có hiệu quả các nền tảng công nghệ thông tin áp dụng vào hoạt động XTTM nhằm đáp ứng được yêu cầu của hoạt động XTTM trong năm và các năm tiếp theo, và nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tổ chức có hiệu quả và đẩy mạnh chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo; nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến thương mại; hỗ trợ các doanh nghiệp tăng cường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm tiêu biểu của địa phương thông qua các Hội chợ triển lãm, sàn giao dịch thương mại điện tử, hội nghị kết nối cung cầu;..

Tăng cường phối hợp quản lý, kiểm tra thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại... xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ sản xuất trong nước và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Thực hiện tốt chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## **2.2. Xuất nhập khẩu**

Tập trung nâng cao chất lượng, giá trị hàng hóa xuất khẩu, triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có giá trị cao, mặt hàng chủ lực có lợi thế cạnh tranh của từng tỉnh, thành phố làm động lực thúc đẩy để tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu. Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng không thiết yếu, thiết bị công nghệ lạc hậu và các loại hàng hóa, vật tư trong nước đã sản xuất được.

Tăng cường đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu, tăng cường tìm kiếm, mở rộng thị trường. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu có cơ hội giao thương với các thị trường tiềm năng nhằm tăng khả năng xuất khẩu. Cùng cố và nâng cao vai trò của các Hiệp hội, ngành nghề nhằm liên kết, hỗ trợ nhau trong quá trình tổ chức sản xuất, xuất khẩu và xúc tiến thương mại. Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu.

Thông qua các hội thảo, chương trình tập huấn, hỗ trợ các doanh nghiệp về cung cấp thông tin và cách phòng tránh, xử lý tranh chấp thương mại; nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại đối với các hiệp hội, doanh nghiệp; cung cấp thông tin về pháp luật và thông lệ quốc tế, tình hình thị trường xuất khẩu, các quy định của các nước sở tại đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền các cơ chế, chính sách, văn bản mới liên quan cho cộng đồng doanh nghiệp. Tập trung triển khai có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là triển khai Kế hoạch thực thi các Hiệp định FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP, ... để hướng tới xuất nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

## **3. Công tác cải cách hành chính**

Đẩy mạnh cải cách hành chính để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định về thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách hành chính.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giải quyết các thủ tục hành chính; triển khai ứng dụng phần mềm quản lý, chữ ký số, áp dụng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4 vào công tác giải quyết thủ tục hành chính.

Tiếp tục thực hiện cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông” theo quy định đảm bảo công khai, đúng thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật.

## **4. Các công tác khác**

Đẩy mạnh các dự án năng lượng tái tạo; Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nhân rộng mô hình điện mặt trời trên mái nhà, kiểm toán năng lượng tại các cơ sở công nghiệp.

Tập trung thực hiện Tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và Tiêu chí số 7 (cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) theo kế hoạch của từng tỉnh, thành phố.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hành chính và chuyên ngành việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công thương như: an toàn kỹ thuật công nghiệp, hóa chất, VLNCN, điện lực, an toàn thực phẩm, kinh doanh xăng dầu.. tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

### **5. Tăng cường hợp tác, phát huy sức mạnh liên kết vùng**

Đề xuất xây dựng mô hình và các công cụ cụ thể để quản lý hoạt động liên kết vùng; Nghiên cứu xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, một cơ chế tài chính và tính pháp lý đủ cao cho cơ quan điều phối các hoạt động liên kết vùng. Cơ quan điều phối các hoạt động liên kết vùng là cơ quan hoạch định chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng nhằm đảm bảo có sự phân công giữa các địa phương trong vùng.

Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, hợp tác phát triển giữa các địa phương trong xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương. Thường xuyên trao đổi thông tin giữa các địa phương trong cả nước nhằm tạo cơ chế phối hợp trong công tác quản lý phát triển ngành Công Thương, chú trọng hợp tác về đầu tư, liên kết sản xuất, cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp trong khu vực. Liên kết mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề cho người lao động tại các địa phương; phối hợp tốt trong triển khai, thực hiện công tác quản lý nhà nước của ngành Công Thương các tỉnh trong khu vực Miền Trung – Tây Nguyên./.

## **GIÁM ĐỐC**

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục Công Thương địa phương;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP MT-TN;
- Đại biểu dự Hội nghị;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

**Võ Đình Vinh**

**Phụ lục 1: CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (IIP) KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

TT	Tỉnh, thành phố	Năm 2021		Năm 2022		
		TH 6 tháng	TH cả năm	KH 2022	ƯTH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm
A	B	1	2	3	4	5
1	Quảng Bình	105,2	105,4	108,5	117,3	116,8
2	Quảng Trị	107,5	109,7	111,0	108,7	111,0
3	Thừa Thiên Huế	105,7	106,0	110,0	109,2	110,0
4	Đà Nẵng	103,4	97,7	104,5	103,1	0,0
5	Quảng Nam	126,7	102,3	0,0	121,8	0,0
6	Quảng Ngãi	107,1	108,4	103,0	106,0	103,0
7	Bình Định	107,8	106,6	106,0	107,2	106,0
8	Phú Yên	109,9	105,1	108,0	108,8	
9	Khánh Hòa	93,3	95,4	105,0	116,5	109,0
10	Ninh Thuận	138,9	124,6	120,0	105,7	110,0
11	Kon Tum	110,8	112,6	115,0	116,0	115,0
12	Gia Lai	124,1	119,04		114,95	115,7
13	Đắk Lắk	164,6	120,0	116,0	119,0	116,0
14	Đắk Nông	112,2	113,4	108,0	107,9	108,0
15	Lâm Đồng	110,5	110,5	#REF!	115,2	111,5

**Phụ lục 2: GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN (Giá so sánh)**

*ĐVT : Tỷ đồng*

STT	Tỉnh, thành phố	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022			So sánh (%)			
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	Ước TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH năm 2021/năm 2020	6 tháng 2022/cùng kỳ	ƯTH 2022/TH 2021	ƯTH 2022/KH
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3/1</i>	<i>8=5/2</i>	<i>9=6/3</i>	<i>10=6/4</i>
<b>I</b>	<b>Khu vực MT-TN</b>	<b>467.381,5</b>	<b>232.281</b>	<b>474.871,5</b>	<b>#REF!</b>	<b>261.371</b>	<b>#REF!</b>	<b>101,6</b>	<b>112,52</b>	<b>#REF!</b>	<b>#REF!</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo tỉnh, thành phố</b>										
1	Quảng Bình	13.020,0	6.600,0	13.868,0	15.190,0	7.411,0	15.538,0	106,5	112,3	112,0	102,3
2	Quảng Trị	11.877,0	6.044,4	12.541,8	14.000,0	6.569,1	14.000,0	105,6	108,7	111,6	100,0
3	Thừa Thiên Huế	36.200,0	17.975	38.600	42.600	19.700	42.550	106,6	109,6	110,2	99,9
4	Đà Nẵng										
5	Quảng Nam	104.382,0	47.159	83.063	0	57.771	0	79,6	122,5	0,0	
6	Quảng Ngãi	105.583,5	54.124	120.983	128.251	57.440	128.251	114,6	106,1	106,0	100,0
7	Bình Định	48.199,9	25129,7	51886,5	55780,0	27235,6	55780,0	107,6	108,4	107,5	100,0
8	Phú Yên	18.215,1	10.493,40	18.809,00	20.460	11.144,20	20.500,00	103,3	106,2	109,0	100,2
9	Khánh Hòa	54.483,9	24.072,0	50.150,0	53.670,0	28.167,0	55.200,0	92,0	117,0	110,1	102,9
10	Ninh Thuận	9.021,0	5.983,6	10.820,9	12.677,0	6.450,0	12.677,0	120,0	107,8	117,2	100,0
11	Kon Tum	7.150,0	3.375	7.650	8.246	3.710	8.246	107,0	109,9	107,8	100,0
12	Gia Lai	22.518,5	10.727,5	24.800,1	28.890,0	12.627,7	28.890,5	110,1	117,7	116,5	100,0
13	Đắk Lắk	12.160,0	7.083	13.957	0	7.867	14.500	114,8	111,1	103,9	
14	Đắk Nông	6.242,0	3.912,61	7.445,49	#REF!	4.143,41	#REF!	119,3	105,9	#REF!	
15	Lâm Đồng	18.328,6	9.602,55	20.297,01	21.375,93	11.134,55	22.922,93	110,7	116,0	112,9	107,2

**Phụ lục 3: TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

*ĐVT : Tỷ đồng*

STT	Tỉnh, thành phố	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022			So sánh (%)			
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	Ước TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 2021/năm 2020	6 tháng 2022/cùng kỳ	ƯTH 2022/TH 2021	ƯTH 2022/KH
<i>A</i>	<i>B</i>		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>		<i>6=4/1</i>	<i>7=5/2</i>	<i>8=5/3</i>
<b>I</b>	<b>Khu vực MT-TN</b>	<b>722.709,1</b>	<b>372.059,2</b>	<b>740.249,1</b>	<b>826.403,9</b>	<b>425.321,5</b>	<b>826.242,5</b>	<b>102,43</b>	<b>114,32</b>	<b>111,62</b>	<b>99,98</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo tỉnh, thành phố</b>										
1	Quảng Bình	42360	23.943,76	47.297,72	52.630,00	26.580,99	52.630,00	111,66	111,01	111,27	100,00
2	Quảng Trị	29990	9.848,60	31.443,12	38.000,00	10.791,54	38.000,00	104,85	109,57	120,85	100,00
3	Thừa Thiên Huế	40740	22.565,90	43.511,90	45.100,00	24.893,70	45.100,00	106,80	110,32	103,65	100,00
4	Đà Nẵng	56750,5	29.148,00	59.385,00	64.730,00	31.917,00	64.850,00	104,64	109,50	109,20	100,19
5	Quảng Nam	56500	25.423,00	54.637,00	68.687,00	26.000,00	68.687,00	96,70	102,27	125,72	100,00
6	Quảng Ngãi	54880	28.378,92	52.255,86	55.000,00	31.129,47	55.000,00	95,22	109,69	105,25	100,00
7	Bình Định	76250	39.359,40	79.683,90	87.650,00	45.092,00	87.650,00	104,50	114,56	110,00	100,00
8	Phú Yên	34250	18.741,50	34.600,70	37.410,00	20.767,90	37.606,00	101,02	110,81	108,69	100,52
9	Khánh Hòa	56470	33.551,00	55.072,00	61.681,10	40.351,91	61.681,10	97,52	120,27	112,00	100,00
10	Ninh Thuận	23891,6	13.021,00	24.171,26	27.800,00	15.736,89	27.800,00	101,17	120,86	115,01	100,00
11	Kon Tum	22.266,0	11.909,82	25.065,00	28.490,00	16.411,52	25.900,00	112,57	137,80	103,33	90,91
12	Gia Lai	72.265,8	36.089,74	75.295,41	85.000,00	39.248,92	85.000,00	104,19	108,75	112,89	100,00
13	Đắk Lắk	83530	44.543,70	85.873,00	90.500,00	51.955,60	90.500,00	102,80	116,64	105,39	100,00
14	Đắk Nông	14809	8.275,78	15.579,24	17.199,75	9.926,00	19.312,39	105,20	119,94	123,96	112,28
15	Lâm Đồng	57756,2	27.259,10	56.378,00	66.526,00	34.518,10	66.526,00	97,61	126,63	118,00	100,00

**Phụ lục 4a: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

*ĐVT : Triệu USD*

STT	Tỉnh, thành phố	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022			Năm 2021/năm 2020	6 tháng 2022/cùng kỳ	ƯTH 2022/ TH 2021	ƯTH 2022/KH
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	Ước TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm				
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3/1</i>	<i>8=5/2</i>	<i>9=6/3</i>	<i>10=6/4</i>
<b>I</b>	<b>Khu vực MT-TN</b>	<b>11.966,09</b>	<b>6.339,6</b>	<b>13.495,7</b>	<b>11.592,0</b>	<b>8.140,8</b>	<b>14.412,2</b>	<b>112,8</b>	<b>128,4</b>	<b>106,8</b>	<b>124,3</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo tỉnh, thành phố</b>										
1	Quảng Bình	372,00	78,0	200,0	0,0	108,0	220,0	53,8	138,5	110,0	
2	Quảng Trị	173,50	266,2	231,3	250,0	166,0	250,0	133,3	62,4	108,1	100,0
3	Thừa Thiên Huế	857,30	518,1	1.077,0	1.130,0	609,1	1.130,0	125,6	117,6	104,9	100,0
4	Đà Nẵng	1.568,90	832,70	1.790,50	9-10%	1.016,70	1.950,00	114,1	122,1	108,9	
5	Quảng Nam	1.281,90	653,0	1.719,0	1.195,0	945,4	1.632,2	134,1	144,8	94,9	136,6
6	Quảng Ngãi	1.409,10	888,8	1.800,3	1.860,0	1.110,2	1.970,0	127,8	124,9	109,4	105,9
7	Bình Định	1.058,20	672,6	1.332,6	1.350,0	839,9	1.450,0	125,9	124,9	108,8	107,4
8	Phú Yên	185,20	108,0	209,1	207,0	118,3	210,0	112,9	109,5	100,4	101,4
9	Khánh Hòa	1.342,90	601,2	1.302,2	1.365,0	790,0	1.365,0	96,97	131,4	104,8	100,0
10	Ninh Thuận	90,00	55,9	130,0	120,0	61,1	120,0	144,4	109,3	92,3	100,0
11	Kon Tum	285,00	109,3	290,5	270,0	148,0	270,0	101,9	135,4	92,9	100,0
12	Gia Lai	579,99	315,0	610,0	660,0	420,0	660,0	105,17	133,3	108,2	100,0
13	Đắk Lắk	1.133,60	522,5	1.136,0	1.200,0	845,0	1.200,0	100,2	161,7	105,6	100,0
14	Đắk Nông	920,30	413,3	970,9	1.170,0	526,7	1.170,0	105,5	127,4	120,5	100,0
15	Lâm Đồng	708,20	304,9	696,3	815,0	436,5	815,0	98,3	143,1	117,0	100,0

**Phụ lục 4b: KIM NGẠCH NHẬP KHẨU KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN**

*ĐVT : Triệu USD*

STT	Tỉnh, thành phố	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022			So sánh (%)			
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	Ước TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Năm 2021/ năm 2020	6 tháng 2022/cùng kỳ	ƯTH 2022/ TH 2021	ƯTH 2022/KH
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3/1</i>	<i>8=5/2</i>	<i>9=6/3</i>	<i>10=6/4</i>
<b>I</b>	<b>Khu vực MT-TN</b>	<b>9533</b>	<b>5.587,1</b>	<b>11.678,9</b>	<b>8.032,6</b>	<b>5.839,5</b>	<b>10.643,6</b>	<b>122,5</b>	<b>104,5</b>	<b>91,1</b>	<b>132,5</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo tỉnh, thành phố</b>										
1	Quảng Bình	828,00	204,00	360,00	0,00	62,00	200,00	43,48	30,4	55,6	
2	Quảng Trị	185,75	266,21	535,89	250,00	166,00	250,00	288,50	62,4	46,7	100,0
3	Thừa Thiên Huế	543,50	346,73	767,73	650,00	404,26	650,00	141,26	116,6	84,7	100,0
4	Đà Nẵng	1.241,80	651,60	1.327,90		699,00	1.435,00	106,9	107,3	108,1	#DIV/0!
5	Quảng Nam	1.707,80	1.107,00	2.189,00	2.044,00	1.526,12	2.581,32	128,18	137,9	117,9	126,3
6	Quảng Ngãi	1.675,20	1.324,88	2.656,39	2.730,00	1.727,59	3.100,00	158,6	130,4	116,7	113,6
7	Bình Định	408,20	204,90	451,10	460,00	192,90	460,00	110,5	94,1	102,0	100,0
8	Phú Yên	124,97	60,20	135,00	132,00	72,70	136,00	108,0	120,8	100,7	103,0
9	Khánh Hòa	735,98	321,18	740,72	850,00	460,00	850,00	100,6	143,2	114,8	100,0
10	Ninh Thuận	538,20	242,80	452,20	200,00	35,10	60,00	84,0	14,5	13,3	30,0
11	Kon Tum	6,29	2,10	6,30	6,60	2,45	6,30	100,2	116,7	100,0	95,5
12	Gia Lai	830,60	313,00	915,00	100,00	90,80	100,00	110,2	29,0	10,9	100,0
13	Đắk Lắk	249,99	227,00	450,00	95,00	170,00	300,00	180,0	74,9	66,7	315,8
14	Đắk Nông	319,90	192,60	512,60	330,00	151,10	330,00	160,2	78,5	64,4	100,0
15	Lâm Đồng	136,82	122,90	179,04	185,00	79,45	185,00	130,9	64,6	103,3	100,0



**Phụ lục 5: HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN**

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2021		Năm 2022					
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	Ước TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	6 tháng 2022/cùng kỳ	ƯTH 2022/ TH 2021	ƯTH 2022/KH
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4/1</i>	<i>7=5/2</i>	<i>8=5/3</i>
<b>I</b>	<b>Tổng đề án khuyến công</b>	Đề án	<b>108</b>	<b>249</b>	<b>323</b>	<b>132</b>	<b>323</b>	<b>122,2</b>	<b>129,72</b>	<b>100,00</b>
1	Đề án Quốc gia	"	2	18	21	0	21	0,0	116,67	100,00
2	Đề án Địa phương	"	106	231	302	132	302	124,5	130,74	100,00
<b>II</b>	<b>Kinh phí thực hiện</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>11.477,0</b>	<b>48.793,0</b>	<b>72.795,0</b>	<b>15.063,0</b>	<b>72.795,0</b>	<b>131,2</b>	<b>149,19</b>	<b>100,00</b>
1	Kinh phí Quốc gia	"	0,0	11.065,0	29.207,0	0,0	29.207,0		263,96	100,00
2	Kinh phí Địa phương	"	11.477,0	37.728,0	43.588,0	15.063,0	43.588,0	131,2	115,53	100,00
<b>III</b>	<b>Tổng dự án tư vấn</b>	<b>Đề án</b>	<b>53</b>	<b>177</b>	<b>178</b>	<b>37</b>	<b>178</b>	<b>69,8</b>	<b>100,56</b>	<b>100,00</b>
	Kinh phí thực hiện tư vấn	Triệu đồng	2.259	12.608	10.823	1.385	10.823	61,3	85,84	100,00

**Phụ lục 6a: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

TT	Tỉnh, thành phố	Quy hoạch		Đã thành lập		Tình hình hoạt động đến tháng 6 năm 2022						
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số dự án đầu tư (DA)	Tổng đăng ký của các DA (tỷ đồng)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Số lao động đang làm việc trong các khu, CCN (người)	Số khu, CCN có công trình XLNT hoạt động
1	Quảng Bình	2	63.923	2	63.923	2	63.923	36	199.882		5.557,0	
2	Quảng Trị	2	39,6	2	39,6	2	39,6	115,0	158,4		1.450,0	0
3	Thừa Thiên Huế	2	797,8	2	797,8	2	797,8	50,0	81.772,0	1,36%	10.200,0	1
4	Đà Nẵng											
5	Quảng Nam											
6	Quảng Ngãi	1	12.725,0	1	12.725,0	1	12.725,0	160,0	350.143,0		63.742,0	2
7	Bình Định	1	14.308,0	1	14.308,0	1	14.308,0	118,0	116.653,0		3.056,0	1
8	Phú Yên	1	20.730,0	1	20.730,0	1	301,8	53,0	5.767,3		4.703,0	1
9	Khánh Hòa	1	150.000,0	1	150.000,0	1	150.000,0	155,0	960.000,0		10.802,0	
10	Ninh Thuận											
11	Kon Tum											
12	Gia Lai	1	41.860	1	41.860	1	175	39	655,00	58	452	#REF!
13	Đắk Lắk											
14	Đắk Nông											
15	Lâm Đồng											
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11</b>	<b>304.383,4</b>	<b>11</b>	<b>304.383,4</b>	<b>11</b>	<b>242.270,2</b>	<b>726,0</b>	<b>1.715.030,7</b>		<b>99.962,0</b>	<b>#REF!</b>

**Phụ lục 6b: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

TT	Tỉnh, thành phố	Quy hoạch		Đã thành lập		Tình hình hoạt động đến tháng 6 năm 2022						
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số dự án đầu tư (DA)	Tổng đăng ký của các DA (tỷ đồng)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Số lao động đang làm việc trong các khu, CCN (người)	Số khu, CCN có công trình XLNT hoạt động
1	Quảng Bình	9	2.123	4	62.692	4	62.692	74	133.255	28	5.557,0	
2	Quảng Trị	4	1,2	4	1.163,0	4	1.067,0	228,0	8,8	75,5	5.650,0	0
3	Thừa Thiên Huế	6	2.393,4	6	2.393,4	6	2.393,4	106,0	27.986,0	12,7%	24.900,0	2
4	Đà Nẵng	6	1.067	4	938,7	6,0	686,9	479,0	50.856,0	86%	65.965,0	6,0
5	Quảng Nam	13	57.301,2	11	3.428,7	11	3.428,7	224,0	75.545,9	42,0	55.000,0	6
6	Quảng Ngãi	2	249,5	2	249,5	2	249,5	50,0	4.484,9		5.258,0	1
7	Bình Định	7	1.814,0	4	1.004,0	3	1.004,0	280,0	15.809,0	0,0	17.820,0	3
8	Phú Yên	3	256,0	3	256,0	3	151,9	44,0	5.381,5	82,0	3.526,0	2
9	Khánh Hòa	4	892,8	2	344,6	2	344,6	77,0	95.960,0	70,0	14.189,0	2
10	Ninh Thuận	4	1.682	3	855	2	448	26	1.590	#REF!	4.240	1
11	Kon Tum											
12	Gia Lai	4	620	4	620	2	410	63	3.485	49	1.950	1
13	Đắk Lắk	2	657,3	1	181,7	1	165,0	55,0	5.000,0	99,2	2.434,0	1
14	Đắk Nông	3	727,5	2	327,2	2	327,2	45,0	18.385,0	88,4	1.205,0	1
15	Lâm Đồng	3	538,0	2	292,0	2	292,0	83,0	7.687,6	196,5	5.010,0	1
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70</b>	<b>70.323</b>	<b>52</b>	<b>74.746</b>	<b>50</b>	<b>73.660</b>	<b>1.834</b>	<b>445.435</b>	<b>#REF!</b>	<b>212.704</b>	<b>27</b>

**Phụ lục 6c: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

TT	Tỉnh, thành phố	Quy hoạch		Đã thành lập		Tình hình hoạt động đến tháng 6 năm 2022						
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	Số dự án đầu tư (DA)	Tổng đăng ký của các DA (tỷ đồng)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Số lao động đang làm việc trong các khu, CCN (người)	Số khu, CCN có công trình XLNT hoạt động
1	Quảng Bình	36	661,07	6	75,4	10	100	111	450	62	788,0	0
2	Quảng Trị	21	587,0	17	527,5	14	408	149	3.627	59	5.160,0	1
3	Thừa Thiên Huế	12	405,0	10	337,3	7	254	139	2.148	59	7.879,0	0
4	Đà Nẵng	3	67,13	1	29,09	0	0	0	0	61	1.000,0	0
5	Quảng Nam	93	2.759,82	59	1.678,6	51	1.402,90	370	15.872	0	30.197,0	3
6	Quảng Ngãi	42	794,26	24	451,8	15	277	134	2.050	71	3.758,0	0
7	Bình Định	62	1.950,9	53	1.581,3	45	1.361	385	6.725	68	23.550,0	9
8	Phú Yên	27	1.007,75	13	458,1	12	384	46	0	59	912,0	1
9	Khánh Hòa	12	618,07	9	359,6	7	260	81	0	21	4.700,0	4
10	Ninh Thuận	7	226,70	4	164	1	23	13	362	79	1.061	0
11	Kon Tum	19	661,33	14	505,3	8	308	467	217	75	2.412,0	1
12	Gia Lai	21	894,33	12	392	8	241	59	970	59	1.130	1
13	Đắk Lắk	24	1.213,6	12	553,0	9	443	160	6.000	49	4.000,0	0
14	Đắk Nông	4	149,61	2	89,61	2	62	19	301	76	250	0
15	Lâm Đồng	10	352,0	6	199,4	7	229	35	2.003	50	2.552,0	1
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>393</b>	<b>12.349</b>	<b>242</b>	<b>7.401</b>	<b>196</b>	<b>4.350</b>	<b>2.168</b>	<b>40.725</b>		<b>89.349</b>	<b>21</b>

**Phụ lục 7: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

TT	Tỉnh, thành phố	Quy hoạch									Tình hình hoạt động đến tháng 6 năm 2022								
		Chợ	Siêu thị	TTT M	Tổng kho HH	Kho ngoại quan	Trung tâm Logistic	Trung tâm HCTL	Cửa hàng LPG	Cửa hàng xăng dầu	Chợ	Siêu thị	TTTM	Tổng kho HH	Kho ngoại quan	Trung tâm Logistic	Trung tâm HCTL	Cửa hàng LPG	Cửa hàng xăng dầu
1	Quảng Bình	183	26	9		6		1	-	305	144	7	1	1			0	350	223
2	Quảng Trị	108	29	7							81	21	1					400	128
3	Thừa Thiên Huế																		
4	Đà Nẵng							1			74	105	8		1	5	1	393	105
5	Quảng Nam	228	12	17	3	0	2	2	0	0	159	2	1	1	1	0	0	600	195
6	Quảng Ngãi										148	8	2	0	0	0	0	241	245
7	Bình Định	-	46	20	-	0	-	1	-	-	184	8	4	7	0	1	0	-	328
8	Phú Yên	141	13	3			2	1	450	423	130	3	1				0	496	190
9	Khánh Hòa							1			127	14	11						212
10	Ninh Thuận										103	5	1					139	139
11	Kon Tum	31	4	1							32	2	1					150	89
12	Gia Lai										96	18	0	4	-	-	1	463	421
13	Đắk Lắk	182	41	5	0	0	0	0			149	8	3	0	0	0	0		
14	Đắk Nông	76	11	2			1	1			46	2	1	0	0	0	0	235	256
15	Lâm Đồng	101			0	0	1	2			83	4	2	0	0	0	0	610	340
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.050</b>	<b>182</b>	<b>64</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>10</b>	<b>450</b>	<b>728</b>	<b>1.556</b>	<b>207</b>	<b>37</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>4.077</b>	<b>2.871</b>

**Phụ lục 8: CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

TT	Tỉnh, thành phố	Năm 2021								tháng 6 năm 2022							
		Thông báo KM	Xác nhận đăng ký KM	Tháng bán hàng KM	Sàn giao dịch TM	Hỗ trợ DN tham gia HCTL , khảo sát thị trường trong và ngoài nước	Tổ chức hội thảo về tiêu thụ sản phẩm	Đưa hàng việt về nông thôn	Phát thanh, truyền hình, xuất bản bản tin TM	Thông báo KM	Xác nhận đăng ký KM	Tháng bán hàng KM	Sàn giao dịch TM	Hỗ trợ DN tham gia HCTL , khảo sát thị trường trong và ngoài nước	Tổ chức hội thảo về tiêu thụ sản phẩm	Đưa hàng việt về nông thôn	Phát thanh, truyền hình, xuất bản bản tin TM
1	Quảng Bình	13.000	15	0	0	5	1	0	1	7.000	4	0	0	5	0	3	1
2	Quảng Trị		6														
3	Thừa Thiên Huế	1176	15	1061	0	#REF!	0	0	0								
4	Đà Nẵng	17509	30	2	1	1	9	6	6	9.600	12	0	1	6	5	2	3
5	Quảng Nam	16	17	0	1	4	2	0	2	5	8	0	1	2	2	0	1
6	Quảng Ngãi	1.822	23	0	1	3	0	1	1		7	0	1	6	0	3	3
7	Bình Định	12.570	15	1.691	0	0	1	0		7.096	9	0	0	25	1	4	6
8	Phú Yên	11.289	11	1622	0	14	1	10	0	5.943	8	0	0	3	0	2	0
9	Khánh Hòa	60	37			3	0	2	0		20			0	1		
10	Ninh Thuận	9948	13	1419	1	1		3		4157	9			4	1		
11	Kon Tum	10.655	6	814	1			9		6.851	5	0				5	
12	Gia Lai	0	9	1	2	4	0	1	12	0	9	0	2	3	0	0	5
13	Đắk Lắk	14.470	30	1118			4		10	8.313	17			28	21		6
14	Đắk Nông	13.355	7	0	0	6	0	0	1	7.760	6	0	0	15	0	0	0
15	Lâm Đồng	10.390	32	1.000	10	9	0	0	0	8.233	12	1.380	0	10	0	0	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>116.260</b>	<b>266</b>	<b>8.728</b>	<b>17</b>	<b>#REF!</b>	<b>18</b>	<b>32</b>	<b>33</b>	<b>64.958</b>	<b>126</b>	<b>1.380</b>	<b>5</b>	<b>107</b>	<b>31</b>	<b>19</b>	<b>25</b>

**Phụ lục 9: KẾT QUẢ TIÊU CHÍ SỐ 4 VỀ ĐIỆN VÀ SỐ 7 VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN  
TRONG CT MTQG XD NTM KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số xã	Tiêu chí số 4			Tiêu chí số 7			Ghi chú
			Năm 2021	TH 6 tháng 2022	Dự kiến cả năm 2022	Năm 2021	TH 6 tháng 2022	Dự kiến cả năm 2022	
1	Quảng Bình	128	126	126	126	118	118	123	
2	Quảng Trị	101	101	101	101	100	101	101	
3	Thừa Thiên Huế	94	94	94	94	89	89	89	
4	Đà Nẵng	11	11	11	11	11	11	11	
5	Quảng Nam	194	192	192	193	118	118	138	
6	Quảng Ngãi	148	144	144	148	147	147	147	
7	Bình Định	113	110	110	110	83	88	88	
8	Phú Yên	83	83	83	83	83	81	82	
9	Khánh Hòa	92	91	91	91	90	90	91	
10	Ninh Thuận	47	47	47	47	31	31	32	
11	Kon Tum	85	85	85		85	85	85	
12	Gia Lai	182	181	181	182	182	182	182	
13	Đắk Lắk	152	144	144	148	123	123	129	
14	Đắk Nông	60	54	54	55	55	55	56	
15	Lâm Đồng	116	116	116	116	116	116	116	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1606</b>	<b>1579</b>	<b>1579</b>	<b>1505</b>	<b>1431</b>	<b>1435</b>	<b>1470</b>	

**Phụ lục 10: KẾT QUẢ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU  
KHU VỰC MIỀN TRUNG-TÂY NGUYÊN**

STT	Tỉnh, thành phố	Số sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn						SPCNNTTB ước thực hiện năm 2022					
		Năm 2021		Ước TH năm 2022		Ước TH 2022/2021 (%)		Năm 2021		Ước TH năm 2022		Ước TH 2022/2021 (%)	
		Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp tỉnh
1	Quảng Bình	0	0	0	39			0	0	0	38		
2	Quảng Trị	0	0	29	29			0	0	29	22		
3	Thừa Thiên Huế	153	65	0	0			100	45	0	0		
4	Đà Nẵng	-	10	-	-			-	9	-	-		
5	Quảng Nam	0	52	0	55		105,8	0	20	0	20		100
6	Quảng Ngãi	0	0	30	20			-	-	20	10		
7	Bình Định	0	0	0	157			0	0	0	55		
8	Phú Yên	5	9	0	0			5	9	0	0		
9	Khánh Hòa	63	59	0,00	0,00			62	32	0	0		
10	Ninh Thuận	37	42					25	20	0	0		
11	Kon Tum	#REF!	#REF!	6	15			#REF!	#REF!	6	15		
12	Gia Lai				40						31		
13	Đắk Lắk	-	33	-	-			-	15	-	-		
14	Đắk Nông	0	0	26	26			0	0	26	16		
15	Lâm Đồng	46	46	0	0			32	21	0	0		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>#REF!</b>	<b>#REF!</b>	<b>91</b>	<b>381</b>			<b>#REF!</b>	<b>#REF!</b>	<b>81</b>	<b>207</b>		



**BỘ CÔNG THƯƠNG  
SỞ CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ  
KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN**

## **THAM LUẬN HỘI NGHỊ**

**NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ  
KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN  
LẦN THỨ VIII, NĂM 2022**

**Ninh Thuận, tháng 8 năm 2022**

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1.Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bình Định dưới tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới (Sở Công Thương tỉnh Bình Định).	1
2.Một số giải pháp thực hiện việc chuyển đổi số ngành Công Thương trên địa bàn TP.Đà Nẵng (Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng)	6
3.Thực trạng và giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng)	11
4.Thực trạng và giải pháp xây dựng thị trường và nâng cao lòng tin người tiêu dùng trong thương mại điện tử (Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk)	17
5.Phát triển năng lượng-cơ hội và thách thức (Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông)	23
6.Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Sở Công Thương tỉnh Gia Lai)	27
7.Thực trạng và giải pháp triển ngành công nghiệp hỗ trợ (Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa)	32
8.Kinh nghiệm quảng bá, xúc tiến phát triển sản phẩm OCOP trong bối cảnh đại dịch Covid-19 thời gian qua (Sở Công Thương tỉnh Kon Tum)	35
9.Tăng cường kết nối và phối hợp với các tập đoàn phân phối bán lẻ trong nước để đưa hàng Việt tiếp cận người tiêu dùng (Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng)	38
10.Giải pháp thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Sở Công Thương tỉnh Phú Yên)	40
11.Về tiếp nhận hồ sơ, thẩm định chủ trương đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh vào Cụm Công nghiệp. (Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình)	44
12.Những giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp góp phần phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 (Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam).	46
13.Cơ hội và thách thức phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị).	51

***“Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bình Định dưới tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới”***

---

***Sở Công Thương tỉnh Bình Định***

Trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, việc tham gia FTA là phù hợp với chính sách đối ngoại; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế góp phần phát triển kinh tế bền vững, giữ vững môi trường hòa bình và ổn định chính trị, tranh thủ sự ủng hộ của các nước đối tác, đồng thời nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế; bên cạnh đó, việc tham gia FTA cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc vào một thị trường truyền thống. Vì vậy, nền kinh tế có sự tăng trưởng cao, phát triển bền vững, góp phần tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thu hút nhà đầu tư, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Bình Định là một trong 5 tỉnh của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có vị trí địa kinh tế đặc biệt quan trọng trong việc giao lưu với các quốc gia ở khu vực và quốc tế; nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc - Nam Việt Nam, đồng thời là cửa ngõ ra biển Đông gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19, cảng biển quốc tế Quy Nhơn và sân bay Phù Cát. Cùng với tiềm năng về đất đai, với chiều dài bờ biển 134km và vùng lãnh hải, đặc quyền kinh tế rộng lớn, Bình Định có nguồn lợi hải sản phong phú và có giá trị kinh tế cao như: cá ngừ đại dương, tôm, mực, yến sào, tôm hùm... Bên cạnh đó, Bình Định có lợi thế trong liên kết, giao lưu kinh tế và phát triển công nghiệp với các vùng. Cùng với việc hình thành các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư phát triển kinh tế công nghiệp đã hình thành và phát triển các ngành sản xuất công nghiệp như chế biến nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng, công nghiệp sản xuất, vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, may mặc, giày dép xuất khẩu ... Các ngành này đã được củng cố và gắn kết lại để tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu, làm thay đổi diện mạo ở nhiều địa phương.

Quỹ đất công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp còn khá nhiều (khoảng 3.300 ha), được phân bố đều theo các vùng công nghiệp; nguồn lao động khu vực nông thôn còn dồi dào là điều kiện thuận lợi cho thu hút dự án đầu tư phát triển trong tương lai. Trong những năm qua, Bình Định là địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, tiếp tục tạo sức hút các nhà đầu tư tìm hiểu cơ hội đầu tư.

Với lợi thế về nguồn nguyên liệu và nguồn nhân lực, Bình Định đã hình thành và phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu như: sản xuất chế biến thực phẩm; chế biến gỗ, đồ gỗ nội, ngoại thất; sản xuất trang phục; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (đá granite, VLXD); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn... đã góp phần giải quyết việc làm cho gần 110.000 lao động địa phương.

Năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bị tác động nặng nề bởi đại dịch Covid-19 và chiến tranh thương mại Nga - Ucraina, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Bình Định nói riêng. Tuy nhiên, năm 2021 tình hình xuất khẩu của tỉnh vẫn đạt được những kết quả hết sức khả quan với kim ngạch xuất khẩu 1.393,9 triệu USD, tăng 25,9% so với năm 2020 và đạt 121,2% kế hoạch năm 2021; Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 839,9 triệu USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ, đạt 62,2% kế hoạch năm 2022 với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như gạo các loại; gỗ tinh chế nội ngoại thất, dăm gỗ, sản phẩm bằng chất dẻo (bàn ghế nhựa giả mây); thủy hải sản đông lạnh; sắn và các sản phẩm từ sắn; khoáng sản các loại; hàng dệt may, giày dép...

Tỉnh Bình Định có gần 95 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường các nước thành viên CPTPP với 16 mặt hàng, xuất khẩu sang tất cả 10 nước thành viên CPTPP với tổng KNXXK ước đạt 242,4 triệu USD, tăng 43,8% so với năm 2020, trong đó mặt hàng gỗ có KNXXK nhiều nhất, ước đạt 92 triệu USD, chiếm tỷ trọng 38% trong tổng KNXXK sang thị trường các nước thành viên CPTPP; gần 143 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường các nước thành viên EVFTA với 14 mặt hàng, xuất khẩu sang 26/27 nước thành viên EVFTA (trừ Man-ta) với tổng KNXXK ước đạt 241 triệu USD, tăng 23,4% so với năm 2020 trong đó, sản phẩm gỗ tinh chế nội ngoại thất có KNXXK nhiều nhất, đạt 117 triệu USD, chiếm tỷ trọng 48,5% tổng KNXXK sang thị trường các nước thành viên EVFTA và gần 20 doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường UKVFTA (chủ yếu là thị trường Anh) với tổng KNXXK ước đạt 47,2 triệu USD với 8 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, trong đó sản phẩm gỗ tinh chế nội, ngoại thất có KNXXK nhiều nhất, đạt 32 triệu USD, chiếm tỷ trọng 68% tổng KNXXK sang thị trường Anh.

Để đạt được những kết quả khả quan trên có phần đóng góp quan trọng của hiệp định thương mại tự do (FTA) mới ký kết. Đặc biệt, các hiệp định CPTPP, EVFTA được coi là các FTA thế hệ mới, phù hợp xu thế phát triển của thương mại hiện đại với mức độ tự do hóa cao cho thương mại và đầu tư cùng các quy tắc thương mại tiên tiến. Vì vậy, các hiệp định này không chỉ mở ra các cơ hội thương mại với các nền kinh tế phát triển mà còn góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính, hoàn thiện môi trường thương mại và đầu tư của nước ta nói riêng và của tỉnh nói chung.

Các hiệp định thương mại thế hệ mới đã thực sự thiết lập nên những tiêu chuẩn và luật lệ mới cho thương mại quốc tế được kỳ vọng sẽ đem lại động lực tăng trưởng cho thương mại giữa các quốc gia thành viên, đó là:

- *Thứ nhất*, các FTA thế hệ mới hướng tới mục tiêu tự do hóa hoàn toàn thương mại. Các mặt hàng truyền thống chủ lực có thế mạnh của tỉnh như nhóm lâm sản, khoáng sản, thủy sản, dệt may,... tiếp tục có cơ hội tăng trưởng xuất khẩu nhờ cắt giảm thuế quan và các cơ chế thuận lợi hóa thương mại. Đặc biệt, việc mở cánh cửa vào thị trường EU cho các sản phẩm nông sản có ý nghĩa hết sức quan trọng, tận dụng tối đa từ nguồn lực trong nước và có ý nghĩa xã hội, giúp cải thiện thu

nhập cho một bộ phận nông dân. Trong bối cảnh các nước phát triển đang áp dụng rất nhiều biện pháp bảo hộ đối với nông nghiệp, mức thuế trong hạn ngạch 0% bảo đảm một thị phần nhất định trên thị trường nông sản nhập khẩu của các nước thành viên FTA. Bên cạnh đó, việc loại bỏ thuế suất với các mặt hàng nông sản chế biến sẽ khuyến khích công nghiệp thực phẩm đầu tư sản xuất các mặt hàng cho thị trường này, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu nông sản theo hướng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến.

- *Thứ hai*, các FTA thế hệ mới, cụ thể là CPTPP và EVFTA đã tạo dựng môi trường thương mại minh bạch, cạnh tranh, bình đẳng; bảo đảm giá trị của các thỏa thuận tự do thương mại không bị suy giảm bởi các biện pháp bảo hộ được thiết lập nên tại thị trường nội địa thông qua nguyên tắc không phân biệt đối xử dựa trên cam kết thương mại, một nước sẽ dành cho sản phẩm, dịch vụ, nhà cung cấp của nước khác những ưu đãi không kém hơn so với ưu đãi mà nước đó đang và sẽ dành cho sản phẩm, dịch vụ, nhà cung cấp của nước mình. Đồng thời thông qua cơ chế minh bạch, bình đẳng, các doanh nghiệp sẽ nắm bắt được các chủ trương, chính sách, có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin để thuận tiện trong hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp mình.

- *Thứ ba*, các FTA thế hệ mới luôn coi trọng mục tiêu phát triển bền vững. Tham gia vào mạng lưới các FTA giúp Việt Nam giảm thiểu tác động của sự suy giảm hệ thống thương mại đa phương. Chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng vai trò của hệ thống thương mại đa phương. Các nước lớn tùy ý áp đặt các biện pháp bảo hộ, trong khi các nước có nền kinh tế nhỏ với mức độ mở cao như Việt Nam sẽ dễ bị tổn thương. Trong bối cảnh đó, các FTA đã phát huy vai trò để giải quyết các vấn đề thương mại giữa Việt Nam và các đối tác hàng đầu của mình, giúp giảm thiểu các tranh chấp ảnh hưởng tiêu cực tới thương mại.

Bên cạnh đó, các hiệp định thương mại tự do đều có những quy định chi tiết về đơn giản hóa thủ tục hải quan và chứng nhận xuất xứ. Các doanh nghiệp xuất khẩu được phép xuất trình chứng từ điện tử, làm thủ tục trước khi hàng đến cảng, áp dụng cơ chế một cửa, thực hiện quản lý rủi ro và hậu kiểm, cho phép áp dụng cơ chế doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ... Các doanh nghiệp tiết kiệm nhiều chi phí giao dịch, thời gian làm thủ tục.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích, cơ hội, việc tham gia FTA còn mang nhiều khó khăn, thách thức từ các rào cản thương mại và rào cản về lĩnh vực lao động. Hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh tuy số lượng nhiều nhưng hầu hết đều là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tính liên kết chưa cao, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất còn nhiều hạn chế, một số lĩnh vực còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu quốc tế, môi trường lao động mặc dù đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng theo các tiêu chuẩn hội nhập... Việc tham gia vào thị trường quốc tế đòi hỏi hàng hóa Việt Nam nói chung và hàng hóa xuất khẩu tỉnh Bình Định nói riêng phải đối mặt với rất nhiều rào cản kỹ thuật và yêu cầu xuất xứ nghiêm ngặt. Ngoài ra, các quy định kỹ thuật thuộc nội khối như bao gói, nhãn mác,

du lượng hóa chất tối đa trong sản phẩm xuất khẩu cũng là một rào cản cho hàng xuất khẩu, khi đó, hàng nông sản có thể bị mắc ở rào cản về các biện pháp vệ sinh dịch tễ, đồng thời việc tham gia vào các thị trường FTA phải cam kết mở cửa cho hàng hóa, dịch vụ của các nước đối tác tại thị trường trong nước, điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt hơn trên chính thị trường nội địa. Bên cạnh đó, hiện nay việc hàng thủy sản Việt Nam đang bị phạt “thẻ vàng”, có khả năng bị nâng thành “thẻ đỏ”, sẽ có thể đối mặt với việc bị áp dụng một số chính sách, rào cản trừng phạt, thậm chí bị cấm nhập khẩu vào thị trường EU, đồng thời bị đưa vào danh sách theo dõi; từ đó có thể gia tăng nguy cơ bị Mỹ và những thị trường tiềm năng khác có hành động tương tự làm ngành hải sản Việt Nam nói chung và hải sản Bình Định nói riêng mất thị trường. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cần xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cải thiện năng lực sản xuất để khai thác hiệu quả các ưu đãi về thuế quan, phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cũng như chiến lược dài hạn nâng cao sức cạnh tranh trên trường quốc tế; cần nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị toàn cầu, đây là một trong những yêu cầu nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong nước. Trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, ưu tiên những dự án thân thiện với môi trường, có công nghệ hiện đại; đồng thời cần sẵn sàng đối phó, đặt ra các biện pháp phòng vệ thương mại và giải quyết tranh chấp về kinh tế, đầu tư, thương mại quốc tế ...

*Trước những cơ hội và thách thức như trên, trong thời gian đến ngành Công Thương Bình Định tiếp tục phối hợp với các cơ quan ban ngành, địa phương tham mưu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy sản xuất, mở rộng, khơi thông thị trường trong nước và quốc tế như sau:*

- Tiếp tục triển khai các hoạt động kết nối cung cầu sau dịch để hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm nông sản; tăng cường hỗ trợ đưa các sản phẩm nông, thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm vào hệ thống phân phối hiện đại; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, gắn kết lưu thông, liên kết các chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa mở ra nhiều cơ hội để các doanh nghiệp sản xuất, thương mại quảng bá hình ảnh, tiếp cận và mở rộng thị trường.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có khả năng kết nối cao. Xây dựng các trung tâm logistics để tham gia mạng lưới logistics khu vực và quốc tế; xây dựng chợ đầu mối nông sản, nâng cấp, cải tạo phát triển chợ truyền thống, nâng cao chất lượng dịch vụ của chợ theo hướng chợ đảm bảo an toàn thực phẩm, văn minh thương mại hỗ trợ các hoạt động kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản của tỉnh. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp. Khuyến khích hình thành các vùng sản xuất hàng xuất khẩu chủ lực tập trung, tạo nguồn hàng xuất khẩu quy mô lớn và có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế để hỗ trợ để thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm xuất khẩu trên cơ sở chiến lược kinh doanh phù hợp, đổi mới phương thức kinh doanh, tăng cường tiềm lực của doanh nghiệp và phát triển các liên kết trong và ngoài nước. Cần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và kinh doanh trên nền tảng công nghệ số của doanh



nghiệp. Phát triển đa dạng cả phương thức xuất khẩu chính ngạch truyền thống và phương thức xuất khẩu hiện đại. Đặc biệt, cần đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử xuyên biên giới và tham gia các sàn thương mại điện tử thế giới.

- Tăng cường đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến xuất khẩu để tăng thị phần xuất khẩu theo hướng chú trọng mở rộng thị trường ở các nước đang phát triển, các thị trường tiềm năng và thị trường mới nổi. Đồng thời, phát triển xuất khẩu theo chiều sâu tới những thị trường truyền thống, như Mỹ, EU, Trung Quốc, các nước Đông Á, ASEAN...

- Tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp để trao đổi về tình hình xuất khẩu, những khó khăn, vướng mắc và bàn biện pháp tháo gỡ để góp phần thúc đẩy xuất khẩu. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động xuất khẩu; tăng cường và đổi mới công tác thông tin thị trường để kịp thời cung cấp cho các hiệp hội, doanh nghiệp biết.

- Tiếp tục thông tin tuyên truyền, phổ biến các Hiệp định FTA, đặc biệt là các Hiệp định FTA thế hệ mới như: CPTPP, EVFTA, UKVFTA và thị trường của các nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tận dụng hiệu quả hơn các lợi thế do các FTA mang lại

- Nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và sản phẩm xuất khẩu. Doanh nghiệp cần tiếp tục tập trung sản xuất phát triển, tạo nguồn hàng có chất lượng để đảm bảo quy mô cho xuất khẩu và nâng cao giá trị gia tăng, kết nối cung cầu, sản xuất theo chuỗi; thay đổi một cách căn bản hơn việc xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nói chung và của tỉnh Bình Định nói riêng. Mặt khác, các doanh nghiệp cần phải tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị và mở rộng quy mô sản xuất nâng cao chất lượng, tăng giá trị và năng lực cạnh tranh cho hàng xuất khẩu, tạo nguồn hàng có chất lượng cho sản xuất, hướng tới mục tiêu sản xuất ra các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và phù hợp với nhu cầu thị trường nhập khẩu. Đặc biệt, cần đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử xuyên biên giới và tham gia các sàn thương mại điện tử thế giới./.

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VIỆC CHUYỂN ĐỔI SỐ  
NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
(Tham luận tại Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực  
Miền Trung - Tây Nguyên lần thứ VIII, năm 2022)

\*\*\*

**Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng**

***Kính thưa Hội nghị!***

Chúng ta đang đứng trước những thách thức, cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) mà cốt lõi của nó chính là chuyển đổi số. Chuyển đổi số đang trở thành yêu cầu hành động cho mọi ngành, mọi cấp, mọi lĩnh vực và toàn bộ nền kinh tế. Trong hai năm 2020 - 2021 vừa qua, đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của cả nước. Tuy nhiên đây cũng là cơ hội để Việt Nam đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số nhằm thực hiện mục tiêu kép “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả đại dịch COVID-19” và “phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trong trạng thái bình thường mới”, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Tại thành phố Đà Nẵng, tiếp theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/4/2019 về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin – truyền thông tiếp cận xu hướng CMCN 4.0; Chương trình số 37-CTr/TU ngày 31/01/2020 về triển khai Chuyên đề “Tập trung đầu tư phát triển, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, điện tử, viễn thông, phù hợp xu hướng CMCN 4.0 gắn với xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh”; Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 về Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, chuyển đổi số được xác định là “động lực” để Đà Nẵng tạo sự đột phá trong phát triển thành phố với các mục tiêu cụ thể: *Đến năm 2025*, Đà Nẵng thuộc nhóm 3 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số và dẫn đầu về an toàn thông tin, thương mại điện tử của cả nước; *Đến năm 2030*, hoàn thành cơ bản chuyển đổi số, hình thành thành phố thông minh, kết nối đồng bộ với các mạng lưới đô thị thông minh trong nước và khu vực ASEAN.

***Kính thưa Hội nghị,***

Để thực hiện chuyển đổi số, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng đã thành lập ***Ban chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Công Thương thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*** và xây dựng, ban hành ***Kế hoạch triển khai chi tiết chuyển đổi số của ngành Công Thương thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030***. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ

sở rà soát, đánh giá hiện trạng chuyển đổi số, những khó khăn, tồn tại của ngành; cụ thể hóa các nhiệm vụ UBND thành phố Đà Nẵng giao cho Sở Công Thương tại Quyết định số 2870/QĐ-UBND gắn với trách nhiệm thực hiện của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị liên quan; bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Thành ủy, UBND thành phố Đà Nẵng và nhiệm vụ chính trị được giao của Sở Công Thương cũng như nhu cầu thực tiễn của ngành.

Đối với ngành Công Thương thành phố Đà Nẵng, những khó khăn, tồn tại chủ yếu, hay nói cách khác là các "điểm nghẽn" của ngành, đó là:

(-) Hầu hết các cơ sở dữ liệu và ứng dụng tại Sở Công Thương đều hoạt động độc lập; một số ứng dụng do các cơ quan Trung ương (ngành dọc) quản lý theo lĩnh vực (Sở Công Thương chỉ cập nhật, báo cáo và khai thác dữ liệu của thành phố Đà Nẵng, không có quyền chia sẻ dữ liệu); chưa có sự kết nối, chia sẻ dữ liệu, dẫn đến chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

(-) Các ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay chủ yếu phục vụ công tác quản lý nhà nước, hầu như chưa có ứng dụng nào phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực của ngành.

(-) Việc ứng dụng công nghệ thông tin/công nghệ số trong các đơn vị, doanh nghiệp ngành Công Thương, đặc biệt ở các doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh còn nhiều hạn chế, mang tính tự phát, đơn lẻ; thiếu sự kết nối, tương tác với các phần mềm quản lý nhà nước của ngành. Mức độ đầu tư cho hoạt động này tùy thuộc vào nguồn lực của mỗi doanh nghiệp và tùy thuộc theo từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, trong ***Kế hoạch triển khai chi tiết chuyển đổi số của ngành Công Thương thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030***, Sở Công Thương Đà Nẵng đã xác định rõ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong giai đoạn 2021- 2025, cụ thể là:

### **(1) Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng chuyển đổi số**

Trong đó:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuyển đổi, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp ngành công thương về chuyển đổi số và trong việc tổ chức thực hiện các giải pháp chuyển đổi số của ngành.

- Triển khai rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách của ngành Công Thương để thúc đẩy chuyển đổi số, đặc biệt là tái cấu trúc hoặc đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế- xã hội; triển khai các ứng dụng, tiện ích thiết thực phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và tiêu dùng của người dân. Trước mắt, triển khai xây dựng Đề án Kiến trúc công nghệ thông tin phục vụ Chuyển đổi số ngành Công Thương.

## **(2) Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số**

Trong đó:

- Tập trung xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành công thương và phần mềm QLNN chuyên ngành có API chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung thành phố và các ứng dụng khác;
- Phát triển và triển khai hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến;
- Tổ chức thực hiện tốt việc chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo...

## **(3) Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Kinh tế số**

Trong đó:

- Triển khai nghiên cứu các cơ chế, chính sách cũng như các giải pháp để hỗ trợ DN chuyển đổi số, như:
  - Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất cá thể trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
  - Đề án khảo sát, đánh giá mức độ sẵn sàng sản xuất thông minh và thí điểm mô hình nhà máy thông minh trong một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn thành phố;
  - Đề án Nâng cấp hệ thống Sàn giao dịch thương mại điện tử thành phố Đà Nẵng, tích hợp chợ online hỗ trợ tiểu thương các chợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến và Bản đồ mua sắm trực tuyến
- Triển khai xây dựng, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu lưới điện trên nền GIS;
- Xây dựng và triển khai Triển lãm ảo hỗ trợ doanh nghiệp thành phố quảng bá, giới thiệu, triển lãm sản phẩm trực tuyến...

## **(4) Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số**

Trong đó, chú trọng xây dựng kênh theo dõi phản hồi, đánh giá của người dân, doanh nghiệp trong quá trình trải nghiệm Chuyển đổi số của Sở Công Thương nhằm lên kế hoạch thực hiện tối ưu hóa.

*Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nêu trên chính là các nhiệm vụ trọng tâm, trụ cột mà ngành Công Thương Đà Nẵng xác định cần thực hiện một cách thật hiệu quả, thực chất để đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số của ngành.*

**Thực hiện Kế hoạch nêu trên, trong thời gian qua, Sở Công Thương thành phố đã đạt được một số kết quả bước đầu khả quan:**

100% TTHC (124/124 TTHC thuộc 15 lĩnh vực) của Sở đã được xây dựng DVCTT mức 4. Sở Công Thương Đà Nẵng là một trong các sở, ban, ngành của thành phố dẫn đầu về tỷ lệ giải quyết DVCTT (Năm 2021, tiếp nhận 20.756 hồ sơ của tổ chức, công dân, trong đó hồ sơ trực tuyến là 20.617 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,33% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận của Sở); thuộc nhóm các sở, ban, ngành xếp

loại Tốt về ứng dụng CNTT (năm 2020, năm 2021); xếp hạng thứ ba cả nước về Chỉ số thương mại điện tử Việt Nam (nhiều năm liền, sau thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Cơ bản hoàn thành, đưa vào chạy thử Bản đồ hệ thống lưới điện trên nền GIS (đây là bước đầu, thí điểm, tiến đến xây dựng, hoàn thiện hệ thống GIS ngành công thương);

Hình thành, đưa vào hoạt động mô hình chợ 4.0 tại các chợ thuộc Sở quản lý (Chợ Cồn, chợ Hàn, chợ Đông Đa) và triển khai đến các chợ thuộc quận, huyện quản lý (nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh mua bán, tạo điều kiện để người tiêu dùng tiếp cận với phương thức thanh toán hiện đại, không dùng tiền mặt);

Kế hoạch phát triển thương mại điện tử thành phố giai đoạn 2021-2025 tiếp tục được triển khai đạt hiệu quả (phần đầu đến hết năm 2022, tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử chiếm tối thiểu 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thành phố).

Tham mưu UBND thành phố ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại”.

### ***Kính thưa Hội nghị,***

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số là phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân, doanh nghiệp và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Với đặc thù của mình, ngành Công Thương là một trong những ngành đứng đầu về mức độ tiếp cận với doanh nghiệp và người dân. Có thể minh chứng điều này qua số liệu về tỷ lệ TTHC hàng năm mà Sở Công Thương tiếp nhận và xử lý (Riêng năm 2021 đã tiếp nhận 20.756 hồ sơ TTHC; trong đó tỷ lệ xử lý hồ sơ qua DVCTT chiếm 99,33%); qua số liệu về doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực công thương trên tổng số DN của thành phố (chiếm tỷ lệ gần 45% tổng số DN đang hoạt động); số hộ kinh doanh và giao dịch mua bán phát sinh hàng ngày, hàng giờ tại các chợ truyền thống, cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại... trên địa bàn. Từ thực tiễn này, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số mà Sở Công Thương triển khai thực hiện đều hướng đến mục tiêu là nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN của ngành phù hợp với CMCN 4.0, phục vụ tốt nhất cho doanh nghiệp và người dân; hỗ trợ doanh nghiệp/ người dân dễ dàng tiếp cận, ứng dụng, tham gia chuyển đổi số và hưởng lợi từ các kết quả mang lại.

**Qua quá trình thực hiện, chúng tôi cũng rút ra được một số bài học kinh nghiệm để có thể nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số:**

- Các giải pháp thực hiện cần xuất phát và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, của ngành, của đối tượng;

- Cần có sự tăng cường hợp tác, huy động được nguồn lực doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp CNTT, truyền thông, trong tổ chức thực hiện;

- Cần có các chính sách, cơ chế thiết thực để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ số của chính quyền (ví dụ: giảm phí, lệ phí giải quyết TTHC; giảm thời gian xử lý hồ sơ,...);

- Cần nhanh chóng tập trung xây dựng, phát triển và hoàn thiện CSDL chuyên ngành (đây là tiền đề, nền tảng, cơ sở quan trọng để triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp chuyển đổi số).

***Thông qua Hội nghị, chúng tôi cũng có một số đề xuất, kiến nghị:***

- Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, tham mưu Chính phủ đề xuất Quốc hội sớm xây dựng, ban hành Luật Thương mại điện tử để tạo lập cơ sở, hành lang pháp lý vững vàng, đầy đủ, toàn diện hơn cho hoạt động thương mại điện tử.

- Kiến nghị Bộ Công Thương sớm triển khai tổ chức thực hiện, hình thành Hệ sinh thái XTTM số theo Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 – 2030” đã được phê duyệt tại Quyết định 1968/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm xây dựng, phát triển các ứng dụng, nền tảng số một cách tổng thể, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ XTTM của DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh và nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan XTTM, tổ chức hỗ trợ XTTM từ Trung ương đến các địa phương.

***Kính thưa Hội nghị!***

Trên đây là một số giải pháp thực hiện chuyển đổi số của Sở Công Thương Đà Nẵng. Với các giải pháp nêu trên, cùng với sự quan tâm, đồng hành của các cấp chính quyền thành phố; sự hỗ trợ của Bộ Công Thương và các bộ, ngành; sự ủng hộ, cộng tác, tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, công tác chuyển đổi số ngành Công Thương được kỳ vọng sẽ đạt được nhiều kết quả tốt đẹp hơn trong thời gian tới.

Chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe! Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn./.



**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THúc ĐẦY PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
*(Tham luận tại Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực  
Miền Trung - Tây Nguyên lần thứ VIII, năm 2022)*

\*\*\*

**Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng**

## **I. THỰC TRẠNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ**

Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) được thành phố Đà Nẵng xác định là một trong 3 lĩnh vực công nghiệp mũi nhọn, ưu tiên phát triển góp phần tạo ra lợi thế cạnh tranh để đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án công nghiệp quy mô lớn vào thành phố. Nhằm triển khai Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng đã nhanh chóng ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30/10/2020 về phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 8522/KH-UBND ngày 23/12/2020 triển khai thực hiện Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ và Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy.

Giá trị tăng thêm (VA) (theo giá so sánh năm 2010) của công nghiệp hỗ trợ (CNHT) thành phố Đà Nẵng đạt 6.819 tỷ đồng vào giai đoạn 2011-2015 và 10.524 tỷ đồng vào giai đoạn 2016-2020; tính tổng giai đoạn 2011-2020 đạt trên 17.340 tỷ đồng, chiếm 20,4% VA toàn ngành công nghiệp. Tỷ trọng VA của các sản phẩm CNHT trong toàn ngành công nghiệp tăng dần qua các năm, từ 17,1% năm 2011 lên trên 20,9% năm 2020.

Trên địa bàn thành phố có khoảng 110 doanh nghiệp đang hoạt động hoặc có khả năng tham gia vào hoạt động sản xuất trong các lĩnh vực CNHT, chiếm khoảng 6,3% tổng số doanh nghiệp công nghiệp toàn thành phố; trong đó, có 43 doanh nghiệp FDI (chiếm khoảng 39% số lượng doanh nghiệp CNHT); doanh nghiệp trong nước tập trung nhiều ở lĩnh vực cơ khí chế tạo máy (chiếm gần 61% tổng số doanh nghiệp CNHT), tuy nhiên đa số là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ. CNHT ngành công nghiệp công nghệ cao hiện nay chỉ mới thu hút được 5 doanh nghiệp đầu tư sản xuất.

Phần lớn doanh nghiệp CNHT khu vực FDI đã tham gia vào chuỗi sản xuất cung ứng toàn cầu hoặc khu vực, với các sản phẩm đa dạng nhưng chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực CNHT ngành ô tô, điện tử, cơ khí chính xác... Một số doanh nghiệp trong nước đã chủ động đầu tư đổi mới công nghệ để sản xuất sản phẩm CNHT. Nhờ đó, trình độ công nghệ được cải thiện, sản xuất được một số sản phẩm CNHT có khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu và có chất lượng tốt, tham

gia được vào chuỗi cung ứng<sup>1</sup>. Số lượng doanh nghiệp CNHT trong nước có hệ thống sản xuất và sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế hiện có ít nhất 05 doanh nghiệp<sup>2</sup>. Tỷ lệ lao động có trình độ kỹ thuật đã qua đào tạo của doanh nghiệp CNHT khoảng 30-40%, cho thấy chất lượng lao động của doanh nghiệp CNHT khá tốt so với mặt bằng chung khoảng 20%.

Thực trạng phát triển các lĩnh vực sản xuất sản phẩm CNHT cụ thể theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP trên địa bàn thành phố giai đoạn 2015-2020 như sau:

### **1. CNHT ngành dệt may, da giày**

Lĩnh vực này hiện có khoảng 21 doanh nghiệp tham gia sản xuất, trong đó có 09 doanh nghiệp FDI, với các sản phẩm như: sợi, vải dệt thoi, vải không dệt, chỉ may, phụ liệu may mặc (cúc, mex, khóa kéo, băng chun...), mũi giày, dây giày, phụ kiện giày...

Một số doanh nghiệp có quy mô sản xuất đáng kể gồm: TCT Cổ phần Dệt may Hòa Thọ (*sản xuất sợi*); Công ty CP Dệt Hòa Khánh-Đà Nẵng (*sản xuất vải dệt thoi*); Công ty TNHH MTV dệt vải Vinatex quốc tế; Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 tại Đà Nẵng; Công ty TNHH Advance Nonwoven (*sản xuất vải không dệt*); Công ty TNHH KANE-M Đà Nẵng (*sản xuất phụ kiện ngành may mặc, giày da*)...

Giá trị tăng thêm (VA) ngành dệt may, da giày Đà Nẵng hiện chiếm khoảng 11% tổng VA toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo thành phố, trong đó lĩnh vực CNHT ngành này chỉ chiếm khoảng 1%. Tỷ trọng này cho thấy CNHT ngành dệt may, da giày tại Đà Nẵng hiện còn khá nhỏ. Tuy nhiên, ngành dệt may-da giày không phải là ngành công nghiệp ưu tiên tại Đà Nẵng; đặc biệt, thành phố chủ trương không thu hút mới các dự án dệt, hoàn thiện sản phẩm dệt may có công đoạn nhuộm. Do đó, việc thu hút đầu tư CNHT vào ngành này thời gian qua chỉ đạt được kết quả giới hạn.

### **2. CNHT ngành điện tử, thiết bị điện**

Lĩnh vực này đến nay có 15 doanh nghiệp tham gia sản xuất, trong đó có 8 doanh nghiệp FDI, chủ yếu sản xuất, lắp ráp chi tiết, linh kiện điện, điện tử các loại để xuất khẩu như: cuộn cảm, tai nghe điện thoại, động cơ điện nhỏ, tụ điện, bảng mạch, bộ lọc, dây, cáp điện, linh kiện đầu nối bằng nhựa...

Một số doanh nghiệp có quy mô đáng kể gồm: Công ty TNHH điện tử Foster Đà Nẵng (*sản xuất, lắp ráp tai nghe điện thoại*); Công ty TNHH Điện tử Việt Hoa (*sản xuất các loại cuộn cảm*); Công ty TNHH Mabuchi Motor (*sản xuất động cơ điện nhỏ, siêu nhỏ*); Công ty TNHH Seto Việt Nam (*sản xuất linh kiện điện tử các loại*)...

<sup>1</sup> Săm lớp ô tô DRC, sợi Hotexco, vải Danatex, linh kiện cơ khí chính xác của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ và sản xuất Huỳnh Đức, khuôn mẫu Minh Thịnh Lợi,...

<sup>2</sup> Công ty CP Cao su Đà Nẵng, Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ, Công ty CP Dệt Hòa Khánh-Đà Nẵng, Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát Đà Nẵng, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ và sản xuất Huỳnh Đức...

Giá trị tăng thêm ngành điện tử, thiết bị điện hiện chiếm khoảng 11,5% tổng VA ngành công nghiệp chế biến chế tạo, trong đó riêng lĩnh vực CNHT ngành này chiếm tới 11%. Công nghiệp điện tử là một trong những ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, qua số liệu trên cho thấy, ngành điện tử và CNHT ngành này trong 5 năm qua chưa phát triển đáp ứng kỳ vọng của thành phố.

### **3. CNHT ngành sản xuất lắp ráp ô tô, phương tiện vận tải khác**

Lĩnh vực này thời gian qua thu hút được khá nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất. Tính đến nay trên địa bàn thành phố có 18 doanh nghiệp, chủ yếu chuyên sản xuất linh kiện, bộ phận, phụ tùng ô tô với sản lượng khá lớn, trong đó có 9 doanh nghiệp FDI, chủ yếu đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ.

Một số doanh nghiệp có quy mô đáng kể trong lĩnh vực này gồm: Công ty CP Cao su Đà Nẵng (*sản xuất săm lốp ô tô radial*); Công ty TNHH Fujikura Automotive (*sản xuất bộ dây truyền dẫn điện trong ô tô*); Công ty TNHH công nghiệp Daeryang Việt Nam (*sản xuất phanh đĩa ô tô*); Công ty CP Hifill, Công ty TNHH Lafien Vina, Công ty TNHH VAFI (*sản xuất các bộ lọc dầu, lọc gió, lọc nhớt*); Công ty TNHH Tachi-S Việt Nam (*sản xuất ghế ô tô*), Công ty TNHH Tokai Việt Nam (*sản xuất linh kiện ô tô bằng cao su và nhựa*), Công ty TNHH Key Tronic Việt Nam (*sản xuất đèn báo hiệu ô tô*).

Do được đầu tư mới nên phần lớn doanh nghiệp trong ngành đều có công nghệ hiện đại. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp này chủ yếu là ở các nước Đông Nam Á và được bán cho các đối tác là các công ty sản xuất ô tô hàng đầu Nhật Bản như: Toyota, Honda, Nissan... Tuy nhiên, để sản xuất, các doanh nghiệp phải nhập khẩu trên 90% nguyên vật liệu từ nước ngoài. Riêng Công ty CP Cao su Đà Nẵng (DRC) tiêu thụ trong nước chiếm 85-90% và xuất khẩu từ 10-15%, tỷ lệ nội địa hóa đạt trên 60%. Các sản phẩm DRC đều có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu tham gia chuỗi cung ứng trong và ngoài nước.

Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp ô tô, phương tiện vận tải hiện chiếm 10,9% tổng VA ngành công nghiệp chế biến chế tạo, trong đó lĩnh vực CNHT ngành này chiếm khoảng 8,35%. Qua đó đã cho thấy sự phát triển đáng khích lệ của CNHT ngành ô tô tại thành phố thời gian qua.

### **4. CNHT ngành cơ khí chế tạo máy**

Trong thời gian qua, ngành cơ khí là ngành thu hút được số lượng lớn nhất doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất so với các ngành công nghiệp khác tại thành phố. Tuy nhiên, đa phần là các doanh nghiệp quy mô nhỏ, hoạt động trong các lĩnh vực gia công, chế tạo kết cấu công trình xây dựng, sản xuất các sản phẩm cơ khí dân dụng. Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT ngành cơ khí chế tạo máy, nhất là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển, còn khá ít, với khoảng 52 doanh nghiệp, hầu hết là doanh nghiệp trong nước, có quy mô nhỏ, chiếm khoảng 9% tổng số doanh nghiệp ngành cơ khí. Trong đó, chỉ một số ít doanh nghiệp có quy mô và công nghệ đáng kể như: Công ty

TNHH Thương mại-Dịch vụ và Sản xuất Huỳnh Đức (*sản xuất các sản phẩm khuôn mẫu, chi tiết máy có độ chính xác cao*), Công ty TNHH SX-TM Minh Thịnh Lợi (*thiết kế, chế tạo khuôn mẫu*); DNTN Hòa Thắng (*chế tạo máy và cơ khí chính xác*)... Các doanh nghiệp còn lại trong nước mới chỉ gia công, chế tạo được một số sản phẩm, chi tiết cơ khí như: khuôn mẫu tương đối giản đơn (khuôn đúc bằng thép; khuôn lắp ô tô các loại...); ốc vít phục vụ cho ngành đường sắt; mạ kẽm, nhiệt luyện và gia công một số chi tiết yêu cầu kỹ thuật không quá phức tạp theo đơn đặt hàng. Hầu hết nguyên liệu thép phục vụ cơ khí chế tạo tại thành phố đều phải nhập khẩu.

Giá trị tăng thêm của ngành cơ khí chế tạo (không bao gồm các ngành sản xuất lắp ráp ô tô, phương tiện vận tải) hiện chiếm 14,4% tổng VA toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo thành phố, trong đó lĩnh vực CNHT ngành cơ khí chế tạo máy móc chỉ chiếm khoảng 1,9%. Qua đó cho thấy CNHT ngành cơ khí chế tạo máy tại Đà Nẵng vẫn còn kém phát triển.

### **5. CNHT công nghiệp công nghệ cao**

Công nghiệp công nghệ cao là lĩnh vực mới đồng thời là lĩnh vực công nghiệp mũi nhọn được ưu tiên tập trung thu hút phát triển tại Đà Nẵng. Trước năm 2015, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng đã thu hút được 02 doanh nghiệp sản xuất công nghệ cao gồm: Công ty TNHH Niwa Foudry Việt Nam (*sản xuất vật liệu đúc dùng trong các bộ phận thủy lực, các bộ phận có độ chính xác cao*); Công ty Tokyo Keiki Precision Technology (*sản xuất van điện từ*).... Trong đó, sản phẩm của Công ty Niwa Foudry cũng là sản phẩm trung gian cung ứng cho Công ty Tokyo Keiki để sản xuất sản phẩm xuất khẩu đi các thị trường: Hoa Kỳ, châu Âu, Trung Quốc, Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc...

Năm 2017, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng đã thu hút được 01 dự án lớn trong lĩnh vực CNHT, đó là dự án Nhà máy sản xuất linh kiện hàng không vũ trụ Sunshine, do Tập đoàn Universal Alloy Corporation Asia (Mỹ) làm chủ đầu tư với tổng vốn đăng ký 170 triệu USD. Đến nay, Dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 và đi vào hoạt động.

Ngoài ra, Dự án Nhà xưởng phụ trợ tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng do Công ty Cổ phần Long Hậu làm chủ đầu tư hiện nay đã cơ bản hoàn thành và thu hút được một vài dự án. Dự kiến, khi khu nhà xưởng này được lấp đầy sẽ thu hút khoảng 120 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hỗ trợ công nghệ cao, với tổng vốn đầu tư khoảng 1,1 tỷ USD, tạo ra khoảng 8.000 việc làm cho lao động.

Giá trị gia tăng của ngành công nghiệp công nghệ cao hiện chiếm khoảng 0,5% VA toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo, trong đó lĩnh vực CNHT công nghiệp CNC chiếm khoảng 0,2%.

**Bên cạnh kết quả đạt được, ngành công nghiệp hỗ trợ của thành phố vẫn còn các tồn tại, hạn chế như:**

- Số lượng doanh nghiệp CNHT trong nước còn ít, lĩnh vực sản xuất khá giống nhau, phần lớn có quy mô nhỏ, chưa đủ năng lực đầu tư, hấp thụ và đổi mới công

nghệ sản xuất. Sản phẩm chủ yếu là các loại linh kiện, chi tiết đơn giản, hàm lượng công nghệ trung bình hoặc thấp, giá thành cao, chất lượng chưa ổn định, chưa đủ năng lực sản xuất cung ứng linh kiện, phụ tùng đáp ứng yêu cầu của các công ty sản xuất lắp ráp trong chuỗi sản xuất toàn cầu ở trong nước;

- Sản phẩm CNHT do các doanh nghiệp FDI sản xuất vẫn còn nặng về gia công, lắp ráp và chủ yếu xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu của công ty mẹ. Tỷ lệ tiêu thụ nội địa để cung ứng cho các công ty sản xuất lắp ráp tại Việt Nam còn hạn chế. Các loại linh phụ kiện đặc thù, trang thiết bị, công cụ phục vụ nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm công nghệ công nghệ cao chưa thu hút được doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất, chủ yếu vẫn nhập khẩu;

- Đa số doanh nghiệp CNHT có trình độ công nghệ phổ biến ở mức trung bình. Chỉ có khoảng 20-25% số doanh nghiệp (chủ yếu là doanh nghiệp FDI và một số doanh nghiệp lớn) có trình độ công nghệ tiên tiến tương đương các nước trong khu vực.

### **Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

- Quy mô ngành sản xuất lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh tại Đà Nẵng còn rất hạn chế, dung lượng thị trường còn nhỏ, chưa có doanh nghiệp đứng đầu chuỗi sản xuất tầm cỡ khu vực và quốc tế để đóng vai trò dẫn dắt phát triển và lan toả trong ngành công nghiệp, do đó chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho các lĩnh vực CNHT phát triển;

- Hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước có nguồn lực tài chính yếu so với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhưng không dễ tiếp cận các nguồn vốn vay có lãi suất ưu đãi do không đảm bảo tài sản thế chấp; việc phải vay vốn với lãi suất cao, thời gian vay ngắn, dẫn đến giá thành sản phẩm cao, sức cạnh tranh thấp;

- CNHT thuộc ngành công nghiệp nặng, là ngành có yêu cầu cao về kỹ thuật, công nghệ. Do đó đòi hỏi chủ yếu là lao động kỹ thuật. Tuy nhiên, thành phố hiện thiếu đội ngũ nhân lực có tay nghề cao, nhất là các kỹ sư và kỹ thuật viên có trình độ cao, có khả năng tiếp nhận các công nghệ, thiết bị mới, tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp FDI.

## **II. GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN CNHT**

Để thúc đẩy phát triển CNHT, tạo lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp chủ lực của thành phố trong thời gian tới, thành phố Đà Nẵng tập trung một số giải pháp trọng tâm như sau:

- *Thứ nhất là*, khẩn trương rà soát, quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để đảm bảo quỹ đất cho thu hút đầu tư vào CNHT và các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển của thành phố. Hiện nay, ngoài Khu công nghệ cao Đà Nẵng, Khu công nghệ thông tin tập trung và 06 khu công nghiệp đang hoạt động, thành phố đã tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp hỗ trợ Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (58,53ha) để đưa khu này sớm đi vào hoạt động, tạo cụm



liên kết ngành trong các lĩnh vực sản xuất công nghệ cao. Đồng thời, các dự án khu, cụm công nghiệp mới cũng đang được gấp rút triển khai thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng gồm 03 KCN: Hòa Cầm-Giai đoạn 2, Hòa Nhơn, Hòa Ninh và các CCN: Cẩm Lệ, Hòa Nhơn, Hòa Khánh Nam;

- *Thứ hai là*, Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Bên cạnh đó, thành phố tiếp tục rà soát, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư, hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ Quỹ Đầu tư phát triển thành phố đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực kinh tế-xã hội quan trọng, trong đó có các dự án sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển trên địa bàn thành phố.

- *Thứ ba là*, đẩy mạnh xúc tiến thu hút đầu tư của các công ty, tập đoàn công nghiệp đa quốc gia, gắn với chú trọng phát triển nhà cung cấp nội địa; hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp chủ lực, các cụm liên kết ngành trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trên địa bàn thành phố nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa và kết nối, dẫn dắt các doanh nghiệp CNHT phát triển.

- *Thứ tư là*, tăng cường liên kết, hợp tác phát triển CNHT với các địa phương trong vùng, trong cả nước; phối hợp với Bộ Công Thương thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng tại Đà Nẵng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT, công nghiệp chế biến, chế tạo trong vùng nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp tham gia vào các chuỗi giá trị trong nước và từng bước tham gia sâu vào các chuỗi sản xuất toàn cầu.

- *Thứ năm là*, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trên địa bàn thành phố nhằm thúc đẩy kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp CNHT và các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp. Nâng cao vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong các hoạt động thúc đẩy liên kết, hợp tác phát triển CNHT trong cộng đồng doanh nghiệp thành phố.

Với các giải pháp nêu trên, cùng với sự quan tâm, đồng hành của các cấp chính quyền thành phố, của Bộ Công Thương và các bộ, ngành; sự liên kết, hợp tác phát triển của các địa phương, sự hưởng ứng tích cực các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp, lĩnh vực CNHT nói riêng và ngành công nghiệp thành phố Đà Nẵng nói chung được kỳ vọng sẽ có bước phát triển mạnh trong thời gian tới.

Chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe! Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn./.



## **Thực trạng và giải pháp xây dựng thị trường và nâng cao lòng tin người tiêu dùng trong thương mại điện tử**

### **Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk**

Kính thưa quý vị đại biểu,

Thưa toàn thể hội nghị

Có thể nói rằng thế kỷ 21 chứng kiến sự phát triển “cao độ” trong ngành công nghệ thông tin, nó đã và đang thay đổi thế giới cũng như tạo nên một cuộc cách mạng thực sự trong mọi lĩnh vực khoa học, đời sống và xã hội. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại hay còn gọi là thương mại điện tử ra đời và đang trở thành xu thế mới thay thế dần phương thức kinh doanh truyền thống với rất nhiều ưu thế nổi bật.

### **Thực trạng thương mại điện tử tại tỉnh Đắk Lắk**

Hoạt động phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong các năm qua đạt được nhiều kết quả nhất định. Hiện trên địa bàn tỉnh có hơn 150 website TMĐT có giao dịch trực tuyến mua bán hàng hóa và trưng bày sản phẩm giúp cho việc mua bán hàng hóa. Theo Báo cáo Chỉ số TMĐT năm 2021, chỉ số nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh đạt 13,6 xếp hạng 30/56; chỉ số giao dịch giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng B2C đạt 3,23 xếp hạng 35/56; chỉ số giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp B2B đạt 3,98 xếp hạng 31/56; chỉ số thương mại điện tử của tỉnh đạt 5,6 xếp hạng 31/56; phân bổ tên miền “.VN” theo địa phương tỉnh Đắk Lắk có 2247 tên miền “.VN” trên tổng số 1,873 triệu người, trung bình 833 người/ tên miền “.VN”.

Theo thống kê hiện có khoảng 30% dân số tham gia mua sắm trực tuyến thường xuyên, với giá trị mua hàng trực tuyến đạt khá cao. Doanh số thương mại điện tử B2C hàng năm đều tăng, tăng khoảng 10%/năm. Thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển chưa nhiều. Giao dịch thương mại điện tử B2B chiếm khoảng 15% kim ngạch xuất khẩu vào năm 2020. 15% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật thường xuyên các thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp; 80% doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong hoạt động giao dịch và trao đổi thông tin. 50% doanh nghiệp thực hiện đặt hàng hoặc nhận đơn hàng thông qua các ứng dụng thương mại điện tử. 100% các siêu thị, trung tâm thương mại cho phép người dùng thanh toán bằng thẻ thanh toán và thanh toán qua phương tiện điện tử. 100% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông cho phép người tiêu dùng thanh toán bằng thẻ thanh toán và thanh toán qua phương tiện điện tử. 30% cá nhân, hộ gia đình ở thành phố Buôn Ma Thuột sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong mua sắm.

Hiện nay, phần lớn dịch vụ công liên quan tới xuất nhập khẩu của tỉnh Đắk Lắk đều đạt mức độ 3 và 4, trong đó 87,5% đạt mức độ 4. 20% dịch vụ công liên

quan tới thương mại và hoạt động sản xuất kinh doanh được cung cấp trực tuyến mức độ 4 vào năm 2020.

Hạ tầng pháp lý cho thương mại điện tử theo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đang dần được hoàn thiện. Hệ thống thanh toán thương mại điện tử; các tiện ích tích hợp thanh toán điện tử để sử dụng rộng rãi cho các mô hình thương mại điện tử, đặc biệt loại hình thương mại điện tử doanh nghiệp - người tiêu dùng (B2C), doanh nghiệp - doanh nghiệp (B2B), chính phủ - người dân (G2C), chính phủ - doanh nghiệp (G2B). Đã và đang triển khai thực hiện, phát triển hệ thống thanh toán thương mại điện tử, các tiện ích tích hợp thanh toán điện tử sử dụng rộng rãi cho các mô hình thương mại điện tử, đặc biệt loại hình thương mại điện tử doanh nghiệp - người tiêu dùng (B2C). Đẩy mạnh ứng dụng TMĐT đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, nhằm tăng cường khả năng tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu.

Ngoài ra Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã cung cấp tất cả các thủ tục hành chính ở mức độ 2 trở lên phục vụ người dân và doanh nghiệp; Cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch & Đầu tư đã cung cấp một số dịch vụ như cho phép đăng ký kinh doanh qua mạng, gia hạn giấy phép đăng ký kinh doanh, thay đổi ngành nghề kinh doanh...Thực hiện tốt vai trò quản lý Nhà nước về thương mại điện tử ở địa phương. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến đến người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hiểu rõ về thương mại điện tử nhằm tránh thiệt hại không đáng có trên website của Sở có địa chỉ: [www.socongthuong.daklak.gov.vn](http://www.socongthuong.daklak.gov.vn).

### **Kết quả triển khai một số công tác nhiệm vụ về quản lý thương mại điện tử trong thời gian qua**

Đắk Lắk đã xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở kế hoạch phát triển thương mại điện tử được phê duyệt, hàng năm Sở xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng năm và dự toán nguồn kinh phí thực hiện.

Phối hợp Cục Thương mại điện tử & KTS tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kiến thức pháp luật về thương mại điện tử cho cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt các hoạt động thống kê, điều tra khảo sát chỉ số thương mại điện tử hàng năm, thường xuyên cung cấp thông tin trực tuyến về hoạt động thương mại điện tử trên trang thông tin điện tử của Sở nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức TMĐT trên sóng phát thanh truyền hình tỉnh nhằm tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn hiểu về TMĐT, xây dựng 07 clip với kinh phí 70 triệu đồng;

Hỗ trợ cho 08 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia cổng TMĐT quốc gia (ECVN) với kinh phí 34,5 triệu đồng; tổ chức chương trình “Gian hàng Việt trực tuyến” trên 02 sàn TMĐT sendo.vn và voso.vn với 25 doanh nghiệp tham gia. Kết quả có 04 doanh nghiệp đã mở gian hàng trên sàn TMĐT sendo.vn gồm: Công ty TNHH Êđê Café, Hợp tác xã Thăng Tiến, Hợp tác xã Ea Tu và Công ty G20 Coffee.

Tổ chức học tập kinh nghiệm quản lý tại Cổng TMĐT quốc gia; và tham quan

các sàn TMĐT ở Trung Quốc và Malaysia. Hiện đang triển khai xây dựng Đề án thành lập Chợ nông sản online tại trang thương mại điện tử chonongsandaklak.vn nhằm giúp nông dân giới thiệu, quảng bá, kết nối tiêu thụ nông sản một cách nhanh chóng, hiệu quả.

### **Bên cạnh những kết quả tích cực, thương mại điện tử tỉnh Đắk Lắk vẫn còn nhiều hạn chế**

#### **\* Về thực hiện chính sách, pháp luật về TMĐT**

- Các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ CNTT chủ yếu là làm dịch vụ, cung cấp sản phẩm với quy mô nhỏ lẻ. Nhân lực về CNTT chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh, chưa có chính sách đãi ngộ đối với nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước cũng như doanh nghiệp.

- Nhận thức của doanh nghiệp trong việc ứng dụng TMĐT vào hoạt động sản xuất kinh doanh còn chưa cao. Việc triển khai ứng dụng TMĐT của các doanh nghiệp chưa hiệu quả và chưa tương xứng với yêu cầu phát triển chung của tỉnh. Các doanh nghiệp đã sử dụng nhiều giải pháp trong hệ thống thanh toán, quản lý doanh nghiệp nhưng nhìn chung vẫn còn yếu. Hạn chế khác là dù các doanh nghiệp đã có website nhưng chỉ mới dừng lại ở mức độ cung cấp thông tin cơ bản, hơn nữa việc bảo mật thông tin khi kinh doanh trong môi trường mạng là một vấn đề gây trở ngại lớn hiện nay cho các doanh nghiệp.

- Mặc dù các quy định của pháp luật đối với công tác quản lý cũng như xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về TMĐT được thay đổi, bổ sung thường xuyên tuy nhiên TMĐT là lĩnh vực có tốc độ phát triển rất nhanh do đó trong quá trình hoạt động và kinh doanh trên môi trường TMĐT liên tục phát sinh các trường hợp vi phạm, xuất hiện các loại tội phạm công nghệ cao với nhiều hình thức lừa đảo tinh vi gây mất lòng tin của người tiêu dùng.

#### **\* Về tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển TMĐT**

- Nguồn nhân lực ứng dụng TMĐT trong các doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, đội ngũ cán bộ chuyên trách TMĐT còn thiếu, nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm, chú trọng công tác ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp về TMĐT còn giới hạn, chưa đáp ứng kịp yêu cầu.

- Thương mại điện tử là lĩnh vực mới, phát triển nhanh, tuy nhiên trình độ về kiến thức thương mại điện tử của cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp chỉ đáp ứng yêu cầu cơ bản, chưa chuyên sâu, nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm chú trọng ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh.

#### **\* Về hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát TMĐT**

Nguồn lực của tỉnh Đắk Lắk về kiểm tra, thanh tra, giám sát TMĐT để thanh tra mỏng, tần suất các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thấp, hiệu quả chưa cao, chưa có cơ chế giám sát trực tuyến các hoạt động trên môi trường điện tử; chưa có thanh tra chuyên ngành TMĐT; nhiều quy định về mức xử phạt đối với các

hành vi vi phạm trong lĩnh vực TMĐT chưa đủ mạnh để răn đe, tạo ra sự tuân thủ tốt trong xã hội.

**Để lĩnh vực TMĐT ở tỉnh phát triển toàn diện, đồng bộ và hiệu quả, theo kịp các xu hướng phát triển TMĐT của các nước nói riêng và trên thế giới nói chung nhất thiết phải xây dựng được chiến lược phát triển lâu dài, thỏa mãn các yêu cầu về định hướng, linh hoạt, hiệu quả, bền vững, từ đó thực hiện tốt các giải pháp:**

**\* Về tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức**

Thường xuyên tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng TMĐT cho doanh nghiệp, người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. Chú trọng khuyến khích người tiêu dùng tham gia và chuyển đổi hình thức mua sắm từ truyền thống sang trực tuyến, xây dựng niềm tin của người tiêu dùng vào TMĐT.

Thường xuyên tổ chức các chương trình nhằm kích thích nhu cầu mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng, xây dựng tập quán mua sắm tiên tiến nhờ ứng dụng TMĐT như: tuần lễ mua sắm trực tuyến, chương trình bình chọn Website TMĐT uy tín v.v...Triển khai các hoạt động giới thiệu về ứng dụng TMĐT theo từng ngành sản xuất và dịch vụ như nông sản, quảng cáo, du lịch, giải trí; chú trọng tới hoạt động quảng bá các DN điển hình thành công trong ứng dụng và cung cấp dịch vụ TMĐT.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về thanh toán điện tử, hoàn thiện về mặt hạ tầng thanh toán, tăng cường phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, QR code, POS...từng bước nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi thanh toán không dùng tiền mặt.

**\* Về đào tạo nguồn nhân lực**

Xây dựng các chương trình tập huấn cán bộ quản lý kinh tế và các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về TMĐT. Phổ biến, tuyên truyền về lợi ích và kỹ năng ứng dụng TMĐT cho doanh nghiệp, người tiêu dùng các ngành sản xuất và dịch vụ chính; quảng bá các doanh nghiệp điển hình thành công trong ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT.

Đào tạo, hỗ trợ nâng cao trình độ, khả năng triển khai TMĐT đối lực lượng cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về TMĐT ở địa phương, có kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực TMĐT, chú trọng chất lượng, tránh hình thức trong các hoạt động đào tạo, phổ biến kiến thức.

Cần đặc biệt nâng cao năng lực cho các lực lượng thực thi pháp luật về TMĐT vì:

Thứ nhất, TMĐT khác với thương mại truyền thống ở chỗ các hoạt động thương mại được tiến hành trong môi trường điện tử và dựa trên những quy định, những nguyên tắc và yêu cầu riêng. Điều này đòi hỏi những người quản lý kinh doanh phải hiểu rõ các thao tác kỹ thuật, những quy định và nguyên tắc thực hiện kinh doanh trực tuyến.

Thứ hai, nền tảng của TMĐT là công nghệ thông tin. Các hoạt động TMĐT

được thực hiện trên cơ sở ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin như các kỹ thuật truyền dẫn thông tin, hệ thống địa chỉ và tên miền, kỹ thuật kết nối, các trang tin để tiến hành các giao dịch thương mại.

Thứ ba, TMĐT là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế tri thức. Do đó, nhân lực TMĐT đều là những đối tượng lao động có hàm lượng tri thức cao.

#### **\* Về nâng cao năng lực quản lý**

- Đẩy mạnh hoạt động thông kê về TMĐT trong bối cảnh của COVID-19 và sự phát triển bùng nổ của thị trường mua sắm trực tuyến, để góp phần vào việc xây dựng thị trường TMĐT lành mạnh tại Việt Nam nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng, hướng dẫn thông kê về hoạt động TMĐT, phân cấp quản lý cho các địa phương để dễ dàng theo dõi, thông kê hoạt động kinh doanh của các cá nhân, doanh nghiệp trên môi trường TMĐT tại địa phương từ đó có được những định hướng rõ ràng để phát triển thị trường TMĐT bền vững và hiệu quả.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trước tình hình dịch bệnh Covid-19, việc thực hiện TTHC theo hình thức trực tuyến và gửi nhận kết quả qua dịch vụ BCCI là một giải pháp hiệu quả để hạn chế việc tiếp xúc trực tiếp, tránh lây nhiễm dịch bệnh trong cộng đồng.

- Tăng cường ứng dụng TMĐT hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển TMĐT xuyên biên giới, tham gia vào các sàn TMĐT quốc tế, tham gia chuỗi cung ứng các mặt hàng có lợi thế của địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển TMĐT trong bối cảnh CMCN 4.0, bởi đây là một lĩnh vực mới phát triển tại Việt Nam, là sự kết hợp giữa công nghệ và thị trường, giữa yếu tố thực và ảo... Vì vậy, cần tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tạo điều kiện, khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động ứng dụng TMĐT và các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ số, ban hành văn bản hướng dẫn phù hợp với tình hình phát triển trong nước và trên thế giới, chính sách về TMĐT trong nước so với các cam kết trong Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới.

- Phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong TMĐT, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp. Thời gian tới, các ngành các cấp cần đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức, hỗ trợ đào tạo về chuyển đổi số, tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các khu vực tụt hậu; phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ số và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai ứng dụng trong từng công đoạn của chu trình kinh doanh; triển khai thí điểm và từng bước nhân rộng mô hình doanh nghiệp số đối với từng ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện của từng địa phương...

**Từ thực trạng và những hạn chế, Sở Công Thương Đắk Lắk đưa ra những kiến nghị sau:**

- **Thứ nhất:** Đề nghị Bộ Công Thương, Cục TMĐT & CNTT hỗ trợ Sở Công Thương Đắk Lắk xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với hoạt

động thương mại điện tử và triển khai hoạt động thương mại điện tử từ nguồn vốn Trung ương.

- **Thứ hai:** Đề nghị các bộ ngành Trung ương hỗ trợ địa phương tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về thương mại điện tử đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực, xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng thương mại điện tử.

- **Thứ ba:** Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về thương mại điện tử để quản lý việc kinh doanh trên nền tảng trực tuyến như các sàn TMĐT nội địa (sendo.vn, voso.vn, postmart.vn...), các sàn TMĐT quốc tế (alibaba, amazon...) và các trang mạng xã hội (facebook, zalo, tiktok...).

- **Thứ tư:** Hỗ trợ tập huấn chuyên sâu, nâng cao năng lực, trang bị các kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT cần thiết cho lực lượng cán bộ, công chức thực thi pháp luật TMĐT tại các địa phương.

Cuối cùng xin chúc sức khỏe các đại biểu và chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!



## PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

### *Sở Công Thương tỉnh Đắk nông*

*Kính thưa:* - *Đồng chí Chủ trì Hội nghị!*  
- *Thưa toàn thể các đồng chí tham dự Hội nghị!*

Ngành năng lượng trở thành ngành kinh tế năng động, đóng góp rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng, an ninh tại nhiều địa phương và đất nước; mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng còn nhiều thách thức; các nguồn cung không đủ đáp ứng nhu cầu, nhập khẩu năng lượng ngày càng lớn; một số dự án năng lượng chậm so với quy hoạch, kế hoạch; quản lý khai thác nguồn tài nguyên năng lượng còn hạn chế, hiệu quả sử dụng năng lượng còn thấp... Từ những vấn đề thực tiễn đặt ra, trên cơ sở nội dung của Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, chúng tôi chia sẻ cùng Hội nghị các nội dung như sau:

#### **1. Về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển năng lượng**

Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra mục tiêu tổng quát: “Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Ngành năng lượng phát triển hài hòa giữa các phân ngành với hạt nhân đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước kết hợp với xuất, nhập khẩu năng lượng hợp lý; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng; nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại”.

Căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 55-NQ/TW, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 về Chương trình hành động của Chính phủ với những mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 như sau: Đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng trong nước, phục vụ cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030, trong đó: năng lượng sơ cấp đến năm 2030 đạt khoảng 175 - 195 triệu tấn dầu quy đổi, tổng công suất của các nguồn điện đạt khoảng 125 - 130 GW, sản lượng điện đạt khoảng 550 - 600 tỷ kWh; tỉ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20% vào năm 2030; xây dựng hệ thống điện thông minh, hiệu



quả, có khả năng kết nối an toàn với lưới điện khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn đối với vùng phụ tải quan trọng và vùng phụ tải đặc biệt quan trọng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện năng, chỉ số tiếp cận điện năng thuộc tốp các nước dẫn đầu ASEAN; Các cơ sở lọc dầu đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu trong nước, bảo đảm mức dự trữ chiến lược xăng dầu, đủ năng lực nhập khẩu khí tự nhiên hoá lỏng; tỉ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng đạt khoảng 7%; giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng ở mức 15%.

## **2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển năng lượng**

- Xây dựng, triển khai Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia tới năm 2050, Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng chính sách phát triển ngành điện; nguồn điện và lưới điện; thị trường điện và cơ chế giá điện.

- Cơ cấu lại các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng song song với thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực; nâng cao nội lực ngành công nghiệp chế tạo, dịch vụ phục vụ ngành năng lượng.

- Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hoá phát triển năng lượng.

- Đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; tích cực, chủ động xây dựng các đối tác chiến lược để thực hiện mục tiêu nhập khẩu năng lượng trong dài hạn và đầu tư tài nguyên năng lượng ở nước ngoài.

- Thực thi chính sách bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

## **3. Những cơ hội, thách thức**

Năng lượng bao gồm nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng thu được trực tiếp hoặc thông qua chế biến từ các nguồn tài nguyên năng lượng không tái tạo và tái tạo; thời gian qua, ngành Năng lượng đối mặt nhiều khó khăn, thách thức: nhu cầu điện tăng tương cao, nước về các hồ thủy điện thấp, tình hình cung cấp nhiên liệu nhất là cung cấp than cho các nhà máy nhiệt điện gặp khó khăn, các mỏ dầu khí chủ lực đang trong giai đoạn giảm sản lượng mạnh; nhu cầu than trong nước tăng cao, trong khi nhu cầu khai thác than của các mỏ trong nước đã đi đến tới hạn, điều kiện khai thác ngày càng khó khăn hơn; việc khai thác, sản xuất và tiêu thụ năng lượng có nguồn gốc hóa thạch như dầu mỏ, khí và than đá là các nguyên nhân làm tăng khí nhà kính. Sự gia tăng về nhu cầu năng lượng dẫn đến tăng cường khai thác các

nguồn năng lượng truyền thống (*chủ yếu là nguồn gốc hóa thạch*) và phát triển các nguồn năng lượng thay thế, tuy nhiên các nguồn năng lượng hóa thạch ngày càng cạn kiệt. Do vậy, thách thức lớn nhất hiện nay là xây dựng cơ chế chính sách nhằm đạt được mục tiêu vừa phát triển vừa chuyển dịch năng lượng bền vững phù hợp với các định hướng chiến lược theo Nghị quyết 55 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 140 của Chính phủ và các cam kết của Chính phủ về phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại COP26.

Hiện nay, chúng ta đang nỗ lực xây dựng lộ trình để đáp ứng mục tiêu năm 2050 phát thải ròng bằng 0, trong đó việc chuyển dịch năng lượng sẽ mang lại những cơ hội trong đầu tư, mà cơ hội đó rõ ràng như thế nào và hấp dẫn đến đâu lại đang phụ thuộc vào các chính sách và hướng dẫn của nhà nước; định hướng, lộ trình thực hiện có nhiều thách thức khác nhau như: đảm bảo đủ năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, các dạng năng lượng truyền thống đang suy giảm về khả năng cung cấp, các tiềm lực trong nước còn hạn chế nhưng phải đảm bảo phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và giảm phát thải bằng 0 theo cam kết của Chính phủ. Việc xây dựng các lộ trình, chính sách để làm sao đạt hiệu quả nhất, để phát triển, chuyển dịch năng lượng thành công với chi phí thấp nhất nhưng phải đảm bảo an ninh năng lượng đây được xem là những thách thức rất lớn trong: công tác lập quy hoạch (*về chuyển tiếp, trình tự thủ tục bổ sung dự án vào quy hoạch*), vướng mắc trong quy định pháp luật về đầu tư xây dựng (*vướng mắc giữa các Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường,...*), công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (*các văn bản quy phạm pháp luật chưa đầy đủ và chưa phù hợp, đơn giá đền bù tại một số địa phương còn gây cản trở việc thực hiện các dự án,...*), thu xếp vốn đầu tư, việc đảm bảo nhiên liệu cho phát điện khó khăn và tiềm ẩn rủi ro (*cung cấp than, cung cấp khí, cung cấp dầu*).

Việc phát triển năng lượng và lộ trình chuyển đổi năng lượng là xu hướng nhưng năng lực và trình độ công nghệ trong nước còn hạn chế, thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế thiết bị. Thêm nữa, hành lang pháp lý tạo đà cho sử dụng hiệu quả năng lượng, năng lượng mới và tái tạo chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ. Bởi vậy, để góp phần cho việc phát triển, chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam thành công rất cần khuôn khổ pháp lý để hấp dẫn các nhà đầu tư, do vậy cần nhanh chóng rà soát sửa đổi, hoàn thiện các Luật chuyên ngành mà chúng ta cho là trụ cột để thực hiện như: Luật Điện lực, Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật liên quan đến nội dung và phạm vi điều chỉnh đến ngành năng lượng.... Các khuôn khổ pháp lý được thiết lập vững chắc sẽ là nền tảng để thúc đẩy phát triển công nghệ năng lượng

Việc phát triển, chuyển đổi năng lượng đòi hỏi sự đầu tư về nguồn lực, công nghệ với nguồn vốn rất lớn, do đó cần sự tham gia tham gia của nhiều bên. Theo đó, để thu hút đầu tư phát triển, các thành phần kinh tế, cộng đồng các doanh nghiệp cần có sự đảm bảo về chính sách liên tục, dài hạn, phù hợp với thực tiễn phát triển, đồng bộ trong các khâu thực hiện và thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án năng lượng, có một sự cam kết ổn định. Các chính sách cần cụ thể hơn trong việc huy động vốn của các tổ chức tín dụng, lộ trình thực hiện, tránh mâu thuẫn giữa các văn bản quy

phạm pháp luật, giữa các cơ quan ban hành để tránh chồng chéo trong việc thực hiện các quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch hạ tầng dữ trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia, quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản (*trong đó có than*)....

Kính thưa quý vị đại biểu tham dự Hội nghị, với bất kỳ sự phát triển nào cũng có những cơ hội và thách thức khác nhau, năng lượng là một lĩnh vực kinh tế rất lớn, vô cùng quan trọng trong nền kinh tế, đến với Hội nghị ngành Công Thương năm nay, trên cơ sở các quan điểm mục tiêu tổng quan về phát triển năng lượng, chúng tôi xin tham gia một số thông tin mang tính chia sẻ ở một phần nhỏ của góc độ cơ hội và thách thức nhằm đạt được mục tiêu phát triển năng lượng bền vững phù hợp với các định hướng chiến lược năng lượng theo Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ. Các vấn đề có liên quan và cụ thể hơn chúng tôi mong rằng sẽ được các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương xem xét thấu đáo, căn kẽ để có cơ sở pháp lý, lộ trình thực hiện phù hợp trong thời gian tới. Kính chúc đồng chí chủ trì Hội nghị, cùng toàn thể quý vị đại biểu tham dự Hội nghị sức khỏe, hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!

## **Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

### *Sở Công Thương tỉnh Gia Lai*

Kính thưa: - .....  
- Quý vị đại biểu

Hôm nay, tôi rất hân hạnh thay mặt Sở Công Thương tỉnh Gia Lai tham dự Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung – Tây Nguyên năm 2022 tại Ninh Thuận.

Xin trân trọng gửi đến tất cả quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe và chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Tôi xin tham luận về Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

### **I. Thực trạng Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Trong những năm qua, Sở Công Thương tỉnh Gia Lai đã tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện các Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 598/QĐ-UBND ngày 03/11/2020.

Bên cạnh đó, hàng năm Sở Công Thương Gia Lai đã xây dựng đề án Thương mại điện tử thuộc Chương trình phát triển Thương mại điện tử quốc gia và đã được Bộ Công Thương phê duyệt 11 đề án, cấp kinh phí thực hiện trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022.

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 gây ra nhiều hệ lụy, tác động xấu đến hoạt động kinh tế - xã hội. Tuy nhiên ở khía cạnh khác, sự hạn chế tiếp xúc do dịch bệnh đã trực tiếp thúc đẩy TMĐT phát triển, trở thành phương thức giao dịch được sử dụng phổ biến, lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng và doanh nghiệp trên cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng.

Về quy mô thị trường thương mại điện tử:

- Khoảng 20% dân số tham gia mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và các ứng dụng di động như: Lazada, Shopee, Sendo, Facebook, Zalo... với giá trị mua hàng trực tuyến đạt tương đối cao.

- Doanh số trong giao dịch thương mại điện tử hàng năm đều tăng, khoảng 15%/năm, chiếm 4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh.

Hạ tầng thanh toán: Các siêu thị, trung tâm mua sắm, các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền thông triển khai các thanh toán không dùng

tiền mặt thông qua hình thức thanh toán trực tuyến của các ngân hàng thương mại và các trung gian thanh toán trực tuyến, ví điện tử (Momo, Moca, VnPay, ViettlePay, Zalo Pay, MobiFone Pay...).

Hạ tầng logistic hỗ trợ TMĐT ngày càng được quan tâm phát triển, đáp ứng được nhu cầu vận chuyển, giao nhận hàng hóa. Các đơn vị chuyên phát tăng trưởng về quy mô và số lượng. Trong đó có các doanh nghiệp lớn: VNPost, Viettel Post, Giao hàng nhanh, Giao hàng tiết kiệm, J&T express..., đã ứng dụng các hệ thống tra cứu, truy xuất, kiểm soát lưu thông hàng hóa trên nền tảng mã vạch, mã QRcode. Các dịch vụ gọi xe trực tuyến: Grab, giao hàng tực tuyến Beamin được người dân sử dụng rộng rãi.

Hạ tầng thông tin: Sở Công Thương vận hành 06 website: Trang thông tin điện tử: <http://sct.gialai.gov.vn>; Sàn giao dịch TMĐT hỗ trợ doanh nghiệp tham gia ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: [www.thuongmaigialai.vn](http://www.thuongmaigialai.vn), [www.ocopgialai.vn](http://www.ocopgialai.vn), đến nay đã hỗ trợ cho hơn 300 doanh nghiệp tham gia vào các sàn TMĐT nêu trên; hệ thống thu nhập và quản lý trực tuyến thông tin xuất nhập khẩu Gia Lai tại địa chỉ [www.xnkgialai.gov.vn](http://www.xnkgialai.gov.vn); Cơ sở dữ liệu Công nghiệp và Thương mại tỉnh Gia Lai tại địa chỉ: <http://csdlcntmgialai.gov> đáp ứng kịp thời, đầy đủ các yêu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Công Thương, Phần mềm Bản đồ trực tuyến hệ thống phân phối hàng Việt trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ <http://bandohangvietgialai.vn> phục vụ nhu cầu cung cấp thông tin cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng hàng Việt của doanh nghiệp và người dân.

Sở Công Thương đã phối hợp với Cổng thông tin thị trường nước ngoài [www.vietnamexport.com](http://www.vietnamexport.com) cung cấp một cách có hệ thống đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh thông tin thị trường nước ngoài về hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Ứng dụng công nghệ số vào công tác xúc tiến thương mại : tổ chức gian hàng triển lãm trên không gian mạng, các doanh nghiệp, hợp tác xã giới thiệu và bán sản phẩm bằng các hình thức giao thương trực tuyến, Livestream bán hàng, giới thiệu sản phẩm với MC ảo ... và nhiều giải pháp mà công nghệ, giảm thiểu rất nhiều chi phí từ đó tạo môi trường để các doanh nghiệp kết nối mua bán và thích ứng với chuyển đổi số.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực TMĐT luôn được quan tâm, chú trọng... nhằm giúp doanh nghiệp và thương nhân trên địa bàn nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng TMĐT, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn tới sản xuất và tiêu dùng của cả nước thời gian qua. Ngày 01/6/2022, Sở Công Thương phối hợp với Trung tâm phát triển thương mại điện tử - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương tổ chức Hội nghị tập huấn “Thương mại điện tử - Cơ hội bứt tốc cho doanh nghiệp Gia Lai thời kỳ hậu COVID-19” với sự tham gia của 180 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.



Vận động các doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, hệ thống kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm.

Đến nay, đã hỗ trợ xây dựng hơn 180 website thương mại điện tử và phần mềm ứng dụng TMĐT cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn để giới thiệu, mua bán sản phẩm hàng hóa. Hỗ trợ cung cấp phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng và xúc tiến bán hàng trực tuyến; bộ thương hiệu trực tuyến các sản phẩm nông sản chủ lực như cà phê, tiêu... bộ giải pháp bán hàng thông minh, bộ giải pháp hoàn tất đơn hàng (fulfillment), gói giải pháp phân tích nhu cầu thị trường, insight khách hàng tiềm năng, SWOT, chiến lược định vị theo nhu cầu thị trường, các phần mềm khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp, hợp tác xã theo từng lĩnh vực, ngành hàng, bộ giải pháp chăm sóc và quản trị khách hàng (CRM, AI, BigData) theo lĩnh vực, ngành hàng; Landing pages...

Cung cấp Bộ giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Gia Lai như cà phê, hồ tiêu, hạt điều, chè, chanh dây, mật ong, hạt mắc ca tại địa chỉ: <http://txng.gialai.vn>.

Tổ chức tuyên truyền, truyền thông, vận động các doanh nghiệp tham gia Chương trình, sử dụng các nền tảng số để thực hiện chuyển đổi số tại địa chỉ <https://smedx.vn> và <https://smedx.mic.gov.vn>.

Đẩy mạnh ứng dụng TMĐT hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, mở rộng tiêu thụ hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh. Năm 2021, hỗ trợ, hướng dẫn hơn 40 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tham gia mua bán hàng hóa trên các sàn TMĐT lớn tại Việt Nam như: Sendo.vn, Voso.vn, PostMart.vn, Shopee.vn, Lazada.vn và Tiki.vn. Doanh thu năm 2021 ước đạt 80 tỷ đồng (Số liệu của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương). Hàng hóa được bán trên các sàn thương mại điện tử chủ yếu là: Nông sản (Các loại cà phê, tiêu, điều, măng, trái cây, mật ong, khoai lang, tinh dầu,... đặc biệt là các sản phẩm OCOP); hàng thực phẩm; đồ dùng gia đình...

Trên cơ sở các kết quả đạt được, Chỉ số thương mại điện tử tỉnh Gia Lai đều có sự tăng trưởng qua các năm. Năm 2022, Gia Lai đứng thứ 40/63 tỉnh, thành phố; tăng 04 bậc so với năm 2021 (44/63 tỉnh, thành phố), tăng 6 bậc so với năm 2020 (46/63 tỉnh, thành phố) (*Theo Báo cáo chỉ số thương mại điện tử - Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam*). So với các tỉnh Tây Nguyên: xếp thứ 03/05 tỉnh Tây Nguyên, sau Lâm Đồng và Đắk Lắk. Trong đó:

Chỉ số về Nguồn nhân lực và Hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh Gia Lai đứng thứ 46/63 tỉnh, thành phố cả nước; tăng 3 bậc so với năm 2021 (49/63 tỉnh, thành phố).

Chỉ số về giao dịch B2B tỉnh Gia Lai năm 2022 đứng thứ 25/63 tỉnh, thành phố; tăng 16 bậc so với năm 2021 (41/63 tỉnh, thành phố)

Chỉ số về giao dịch B2C tỉnh Gia Lai năm 2022 đứng thứ 46/63 tỉnh, thành phố

## II. Đánh giá

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng sự hỗ trợ tích cực từ Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương, lĩnh vực thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai đang phát triển khả quan như đánh giá trên và được đông đảo doanh nghiệp quan tâm, chú trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh các mặt tích cực trên, thương mại điện tử cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Gia lai có khoảng 7.900 doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp có website TMĐT còn khá ít. Đa số là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng TMĐT vào kinh doanh còn chưa cao; nhiều doanh nghiệp đã xây dựng website nhưng vẫn chỉ dừng ở mức giới thiệu doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ đang kinh doanh, giá mua, giá bán; phần lớn các doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua email; các hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch TMĐT, mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch TMĐT, ứng dụng di động còn thấp...

Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử còn thấp. Doanh số người bán tại Gia Lai còn rất nhỏ so với các tỉnh thành khác, chưa tương xứng với tiềm năng nông sản của tỉnh.

Một số các sản phẩm có thế mạnh của địa phương chưa tận dụng được ưu thế của TMĐT, đặc biệt là tận dụng các sàn TMĐT xuyên biên giới như Alibaba, Amazon nên chưa mở rộng được thị trường.

Tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ... được rao bán tràn lan trên các trang mạng xã hội, sàn TMĐT đặt ra thách thức lớn cho công tác quản lý, ảnh hưởng đến tâm lý mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng.

Công tác thống kê, khai thác dữ liệu, truy vết giao dịch, kết xuất dữ liệu phục vụ công tác quản lý thuế từ hoạt động TMĐT gặp nhiều khó khăn vướng mắc.

Để thúc đẩy TMĐT phát triển, ngày 03/11/2020, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định Số 598/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 với nhiều giải pháp đề ra nhằm đưa TMĐT trở thành một hoạt động được sử dụng, ứng dụng phổ biến; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời xây dựng thị trường TMĐT lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững...

Sở Công Thương Gia Lai phối hợp với Trung tâm Thương mại điện tử - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM) triển khai thực hiện đồng bộ, trọng tâm các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển TMĐT trong bối cảnh CMCN 4.0 theo hướng tạo điều kiện, khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động ứng dụng TMĐT và các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công



nghe số, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn sử dụng hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

Thứ hai, nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động TMĐT, đấu tranh chống các hành vi gian lận thương mại, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh không lành mạnh trong TMĐT.

Thứ ba, tiếp tục xây dựng thị trường và nâng cao lòng tin người tiêu dùng trong TMĐT, thông qua nhiều hình thức, như: tuyên truyền, quảng cáo, tổ chức hội nghị, sự kiện,...từ đó tăng cường khả năng nhận biết và ứng phó của người tiêu dùng với những hành vi tiêu cực trong TMĐT, đồng thời giúp người dân và doanh nghiệp hiểu được những mặt tích cực mà công nghệ cũng như TMĐT mang lại, giúp thay đổi thói quen tập quán kinh doanh và tiêu dùng theo phương thức hiện đại hơn, hiệu quả hơn...

Thứ tư, tăng cường năng lực các hệ thống hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho TMĐT, phát triển nguồn nhân lực TMĐT. Trong đó, đẩy mạnh việc hoàn thiện, đồng bộ và nâng cao hạ tầng công nghệ thông tin. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng dịch vụ chuyển phát và hạ tầng logistics trong TMĐT, từ đó sẽ giúp thông suốt các quy trình phân phối, xuất khẩu hàng hóa, tiết kiệm chi phí, thời gian và nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng hóa. Hoàn thiện về mặt hạ tầng thanh toán, tăng cường phát triển các tiện ích thanh toán trên nền tảng di động, ví điện tử, mã QR code, NFC, POS...để từng bước thay đổi nhận thức và thói quen người tiêu dùng đối với việc thanh toán không dùng tiền mặt...

Tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề theo các ngành hàng thế mạnh của tỉnh cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn nhằm trang bị các kiến thức chuyên sâu theo lĩnh vực, kỹ năng, thao tác trên môi trường trực tuyến.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng TMĐT hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển TMĐT tại các địa phương. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia giới thiệu và mua bán sản phẩm, hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử uy tín như: Sendo, Lazada, Tiki, Shopee, Voso, Postmart...; tập trung vào các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ các chủ thể sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng trên địa bàn tỉnh xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu sản phẩm (tem nhãn mác, bao bì đóng gói, truy xuất nguồn gốc,...).

Thứ sáu, phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong TMĐT, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp. Thời gian tới, các ngành các cấp cần đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức, hỗ trợ đào tạo về chuyển đổi số, tập trung vào các doanh nghiệp, các chủ thể có sản phẩm OCOP./.

## Thực trạng và giải pháp triển ngành công nghiệp hỗ trợ

### Sở Công Thương Khánh Hòa

*Kính thưa quý vị đại biểu!*

Phát triển công nghiệp hỗ trợ có ý nghĩa quan trọng đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh, góp phần tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chính trong cơ cấu nền kinh tế. Cùng với tiến trình hội nhập vào nền kinh tế cả nước và khu vực; công nghiệp hỗ trợ tỉnh Khánh Hòa đã có những bước tiến nhất định và đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

Đến nay, Khánh Hòa có 25 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ như dệt may, da giày và cơ khí với tổng giá trị sản xuất chiếm khoảng 4,3% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Tổng số lao động ngành công nghiệp hỗ trợ chiếm khoảng 9,5% tổng số lao động ngành công nghiệp.

- **Đối với ngành dệt – may:** Sản phẩm chủ yếu là vải dệt kim, vải dệt thoi, sợi tự nhiên của Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến và Công ty cổ phần Dệt may Nha Trang với công suất hơn 300 tấn/tháng. Các sản phẩm phụ kiện: nút kim loại, polyester & nhựa, dây thun, dây kéo của Công ty Cổ phần Phụ liệu May Nha Trang, với sản lượng ổn định bình quân năm 1.100 tấn/năm.

- **Đối với ngành da - giày:** Sản phẩm da cá sấu và đà điểu của Công ty Kinh doanh Đà Điểu Cá Sấu Khatoco với công suất 40.000 tấm da đà điểu và 10.000 tấm da cá sấu/năm để chế tạo các túi xách, ví, giày tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- **Đối với ngành công nghiệp cơ khí:** Sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất máy móc thiết bị; sản xuất các phương tiện vận tải; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị và chế biến chế tạo khác. Tỷ trọng của ngành cơ khí trong giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh năm 2010 là 24,95%, năm 2015 tăng lên 27,01% và năm 2020 đạt 16.588,8 tỷ gấp 2,45 lần so với năm 2010. Trong đó, giá trị sản xuất lớn nhất là ngành đóng tàu của Công ty TNHH Đóng tàu Hyundai Việt Nam là doanh nghiệp mỏ neo của tỉnh với tổng giá trị xuất khẩu của Công ty TNHH Đóng tàu Hyundai Việt Nam năm 2021 đạt 309,2 triệu USD, chiếm gần 25% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh và thu hút 06 công ty 100% vốn nước ngoài, đầu tư vào tỉnh Khánh Hòa chuyên cung cấp các linh, phụ kiện cho công nghiệp đóng tàu và 03 Công ty ở địa phương chuyên sản xuất các cấu kiện kim loại của tàu ở mức độ đơn giản, giá trị sản xuất tương đối thấp. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Khánh Hòa vẫn còn những tồn tại như sau:

- Thực tế chưa có nhiều doanh nghiệp mỏ neo có quy mô lớn đầu tư vào tỉnh Khánh Hòa để hỗ trợ dệt may - da giày, tuy là ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn, nhưng chưa có công nghiệp hỗ trợ thích đáng nên tỷ lệ nội địa hóa đang còn thấp. Nguyên phụ liệu cho ngành dệt may phải nhập khẩu từ 70% - 80%.

- Đa số các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp nhỏ và vừa, số lượng hoạt động rất ít, trình độ quản lý yếu, tính liên kết chưa cao; hạn chế về vốn, ứng dụng công nghệ cao, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại.

- Các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP chủ yếu là ưu đãi về thuế, tín dụng, nhân lực nên chưa phát huy hiệu quả, chưa tạo bước đột phá để khuyến khích, đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ ở địa phương.

- Nguồn nhân lực phục vụ cho ngành công nghiệp hỗ trợ, làm chủ công nghệ tiên tiến hiện đại còn hạn chế.

- Sản phẩm nguyên phụ liệu công nghiệp hỗ trợ trong tỉnh chỉ có cụm ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và chủ yếu phục vụ cho ngành đóng tàu; đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong tỉnh chỉ sản xuất các sản phẩm đơn giản, giá trị thấp, trong khi đó, tốc độ lạm phát hiện nay tăng cao, chi phí về nhân công không rẻ và lợi thế sản xuất sẽ bị mất dần tại thị trường tỉnh nhà. Xuất phát từ thực tế trên, để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Khánh Hòa cần giải pháp đồng bộ cụ thể như sau:

- **Thứ nhất**, cần tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đặc biệt ngày 16/6/2022, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa. Theo đó Khánh Hòa xác định thu hút các ngành công nghiệp trọng điểm, có quy mô lớn như công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, công nghiệp công nghệ sinh học,.. từ đó có thể định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ trong thời gian tới.

- **Thứ hai**, điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, theo đó nâng tổng mức kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với mức trên 100 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-

2025; tập trung vào các đề án hỗ trợ cho các ngành và lĩnh vực chủ yếu: ngành Dệt may, ngành Da giày, phụ liệu may, ngành cơ khí đóng tàu. Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp trên địa bàn; sửa đổi Quy chế xây dựng, thẩm định, phê duyệt và quản lý, sử dụng kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Khánh Hòa, theo hướng đơn giản hóa thủ tục tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia.

- **Thứ ba**, tập trung thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhằm đảm bảo quỹ đất cho việc thu hút các nhà đầu tư thuộc các ngành ưu tiên đầu tư của tỉnh, các ngành công nghiệp hỗ trợ;

- **Thứ tư**, phối hợp với trường đại học, cao đẳng, viện để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước ngành Công nghiệp ở các cấp; tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao từng bước đưa công nghiệp của tỉnh phát triển.

- **Thứ năm**, rà soát tham mưu sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách của Trung ương còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo. Đồng thời tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính; khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn mở rộng liên kết, hợp tác trong hoạt động sản xuất, kinh doanh với các đối tác trong nước và nước ngoài có quy mô lớn về vốn đầu tư, tận dụng các cơ hội chuyển giao, đổi mới công nghệ, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Với các giải pháp nêu trên, lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Khánh Hòa sẽ đạt được các bước phát triển trong thời gian tới.

Chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe! Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn./.

**“Kinh nghiệm quảng bá, xúc tiến phát triển sản phẩm OCOP  
trong bối cảnh đại dịch Covid-19 thời gian qua”**

-----

***Sở Công Thương tỉnh Kon Tum***

Tỉnh Kon Tum với lợi thế về điều kiện tự nhiên, thuận lợi để phát triển đa dạng sản phẩm, nhất là các sản phẩm đặc sản (như phát triển các loài cây dược liệu mà tiêu biểu là Sâm Ngọc Linh và đảng sâm, vùng chuyên canh cà phê xứ lạnh, vùng rau-hoa xứ lạnh...). Nhằm khai thác tốt lợi thế về nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Trong những năm qua, tỉnh Kon Tum đã quan tâm triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát triển mạnh các sản phẩm. Sau hơn 3 năm thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đến nay toàn tỉnh đã có 148 sản phẩm đạt chuẩn từ 3-5 sao, trong đó 01 sản phẩm đạt chuẩn 5 sao cấp quốc gia, 13 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao; 134 sản phẩm đạt chuẩn 3 sao. Hầu hết các sản phẩm OCOP phong phú về chủng loại, có hình thức, mẫu mã bao bì đẹp, có chất lượng tốt, đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, đủ điều kiện lưu thông trên thị trường và có khả năng tiếp cận các hệ thống phân phối lớn; được người tiêu dùng trong cả nước biết đến, có sản phẩm đã được xuất khẩu sang các nước; đặc biệt là các thị trường khó tính trên thế giới.

Những năm trước đây, hoạt động sản xuất sản phẩm hàng hóa thường mang tính tự phát, các chủ thể sản xuất ra những sản phẩm theo năng lực của mình, chưa quan tâm nhiều đến nhu cầu của thị trường; sản phẩm làm ra chỉ tập trung đến công năng công dụng; giá trị sử dụng của sản phẩm, ít chú trọng đến hình thức, mẫu mã, bao bì sản phẩm; ít quan tâm đến khâu vệ sinh an toàn thực phẩm, nguồn gốc sản phẩm... Đặc biệt là các hoạt động để tìm đầu ra cho sản phẩm, làm sao sản phẩm được tiêu thụ rộng rãi vẫn là khâu yếu nhất của các chủ thể. Nhiều sản phẩm được sản xuất nhưng không bán được, tồn kho kéo dài từ đó làm giảm chất lượng sản phẩm, mất giá và dẫn đến thua lỗ. Một vấn đề quan trọng nữa là sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hóa của mình cũng ít được biết đến và quan tâm để đăng ký bảo hộ theo quy định, làm cho các sản phẩm tiềm năng bị xâm phạm, bị làm giả, ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu sản phẩm.

Đặc biệt trong thời gian qua, đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nặng nề đến đời sống người dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sản xuất đình trệ, kinh doanh gián đoạn, hoạt động của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân gặp nhiều khó khăn. Nhiều sản phẩm OCOP mới được hình thành gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị

trường, các chủ thể lúng túng trong việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

Nhằm hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân khắc phục những hạn chế trên, mạnh dạn phát triển sản phẩm của mình, tiếp cận thị trường một cách ổn định và bền vững, nâng cao giá trị sản phẩm, từng bước hướng đến thị trường quốc tế, Sở Công Thương đã triển khai nhiều hoạt động, nhiều chương trình có ý nghĩa thiết thực, như chương trình khuyến công, chương trình xúc tiến thương mại, chương trình phát triển thương mại điện tử... thông qua đó, bằng nguồn kinh phí ngân sách trung ương và địa phương, đã hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng các mô hình sản xuất tiến tiến, sản xuất sạch hơn; hỗ trợ máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ cung cấp thông tin về chính sách phát triển công nghiệp, phổ biến kinh nghiệm, tư vấn phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn.

Bên cạnh việc tập trung đầu tư phát triển sản phẩm, Sở Công Thương cũng đã hướng cho các chủ thể OCOP tích cực tham gia chuỗi liên kết giá trị, các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú, nhằm đưa thông tin sản phẩm đến với người tiêu dùng. Đây là hoạt động hết sức quan trọng, góp phần tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, từ đó mang lại lợi ích kinh tế đôi với các đơn vị, cá nhân, các chủ thể sản xuất sản phẩm.

Hoạt động xúc tiến thương mại trên nền tảng công nghệ số và phát triển thương mại điện tử là những hoạt động được chú trọng trong giai đoạn này, để tăng cơ hội tiếp cận với khách hàng, đưa hình ảnh doanh nghiệp và thông tin sản phẩm đến với đông đảo người tiêu dùng; tham gia nhiều Diễn đàn trực tuyến để kết nối tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là Diễn đàn kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm 970 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông qua chương trình phát triển thương mại điện tử đã hỗ trợ cho các đơn vị trong việc đào tạo nguồn nhân lực thương mại điện tử có khả năng tổ chức, quản lý gian hàng, bán hàng, giới thiệu, phát triển trên các sàn thương mại điện tử uy tín trong nước và trên thế giới. Hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ thương mại điện tử, phát triển sản phẩm và giải pháp thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động giúp quảng bá doanh nghiệp của tỉnh. Ngoài ra, Sở Công Thương cũng đã xây dựng và phát triển sàn thương mại điện tử của tỉnh, thường xuyên nâng cấp, duy trì hoạt động, kết nối với các sàn thương mại điện tử trong phạm vi cả nước giúp cập nhật thông tin, quảng bá rộng rãi hình ảnh và sản phẩm doanh nghiệp, đặc biệt tại đây có chuyên mục sản phẩm OCOP, thường xuyên đưa thông tin các sản phẩm đã được đánh giá của tỉnh đạt cấp hạng 3-5 sao.

Để tạo điều kiện cho các chủ thể OCOP giới thiệu trực tiếp các sản phẩm của



mình, Sở Công Thương đã hỗ trợ xây dựng các điểm Trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố và các huyện. Trong những năm qua các điểm Trưng bày, giới thiệu, bán sản phẩm OCOP đã phát huy tốt tác dụng, kết nối trực tiếp sản phẩm với người tiêu dùng trong tỉnh, với du khách ngoài tỉnh; đồng thời còn là điểm giao lưu sản phẩm OCOP với các địa phương khác trong toàn quốc, giúp cho các sản phẩm OCOP của tỉnh bạn có mặt tại Kon Tum, và đưa sản phẩm của tỉnh Kon Tum đến với các điểm trưng bày tại các tỉnh bạn.

Những hoạt động của ngành Công Thương trong thời gian qua đã góp phần không nhỏ giúp các chủ thể OCOP và sản phẩm của tỉnh vượt qua giai đoạn khó khăn của đại dịch Covid-19, từng bước tiếp cận thị trường, mở rộng mạng lưới tiêu thụ, ổn định đầu ra cho sản phẩm./.



***Tăng cường kết nối và phối hợp với các tập đoàn phân phối bán lẻ trong nước để đưa hàng Việt tiếp cận người tiêu dùng***

---

***Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng***

Chúng tôi nhận thấy, nhu cầu tiếp cận thông tin tin cậy và mong muốn sử dụng hàng hoá uy tín của người tiêu dùng trên thị trường thông qua hệ thống phân phối bán lẻ trong nước là điều được quan tâm lớn hiện nay, việc các nhà phân phối bán lẻ nhất hệ thống bán lẻ hiện đại tổ chức phân phối hàng hoá theo chuỗi, hạ tầng và trang thiết bị hiện đại, quy trình và tổ chức quản lý vận hành chuyên nghiệp, hàng hoá được theo dõi và cập nhật thường xuyên và đây chính là nơi để người tiêu dùng tiếp cận với hàng hoá Việt thuận lợi.

Xu hướng tiêu dùng hiện đại, thông minh, thuận tiện đang ngày càng phát triển cả ở thành thị và nông thôn, với ưu thế mặt hàng đa dạng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hàng hoá luôn sẵn có, tiết kiệm thời gian, giá cả niêm yết,... thu hút đông đảo người tiêu dùng.

Chính những lợi thế từ hệ thống phân phối bán lẻ hiện đại, nhiều tập đoàn phân phối có chiến lược đầu tư, mở rộng đa dạng hình thức phân phối bán lẻ trong nước hình thành nên chuỗi phân phối từ đại siêu thị, siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng,... tạo mạng lưới kết nối thông suốt, dòng chảy hàng hoá luôn tiếp cận kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.

Lâm Đồng với những sản phẩm đặc trưng, thế mạnh, trở thành thương hiệu nổi tiếng là rau, hoa, trà, cà phê, trái cây, sản phẩm chế biến từ nông sản; được sản xuất với công nghệ cao, chế biến sâu, mang lại giá trị gia tăng cho người sử dụng.

Thời gian qua, nhằm tăng cường hoạt động truyền thông, quảng bá và đưa hàng hoá Việt tới người tiêu dùng, chúng tôi đã quan tâm chú trọng đến hoạt động kết nối, phối hợp với tập đoàn bán lẻ trong nước, cụ thể, tháng 6 năm 2022 vừa qua, chúng tôi đã thực hiện ghi nhớ hợp tác với Công ty Wincommerce tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá, kết nối, tuần hàng sản phẩm Lâm Đồng tại hệ thống siêu thị Winmart thành phố HCM, đã thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp, người tiêu dùng, cơ quan truyền thông. Thông qua chương trình, sản phẩm được truyền thông rộng rãi, được quảng bá đến người tiêu dùng và người tiêu dùng tiếp cận trực tiếp, đánh giá, sử dụng; hệ thống phân phối đánh giá tiềm năng và thúc đẩy sự kết nối, hợp tác với nhà sản xuất, tạo uy tín trong hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi cho rằng, việc đưa hàng Việt tiếp cận người tiêu dùng thông qua các tập đoàn phân phối bán lẻ trong nước là một trong những giải pháp hiệu quả thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, để tạo sự lan toả hoạt động này đến với cộng đồng trong thời gian tới, cần thiết có sự hỗ trợ, phối hợp, chủ động từ các cơ quan, đơn vị, địa phương như:

- Có sự hỗ trợ từ Vụ Thị trường trong nước đối với các tập đoàn phân phối bán lẻ trong nước tích cực phối hợp các địa phương tổ chức các chương trình kết nối, truyền thông, quảng bá và đưa hàng Việt đến với người tiêu dùng thuộc hệ thống phân phối của các tập đoàn.

- Sự đồng hành, phối hợp tích cực của các tập đoàn phân phối bán lẻ với các địa phương sẽ đem lại sự thành công của chương trình.

- Tính liên kết giữa các địa phương sẽ tạo điểm nhấn và sự cộng hưởng, lan toả rộng lớn.

- Các cơ quan truyền thông đại chúng từ Trung ương đến địa phương tăng cường đưa tin, phát sóng hoạt động kết nối, quảng bá, trưng bày sản phẩm đến với quần chúng nhân dân./.

## **GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

*Sở Công Thương tỉnh Phú Yên*

Kính thưa các đ/c Lãnh đạo, quý vị Đại biểu!

Thưa Hội nghị!

Sau đây Sở Công Thương Phú Yên xin trình bày tham luận về: **Một số giải pháp thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

Năm 2014 và 2016, Tỉnh Phú Yên đã được Bộ Công Thương thỏa thuận danh mục 27 CCN với tổng diện tích 1.007,75 ha vào Quy hoạch mạng lưới CCN tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hiện nay, Tỉnh đang rà soát Phương án phát triển CCN để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tỉnh đã thành lập 13 cụm công nghiệp, trong đó: 04 CCN hình thành trước khi Quy chế quản lý CCN có hiệu lực, 09 CCN thành lập mới để đáp ứng nhu cầu về mặt bằng cơ bản cho các nhà đầu tư. Tuy công tác giám sát hoạt động đầu tư tại các CCN của tỉnh được tăng cường, công tác quản lý nhà nước được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương và ngày càng đi vào nề nếp, đúng luật. Các CCN được thành lập bước đầu đã có đóng góp tích cực cho sự phát triển chung về kinh tế, xã hội của tỉnh; góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, giải quyết việc làm cho lao động địa phương; CCN với vai trò tích cực và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn thông qua việc tạo hạ tầng mới; tạo mặt bằng sản xuất cho cơ sở TTCN đầu tư mới, đầu tư mở rộng, di dời ra khỏi khu vực đô thị, khu vực dân cư; góp phần ổn định phân bố dân cư, giảm áp lực người lao động tập trung về các đô thị và hạn chế tình trạng biến động lao động trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động; kích thích các đô thị mở rộng và phát triển... Song lại chưa được nhà nước quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là vướng mắc về đất đai và có cơ chế đủ mạnh mang tính chất đặc thù hỗ trợ đầu tư vùng miền để tạo động lực phát triển và thu hút các nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng tham gia đầu tư ở các địa phương có điều kiện hạ tầng ít phát triển, trong đó có Phú Yên.

Do vậy, đa phần các CCN đều gặp khó khăn trong việc đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng do không tìm được nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN trong điều kiện nguồn ngân sách khó khăn nên công tác thu hút đầu tư phát triển hạ tầng CCN, phát triển sản xuất CN-TTCN đang chậm lại và rất cần được các cấp Bộ, ngành hỗ trợ tháo gỡ. Xuất phát từ các lý do sau:

### **1. Về thu hút đầu tư**

- Chi phí đầu tư các CCN khá lớn, bình quân từ 96 - 715 tỷ đồng/CCN, nên

thời gian hoàn vốn chậm, hiệu quả kinh tế thấp. Thêm vào đó các CCN chủ yếu được bố trí ở địa bàn nông thôn, vị trí không thuận lợi, các điều kiện về hạ tầng kém phát triển, xa các trung tâm kinh tế lớn nên khó thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư kết cấu hạ tầng CCN.

- Theo Luật Đầu tư quy định các KCN, KCX được cả Trung ương và địa phương cân đối ngân sách để hỗ trợ đầu tư hạ tầng trong và ngoài hàng rào. Song với CCN hoàn toàn không có cơ chế để được hỗ trợ như trên; Mặc khác, đa số các CCN ở khu vực nông thôn có quy mô diện tích nhỏ, ở cấp huyện không cân đối được nguồn vốn đủ lớn để đầu tư kết cấu hạ tầng. Trong khi đó, giai đoạn 2016-2020, ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho Phú Yên 01 CCN Ba Bản, tổng mức hỗ trợ được ghi vào danh mục là 36 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến nay chỉ được phân bổ 16/36 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 44,4%; Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 không có nội dung hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng CCN; Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh Phú Yên có hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN với mức 4,2 tỷ đồng nhưng thời gian qua nguồn ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn nên chưa triển khai hỗ trợ. Vì vậy, công tác đầu tư và thu hút đầu tư CCN gặp nhiều khó khăn.

## 2. Về mô hình quản lý CCN

-Hầu hết các tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh hiện nay là các Ban Quản lý CCN cấp huyện (kiêm nhiệm, không tự chủ tài chính) được thành lập theo điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển CCN. Đối tượng này không thuộc trường hợp được thuê đất theo Điều 56 Luật Đất đai nên không được thuê đất để cho nhà đầu tư sản xuất công nghiệp thuê lại đất. Vì vậy, nhiều năm qua, các dự án sản xuất công nghiệp không thể thực hiện đầu tư tại các CCN.

- Chưa có quy định trình tự chuyển đổi chủ đầu tư hạ tầng từ mô hình nhà nước (BQL CCN cấp huyện) làm chủ đầu tư sang doanh nghiệp làm chủ đầu tư.

-Đối với mô hình đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư: Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, quy định: “**Tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính** được cơ quan có thẩm quyền giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, **cụm công nghiệp** tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư được nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án, được cho thuê lại đất sau khi đã đầu tư kết cấu hạ tầng, có trách nhiệm thực hiện và tuân thủ theo quy định tại điều này”. Song quy định này không nêu rõ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính là **tự chủ hoàn toàn** hay **tự chủ một phần**. Do vậy, khó xác định Trung tâm Khuyến công, Xúc tiến thương mại và Tiết kiệm năng lượng Phú Yên là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương **tự chủ một phần**

**kinh phí** theo Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh có được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư hạ tầng CCN và có đủ điều kiện để được nhà nước cho thuê đất theo khoản e Điều 56 Luật đất đai năm 2013 để thực hiện việc chuyển đổi chủ đầu tư không?

**3. Về cơ chế đầu mối, một cửa:** Tuy UBND tỉnh có giao nhiệm vụ đầu mối một cửa cho Sở Công Thương thực hiện tại Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn tỉnh. Song do Luật đầu tư không quy định thẩm quyền của Sở Công Thương trong việc tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp nên Sở Công Thương chỉ thực hiện nhiệm vụ phối hợp. Vì vậy, các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư vào CCN phải tự liên hệ làm thủ tục đầu tư với các cơ quan có liên quan và thực hiện theo đúng trình tự quy định không khác gì so với các doanh nghiệp đầu tư ở ngoài các khu, cụm; không có quy chế riêng để quản lý theo cơ chế đầu mối nên không khuyến khích được việc thu hút đầu tư, sản xuất tập trung, di dời...

**4. Về các dự án đầu tư trong CCN:** Trong thời gian qua một số doanh nghiệp đầu tư trong CCN đã tạm dừng hoạt động đã làm giảm hiệu quả đầu tư vào CCN. Tuy nhiên, Trung ương chưa có cơ chế xử lý vấn đề này.

**5. Về các thay đổi nhỏ theo khoản 7, Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP:** “Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác về cụm công nghiệp không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh”. Việc UBND cấp tỉnh phải có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất đối với tất cả thay đổi nhỏ là không thật sự cần thiết và làm mất nhiều thời gian để thực hiện.

Kính thưa Hội nghị!

Đề thúc đẩy sản xuất phát triển đồng đều giữa các vùng miền trong cả nước và tạo cơ hội cho các địa phương kém phát triển về hạ tầng, đặc biệt là Phú Yên thu hút được nhà đầu tư và phát triển hạ tầng CCN. Sở Công Thương Phú Yên.

### **1. Kính đề nghị Bộ Công Thương kiến nghị**

- *Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường:* Tham mưu rà soát, bổ sung Luật đất đai đối tượng là các doanh nghiệp đầu tư vào CCN (do đơn vị sự nghiệp làm chủ đầu tư) được thuê đất trực tiếp của nhà nước để thống nhất với Điều 23 Nghị định 68/2017/NĐ-CP, trên cơ sở đó các địa phương đẩy mạnh thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp vào các CCN; Sửa đổi, bổ sung Nghị định 148/CP làm rõ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính theo mức cụ thể và được giao làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng **cụm công nghiệp** theo quy định của pháp luật về đầu tư được nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án, được cho thuê lại đất sau

khi đã đầu tư kết cấu hạ tầng.

- *Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:* Sớm tham mưu Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế xử lý đối với các dự án đã ngừng hoạt động sản xuất trong các CCN theo Thông báo số 199/TB-VPCP ngày 06/6/2020 về kết luận của Phó thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình tại buổi làm việc với Lãnh đạo tỉnh Phú Yên.

- *Đối với Bộ Nội vụ:* Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các Ban quản lý CCN cấp huyện theo Nghị định số 68/2017/NĐ-CP để thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư hạ tầng CCN.

## **2. Kiến nghị Bộ Công Thương các nội dung sau:**

- Rà soát, bổ sung quy định trình tự, thủ tục chuyển đổi chủ đầu tư từ mô hình nhà nước sang mô hình doanh nghiệp để thuận lợi trong việc mời gọi các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư hạ tầng CCN.

- Nghiên cứu, tham mưu bổ sung chính sách ưu đãi ngoài tiền thuê đất để thu hút, hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư vào trong CCN.

- Nghiên cứu cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật đối với CCN; bổ sung cơ chế quản lý đầu môi, một cửa đối với các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư vào CCN và sớm trình Chính phủ ban hành.

- Tham mưu giao thẩm quyền điều chỉnh các thay đổi nhỏ về CCN theo Nghị định 66/2020/NĐ-CP cho UBND cấp tỉnh quyết định để thuận lợi hơn trong công tác quản lý nhà nước về CCN tại địa phương.

- Quan tâm giới thiệu nhà đầu tư đến với Phú Yên, nhất là các nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN, các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các ngành công nghiệp mà Phú Yên có thế mạnh.

Kính thưa Hội nghị, trên đây là tham luận của Sở Công Thương về: **Giải pháp thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

Kính chúc các đồng chí Lãnh đạo, quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.



**VỀ TIẾP NHẬN HỒ SƠ, THẨM ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀO CỤM CÔNG NGHIỆP**

*Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình*

Kính thưa: .....

.....

**Thưa Hội nghị!**

Theo Phương án **phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**, toàn tỉnh có 38 cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích 756,6ha. Trong đó: 13CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, tổng diện tích là 131,9 ha; 06CCN được thành lập với tổng diện tích là 75,44 ha; 04CCN được quy hoạch chi tiết vừa cho thuê vừa tiếp tục đầu tư hạ tầng, tổng diện tích 25,5 ha.

Hầu hết các CCN được thành lập trên địa bàn tỉnh chưa hoàn thiện đầu tư hạ tầng, vừa cho thuê vừa tiếp tục đầu tư nên hạ tầng chưa đồng bộ, đường nội bộ chưa được bê tông hóa. Công tác đầu tư xây dựng CCN còn gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn của tỉnh, của các huyện, thị xã, thành phố còn hạn chế; trên địa bàn chưa có doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng CCN để đầu tư, xây dựng; tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các CCN tính theo dự án được phê duyệt là 126 tỷ đồng. Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các CCN đi vào hoạt động là 61%, thu hút 109 dự án đầu tư trong các CCN, tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các CCN khoảng 250 tỷ đồng, tổng doanh thu của các dự án trong CCN đạt gần 400 tỷ đồng, nộp ngân sách 11,5 tỷ đồng, tạo việc làm trên 1.000 lao động.

**Kính thưa Hội nghị!**

Triển khai thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công Thương về việc quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Sở Công Thương Quảng Bình đã tham mưu UBND tỉnh ban hành:

- Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 quy chế quản lý CCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình quy định Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan thẩm định hồ sơ xin chủ trương đầu tư Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp trình UBND tỉnh quyết định; cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở xây dựng; UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn



vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

- Quyết định số 4082/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (đối với dự án đầu tư vào CCN) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh phê duyệt các quy trình nội bộ liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam (đối với dự án đầu tư vào CCN) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thi hành các văn bản nêu trên còn gặp một số khó khăn, vướng mắc trong việc “*Giao cơ quan làm đầu mối tiếp nhận, giải quyết để đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp*”. Lý do: giữa Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP, Thông tư số 28/2020/TT-BCT và Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định không thống nhất về nội dung này, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP quy định **Sở Công Thương** là đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định, phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh.

Đồng thời, tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 28/2020/TT-BCT và Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP) quy định Sở Công Thương có trách nhiệm tham mưu UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp, giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; *căn cứ điều kiện của địa phương, phân cấp, quy định cụ thể Sở Công Thương, UBND cấp huyện chủ trì giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 43 và khoản 3 Điều 44.*

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 36 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP lại quy định: nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư cho *cơ quan đăng ký đầu tư (cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 39 Luật Đầu tư gồm Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và Sở Kế hoạch và Đầu tư)*. Đồng thời, tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu

tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; dự án đầu tư được thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài khu công nghiệp...;

+ Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Như vậy, việc quy định cơ quan làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định đề trình UBND tỉnh quyết chủ trương đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp giữa Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP), Thông tư số 28/2020/TT-BCT và Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP chưa thống nhất, phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau cần phải được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn phân cấp, phân quyền cụ thể.

**Kính thưa quý vị đại biểu,**

**Thưa toàn thể Hội nghị!**

Để tạo sự thống nhất trong quản lý về CCN và thực hiện quyền hạn, vị trí trách nhiệm Sở Công Thương là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với CCN trên địa bàn; Sở Công Thương Quảng Bình kính đề nghị Bộ Công Thương kiến nghị:

- Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đầu tư, trong đó xem CCN là một đối tượng điều chỉnh như Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

- Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP;

- Kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo hướng cơ quan đầu mối quản lý CCN của các tỉnh/thành phố (các Sở Công Thương) chủ trì thẩm định, trình UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào CCN để các địa phương thống nhất triển khai thực hiện có hiệu quả.

Xin kính chúc quý vị đại biểu sức khỏe và thành đạt. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

## **Những giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp góp phần phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19.**

### *Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam*

Kính thưa quý đại biểu,

Ở Việt Nam, sau những đợt bùng phát dịch Covid-19, bắt đầu từ những tháng cuối năm 2019 đến nay đang gây sức ép nặng nề lên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Đặc biệt là các hoạt động sản xuất ngành công nghiệp. Đến nay, công tác phục hồi kinh tế đã có những chỉ đạo rất quyết liệt, nhiều kế sách được đưa ra từ phía Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương. Sau khi Chính phủ ban hành và triển khai Nghị quyết số 128/NQ-CP, các doanh nghiệp đã dần mở cửa trở lại các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nối lại chuỗi cung ứng và các hoạt động lưu thông, do đó sản xuất dần được phục hồi và ổn định trở lại. Nhìn chung, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong thời gian vừa qua đã phát huy hiệu quả rất lớn trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Về cơ bản, đến thời điểm hiện nay, Chính phủ đã kiểm soát tương đối hiệu quả tình hình diễn biến của dịch bệnh. Tuy nhiên, thực tế đối với lĩnh vực công nghiệp vẫn còn đang đòi hỏi các giải pháp phù hợp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, phục hồi kinh tế.

#### **1. Thực trạng kinh tế Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid-19**

Trong thời gian qua, đại dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân. Cùng nhìn lại một số chỉ tiêu kinh tế trong 2 năm 2020 và năm 2021 và so sánh với các năm trước đó ở giai đoạn 2011 - 2021 để thấy rõ điều này. Tốc độ tăng trưởng GDP vẫn duy trì ở mức dương, song có sự sụt giảm đáng kể.

Với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng GDP năm 2021 dương, song đạt mức thấp nhất trong giai đoạn hiện nay. Khu vực công nghiệp và xây dựng; Khu vực dịch vụ đều giảm GDP lần lượt là 5,02% và 9,28%. Sang quý IV, nền kinh tế có dấu hiệu khởi sắc, GDP quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm 2020, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011 - 2019. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ đạo, tạo ra giá trị gia tăng lớn nhất cho khu vực công nghiệp và là động lực chính trong tăng trưởng kinh tế của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần cùng với cả nước thực hiện thắng lợi “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid -19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Sản xuất công nghiệp quý I/2022 khởi sắc ngay sau khi các địa phương trên cả nước thực hiện Nghị quyết số 128/ NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 với tốc độ tăng giá

trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt 6,52% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, công nghiệp cũng là ngành có sức hấp dẫn lớn đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký cấp mới vào Việt Nam đến ngày 20/12/2021 đạt 15,25 tỷ USD, trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng số vốn đầu tư đạt 7,25 tỷ USD, chiếm 47,6% tổng vốn đăng ký cấp mới, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng công nghiệp của Việt Nam những năm tiếp theo.

**2. Đánh giá chung về các cơ chế, chính sách đã được ban hành để ứng phó với tác động của đại dịch Covid-19 đối với các hoạt động sản xuất ngành công nghiệp**

Để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất - kinh doanh, phục hồi kinh tế, Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp với tổng thể các biện pháp nhằm kịp thời ứng phó với dịch bệnh, như: Giảm lãi suất; cơ cấu lại nợ; giảm, giãn nộp thuế, bảo hiểm xã hội; miễn, giảm phí một số dịch vụ công; giảm, giãn nộp tiền thuê đất,... và đặc biệt là đã đưa ra gói hỗ trợ an sinh 62 nghìn tỷ đồng lớn chưa từng có.

Nhìn chung, các nhóm giải pháp tác động trực tiếp đến các hoạt động ngành công nghiệp, đã tháo gỡ khó khăn cho các lĩnh vực bị ảnh hưởng đến phát triển hoạt động sản xuất tại các doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp; các chính sách cơ bản phù hợp diễn biến và tác động của dịch bệnh, tương đồng với cách tiếp cận mới của nhiều cộng đồng doanh nghiệp.

**3. Một số giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp góp phần phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19**

Trong thời gian tới, nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh chiến dịch tiêm vắc-xin cho toàn dân, người lao động cần tổ chức thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau để thúc đẩy phát triển công nghiệp góp phần phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19:

**Thứ nhất**, tiếp tục rà soát, hoàn thiện và nâng cao tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trong các lĩnh vực công nghiệp để phát hiện những nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, qua đó khẩn trương xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu khai thông điểm nghẽn, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh, thu hút nguồn vốn đầu tư FDI; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển công nghiệp góp phần phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19; Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, các quy định không cần thiết, không hợp lý, cản trở hoạt động sản xuất - kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất ngành công nghiệp.

**Thứ hai**, cải thiện môi trường kinh doanh thúc đẩy phục hồi các hoạt động

sản xuất và gia tăng sức chống chịu của người lao động, doanh nghiệp sau đại dịch Covid-19.

Một môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi có ý nghĩa quan trọng đối với sức chống chịu lâu dài của các doanh nghiệp và giúp phục hồi nhanh chóng sản xuất sau khủng hoảng. Trong bối cảnh rập rình đại dịch Covid-19 như hiện nay, việc tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh là điều quan trọng, bảo đảm khôi phục kinh tế và phục hồi niềm tin của các nhà đầu tư. Về trung và dài hạn, môi trường kinh doanh sẽ tác động đến cách thức vượt qua đại dịch và mức độ tận dụng cơ hội của các doanh nghiệp khi bắt đầu quá trình phục hồi. Do đó, ở đâu có quy định pháp luật hiệu quả, dự đoán được, tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng thúc đẩy cạnh tranh về sản xuất về hàng hóa; bảo đảm các thể chế dễ dàng khởi sự kinh doanh, thích nghi với các quy định mới và nhanh chóng chuyển dịch các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các khu, cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu mới của thị trường.

Chất lượng môi trường kinh doanh cũng có vai trò quan trọng đối với đầu tư nước ngoài và sự kiên kết của các doanh nghiệp nội địa với các chuỗi cung ứng toàn cầu. Thực tế cho thấy, cải thiện hiệu quả các quy định về thị trường hàng hóa và tạo thuận lợi cho kinh doanh cũng sẽ hỗ trợ mạnh mẽ phục hồi phát triển kinh tế từ các hoạt động ngành công nghiệp.

**Thứ ba,** hỗ trợ phục hồi hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Hỗ trợ phục hồi hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ), hợp tác xã, hộ kinh doanh bằng cách tiếp tục thực hiện các chính sách miễn thuế, giảm thuế, gia hạn thuế, phí, lệ phí, các chính sách cơ cấu lại nợ; Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp, tiếp tục cơ cấu lại nợ, giữ nguyên nhóm nợ; Tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động của các ngân hàng thương mại để có dư địa giảm mặt bằng lãi suất cho vay, nhất là trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên; Có chính sách hỗ trợ phù hợp cho một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như sản xuất và chế biến nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ vận tải, du lịch, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, phát triển khu công nghiệp, khu công nghệ cao, xuất khẩu bền vững.

**Thứ tư,** Thành lập tổ công tác đặc biệt gồm các đơn vị có liên quan tích cực phối hợp Hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp.

Để bảo đảm nguồn cung hàng hóa và hỗ trợ duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp công nghiệp. Thường xuyên tổ chức nhiều buổi làm việc trực tuyến với các Hiệp hội, ngành hàng và các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp chủ lực (như cơ khí, điện tử, ô tô, dệt may, da – giày, giấy, đồ uống, thuốc lá...) để kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc cũng như kiến nghị của doanh nghiệp, người lao động sau đại dịch. Triển khai hiệu quả công tác bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu, năng lượng phục vụ sản xuất, duy trì hoạt động đối với các dự án sản xuất công nghiệp lớn, quan trọng, góp phần bảo đảm “mục tiêu kép” theo chủ trương của Chính phủ.



**Thứ năm,** tập trung thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản xuất công nghiệp.

Thực hiện các quá trình chuyển đổi số nhằm đẩy mạnh các mô hình kinh doanh mới, sự thay đổi phương thức sản xuất, tiêu dùng và giao tiếp trên toàn cầu sau đại dịch cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ tác động trực tiếp tới các hoạt động về hình thức sản xuất mà còn làm thay đổi sâu sắc các phương thức sản xuất truyền thống. Đây vừa là thách thức nhưng đồng thời cũng là cơ hội tốt để những nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam có thể rút ngắn thời gian, bắt kịp các nền kinh tế phát triển

**Thứ sáu,** đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

-Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, linh hoạt, hiệu quả; xây dựng, tổ chức quản trị hệ thống sản xuất, lưu thông hàng hóa phù hợp; ứng dụng công nghệ trong hệ thống quản trị sản xuất, quản trị chất lượng và lưu thông tiêu thụ hàng hóa--Tổ chức liên kết sản xuất, kinh doanh; khai thác tốt nhất nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào, tìm kiếm nguyên vật liệu thay thế, đa dạng các nguồn cung để hạ giá thành thấp nhất; chủ động kế hoạch sản xuất, phân tích, nhận định, đánh giá điều chỉnh quy mô, công suất hoạt động phù hợp; ưu tiên những khách hàng chiến lược, khách hàng tiềm năng...đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào hợp lý, hạn chế hàng tồn kho để làm mất cân đối nguồn lực tài chính.

-Sắp xếp bố trí nguồn nhân lực hiệu quả phù hợp từng khâu, từng tổ, chuyên, từng vị trí...; tranh thủ các nguồn nhân lực có kinh nghiệm, có tay nghề từ các khu vực khác di chuyển về địa phương có nhu cầu làm việc lâu dài nhằm giảm chi phí đào tạo, huấn luyện và nâng cao năng xuất chất lượng sản phẩm.

Kính thưa toàn thể Hội nghị,

Để chúng ta có thể vượt qua khó khăn, thách thức và tận dụng được những cơ hội để thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững thời kỳ sau đại dịch. Ngành Công Thương sẽ tiếp tục nỗ lực, cố gắng, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo hơn nữa để thực hiện thành công mục tiêu thúc đẩy phát triển công nghiệp góp phần phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19.

Xin kính chúc các đồng chí Lãnh đạo, các đại biểu dồi dào sức khỏe. Chúc Hội nghị thành công rực rỡ!



## **"Cơ hội và thách thức phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"**

### *Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị*

Quảng Trị được đánh giá là địa phương có tiềm năng lớn về phát triển các dự án năng lượng. Được sự quan tâm của các nhà đầu tư, sự ủng hộ của Chính phủ, Bộ Công Thương và các cấp Bộ, ngành trung ương, trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc thực hiện quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn, cụ thể như sau:

Đã được phê duyệt vào Quy hoạch Điện VII, Quy hoạch Điện VII Điều chỉnh 53 dự án với tổng quy mô công suất 4.746MW (trong đó 31 dự án điện gió với tổng công suất 1.177,2MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất khoảng 149,5MWp (tương đương 127MW); 01 dự án nhà máy nhiệt điện than với công suất 1.320MW, 02 dự án điện khí với tổng công suất 1.840MW và 18 dự án thủy điện (bao gồm cả Dự án Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị, công suất 64MW) với tổng công suất 260,5MW); Trên 70 dự án tổng công suất hơn 10.000MW đã được UBND tỉnh trình Chính phủ, Bộ Công Thương xem xét đưa vào Quy hoạch Điện VIII.

Đến nay, đã có 19 dự án điện gió với tổng công suất 671,1MW; 03 dự án điện mặt trời với tổng công suất 127MW và 11 dự án thủy điện với tổng công suất 167,5MW đã đưa vào vận hành thương mại. Như vậy, tổng công suất phát điện trên địa bàn tỉnh đến thời điểm này là 965,6MW (chưa bao gồm khoảng 100MW công suất của các hệ thống điện mặt trời mái nhà).

Với kết quả đạt được nêu trên và định hướng của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cùng với việc, Bộ Công Thương đang tiếp tục hiệu chỉnh Quy hoạch Điện VIII theo hướng bền vững, dành nhiều không gian cho phát triển các nguồn năng lượng xanh, sạch thân thiện với môi trường như cam kết của Chính phủ tại Hội nghị COP 26 và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị tổng kết ngành Công Thương năm 2021 nhằm đưa giảm phát thải ròng của Việt Nam về 0 vào năm 2050; là những cơ sở, điều kiện thuận lợi để tỉnh Quảng Trị đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo trong thời gian tới.

Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017, lĩnh vực năng lượng có 02 quy hoạch ngành quốc gia, bao gồm: Quy hoạch tổng thể về năng lượng và Quy hoạch phát triển điện lực. Đối với địa phương, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới truyền tải và lưới điện phân phối sẽ được tích hợp trong quy hoạch tỉnh. Đến nay, các quy hoạch này chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên việc lập quy hoạch tỉnh liên quan đến lĩnh vực năng lượng, truyền tải, phân phối điện tại địa phương gặp khó khăn.

Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời chưa được thông suốt, bị gián đoạn, cụ thể: chưa có cơ chế hỗ trợ cho các dự án điện mặt trời từ sau ngày 01/01/2021 và cho các dự án điện gió sau ngày 01/11/2021. Dẫn đến, từ đầu năm 2021 đến nay, các dự án điện mặt trời không được áp dụng biểu giá FIT, trong khi cơ chế đấu thầu, đấu giá chưa được ban hành. Tương tự, là các dự án điện gió sau ngày 01/11/2021 cũng chưa có cơ chế áp dụng nối tiếp. Điều này đã gây khó khăn cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai phát triển, thực hiện dự án.

Ngoài ra, do các điều kiện khách quan, đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid-19, làm cho một số dự án điện gió đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhưng không kịp COD. Đây đều là các dự án đã có hợp đồng mua bán điện PPA, hoàn thành cơ bản các công tác pháp lý (về đất đai, đầu tư xây dựng ...) và nhà đầu tư đã bỏ ra kinh phí rất lớn (trung bình 1 dự án điện gió 100MW có tổng mức đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng, lãi suất vay thương mại trung bình 10%). Việc chưa có cơ chế chuyển tiếp, công nhận COD là một gánh nặng lớn cho các nhà đầu tư.

Từ thực tế nêu trên và để “tỉnh Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng Khu vực miền Trung”, tạo điều kiện cho Quảng Trị vững bước đi lên cùng cả nước như theo Thông báo số 17/TB-VPCP ngày 25/01/2021 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về đề nghị bổ sung Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Sở Công Thương Quảng Trị kiến nghị đến Hội nghị và Bộ Công Thương một số nội dung sau:

- Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm hoàn chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Trong đó, quan tâm các kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Trị đã gửi cho Bộ Công Thương tại văn bản số 5799/UBND-KT ngày 26 tháng 11 năm 2021 và văn bản số 1737/UBND-KT ngày 19 tháng 4 năm 2022.

- Kính đề nghị Bộ Công Thương tham mưu Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành cơ chế, chính sách phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời; trong đó, có cơ chế chuyển tiếp cho các dự án điện gió đã đầu tư xây dựng nhưng chưa được vận hành thương mại. Đồng thời, sớm xây dựng cơ chế, chính sách đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư các dự án năng lượng. Bên cạnh đó, tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Quảng Trị phát triển các dự án năng lượng, đặc biệt là các dự án năng lượng tái tạo nhằm đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII; Chương trình hành động số 15-CT/TU ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời phân đấu đưa Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung và cả nước.

Trên đây là nội dung tham luận "Cơ hội và thách thức phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị", Sở Công Thương Quảng Trị kính báo cáo trước Hội nghị./.

-----

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ**

**CỦA CÁC SỞ CÔNG THƯƠNG TẠI HỘI NGHỊ  
NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ  
KHU VỰC MIỀN TRUNG – TÂY NGUYÊN  
NĂM 2022**

**Hà Nội, tháng 8 năm 2022**

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC CÔNG THƯƠNG  
ĐỊA PHƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **644** /CTĐP-KHTH

Hà Nội, ngày **15** tháng 8 năm 2022

V/v trả lời kiến nghị của các  
Sở Công Thương tại Hội nghị  
Ngành Công Thương khu vực  
miền Trung – Tây Nguyên  
2022

Kính gửi: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung – Tây Nguyên

Để hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Công Thương của các địa phương tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên, Bộ Công Thương giao Cục Công Thương địa phương (CTĐP) phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận tổng hợp ý kiến đề xuất, kiến nghị của các Sở Công Thương tại Hội nghị ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung – Tây Nguyên năm 2022.

Kiến nghị, đề xuất của các Sở Công Thương đã được các Tổng cục, Cục, Vụ liên quan thuộc Bộ Công Thương trả lời như Phụ lục gửi kèm theo. Cục CTĐP đề nghị các Sở Công Thương nghiên cứu, áp dụng. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị Quý Sở phản ánh về Bộ Công Thương (thông qua Cục CTĐP) để phối hợp, xử lý.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Đỗ Thắng Hải (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Thịnh**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN A - LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP (65 Kiến nghị)</b> .....	<b>01</b>
<b>I. Lĩnh vực Cụm công nghiệp (CCN)</b> .....	<b>01</b>
<b>II. Công nghiệp hỗ trợ</b> .....	<b>09</b>
<b>III. Lĩnh vực Vật liệu nổ Công nghiệp</b> .....	<b>13</b>
<b>IV. Lĩnh vực khuyến công</b> .....	<b>19</b>
<b>V. Lĩnh vực khoáng sản, môi trường, hóa chất</b> .....	<b>20</b>
<b>VI. Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b> .....	<b>22</b>
<b>PHẦN B - LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI (39 Kiến nghị)</b> .....	<b>31</b>
<b>I. Về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại)</b> .....	<b>31</b>
<b>II. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, khí và rượu</b> .....	<b>41</b>
<b>III. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại, thương mại biên giới và thương mại điện tử, chuyển đổi số</b> .....	<b>47</b>
<b>IV. Lĩnh vực đa cấp, khuyến mại</b> .....	<b>57</b>
<b>V. Hội nhập kinh tế quốc tế</b> .....	<b>60</b>
<b>PHẦN C - LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG (24 Kiến nghị)</b> .....	<b>61</b>
<b>I. Lĩnh vực năng lượng tái tạo</b> .....	<b>61</b>
<b>II. Lĩnh vực công trình điện, cáp và truyền tải điện</b> .....	<b>68</b>
<b>III. Lĩnh vực mua bán điện</b> .....	<b>70</b>
<b>IV. Lĩnh vực an toàn hồ đập</b> .....	<b>71</b>
<b>PHẦN D – CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ KHÁC (14 Kiến nghị)</b> .....	<b>72</b>

**TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ TẠI HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG  
THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC MIỀN TRUNG- TÂY  
NGUYÊN LẦN THỨ VIII, NĂM 2022 TẠI TỈNH NINH THUẬN**  
(Kèm theo Công văn số: /CNĐP-KHTH ngày tháng 8 năm 2022)

---

**PHẦN A - LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP**

**I. Lĩnh vực Cụm công nghiệp (CCN)**

***1. Kiến nghị (Sở Công Thương tỉnh Bình Định):***

- Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ quy định: “4. Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác về CCN không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển CCN trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các CCN đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh.” để giảm bớt thủ tục, thời gian điều chỉnh, tăng trách nhiệm cho địa phương, Sở Công Thương Bình Định kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, phân cấp cho UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh những thay đổi nhỏ, thường xuyên nêu trên

- Bộ Công Thương sớm ban hành Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN giai đoạn sau năm 2020 do ngân sách Trung ương đảm bảo; đồng thời, có văn bản hướng dẫn thực hiện, nhất là về nội dung và định mức hỗ trợ đầu tư một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật CCN, làm cơ sở để Sở Công Thương thực hiện.

- Bộ Công Thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền sớm ban hành quy định hướng dẫn chuyên đổi mô hình chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN từ đơn vị sự nghiệp nhà nước (đã đầu tư một phần hoặc toàn bộ hạ tầng kỹ thuật từ ngân sách nhà nước) sang DN làm chủ đầu tư và xử lý tài sản công đã đầu tư để tạo điều kiện địa phương thực hiện thu hút DN đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các CCN dở dang.

- Từ thực trạng đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN trên địa bàn tỉnh với kinh phí đầu tư cao nhưng hoạt động hiệu quả thấp, gây lãng phí... kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, thực hiện đánh giá, làm cơ sở đề xuất quy định việc đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải các CCN phù hợp với ngành nghề thu hút và tình hình hoạt động sản xuất trong CCN.

**Trả lời (Cục Công Thương địa phương):**

1.1 Các thay đổi nhỏ, thường xuyên về CCN thuộc nội dung Điều chỉnh phương án phát triển CCN của Quy hoạch tỉnh. Theo quy định của pháp luật quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh/Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh,



vì vậy việc thay đổi các nội dung thuộc Quy hoạch tỉnh/Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (trong đó có Điều chỉnh phương án phát triển CCN) phải báo cáo, xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên để tạo điều kiện chủ động, linh hoạt cho địa phương xử lý nhanh, kịp thời một số nội dung thay đổi nhỏ, thường xuyên về CCN tại Phương án phát triển CCN thuộc Quy hoạch tỉnh, Nghị định 66/2020/NĐ-CP (Khoản 7 Điều 1) và Thông tư 28/2020/TT-BCT (Điều 3) quy định đối với một số thay đổi nhỏ, thường xuyên về CCN (như: tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các nội dung khác về CCN không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển CCN trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các CCN đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt), Chính phủ giao UBND cấp tỉnh thực hiện trên cơ sở có ý kiến thống nhất của Bộ Công Thương (không cần Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thay đổi), tuy nhiên các nội dung thay đổi này sẽ được UBND cấp tỉnh cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch.

Về kiến nghị của Sở Công Thương, Bộ Công Thương ghi nhận, sẽ nghiên cứu đề xuất trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

1.2. Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Công Thương đang xây dựng Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN từ ngân sách trung ương giai đoạn năm 2025. Tiếp thu ý kiến tại cuộc họp do Văn phòng Chính phủ chủ trì (ngày 24/02/2022) và ý kiến góp ý của các Bộ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính), hiện nay Bộ Công Thương đang hoàn thiện hồ sơ để trình Thủ tướng Chính phủ về chủ chương đầu tư Chương trình. Nếu được Chính phủ phê duyệt chương trình, Bộ Công Thương sẽ có hướng dẫn cụ thể về nội dung này.

Tuy nhiên, về cơ chế hỗ trợ từ NSTW, theo pháp luật ngân sách nhà nước, đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao, các địa phương có thể đề xuất, chủ động xem xét, cân nhắc, quyết định việc bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các dự án đầu tư, trong đó có dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN nếu địa phương thấy cần thiết.

1.3. Hiện nay Luật Quản lý và sử dụng tài sản công quy định những nguyên tắc trong việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng (mục 4 Chương IV); chưa quy định, hướng dẫn chi tiết xử lý đối với loại tài sản kết cấu hạ tầng CCN, vì vậy, thời gian tới Bộ Công Thương sẽ phối hợp cùng các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy định, hướng dẫn chi tiết về nội dung này. Trong khi chưa có văn bản của cấp có thẩm quyền quy định chi tiết nội dung nêu trên, căn cứ yêu cầu thực tế của địa phương, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định 68/2017/NĐ-CP, Nghị định 66/2020/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan, UBND cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc nghiên cứu phương án xử lý tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN cho phù hợp và quyết định lựa chọn, giao doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư theo quy định. Về kiến nghị của Sở, Cục

CTĐP ghi nhận, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật về quản lý CCN thời gian tới.

1.4 Cục CTĐP sẽ tổng hợp và rà soát trong quá trình tổng kết đánh giá 5 năm thực hiện Nghị định 68/2017/NĐ-CP và báo cáo Bộ Công Thương trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

## ***2. Kiến nghị (Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình):***

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung vào Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP nội dung cơ quan phê duyệt phương án phát triển CCN (UBND cấp tỉnh phê duyệt) để làm cơ sở triển khai, quản lý, phát triển CCN trên địa bàn.

- Hiện nay, do không thống nhất quy định trong việc giao cơ quan làm đầu mối tiếp nhận, tham mưu UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (*giữa Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP, Thông tư số 28/2020/TT-BCT và Luật Đầu tư, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ*) nên đề xuất bổ sung vào Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư nội dung “Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh trong CCN”, để thuận lợi trong công tác quản lý đầu tư, phát triển CCN của Sở Công Thương.

- Đề xuất Ban hành Nghị định về ưu đãi đầu tư vào Cụm công nghiệp (hiện nay Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp đã có các chính sách ưu đãi).

## **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

2.1 Theo quy định của Luật Quy hoạch và hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch thì phương án phát triển CCN thuộc Quy hoạch tỉnh và được Thủ tướng chính phủ xem xét, phê duyệt. Vì vậy đối với kiến nghị của SCT là không phù hợp.

2.2. Hiện nay việc quản lý, phát triển CCN đang được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; Thông tư 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2021 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và pháp luật liên quan. Theo đó, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (khoản 2 Điều 43) và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP (khoản 11 Điều 1) quy định trách nhiệm Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong CCN, các thủ tục triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định, phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh để phát huy hiệu quả cơ quan đầu mối quản lý CCN. Về kiến nghị sửa đổi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Luật đầu tư, Bộ Công Thương ghi nhận và sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền trong quá trình tham gia góp ý sửa đổi pháp luật về đầu tư. Tuy nhiên, Bộ Công Thương đề nghị Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Kế hoạch & Đầu tư (cơ quan tham mưu xây dựng Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) để tổng hợp nghiên cứu sửa đổi).

2.3. Đề xuất Ban hành Nghị định về ưu đãi đầu tư vào Cụm công nghiệp (hiện nay Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp đã có các chính sách ưu đãi).

Theo quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 đã quy định một số nội dung, chính sách ưu đãi đầu tư vào CCN quy định tại điều 27,28 và Điều 32 của Nghị định. Mặt khác theo quy định tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (tại Phụ lục II Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp” thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư). Trên cơ sở đó đề nghị Sở Công Thương nghiên cứu, tham mưu báo cáo UBND tỉnh thực hiện. Đối với đề xuất Ban hành Nghị định về ưu đãi đầu tư vào Cụm công nghiệp (hiện nay Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp đã có các chính sách ưu đãi), Cục CTĐP ghi nhận báo cáo Lãnh đạo báo cáo Bộ Công Thương trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

### **3. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Phú Yên)**

3.1 Đề nghị rà soát, bổ sung quy định trình tự, thủ tục chuyển đổi chủ đầu tư từ mô hình nhà nước sang mô hình doanh nghiệp để thuận lợi trong việc mời gọi các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư hạ tầng CCN.

3.2 Về các thay đổi nhỏ theo khoản 7, Điều 1 Nghị định 66/2020/NĐ-CP “Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác về cụm công nghiệp không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh”. Việc UBND cấp tỉnh phải có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất đối với tất cả thay đổi nhỏ là không thật sự cần thiết và làm mất nhiều thời gian để thực hiện.

Kiến nghị Bộ Công thương giao thẩm quyền điều chỉnh cho UBND cấp tỉnh quyết định để thuận lợi hơn trong công tác quản lý nhà nước về CCN tại địa phương.

3.3 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên (Quyết định số 53/2008/QĐ-TTg) và cho phép thành lập KKT Nam Phú Yên (Quyết định số 54/2008/QĐ-TTg). Theo đó, Phú Yên sẽ trở thành cửa ngõ mới ra hướng Đông để phát triển vùng Tây Nguyên với hệ thống đường sắt và đường bộ

đi Tây Nguyên. Đồng thời là một điểm nhấn quan trọng trong liên kết phát triển vùng giữa các tỉnh Tây Nguyên và duyên hải miền Trung.

Đề nghị Bộ chỉ đạo các Tập đoàn, các Tổng Công ty nghiên cứu để thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại với quy mô lớn mà Phú Yên có tiềm năng, thế mạnh. Đặc biệt là đầu tư kết cấu hạ tầng khu, CCN để tạo điều kiện cho Phú Yên phát triển theo đúng các quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

#### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

3.1. Tham khảo trả lời kiến nghị tỉnh Bình Định (mục 1.3).

3.2 Tham khảo trả lời kiến nghị tại tỉnh Quảng Bình (mục 2.1).

3.3. Về kiến nghị của Sở Công Thương, Bộ Công Thương ghi nhận và sẽ lưu ý giới thiệu với các nhà đầu tư trong quá trình tiếp xúc với các nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước.

#### **4. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa)**

4.1. Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thuộc nhóm dự án cần phải được chấp thuận đầu tư từ cơ quan có thẩm quyền.

Trong khi đó, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư thành lập CCN, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và không phải thực hiện quyết định chủ trương đầu tư.

Đề nghị Bộ Công Thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo hướng công nhận Quyết định thành lập cụm công nghiệp thay thế Quyết định chủ trương đầu tư.

4.2. Theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định liên quan thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN phải lập quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng và lập dự án đầu tư xây dựng. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 16, 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, đối với CCN chỉ cần lập quy hoạch chi tiết xây dựng để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Đề nghị Bộ Công Thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày theo hướng đối với CCN thì tiến hành lập ngay quy hoạch chi tiết xây dựng để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và không cần thực hiện bước lập quy hoạch phân khu xây dựng; đồng thời, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn các cơ quan quản lý về xây dựng tại các địa phương thống nhất áp dụng quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.



4.3 Theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP thì điều kiện thành lập CCN mới là tỷ lệ lấp đầy trung bình của các CCN đã thành lập trên địa bàn cấp huyện phải đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các CCN nhỏ hơn 50 ha. Với quy định trên sẽ hạn chế việc thu hút các nhà đầu tư mới, có năng lực thực sự để phát triển hạ tầng kỹ thuật CCN và mời gọi đầu tư thứ cấp bên cạnh những dự án thu hút đầu tư kém trong cùng một địa phương.

Đề nghị Bộ Công Thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo hướng giảm tỷ lệ lấp đầy trung bình của các CCN đã thành lập trên địa bàn cấp huyện hoặc giao UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương xem xét quyết định thành lập CCN.

4.4. Nghị định số 68/2017/NĐ-CP chưa quy định, hướng dẫn việc chuyển đổi mô hình quản lý chủ đầu tư hạ tầng CCN từ các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình doanh nghiệp quản lý kinh doanh hạ tầng để quản lý khai thác, nâng cao hiệu quả hoạt động của CCN.

#### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

4.1 Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP quy định cụ thể: (i) thành lập, mở rộng CCN (các Điều 10, 11, 12, 13 và 14 Nghị định 68/2017/NĐ-CP), trong đó bao gồm các nội dung chủ yếu như tên gọi CCN, địa điểm, diện tích, quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, tổng mức vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án, ưu đãi, hỗ trợ, ... (tương tự như các thông tin tại quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư); (ii) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng CCN, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và không phải thực hiện quyết định chủ trương đầu tư (điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định 68/2017/NĐ-CP).

\* Về đề xuất của Sở Công Thương là có cơ sở, Cục CTĐP ghi nhận báo cáo Lãnh đạo báo cáo Bộ Công Thương trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP

4.2. Cục CTĐP ghi nhận báo cáo Lãnh đạo báo cáo Bộ Công Thương trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

4.3 Đối với kiến nghị “Bộ Công Thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo hướng giảm tỷ lệ lấp đầy trung bình của các CCN đã thành lập trên địa bàn cấp huyện hoặc giao UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương xem xét quyết định thành lập CCN”. Cục CTĐP ghi nhận và tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế nghị định 68/2017/NĐ-CP và Nghị định 66/2020/NĐ-CP.

4.4. Đề nghị tham khảo trả lời tỉnh Bình Định (mục 1.3).

#### **5. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng)**

Xem xét hỗ trợ, nghiên cứu, đề xuất Chính phủ hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng

cho các cụm công nghiệp (CCN) tại các vùng Tây Nguyên khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư hạ tầng các CCN; hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các CCN

**Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

Tham khảo trả lời tỉnh Bình Định (mục 1.2)

**6. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Kom Tum)**

Tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017, Chính phủ quy định cụ thể các bước thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (*các Điều 10, 11, 12, 13 và 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP*) trong đó đã bao gồm các nội dung của thủ tục chấp nhận chủ đầu tư, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp (*khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP*) và điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP quy định: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, theo Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án (Điều 29).

**Kiến nghị:** Bộ Công Thương nghiên cứu, rà soát tham mưu Chính phủ để điều chỉnh thống nhất giữa Luật, Nghị định liên quan nhằm bảo đảm cơ sở hành lang pháp lý trong giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư.

**Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

Đề nghị tham khảo câu trả lời tỉnh Khánh Hòa (mục 4.1).

**7. Kiến nghị (Sở Công Thương tỉnh Gia Lai)**

7.1 Nhằm thực hiện thống nhất về việc quản lý cụm công nghiệp, kính đề nghị Bộ Công Thương cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thống nhất về lĩnh vực quản lý cụm công nghiệp để các địa phương thuận lợi cho việc quản lý và tham mưu UBND tỉnh về lĩnh vực quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn. Nhất là đối với việc xét chọn nhà đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp; đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp (không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư) và quản lý các dự án đăng ký đầu tư vào cụm công nghiệp.

7.2 Kính đề nghị Bộ Công Thương cùng Bộ Tài chính có hướng dẫn việc chuyển giao cụm công nghiệp đã được nhà nước đầu tư một phần từ nhiều nguồn vốn khác nhau để chuyển đổi sang cho các nhà đầu tư hạ tầng theo hình thức xã hội hóa đã được xét chọn nhà đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/06/2020 của Chính phủ; đồng thời, quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung trong cụm công nghiệp.



### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

7.1 Đề nghị tham khảo trả lời tỉnh Khánh Hòa (mục 4.1).

7.2 Đề nghị tham khảo trả lời tỉnh Bình Định (mục 1.3)

### ***8. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Trị)***

Hiện nay, các địa phương rất khó khăn về nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN, trong khi đó công tác xã hội hóa vấn đề này còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế như Quảng Trị (Hiện tỉnh có 2 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật nhưng không tiếp tục đầu tư, thu hút dự án thứ cấp, không thu hồi được để quản lý, khai thác quỹ đất công nghiệp hiệu quả do xử lý tài sản trên đất rất khó khăn, phức tạp...);

Đề nghị Bộ Công Thương xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp giai đoạn sau 2022 do ngân sách Trung ương đảm bảo để hỗ trợ các địa phương, nhất là các địa phương khó khăn trong thu hút doanh nghiệp đầu tư KCHT cụm như Quảng Trị để hỗ trợ thực hiện thành công xây dựng nông thôn mới theo quy định tại khoản 4, điều 35, nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

Đề nghị tham khảo trả lời tỉnh Bình Định tại mục 1.2

### ***9. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Ninh Thuận)***

Ngày 29/4/2021 Sở Công Thương Ninh Thuận đã có văn bản số 703/SCT-CN gửi Bộ Công Thương về việc đề xuất hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN; trong đó đề xuất Bộ Công Thương xem xét, có kế hoạch phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng CCN tỉnh Ninh Thuận với tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ 97 tỷ đồng, phân bổ theo lộ trình từ năm 2021-2025. Kính đề nghị Bộ xem xét, phân bổ kinh phí cho Tỉnh để tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển công nghiệp.

### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

Về kiến nghị của Ninh Thuận Bộ Công Thương cũng đã có văn bản số 328/CTĐP-CCN ngày 08/6/2021 gửi Sở Công Thương Ninh Thuận theo đó nội dung như sau:

#### 1. Về hỗ trợ CCN từ Chương trình Khuyến công quốc gia

Hiện nay, Chương trình Khuyến công quốc gia (KCQG) giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020; trong đó có nội dung hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết CCN, hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường CCN; không có nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN. Về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí KCQG hiện nay thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương và Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

Vì vậy, đề nghị Sở Công Thương căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương, quy định của Chương trình KCQG, lựa chọn CCN có khả năng phát huy hiệu quả đầu tư, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; chuẩn bị hồ sơ đăng ký kế hoạch KCQG hằng năm theo quy định của Chương trình, gửi Cục CTĐP tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương xem xét hỗ trợ.

## 2. Về hỗ trợ CCN từ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương

Giai đoạn 2016-2020, nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN từ ngân sách trung ương (NSTW) thực hiện theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 về Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, CCN, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 – 2020. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý Chương trình. Vì vậy, Sở Công Thương liên hệ, có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để có thông tin cụ thể về việc bố trí vốn hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN Quảng Sơn từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương xây dựng Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng CCN từ NSTW giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Chương trình), Bộ Công Thương đã xây dựng, trình Chính phủ hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình (Tờ trình số 1471/TTr-BCT ngày 18/3/2021 và Tờ trình số 6492/TTr-BCT ngày 18/10/2021). Hiện nay, Bộ Công Thương đang tiếp tục thực hiện các nội dung xây dựng Chương trình theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật về đầu tư công. Vì vậy, sau khi được cấp có thẩm quyền có ý kiến về Chương trình, Bộ Công Thương sẽ có thông tin cụ thể để các địa phương biết, thực hiện.

Tuy nhiên, về cơ chế hỗ trợ từ NSTW, theo pháp luật ngân sách nhà nước, đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao, các địa phương có thể đề xuất, chủ động xem xét, cân nhắc, quyết định việc bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các dự án đầu tư, trong đó có dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN nếu địa phương thấy cần thiết.

## II. Về công nghiệp hỗ trợ

### 1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Phú Yên)

Theo danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP thì tỉnh Phú Yên có một số ngành như cơ khí, điện tử. Tuy nhiên, ngành cơ khí Phú Yên còn nhỏ bé, trang thiết bị, công nghệ cũ, chậm được đổi mới. Các cơ sở sản xuất chủ yếu thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, quy mô chính là các hộ gia đình, thiếu các doanh nghiệp cơ khí chế tạo có quy mô công nghiệp, chỉ có duy nhất 01 doanh nghiệp điện tử gia công các bộ cảm biến hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Do đó, Phú Yên gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai các chính sách về công nghiệp hỗ trợ trên địa

bàn đề phát triển theo quy định.

- Kiến nghị Bộ Công Thương sớm thành lập Trung tâm nghiên cứu, chuyên giao công nghệ và đào tạo nhân lực phát triển CNHT cho khu vực kinh tế trọng điểm tại khu vực miền Trung để làm đầu mối gắn kết việc ứng dụng khoa học công nghệ và đào tạo nhân lực cho CNHT.

- Xem xét, bổ sung danh mục CNHT cho công nghiệp chế biến thủy sản và công nghiệp đóng tàu phục vụ khai thác thủy sản xa bờ vào Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 08/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương vì tỉnh Phú Yên có thế mạnh về công nghiệp chế biến thủy sản nhưng trong Quyết định của Bộ Công Thương chưa có lĩnh vực này.

- Quan tâm hỗ trợ đầu tư một số công trình, dự án đầu tư có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; giới thiệu các Tập đoàn kinh tế trực tiếp đầu tư và dẫn luồng đầu tư FDI vào đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

### **Trả lời (Cục Công nghiệp)**

*- Kiến nghị thành lập Trung tâm khu vực miền Trung*

Theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ (Sau đây gọi là Nghị quyết số 115/NQ-CP), có nhiệm vụ “xây dựng trung tâm hỗ trợ kỹ thuật phát triển công nghiệp vùng tại thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng”. Hiện nay, Bộ Công Thương đã thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp miền Bắc (IDC) tại Hà Nội và Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp miền Nam tại TP.HCM (IDCS). Bộ Công Thương đang trao đổi UBND TP. Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp miền Trung tại thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, nguồn ngân sách đầu tư công trung hạn còn hạn chế, việc thành lập mới Trung tâm gặp nhiều khó khăn. Bộ Công Thương kiến nghị các địa phương khu vực miền Trung bước đầu tái cơ cấu Trung tâm khuyến công và phòng quản lý công nghiệp của Sở Công Thương; xem xét nâng cấp, đầu tư máy móc, trang thiết bị và đào tạo cán bộ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương trên cơ sở phối hợp với hai trung tâm IDC và IDCS.

*- Kiến nghị bổ sung danh mục CNHT cho công nghiệp chế biến thủy sản và công nghiệp đóng tàu phục vụ khai thác thủy sản xa bờ*

Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển được xây dựng trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành như Luật Đầu tư và các Luật chuyên ngành, v.v. Hiện nay, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP đã bổ sung danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển phục vụ cho ngành ngư nghiệp và đóng tàu, bao gồm:

- Linh kiện và phụ tùng máy động lực, máy nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp: máy canh tác, chăm sóc, thu hoạch và sau thu hoạch (thuộc Phụ lục 1 Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển);

- Linh kiện phụ tùng phục vụ đóng tàu bao gồm tấm trường, tấm trần, đệm chống va cho tàu thuyền hoặc ụ tàu, xích neo tàu, giầy hàn, que hàn, nồi hơi tàu thủy, động cơ diesel, hệ trục và chân vịt tàu thủy, cầu trên tàu biển và tàu sông, ... (thuộc Phụ lục 2 Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01 tháng 11 năm 2015).

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 115/NQ-CP, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ lợi thế về phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển có trách nhiệm xây dựng và ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của địa phương phù hợp với thế mạnh tại địa bàn.

*- Kiến nghị về việc thu hút đầu tư vào tỉnh Phú Yên*

Bộ Công Thương kiến nghị Phú Yên xây dựng các cơ chế, chính sách tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, hấp dẫn để thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư. Bên cạnh đó, tỉnh xem xét quy hoạch, đầu tư và hỗ trợ đầu tư một số khu, cụm công nghiệp do địa phương quản lý về công nghiệp hỗ trợ trong đó có xây dựng nhà xưởng cho thuê, cho thuê mua tài chính đổi mới trang thiết bị sản xuất theo mô hình cụm liên kết ngành, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và các nguyên phụ liệu quan trọng ngành dệt may, da giày như sợi, dệt, nhuộm, da, vật liệu mới và vật liệu kim loại trong cơ khí chế tạo.

Ngoài ra, Bộ Công Thương sẽ quan tâm phối hợp với tỉnh Phú Yên trong các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm quảng bá các lợi thế và thu hút nhiều nhà đầu tư quan tâm đầu tư tại địa bàn tỉnh.

**2. Kiến nghị (Sở Công thương thành phố Đà Nẵng)**

2.1 Hiện nay, nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT), Chính phủ đã ban hành một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên, một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ này lại chịu sự điều chỉnh của các luật chuyên ngành (như Luật Đất đai, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Đấu thầu...), dẫn đến việc tổ chức thực hiện một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ còn gặp nhiều vướng mắc như chính sách bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ qua hệ thống ngân hàng phát triển, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong CNHT; các cơ chế về ưu đãi tín dụng đầu tư, tiền thuê đất, đặc biệt là phân bổ nguồn lực để triển khai các chính sách về CNHT chưa được cụ thể hóa... Việc thiếu các cơ chế này khiến doanh nghiệp CNHT khó khăn trong việc tiếp cận các hỗ trợ và ưu đãi. Bên cạnh đó, công tác thực thi chính sách về CNHT còn rất hạn chế chưa tạo ra các chế tài chặt chẽ buộc phải tuân thủ về việc bố trí các nguồn lực để triển khai.

Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT), nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn cho các doanh nghiệp CNHT trong quá trình tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, đồng thời, đáp ứng các nhu cầu thực tiễn và xu hướng phát triển của ngành

CNHT trong giai đoạn mới (Bộ Công Thương đã lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định này từ năm 2020).

2.2 Theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, có nhiệm vụ “Thành lập Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng tại thành phố Đà Nẵng”. Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm chủ trì triển khai thực hiện, thành lập và đưa vào hoạt động đơn vị này, nhằm hỗ trợ *thành phố Đà Nẵng* cũng như các địa phương lân cận nâng cao năng lực về kỹ thuật, nhân lực, quản trị kinh doanh, làm chủ và đổi mới máy móc, kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất công nghiệp, *cải thiện kỹ thuật sản xuất và kết nối giao thương nhằm hướng tới mục tiêu tạo giá trị gia tăng cao cho ngành công nghiệp*.

2.3. Kính đề nghị Bộ Công Thương phối hợp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng triển khai các nội dung của Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể tập trung các nội dung:

- Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ;

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất;

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;

- Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;

- Kết nối cơ sở dữ liệu về công nghiệp hỗ trợ của thành phố Đà Nẵng và quốc gia.

2.4 Kính đề nghị Lãnh đạo Bộ Công Thương đồng chủ trì với Lãnh đạo thành phố Đà Nẵng tổ chức “**Hội nghị kết nối công nghiệp hỗ trợ thành phố Đà Nẵng**” dự kiến tổ chức vào tháng 9 năm 2022, đồng thời hỗ trợ thành phố Đà Nẵng mời gọi các tập đoàn đa quốc gia, công ty lớn tham dự để xúc tiến đầu tư công nghiệp và tham gia kết nối công nghiệp hỗ trợ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải (THACO), Tập đoàn Samsung, VinFast, Toyota,...).

### **Trả lời (Cục Công nghiệp)**

- *Kiến nghị sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP*

Bộ Công Thương đã hoàn thiện Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên Chính phủ và trình Chính phủ xem xét, quyết định.

- *Kiến nghị thành lập Trung tâm vùng.*

Do nguồn ngân sách đầu tư công trung hạn còn hạn chế, việc thành lập mới



Trung tâm vùng gặp nhiều khó khăn. Bộ Công Thương kiến nghị các địa phương khu vực miền Trung bước đầu tái cơ cấu Trung tâm khuyến công và phòng quản lý công nghiệp của Sở Công Thương; xem xét nâng cấp, đầu tư máy móc, trang thiết bị và đào tạo cán bộ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương trên cơ sở phối hợp với Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp miền Bắc (IDC) tại Hà Nội và Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp miền Nam tại TP.HCM (IDCS).

*- Kiến nghị phối hợp triển khai Chương trình phát triển CNHT.*

Đề nghị Sở Công Thương TP. Đà Nẵng phối hợp với Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, thực hiện quản lý Chương trình phát triển CNHT tại TP. Đà Nẵng trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo các văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính; bên cạnh đó, phối hợp với các Trung tâm IDC và IDCS để triển khai các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp CNHT.

Đồng thời, Thành phố cần xây dựng các cơ chế chính sách riêng để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn như:

- Chương trình tín dụng ưu đãi được cấp bù lãi suất đối với các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

- Chương trình phối hợp đào tạo nâng cao nguồn nhân lực kỹ thuật cao giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục trên địa bàn (Đại học Bách Khoa, Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Duy Tân, v.v.);

- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương hiệu và mua bán, sát nhập với các doanh nghiệp nước ngoài;

- Xây dựng và ban hành chính sách phát triển các doanh nghiệp quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp, đóng vai trò đầu tàu tạo ra chuỗi giá trị hoàn chỉnh cho các sản phẩm chủ lực của thành phố.

### **III. Lĩnh vực Vật liệu nổ Công nghiệp**

#### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa)***

1.1 Đề nghị Bộ Công Thương bổ sung Điều 37QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BCT ngày 21/11/2019 của Bộ Công Thương như sau: “Trước khi tiến hành nổ mìn lần đầu ở địa điểm đã được phép, đơn vị nổ mìn phải thông báo chậm nhất trước 01 ngày đêm cho chính quyền, Công an địa phương, Sở Công thương và cho mọi người sống hoặc làm việc ở trong vùng nguy hiểm của khu vực nổ mìn và vùng giáp ranh..... ý nghĩa của các tín hiệu dùng khi nổ mìn” để Sở Công thương có thông tin kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

#### **Trả lời (Cục ATMT)**

Đề nghị giữ nguyên nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Quy chuẩn



số QCVN 01:2019/BCT do Sở Công Thương đã có thông tin đối với các nội dung Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa đề xuất.

Lý do: Tín hiệu nổ mìn đã quy định trong Phương án nổ mìn được tổ chức sử dụng VLNCN trình Sở Công Thương khi đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN hoặc Thông báo sử dụng VLNCN.

1.2 Theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thì hồ sơ gửi kèm Thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bao gồm: (i) Bản sao Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc Giấy phép dịch vụ nổ mìn; (ii) Bản sao phương án nổ mìn; (iii) Bản sao Hợp đồng dịch vụ nổ mìn đối với các tổ chức có giấy phép dịch vụ nổ mìn; (iv) Danh sách người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3, Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017: *“Trường hợp đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm b, d và đ khoản 1 Điều này nhưng không tự thực hiện việc nổ mìn, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nổ mìn được quyền ký hợp đồng thuê toàn bộ công việc nổ mìn với tổ chức có Giấy phép dịch vụ nổ mìn”*. Do vậy, Sở Công Thương đề nghị bổ sung thành phần hồ sơ của tổ chức thuê dịch vụ nổ mìn trong hồ sơ thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bao gồm: *“(i) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật; (ii) Bản sao giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp; (iii) Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”*.

### **Trả lời (Cục ATMT)**

Đề nghị giữ nguyên nội dung quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT.

Lý do:

- 03 hồ sơ theo đề nghị của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa là thành phần Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14) của tổ chức sử dụng VLNCN;

- Tổ chức thuê dịch vụ nổ mìn không phải có Giấy phép đối với hoạt động VLNCN đã thuê dịch vụ nổ mìn được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 Luật số

14/2017/QH14 “3. Tổ chức thuê dịch vụ nổ mìn có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Không phải có giấy phép đối với hoạt động vật liệu nổ công nghiệp đã thuê dịch vụ nổ mìn”. ;

Theo đó, việc quy định tổ chức thuê dịch vụ nổ mìn phải nộp hồ sơ theo thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN là không phù hợp với quy định tại Luật số 14/2017/QH14 và gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp.

1.3. Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật đối với chỉ tiêu thuốc nổ (kg/m<sup>3</sup>) tương ứng với từng loại đá và phương pháp nổ.

#### **Trả lời (Cục ATMT)**

Chỉ tiêu thuốc nổ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: độ cứng đất đá; mức độ nứt nẻ của đất đá; đường kính lỗ khoan; thông số mạng lỗ khoan; phương pháp nổ, yêu cầu cỡ đá nổ ra, cao độ vị trí nổ và phương pháp phá vỡ (đá nổ ra nằm nguyên tại chỗ hoặc được tự lăn xuống chân núi).

Luật số 14/2017/QH14 và Nghị định số 71/2018/NĐ-CP không quy định Bộ Công Thương hướng dẫn nội dung này, theo đó, Bộ Công Thương không đủ thẩm quyền ban hành Quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật đối với chỉ tiêu thuốc nổ tương ứng với loại đá và phương pháp nổ.

Việc xác định chỉ tiêu thuốc nổ cho các mỏ, công trình theo hướng dẫn tại các Giáo trình về khoan nổ mìn của các Trường Đại học: Mỏ Địa chất, Xây dựng, Giao thông vận tải... và thông qua các Bảng về chỉ tiêu thuốc nổ ở các giáo trình này, căn cứ thực tế sử dụng ở các mỏ, công trình có điều kiện về đất đá, địa chất, địa hình tương đương với mỏ, công trình cụ thể, các đơn vị lựa chọn chỉ tiêu thuốc nổ để đưa vào thiết kế, tính toán lượng tiêu hao VLNCN cho mỏ, công trình. Chỉ tiêu thuốc nổ thực tế áp dụng thường được xác định thông qua việc nổ mìn thực tế, nổ mìn thí nghiệm tại mỏ, công trình.

1.4. Theo quy định tại Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 về thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chỉ bao gồm thủ tục hành chính cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp khi hết hạn và không thay đổi về địa điểm, quy mô hoạt động so với Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã cấp hoặc khi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng. Sở Công Thương đề nghị Bộ Công Thương bổ sung thêm thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp muốn thay đổi phương pháp khởi nổ, chủng loại thuốc nổ,...

#### **Trả lời (Cục ATMT)**

Luật số 14/2017/QH14 không giao Bộ Công Thương hướng dẫn, quy định thủ tục hành chính cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng VLNCN, theo đó Bộ Công Thương không có thẩm quyền để bổ sung thêm thủ tục hành chính cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng VLNCN.

Cục ATMT ghi nhận ghi nhận đề xuất của Sở Công Thương tỉnh Bình Định đề có ý kiến tại Hội nghị tổng kết việc thực hiện Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện.

## **2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên Huế)**

2.1 Về loại hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để tiêu hủy bom mìn còn sót lại sau chiến tranh hiện tại quy định chưa được hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền cấp phép, các biểu mẫu hộ chiếu nổ mìn được thiết kế chưa thật sự phù hợp với loại hình này, đề nghị Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp hướng dẫn thêm.

2.2 Còn có sự chông chéo chưa rõ ràng giữa điểm b, khoản 6, Điều 56 Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp và điểm b, khoản 2, Điều 305 Bộ Luật hình sự năm 2015 gây khó khăn trong công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền (Nghị định số 71 chưa quy định giới hạn khối lượng thuốc nổ và phụ kiện nổ sử dụng trái phép là bao nhiêu sẽ bị xử lý hành chính để tiếp nối với hành vi vi phạm sử dụng trên 10kg thuốc nổ sẽ bị xử lý hình sự được nêu rất cụ thể tại Bộ Luật hình sự). Đề nghị bổ sung giới hạn khối lượng thuốc nổ và phụ kiện nổ sử dụng trái phép tại Nghị định số 71/2019/NĐ-CP.

2.3 Việc thất thoát thuốc nổ, kíp nổ diễn ra do nhiều nguyên nhân, tại nhiều đơn vị và nhiều địa bàn, tuy nhiên khi bắt giữ thu hồi VLNCN thì không thể nắm bắt được nguồn gốc ở đơn vị nào gây thất thoát (không loại trừ trường hợp Thợ mìn bót xén VLNCN trong quá trình nạp mìn và trường hợp đơn vị làm mất VLNCN nhưng không báo cáo). Vì vậy, cần quy định việc đánh mã số kíp nổ, kể cả thuốc nổ để truy tìm và xác định nguồn gốc VLNCN khi xảy ra thất thoát, buôn bán trái phép.

- Hiện tại, một số đơn vị có kho bảo quản VLNCN nằm ngoài khu mỏ (cách khu mỏ khoảng 500m, 1.000m), nếu căn cứ quy định cấp Giấy phép vận chuyển như hiện nay thì rất phiền hà cho doanh nghiệp. Đề nghị, Quy định cụ thể về trình tự thủ tục, quy trình vận chuyển VLNCN, để đảm bảo không gây phiền hà cho các đơn vị có kho cách xa khu mỏ, đi qua đường dân sinh phải được Công an tỉnh cấp giấy phép vận chuyển, nhưng tần suất vận chuyển nhiều.

2.4 Về quy định cấp Giấy phép vận chuyển VLNCN là giấy phép một chiều, tuy nhiên có một số trường hợp thực hiện dịch vụ nổ mìn, nổ mìn theo hộ chiếu nhưng còn thừa VLNCN thì khi vận chuyển về kho bảo quản là vi phạm quy định. Điều này dẫn đến việc gây mất an toàn, nếu để lại VLNCN tại công trường qua đêm, gây khó khăn, phiền hà cho Doanh nghiệp. Đề nghị kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể đối với trường hợp sử dụng thừa VLNCN thì được phép chở về kho bảo quản theo quy định.

2.5 Về định mức kinh tế kỹ thuật VLNCN: Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý vật liệu nổ công nghiệp không có nội dung quy định về quản lý định mức kinh tế kỹ thuật sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu hướng dẫn quy định về định mức VLNCN cho phép sử dụng để

các địa phương áp dụng thẩm định cấp phép theo đúng quy định.

### **Trả lời (Cục ATMT)**

2.1 Thẩm quyền cấp Giấy phép sử dụng VLNCN đã được quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT và Mẫu hộ chiếu nổ mìn đã được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT.

2.2 Điều 62, Điều 63 Luật Xử phạt vi phạm hành chính đã quy định rõ việc chuyển hồ sơ có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính, theo đó không cần bổ sung giới hạn khối lượng theo đề xuất của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.3 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa có quy định các nội dung trên nhãn của sản phẩm VLNCN để có thể truy tìm, xác định nguồn gốc VLNCN khi để xảy ra thất thoát, buôn bán trái phép (Tên hàng hóa; Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; Xuất xứ hàng hóa; Định lượng; Ngày sản xuất; Hạn sử dụng; Thành phần hoặc thành phần định lượng; Thông tin cảnh báo; Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản).

Cục ATMT ghi nhận kiến nghị của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế về đánh mã số kíp để truy tìm và xác định nguồn gốc VLNCN khi để xảy ra thất thoát, buôn bán trái phép. Tuy nhiên, với các dây chuyền sản xuất VLNCN hiện tại cũng như nhập khẩu VLNCN từ nước ngoài, việc đánh mã số cho các sản phẩm VLNCN là khó thực hiện.

Việc vận chuyển VLNCN có giao cắt với đường bộ công cộng có nguy cơ gây mất an toàn, an ninh trật tự xã hội, vì vậy khoản 8 Điều 44 Luật số 14/2017/QH14 quy định “*Trường hợp vận chuyển VLNCN bên trong ranh giới mở, công trường hoặc cơ sở sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trên các đường không giao cắt với đường thủy, đường bộ công cộng thì không phải xin cấp giấy phép, nhưng phải thực hiện đúng quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này*”.

- Quy định về cấp Giấy phép vận chuyển VLNCN được Luật số 14/2017/QH14 giao Bộ Công an thực hiện, theo đó Bộ Công Thương không thể quy định cụ thể về trình tự thủ tục, quy trình vận chuyển VLNCN theo đề xuất của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.4 Khoản 6 Điều 44 Luật số 14/2017/QH14 quy định “*Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp chỉ có giá trị cho một lượt vận chuyển*”, theo đó, Cục ATMT ghi nhận ghi nhận đề xuất của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế để có ý kiến tại Hội nghị tổng kết việc thực hiện Luật số 14/2017/QH14 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện.

2.5 Cục ATMT đã có ý kiến đối với kiến nghị của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa.

### ***3. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Trị)***

3.1 Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền xem xét, có biện pháp tạo điều kiện cho các địa phương trong việc quản lý các tổ chức được Bộ Công Thương cấp giấy phép (giấy phép sử dụng VLNCN và giấy phép dịch vụ nổ mìn), Bộ Quốc phòng cấp giấy phép sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh các tỉnh, thành phố.

3.2 Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, xem xét bổ sung thời gian bắt đầu đầu nổ mìn và thời gian kết thúc nổ mìn theo ca sản xuất vào mẫu hộ chiếu nổ mìn hầm/lò đã được quy định tại Phụ lục VII, Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ Công Thương để tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Công Thương và các cơ quan chức năng liên quan của các địa phương trong quá trình kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất; đánh giá kết quả nổ mìn, việc sử dụng VLNCN theo mẫu hộ chiếu.

3.3. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và nhiều tỉnh trong nước đang có các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động rà phá bom mìn, vật liệu chưa nổ sau chiến tranh vì mục đích nhân đạo, nhưng hiện tại Luật và các văn bản quy phạm pháp luật về VLNCN chưa đưa Tổ chức này vào văn bản để quản lý và hướng dẫn hồ sơ cấp phép sử dụng VLNCN để phục vụ hủy nổ bom mìn và vật liệu chưa nổ. Vì vậy, Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, xem xét bổ sung các Tổ chức này vào Luật và các văn bản quy phạm hướng dẫn Luật về VLNCN để quản lý và có hướng dẫn cụ thể hồ sơ để Sở Công Thương các tỉnh có cơ sở hướng dẫn hồ sơ, quản lý và cấp phép sử dụng VLNCN cho các Tổ chức này hoạt động trong thời gian tới.

#### **Trả lời (Cục ATMT)**

3.1 Tổ chức sử dụng VLNCN được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp Giấy phép, trước khi sử dụng VLNCN ít nhất 10 ngày phải thông báo với UBND tỉnh, Sở Công Thương.

Trường hợp các tổ chức không thực hiện Thông báo Giấy phép dịch vụ nổ mìn, sử dụng VLNCN sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Nghị định số 71/2019/NĐ-CP và bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 10 Luật số 14/2017/QH14 (không thực hiện đúng các nội dung quy định trong giấy phép, giấy chứng nhận).

3.2 Cục ATMT ghi nhận kiến nghị của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị để bổ sung nội dung này khi thực hiện xây dựng Thông tư sửa đổi Thông tư số 13/2018/TT-BCT. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc quản lý VLNCN trên địa bàn, Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị có thể hướng dẫn tổ chức sử dụng VLNCN bổ sung nội dung này vào hộ chiếu nổ mìn để phù hợp với quy định tại Mẫu 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT “Khi lập Hộ chiếu nổ mìn hầm/lò có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại gương nổ nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này”.



3.3 Điểm b khoản 1 Điều 41 Luật số 14/2017/QH14 quy định điều kiện sử dụng VLNCN “Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng VLNCN”, vì vậy việc cấp phép sử dụng VLNCN phục vụ hủy bom mìn được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cần sử dụng VLNCN được thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Luật số 14/2017/QH14. Trường hợp, các tổ chức rà phá bom mìn không đáp ứng điều kiện sử dụng VLNCN theo quy định tại Điều 41 Luật số 14/2017/QH14, đơn vị ký kết hợp đồng với tổ chức được cấp phép dịch vụ nổ mìn để thực hiện hủy bom mìn theo quy định tại Điều 43 Luật số 14/2017/QH14.

#### **IV. Lĩnh vực khuyến công**

##### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương Tỉnh Quảng Bình)***

Đề nghị sửa đổi nội dung thời gian định kỳ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của các cấp từ 02 năm một lần thành 03 năm một lần (*tại Khoản 8 và Khoản 9, Điều 1, Thông tư 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương*) để nâng cao tính đa dạng của sản phẩm tham gia dự thi, tránh sự trùng lặp các sản phẩm đã tham gia kỳ trước đó.

##### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

Quy định về thời hạn có giá trị của Giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu (các cấp) như hiện nay (*đến hết tháng 12 của năm thứ tư – năm thứ nhất được tính từ năm cơ sở được cấp Giấy chứng nhận*) tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương được dựa trên cơ sở thời gian cần thiết đủ để cơ sở CNNT duy trì, cải tiến và nâng cấp công nghệ sản xuất cũng như cải tiến mẫu mã, hình thức cho một sản phẩm có quy mô như sản phẩm CNNT tiêu biểu. Theo đó, để khuyến khích cơ sở CNNT áp dụng công nghệ mới, tiến tiến vào sản xuất, tạo ra những sản phẩm thực sự đặc sắc, tiêu biểu để tham gia bình chọn SP CNNT tiêu biểu thì thời gian tổ chức giữa các kỳ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu (các cấp) như quy định tại văn bản hướng dẫn hiện hành là phù hợp.

##### ***2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Đắk Nông)***

Đắk Nông là tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nhu cầu thụ hưởng kinh phí khuyến công của các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh là khá nhiều nhưng số cơ sở được thụ hưởng chính sách khuyến công còn ít so với nhu cầu thực tế. Kinh phí khuyến công được ngân sách cấp hàng năm để hỗ trợ cho các cơ sở còn thấp so với kế hoạch. Ngoài ra, phần lớn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh chủ yếu là loại hình Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ, nguồn lực tài chính thấp, ngân sách của tỉnh còn hạn chế. Do vậy, kính đề nghị Bộ Công Thương quan tâm hỗ trợ các đối tượng này và bố trí kinh phí hàng năm nhiều hơn nữa để giúp địa phương đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

##### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**



Do điều kiện ngân sách trung ương hạn hẹp, chương trình KCQG hiện nay chủ yếu tập trung hỗ trợ cho các đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất CN-TTCN nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của Chính phủ về phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân, kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường; hỗ trợ đối tượng là các hợp tác xã nhằm góp phần thực hiện mục tiêu thúc đẩy kinh tế tập thể phát huy được địa, tiềm năng phát triển, dẫn dắt các hộ cá thể khắc phục tình trạng sản xuất, kinh doanh manh mún, tự phát. Vì vậy, đối với đối tượng là các hộ kinh doanh có quy mô nhỏ, nguồn lực tài chính thấp, nhìn chung Bộ đã đề nghị các Sở Công Thương chủ động xem xét, trình cấp có thẩm quyền bố trí hỗ trợ từ ngân sách địa phương. Tỉnh Đắk Nông là một trong những tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được Bộ Công Thương xem xét ưu tiên kinh phí KCQG hàng năm; thời gian qua, đã có một số đối tượng thụ hưởng là hộ kinh doanh được phê duyệt kinh phí hỗ trợ. Tuy nhiên, trên cơ sở chủ trương chung, đề nghị Sở Công Thương quan tâm khuyến khích động viên các hộ cá thể, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, tham gia vào loại hình hợp tác xã hoặc phát triển thành doanh nghiệp; đồng thời xây dựng các đề án KCQG có chất lượng, có quy mô, có tác động lan tỏa, trọng tâm trọng điểm để đạt được mục tiêu, hiệu quả của Chương trình KCQG giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020.

## **V. Lĩnh vực khoáng sản, môi trường; Hóa chất**

### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa)***

1.1. Hiện nay, Giấy chứng nhận đủ điều kiện của các loại hóa chất chuyên ngành như khí dầu mỏ hóa lỏng, xăng dầu,... đều quy định thời hạn hữu hạn. Do đó, để đảm bảo tính đồng bộ, đề nghị Bộ Công Thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh quy định về thời hạn đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và Giấy phép đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 08/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

### **Trả lời (Cục Hóa chất)**

Hiện nay, Luật Hóa chất chỉ quy định thời hạn đối với Giấy phép của hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh có điều kiện và do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định (tại khoản 2 Điều 17) và không có quy định cụ thể đối với thời hạn của Giấy chứng nhận, do đó đối với quy định thời hạn của Giấy phép hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất kinh doanh đang được Bộ Công Thương nghiên cứu bổ sung tại Thông tư sửa đổi Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Đối với kiến nghị, đề xuất trên, Bộ Công Thương xin được tiếp thu, tổng hợp và đề xuất nội dung sửa đổi Luật Hóa chất trong thời gian tới.

1.2. Đề nghị Bộ Công Thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, bỏ

nội dung “**Khí dầu mỏ hóa lỏng**” khỏi phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Đồng thời bỏ nội dung “**Khí dầu mỏ hóa lỏng**” ra khỏi Danh mục hóa chất nguy hiểm cần xây dựng Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất vì nội dung này đã được điều chỉnh tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về hoạt động kinh doanh khí và Thông tư số 41/2011/ TT-BCT ngày 16/12/2011 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng.

### **Trả lời (Cục Hóa chất)**

Hiện nay, việc thực hiện xây dựng Kế hoạch/Biên pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất dựa trên quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Hỗn hợp LPG chủ yếu được cấu thành từ hai thành phần hóa chất Butan và Propan, là hỗn hợp hóa chất nguy hiểm và dễ cháy, việc xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất không chỉ tính sự cố rò rỉ mà còn tính đến các tính huống cháy, nổ hóa chất vì vậy việc xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với LPG là cần thiết cho công tác an toàn của các đơn vị hoạt động liên quan.

1.3 Đề nghị Bộ Công Thương khi cấp giấy phép xuất, nhập khẩu tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp, phê duyệt khai báo nhập khẩu hoá chất cho các tổ chức, cá nhân, đồng thời gửi thông báo về địa phương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính để quản lý, theo dõi.

### **Trả lời (Cục Hóa chất)**

Hiện nay, thông tin tổng hợp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp, thông tin khai báo hóa chất và các thông tin hoạt động hóa chất được tổng hợp trong báo cáo tình hình hoạt động hóa chất của doanh nghiệp thực hiện trên hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia. Do đó, Sở Công Thương các địa phương có thể truy cập vào Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia để khai thác, quản lý các thông tin hoạt động hóa chất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

1.4 Đề nghị Bộ Công thương đề xuất cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, bổ sung trách nhiệm của UBND tỉnh trong việc xây dựng và cập nhật Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 08/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

### **Trả lời (Cục Hóa chất)**

Hiện nay, Ủy Ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xây dựng, thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh theo hướng dẫn tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc hại, Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc và Quyết định số 04/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế

hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc ban hành kèm theo quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với kiến nghị, đề xuất trên, Bộ Công Thương xin được tiếp thu, tổng hợp và đề xuất nội dung sửa đổi Luật Hóa chất trong thời gian tới.

## ***2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên Huế)***

Hiện nay, việc cập nhật báo cáo của các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang gặp một số khó khăn do Hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia bị lỗi, Sở Công Thương đề xuất Cục Hóa chất hướng dẫn, phổ biến, cung cấp thêm tài liệu về việc sử dụng, cập nhật Hệ thống cơ sở dữ liệu hoá chất quốc gia cho các doanh nghiệp để triển khai áp dụng, đồng thời có văn bản gửi các doanh nghiệp thông tin về đường dây nóng phản ánh do lỗi hệ thống phần mềm để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện cập nhật báo cáo định kỳ.

### **Trả lời (Cục Hóa chất)**

- Hướng dẫn sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu hoá chất quốc gia:

+ Về tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu hoá chất quốc gia, năm 2018 Cục Hóa chất đã xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống và đăng tải trên trang chủ của Hệ thống cho đối tượng là Doanh nghiệp và Sở Công Thương (tài liệu có thể tải từ đường link: <https://chemicaldata.gov.vn/cms.xc>).

+ Về đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp, trong các năm qua Cục Hóa chất đã thiết lập bộ phận Hỗ trợ kỹ thuật để kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện báo cáo trên hệ thống. Số điện thoại đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật được đặt ở trang chủ của hệ thống, cụ thể như sau: 0918953916 hoặc 024.39362506 (phím lẻ 809).

- Tình trạng lỗi hệ thống ở một số thời điểm: Tình trạng hệ thống chậm xử lý ở một số thời điểm là do tại thời điểm hết hạn nộp báo cáo, số lượng doanh nghiệp truy cập đồng thời vào hệ thống tăng đột biến khiến cho hệ thống bị quá tải cục bộ. Ngay từ đầu năm 2022, Cục Hóa chất đã ghi nhận tình trạng nêu trên. Để khắc phục vấn đề nêu trên, Cục Hóa chất đang tiến hành bảo trì, nâng cấp hệ thống Cơ sở dữ liệu hoá chất quốc gia để bảo đảm đáp ứng tốt nhất các điều kiện về kỹ thuật phục vụ doanh nghiệp thực hiện báo cáo vào đầu năm 2023. Đồng thời, Cục Hóa chất đã kiến nghị điều chỉnh kéo dài thời gian cho phép doanh nghiệp nộp báo cáo trong Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 113/2017/NĐ-CP dự kiến sẽ được Chính phủ xem xét, ban hành trong thời gian tới để tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ báo cáo và giảm hiện tượng số lượng doanh nghiệp truy cập vào hệ thống tập trung vào một thời điểm.

## **VI. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (ATTP)**

### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa)***

#### **1.1 Về xác nhận kiến thức về ATTP**

- Đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất trong việc quy định quản lý việc xác nhận kiến thức về ATTP thực

phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm vì hiện nay các cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý của ngành công thương thực hiện tập huấn, xác nhận kiến thức theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, các cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý của ngành y tế và nông nghiệp chưa có quy định cụ thể, doanh nghiệp tự thiết kế hình thức xác nhận (cách thức thực hiện, biểu mẫu,...).

- Đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp nghiên cứu sửa đổi quy định về tập huấn, xác nhận kiến thức ATTP theo hướng: + Quy định điều kiện người tập huấn kiến thức về ATTP cho người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phẩm như người tập huấn phải có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực ATTP. + Trường hợp, cơ sở không có người có đáp ứng điều kiện tập huấn cho người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm thì thực hiện thuê các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để thực hiện tập huấn. + Cơ quan quản lý nhà nước tổ chức tập huấn cho chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm để đảm bảo ít nhất chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có đủ kiến thức để tập huấn lại, xác nhận kiến thức về ATTP cho người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm của đơn vị mình.

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận”. Bộ câu hỏi kiểm tra và đáp án trả lời để đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm được ban hành tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 5 năm 2020. Như vậy, chủ cơ sở sản xuất có trách nhiệm đảm bảo người lao động trực tiếp sản xuất được tập huấn và xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, trong đó bao gồm việc áp dụng phương thức và điều kiện tập huấn, xác nhận phù hợp với hoạt động thực tế của cơ sở.

1.2 Đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

- Theo hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Công văn số 2107/BCT-KHCN ngày 24/3/2020 thì *cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ được định nghĩa là cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ (do phù hợp với phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP)*. Do đó, *cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP*, chỉ thực hiện bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn. Trong khi đó, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, ngành y tế và ngành nông nghiệp thực hiện *cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP* đối với các cơ sở *sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ*.

Do đó, đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển

Nông thôn thống nhất phương thức quản lý chung đối với đối tượng các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.

- Đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nghiên cứu đề xuất quy định chế tài đối với các đối tượng không thực hiện cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Quy định chung về các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và các quy định về thủ tục hành chính lĩnh vực thực phẩm đã được quy định tại Luật an toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm... Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm đều phải thực hiện các quy định tại các văn bản nêu trên một cách thống nhất.

Hiện nay, các đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Các loại đối tượng là cơ sở nhỏ lẻ đã được định nghĩa tại Điều 3 Nghị định trên.

Nội dung thực hiện cam kết không được quy định tại Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, vì vậy khi các cơ sở theo quy định chưa gửi bản cam kết/bản sao Giấy chứng nhận đến cơ quan quản lý nhà nước mà đã sản xuất, kinh doanh thì không bị coi là hành vi vi phạm. Cơ quan quản lý nhà nước trong công tác hậu kiểm sẽ nhắc nhở các đối tượng nêu trên nếu không thực hiện theo quy định.

1.3 Đối với hồ sơ tự công bố sản phẩm (Điều 4, 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ)

- Đề nghị quy định hướng dẫn cụ thể việc tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm trong trường hợp hồ sơ tự công bố không đầy đủ (thiếu thành phần hồ sơ) hoặc sai quy định về số công bố; năm công bố; tên cơ sở sản xuất trong trường hợp thuê kho (nhập khẩu); sai khác thông tin về sản phẩm trên bản tự công bố, phiếu kiểm nghiệm, mẫu nhãn sản phẩm,....

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm thành phần Hồ sơ tự công bố sản phẩm “*Các tài liệu chứng minh các nội dung có liên quan trong hồ sơ tự công bố*” (như: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hồ sơ pháp lý của cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất), nhập khẩu thực phẩm,...) vì thành phần hồ sơ tự công bố hiện nay chỉ bao gồm Bản tự công bố sản phẩm và Phiếu kết quả kiểm nghiệm ATTP của sản phẩm và các thông tin trong bản tự công bố đều do doanh nghiệp tự kê khai, cơ quan quản lý không có tài liệu để so sánh, đối chiếu tính xác thực trong văn bản công bố để thực hiện đăng tải các thông tin chính xác trên trang điện tử của cơ quan quản lý.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm các trường hợp phải tự công bố lại sản



phẩm nhằm đảm bảo chất lượng thực phẩm, sức khỏe của người tiêu dùng (ngoài trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo) vì hiện nay một số văn bản quy định liên quan đến chất lượng thực phẩm đã được thay thế, bãi bỏ, sửa đổi, quy định mới nhưng các tổ chức, cá nhân vẫn không thực hiện tự công bố lại đến khi các cơ quan chức năng phát hiện thì các sản phẩm không đảm bảo chất lượng ATTP đã được lưu thông trên thị trường và người tiêu dùng đã sử dụng (như Thông tư số 24/2016/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm).

- Đề nghị nghiên cứu quy định về thời hạn của bản tự công bố sản phẩm (có thể quy định 5 năm/lần) vì hiện nay bản tự công bố vô thời hạn dẫn đến các cơ sở chủ quan, lơ là, không thực hiện cập nhật mới các quy định về chất lượng thực phẩm do cơ quan nhà nước ban hành.

- Tại điểm b, khoản 1, Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định “*Phiếu kết quả kiểm nghiệm ATTP của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực)*”. Tuy nhiên, hiện nay một số phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 thực hiện Bản ký số điện tử đối với phiếu kiểm nghiệm các sản phẩm bia, rượu, cồn và đồ uống có cồn, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn đối với trường hợp sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm là Bản ký số điện tử trong hồ sơ tự công bố sản phẩm.

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Hiện nay, các yêu cầu về hồ sơ, trình tự tự công bố sản phẩm đã được quy định cụ thể tại Chương II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Đề nghị Sở Công Thương các tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hoạt động tự công bố đúng theo quy định.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Khoản 2 Luật An toàn thực phẩm: “Sản xuất, kinh doanh thực phẩm là hoạt động có điều kiện; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải chịu trách nhiệm về an toàn do mình sản xuất, kinh doanh”. Khoản 2b Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định “*Ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó*”. Do đó, tổ chức, cá nhân thực hiện tự công bố chịu trách nhiệm về an toàn của sản phẩm được tự công bố và sự phù hợp của hồ sơ tự công bố, bao gồm việc cung cấp kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm đảm bảo về tính pháp lý.

Trong quá trình quản lý hoạt động tự công bố, cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp luôn tiến hành thực hiện việc kiểm tra, hậu kiểm theo quy định của pháp luật



1.4. Đề nghị sớm ban hành các quy định về mức giới hạn an toàn đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý để đảm bảo các cơ sở có căn cứ thực hiện tự công bố sản phẩm, các cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở đánh giá việc tuân thủ các quy định về chất lượng thực phẩm.

#### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Bộ Công Thương có trách nhiệm “Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã ban hành “Lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành Công Thương đến năm 2025”.

Trong thời gian Bộ Công Thương chưa ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, tổ chức, các nhân vẫn căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Y tế ban hành để thực hiện nội dung tự công bố sản phẩm, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước.

1.5. Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu quy định rõ cơ quan quản lý nhà nước về ATTP đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối đảm bảo không chồng chéo trong phương thức quản lý vì theo quy định tại khoản 4, Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định Bộ Công Thương “*Quản lý ATTP đối với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối và các loại hình kinh doanh khác*”.

#### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Theo quy định tại Điều 65 của Luật An toàn thực phẩm, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Các điều kiện này hiện đã được quy định tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

### ***2. Kiến nghị (Sở Công Thương Tỉnh Quảng Bình):***

2.1 Đề nghị Bộ Công Thương thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản, chuyên sâu cho cán bộ làm công tác quản lý ATTP cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố.

#### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Theo kế hoạch, trong năm 2020, Bộ Công Thương đã và đang triển khai các Hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực an toàn thực phẩm với đối tượng tham dự là công chức Sở Công Thương các tỉnh/thành phố, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh lĩnh vực thực phẩm. Tính từ đầu năm 2020 đến nay, Bộ đã tổ chức tại Quảng Ninh, Bình Dương, Cần Thơ, Đắk Lắk. Do tình hình dịch bệnh

Covid-19 nên kế hoạch cuối năm được điều chỉnh thời gian tổ chức.

Bên cạnh các lớp tập huấn do Bộ Công Thương tổ chức, đề nghị Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình chủ động tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác chuyên môn, quản lý an toàn thực phẩm tại Sở.

2.2 Sớm ban hành hệ thống Quy chuẩn Quốc gia với các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương (đặc biệt là rượu) nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý.

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Bộ Công Thương có trách nhiệm “Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã ban hành “Lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành Công Thương đến năm 2025”.

Trong thời gian Bộ Công Thương chưa ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, tổ chức, các nhân viên căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Y tế ban hành để thực hiện nội dung tự công bố sản phẩm, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước.

### ***3. Kiến nghị (Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng)***

- Hướng dẫn cụ thể về đối tượng là cơ sở sản xuất nhỏ lẻ (quy mô vốn, loại hình cơ sở, quy mô lao động...) để làm cơ sở xác định mức thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Chương IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm quy định: “Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi hoạt động, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP”.

- Mức thu phí trong công tác an toàn thực phẩm thực hiện theo Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: bằng 90% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

+ Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.

Tuy nhiên tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản có liên quan chưa có hướng dẫn cụ thể đối tượng là cơ sở sản xuất nhỏ lẻ (quy mô vốn, loại hình cơ sở, quy mô lao động...) để làm cơ sở xác định mức thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Quy định chung về các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và các quy định về thủ tục hành chính lĩnh vực thực phẩm đã được quy định tại Luật an toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm... Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm đều phải thực hiện các quy định tại các văn bản nêu trên một cách thống nhất.

Hiện nay, các đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Các loại đối tượng là cơ sở nhỏ lẻ đã được định nghĩa tại Điều 3 Nghị định trên.

Nội dung thực hiện cam kết không được quy định tại Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, vì vậy khi các cơ sở theo quy định chưa gửi bản cam kết/bản sao Giấy chứng nhận đến cơ quan quản lý nhà nước mà đã sản xuất, kinh doanh thì không bị coi là hành vi vi phạm. Cơ quan quản lý nhà nước trong công tác hậu kiểm sẽ nhắc nhở các đối tượng nêu trên nếu không thực hiện theo quy định.

### ***4. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên Huế)***

Tại Khoản 5, Điều 10, Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương quy định

“5. Khoản 1 và 2 Điều 28 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP được sửa đổi như sau:

- Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận.

- Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải bảo đảm yêu cầu về sức khỏe; không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp.”

Hiện nay, Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT đã bỏ quy định “không bị mắc các bệnh tả,

ly, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp”.

Do vậy, để có sự đồng bộ trong các quy định giữa 03 bộ: Y tế, Công thương, NN&PTNT và giảm bớt chi phí xét nghiệm các loại bệnh trên cho các cơ sở, kính đề nghị Bộ xem xét, sửa đổi quy định này

**Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm, người sản xuất, kinh doanh phải đủ sức khỏe để tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thực tế trong luật lao động cũng đã có quy định về khám sức khỏe khi tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ đối với người lao động theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 6/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe.

Đối với người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, yêu cầu quan trọng nhất là không truyền bệnh qua thực phẩm, do đó việc người trực tiếp sản xuất không mắc các bệnh truyền nhiễm là quy định cần thiết. Việc quy định “Người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải bảo đảm yêu cầu về sức khỏe; không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp” không có nghĩa là người lao động và chủ cơ sở phải khám sức khỏe để xác định không mắc các bệnh này trước khi làm việc ở cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, mà có nghĩa là người lao động phát hiện mắc các bệnh này phải được đưa ra khỏi khu vực sản xuất, kinh doanh và điều trị cho đến khi khỏi bệnh mới được trở lại sản xuất, kinh doanh.

Trách nhiệm đảm bảo thực thi thuộc về chủ cơ sở, nếu để người mắc các bệnh trên mà gây ra hậu quả truyền bệnh cho người tiêu dùng thì chủ cơ sở sẽ bị xử lý theo pháp luật.

***5. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Nam)***

Tại Chương III, Điều 7, khoản 1, điểm a của Nghị định 09/2016/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Công Thương “Quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu bột mỳ, dầu thực vật tăng cường vi chất dinh dưỡng thuộc phạm vi quản lý”, tuy nhiên tại Phụ lục IV, mục V của Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định Bộ Công Thương quản lý sản phẩm dầu thực vật nhưng không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý. Đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn rõ nội dung này.

**Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Hiện nay, Khoản 1 Điều 7 Nghị định 09/2016/NĐ-CP quy định Bộ Công Thương “Quản lý an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu bột mỳ, dầu thực vật tăng cường vi chất dinh dưỡng thuộc phạm vi quản lý”. Theo Khoản 2 Điều 5 Nghị định trên, “Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng quy định tại Khoản 1 Điều này (đối với dầu thực vật: c) Dầu thực vật có chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc phải tăng cường vitamin A, trừ dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp) phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc phải phù hợp với

quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.”

Đối với sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương “Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý”; sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế bao gồm “các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”. Các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng áp dụng QCVN 9-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng (đối với sản phẩm nước mắm, bột mỳ, dầu ăn, đường bổ sung vi chất)

Ngoài ra, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định “Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý.”

### ***6. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Kom Tum)***

Hiện chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm/nhóm sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm nên các cơ quan chức năng gặp khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát các chỉ tiêu chất lượng an toàn thực phẩm. 0

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Bộ Công Thương có trách nhiệm “Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã ban hành “Lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành Công Thương đến năm 2025”.

Trong thời gian Bộ Công Thương chưa ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, tổ chức, các nhân viên căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Y tế ban hành để thực hiện nội dung tự công bố sản phẩm, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước.

### ***7. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Trị)***

Bộ Công Thương sớm ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm/nhóm sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật



an toàn thực phẩm, Bộ Công Thương có trách nhiệm “Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã ban hành “Lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành Công Thương đến năm 2025”.

Trong thời gian Bộ Công Thương chưa ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, tổ chức, các nhân viên căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Y tế ban hành để thực hiện nội dung tự công bố sản phẩm, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước.

## **PHẦN B - LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI**

### **I. Về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại)**

#### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Bình)***

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho địa phương để đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ thương mại, nâng cấp đường giao thông, nhất là cho các khu vực cửa khẩu, biên giới, tạo điều kiện để thu hút các nhà đầu tư, kinh doanh tại khu vực các cửa khẩu, thúc đẩy phát triển kinh tế các huyện miền núi có chung biên giới với các tỉnh của nước bạn Lào. Đồng thời tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho địa phương theo các chương trình, đề án để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức các hội chợ triển lãm quốc tế, hội nghị kết nối giao thương hàng hóa, các phiên chợ đưa hàng hóa nhu yếu phẩm thiết yếu lên phục vụ khu vực biên giới nhằm thúc đẩy các hoạt động giao thương, trao đổi, mua bán hàng hóa phát triển thị trường vùng biên.

#### **Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

- Về vấn đề hỗ trợ kinh phí cho địa phương để đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ thương mại, nâng cấp đường giao thông: Việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng không thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương. Đề nghị các Sở Công Thương thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt chủ động tham mưu UBND cấp tỉnh bố trí nguồn ngân sách cho phát triển cơ sở hạ tầng thương mại.

- Liên quan đến phát triển hạ tầng thương mại biên giới: đề nghị tỉnh Quảng Bình thực hiện theo Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 25 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

#### ***2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa)***

##### **2.1 Về Công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ**

Tại điểm a và điểm b, khoản 1, Điều 7 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về quản lý và phát triển chợ (đã được sửa đổi tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ) quy định:



“1. Chợ do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng theo khoản 3 Điều 5 Nghị định này được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao cho các chủ thể tổ chức kinh doanh khai thác và quản lý hoạt động tại chợ theo quy định sau: a) Đối với chợ xây dựng mới, giao hoặc tổ chức đấu thầu để lựa chọn doanh nghiệp hoặc hợp tác xã kinh doanh, khai thác quản lý chợ.” b) Đối với chợ đang hoạt động do Ban Quản lý chợ điều hành, từng bước chuyển sang thực hiện theo quy định tại điểm a trên đây”. Tuy nhiên, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, trong đó:

- Tại khoản 2, Điều 4 quy định về phân loại tài sản công: “Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình kết cấu hạ tầng xã hội và vùng đất, vùng nước, vùng biển gắn với công trình kết cấu hạ tầng, bao gồm: hạ tầng giao thông, hạ tầng cung cấp điện, hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin, hạ tầng giáo dục và đào tạo, hạ tầng khoa học và công nghệ, hạ tầng y tế, hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch và hạ tầng khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng)”. - Tại điểm c, khoản 1, Điều 80 quy định: “1. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo các phương thức sau đây:

c) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng” - Tại khoản 3, Điều 83 quy định: “Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản”. Đối chiếu các quy định nêu trên, chợ (hạ tầng thương mại) do nhà nước đầu tư xây dựng được giao cho doanh nghiệp hoặc hợp tác xã kinh doanh khai thác, quản lý là phương thức “cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng” và phải “thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản” theo đúng quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 80 và khoản 3, Điều 83 Luật Quản lý và sử dụng tài sản công 2017. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý và phát triển chợ (Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ) không quy định về việc chuyển đổi mô hình kinh doanh khai thác quản lý chợ theo hình thức *đấu giá*. Nghị định phát triển và quản lý chợ hiện nay trong giai đoạn lấy kiến các bộ, ngành, địa phương, đến nay vẫn chưa ban hành.

Do đó, để thực hiện công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ tại địa phương đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đề nghị Bộ Công Thương quan tâm hướng dẫn thực hiện việc lựa chọn hình thức chuyển đổi mô hình quản lý chợ theo đúng quy định của pháp luật.

### **Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, Công văn số 198/TB-VPCP ngày 06/6/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn

Thành tại Công văn số 4676/VPCP-KTTH ngày 14/7/2021, trong đó “thông qua đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009” Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Ban hành Quyết định số 2425/QĐ-BCT ngày 28/10/2021, Bộ Công Thương về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Tổ chức cuộc họp (ngày 23/11/2021) lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định về phát triển và quản lý chợ đối với Dự thảo 1 Nghị định và Tờ trình, sau đó tổng hợp ý kiến các thành viên, tiếp thu giải trình hoàn thiện dự thảo 2 (có bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư - Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng).

- Xin ý kiến Bộ, ngành đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ (Công văn số 8387/BCT-TTTN ngày 27/12/2021) và đăng tải dự thảo 2 trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Công để lấy ý kiến công khai (Công văn số 8386/BCT-TTTN ngày 27/12/2021). Theo đó, sau 60 ngày đăng tải không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Ngày 29/6/2022, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đối với dự thảo 3 Nghị định phát triển và quản lý chợ. Hội thảo có sự tham gia của các bộ, ngành, một số địa phương (Hà Nội, Hải phòng, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình, Ninh Bình, Nam định..), hiệp hội chợ, nhà đầu tư, chuyên gia phát triển đô thị... Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương tiếp tục hoàn thiện Dự thảo 3 của Nghị định.

Tại Văn bản số 509/VPCP ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 đã giao Bộ Công Thương trình Nghị định về phát triển và quản lý chợ vào tháng 12/2022. Ngày 21/6/2022 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có thông báo số 98/TB-BCT ý kiến chỉ đạo về tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, theo đó thời hạn trình Nghị định vào tháng 12/2022.

\* Một số điểm mới của dự thảo Nghị định: quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý chợ; quy định về quản lý, sử dụng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư; quy định về xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ; quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ, ... (nội dung này được quy định tại Chương IV - do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng). Các quy định này nhằm giải quyết những mâu thuẫn giữa Nghị định số 02/2003/NĐ-CP, Nghị định 114/2009/NĐ-CP với các quy định về quản lý tài sản công.

### ***3. Kiến nghị (Sở Công thương thành phố Đà Nẵng)***

3.1 Chợ truyền thống là loại hình hạ tầng thương mại phục vụ trực tiếp cho đời sống người dân, mang tính chất cộng đồng và an sinh xã hội. Việc xã hội hóa trong đầu tư quản lý chợ trong thời gian qua phát sinh nhiều vấn đề bất cập (đơn giá mặt bằng cao ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của các hộ kinh doanh, dẫn đến phát sinh nhiều trường hợp khiếu kiện kéo dài giữa hộ kinh doanh và chủ đầu tư quản lý, khai thác chợ...). Nếu đầu tư chợ từ nguồn vốn đầu tư công sẽ giảm bớt áp lực về giá thuê mặt bằng và các dịch vụ khác liên quan. Theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025, thì vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách Nhà nước được bố trí cho loại hình **chợ dân sinh** và **chợ đầu mối**. Tuy nhiên, **chợ dân sinh** theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP chỉ bao gồm chợ hạng 3. Vì vậy, việc đầu tư các chợ hạng 1, hạng 2 từ vốn đầu tư công hiện không thể thực hiện được.

Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về phát triển và quản lý chợ, trong đó cho phép đầu tư chợ (không phân biệt chợ hạng 1, 2, 3) từ nguồn vốn đầu tư công, để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các địa phương trong việc đầu tư phát triển chợ từ nguồn vốn đầu tư công cũng như công tác quản lý khai thác tài sản công là hạ tầng chợ.

#### **Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, Công văn số 198/TB-VPCP ngày 06/6/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại Công văn số 4676/VPCP-KTTH ngày 14/7/2021, trong đó “thông qua đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009” Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Ban hành Quyết định số 2425/QĐ-BCT ngày 28/10/2021, Bộ Công Thương về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Tổ chức cuộc họp (ngày 23/11/2021) lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định về phát triển và quản lý chợ đối với Dự thảo 1 Nghị định và Tờ trình, sau đó tổng hợp ý kiến các thành viên, tiếp thu giải trình hoàn thiện dự thảo 2 (có bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư - Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng).

- Xin ý kiến Bộ, ngành đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ (Công văn số 8387/BCT-TTTN ngày 27/12/2021) và đăng tải dự thảo 2 trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Công để lấy ý kiến công khai (Công văn số 8386/BCT-TTTN ngày 27/12/2021). Theo đó, sau 60 ngày đăng tải không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Ngày 29/6/2022, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đối với dự thảo 3 Nghị định phát triển và quản lý chợ. Hội thảo có sự tham gia của các bộ, ngành, một số địa phương (Hà Nội, Hải phòng, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình, Ninh Bình, Nam định..), hiệp hội chợ, nhà đầu tư, chuyên gia phát triển đô thị... Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương tiếp tục hoàn thiện Dự thảo 3 của Nghị định.

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung khái niệm chợ dân sinh, đồng thời quy định về vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước như sau:

(1) Chợ dân sinh là chợ kinh doanh những mặt hàng thông dụng và thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày của người dân, không có cư dân sinh sống.

(2) Vốn ngân sách nhà nước được sử dụng để hỗ trợ đầu tư xây dựng các chợ dân sinh, chợ đầu mối theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

Các quy định này nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các địa phương trong việc đầu tư phát triển chợ từ nguồn vốn đầu tư công.

Tại Văn bản số 509/VPCP ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 đã giao Bộ Công Thương trình Nghị định về phát triển và quản lý chợ vào tháng 12/2022.

### 3.2. Về phát triển hoạt động logistics

Hiện nay, nhiều địa phương trong khu vực đều có sân bay, cảng biển, kết cấu hạ tầng giao thông thuận lợi... và xác định phát triển dịch vụ logistics là trọng tâm phát triển. Tuy nhiên, hệ thống logistics của Miền Trung – Tây Nguyên vẫn còn nhiều hạn chế (cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư hiện đại, thiếu tính đồng bộ, kết nối yếu...). Kính đề nghị Bộ Công Thương **giữ vai trò điều phối**, hỗ trợ các địa phương trong việc hoạch định phương án phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics tích hợp Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 và xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá **đặt trong mối liên kết Vùng** (tránh tình trạng manh mún, lãng phí nguồn lực, không phát huy được hiệu quả), nhằm nâng cao chất lượng quy hoạch, tăng cường khả năng hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp trong toàn Vùng, giúp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển



dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 và Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 200/QĐ-TTg.

### **Trả lời (Vụ Thị trường trong nước)**

Trung tâm logistics đã và đang trở thành yếu tố then chốt thúc đẩy phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và xuất nhập khẩu, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững, có hiệu quả, đạt chất lượng và đảm bảo sức cạnh tranh của toàn bộ dịch vụ logistics.

Hiện nay, việc phát triển các trung tâm logistics tại Việt Nam được thực hiện theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Trong thời gian qua, Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) đã và đang hỗ trợ các địa phương cả nước nói chung và các địa phương khu vực Tây Nguyên nói riêng trong việc xây dựng và phát triển các trung tâm logistics trên địa bàn theo đúng các quy định hiện hành.

Đồng thời, theo quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, trung tâm logistics sẽ được tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Do đó, đề nghị các tỉnh khu vực Tây Nguyên nguyên cứu, đưa các trung tâm logistics vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia theo quy định để có cơ sở xây dựng và phát triển trung tâm logistics góp phần thúc đẩy lưu thông, phát triển sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nguyên.

Trong thời gian tới, Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) sẽ tiếp tục hỗ trợ các địa phương Tây Nguyên trong việc xây dựng và phát triển các trung tâm logistics, cũng như việc tích hợp các trung tâm logistics vào các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định.

#### **4. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Đắk Nông)**

Đề nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sớm ban hành Nghị định về quản lý chợ.

#### **5. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Gia Lai)**

Các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho việc huy động nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng thương mại là Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ đã được ban hành từ lâu và có nhiều điểm chưa phù hợp với các Luật như Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017, Luật đấu thầu 2013, Luật Đấu giá tài sản 2016...

Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm tham mưu Chính Phủ ban hành Nghị định phát triển và quản lý chợ (thay thế Nghị định số 02/2013/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP).

**Trả lời (Vu Thị trường trong nước) (kiến nghị 4, 5)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, Công văn số 198/TB-VPCP ngày 06/6/2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại Công văn số 4676/VPCP-KTTH ngày 14/7/2021, trong đó “thông qua đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009” Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Ban hành Quyết định số 2425/QĐ-BCT ngày 28/10/2021, Bộ Công Thương về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Tổ chức cuộc họp (ngày 23/11/2021) lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định về phát triển và quản lý chợ đối với Dự thảo 1 Nghị định và Tờ trình, sau đó tổng hợp ý kiến các thành viên, tiếp thu giải trình hoàn thiện dự thảo 2 (có bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư - Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng).

- Xin ý kiến Bộ, ngành đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ (Công văn số 8387/BCT-TTTN ngày 27/12/2021) và đăng tải dự thảo 2 trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Công để lấy ý kiến công khai (Công văn số 8386/BCT-TTTN ngày 27/12/2021).

Ngày 01/3/2022, Cổng thông tin điện tử Chính phủ - Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 141/TTĐT-DLĐT về việc góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, sau 60 ngày đăng tải không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Đến nay, Bộ Công Thương đã nhận được 83 ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, các địa phương và trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương đang xây dựng hoàn thiện Dự thảo 3 Nghị định.

- Ngày 29/6/2022, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đối với dự thảo 3 Nghị định phát triển và quản lý chợ. Hội thảo có sự tham gia của các bộ, ngành, một số địa phương (Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình, Ninh Bình, Nam Định..), hiệp hội chợ, nhà đầu tư, chuyên gia phát triển đô thị... Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương tiếp tục hoàn thiện Dự thảo 3 của Nghị định.



Tại Văn bản số 509/VPCP ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 đã giao Bộ Công Thương trình Nghị định về phát triển và quản lý chợ vào tháng 12/2022. Ngày 21/6/2022 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có thông báo số 98/TB-BCT ý kiến chỉ đạo về tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, theo đó thời hạn trình Nghị định vào tháng 12/2022.

\* Một số điểm mới của Nghị định: quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý chợ; quy định về quản lý, sử dụng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư (do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng); không quy định cứng các chợ được đầu tư từ ngân sách nhà nước... qua đó góp phần tháo gỡ kiến nghị của một số địa phương liên quan đến các nội dung này.

### ***6. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Trị)***

6.1 Hiện nay, các quy định về quản lý hạ tầng thương mại, nhất là đối với chợ, trung tâm thương mại, siêu thị. Cụ thể, về quản lý chợ (Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ), quản lý siêu thị, trung tâm thương mại (Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại ban hành theo Quyết định số 1371/QĐ-BTM ngày 24/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại). Mặc dù Chính phủ đã có sự chỉ đạo để Bộ Công Thương tham mưu, nhưng đến nay các văn bản quản lý trên chưa được ban hành. Sở Công Thương kính đề nghị Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003, Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về quản lý chợ; ban hành Nghị định về quản lý siêu thị, trung tâm thương mại; ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cửa hàng xăng dầu để các địa phương đồng nhất áp dụng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hạ tầng thương mại.

### **Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

*\* Về việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về phát triển và quản lý chợ*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, Công văn số 198/TB-VPCP ngày 06 tháng 6 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại Công văn số 4676/VPCP-KTTH ngày 14 tháng 7 năm 2021, trong đó “thông qua đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009” Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Ban hành Quyết định số 2425/QĐ-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2021, Bộ Công Thương về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Tổ chức cuộc họp (ngày 23/11/2021) lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định về phát triển và quản lý chợ đối với Dự thảo 1 Nghị định và Tờ trình, sau đó tổng hợp ý kiến các thành viên, tiếp thu giải trình hoàn thiện dự thảo 2 (có bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư - Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng).

- Xin ý kiến Bộ, ngành đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ (Công văn số 8387/BCT-TTTN ngày 27/12/2021) và đăng tải dự thảo 2 trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Công để lấy ý kiến công khai (Công văn số 8386/BCT-TTTN ngày 27/12/2021).

Ngày 01/3/2022, Cổng thông tin điện tử Chính phủ - Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 141/TTĐT-DLĐT về việc góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, sau 60 ngày đăng tải không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo 2 Tờ trình Chính phủ và Nghị định về phát triển và quản lý chợ.

- Đến nay, Bộ Công Thương đã nhận được 83 ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, các địa phương và trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương đang xây dựng hoàn thiện Dự thảo 3 Nghị định.

- Ngày 29/6/2022, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đối với dự thảo 3 Nghị định phát triển và quản lý chợ. Hội thảo có sự tham gia của các bộ, ngành, một số địa phương (Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình, Ninh Bình, Nam Định..), hiệp hội chợ, nhà đầu tư, chuyên gia phát triển đô thị... Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân, Bộ Công Thương tiếp tục hoàn thiện Dự thảo 3 Nghị định.

- Ngày 05/7/2022, Vụ TTTN đã gửi Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và đổi mới doanh nghiệp về việc xin ý kiến đối với dự thảo 3 Nghị định phát triển và quản lý chợ (CV số 736/TTTN-HTTM ngày 05/7/2022 và CV số 737/TTTN-HTTM ngày 05/7/2022).

Tại Văn bản số 509/VPCP ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 đã giao Bộ Công Thương trình Nghị định về phát triển và quản lý chợ vào tháng 12/2022. Ngày 21/6/2022 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có thông báo số 98/TB-BCT ý kiến chỉ đạo về tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, theo đó thời hạn trình Nghị định vào tháng 12/2022.

*\* Về việc xây dựng Thông tư thay thế Quyết định 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về ban hành quy chế siêu thị, trung tâm thương mại*

Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) ban hành Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại tuy còn một số hạn chế nhất định, nhưng đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại.

Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM chủ yếu tập trung về việc quy định các tiêu chí phân hạng siêu thị, trung tâm thương mại; các nội dung về đầu tư xây dựng, quản lý hoạt động kinh doanh tại siêu thị, trung tâm thương mại... đã được quy định và điều chỉnh tại các văn bản pháp luật liên quan khác như: Luật Đầu tư, Luật Thương mại, Luật An toàn thực phẩm, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

Tuy nhiên, xuất phát từ kiến nghị của địa phương về vướng mắc trong quá trình triển khai Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM, Bộ Công Thương đã đề nghị các Sở Công Thương rà soát, đánh giá Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM (Công văn số 5529/BCT-TTTN ngày 30 tháng 7 năm 2021). Sau khi tổng hợp đánh giá, đề xuất của các địa phương, đơn vị chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương xây dựng, hoàn thiện báo cáo tổng kết Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM, trong đó đề xuất xây dựng Thông tư quy định phân hạng và quản lý hoạt động một số loại hình hạ tầng thương mại, đã được Lãnh đạo Bộ thông qua, đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 (Quyết định số 3906/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2022)

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 116/QĐ-BCT thành lập Tổ soạn thảo Thông tư quy định về phân loại và quản lý một số loại hình hạ tầng thương mại;

Đã tổ chức họp Tổ soạn thảo xây dựng Thông tư quy định về phân loại và quản lý một số loại hình hạ tầng thương mại, gửi lấy ý kiến thành viên Tổ soạn thảo (Công văn số 321/TTTN-HTTM ngày 01/4/2022), hiện nay đã hoàn thiện Dự thảo 2 Thông tư,

Đã có văn bản gửi lấy ý kiến của các đơn vị trong bộ (Công văn số 513/TTTN-HTTM ngày 17/5/2022) và lấy ý kiến của các đơn vị ngoài bộ (Công văn số 2661/BCT-TTTN ngày 17/5/2022 gửi Ủy ban nhân dân, Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam; Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Hội nông dân, Công văn số 2756/BCT-TTTN ngày 23/5/2022 gửi Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam); đã gửi đề nghị Văn phòng Chính phủ đăng công thông tin điện tử của Văn

phòng Chính phủ (Công văn số 2757/BCT-TTTN ngày 23 tháng 5 năm 2022).

Hiện nay, Vụ Thị trường trong nước đang tổng hợp các ý kiến góp ý để hoàn thiện và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Ban hành văn pháp luật.

6.2 Kính đề nghị Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan hỗ trợ vốn xây dựng hạ tầng thương mại biên giới tỉnh Quảng Trị; có phương án phối hợp trong việc cung cấp thông tin giữa các ngành.

***Vấn đề này không thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Công Thương.***

## **II. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, khí và rượu**

### ***1. Kiến nghị (Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa)***

1.1. Về diện tích đất tối thiểu của cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định Tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 2.6.11, khoản 2.16, mục 2 QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng quy định cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định: *“Phải quy hoạch và bố trí quỹ đất cho các cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định theo nhu cầu của đô thị. Diện tích đất tối thiểu của cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định quy hoạch mới tuân thủ quy định tại Điều 5, QCVN 01:2020/BCT”*. Tuy nhiên, tại Điều 5 QCVN 01:2020/BCT của Bộ Công Thương quy định cửa hàng xăng dầu được phân cấp theo tổng dung tích chứa xăng dầu, không quy định diện tích tối thiểu của cửa hàng xăng dầu. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu bổ sung quy định về diện tích tối thiểu của cửa hàng xăng dầu.

### **Trả lời (Vụ Thị trường trong nước)**

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, Bộ Công Thương ban hành QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu. Theo đó, QCVN 01:2020/BCT không quy định diện tích đất tối thiểu của cửa hàng xăng dầu xây dựng cố định; QCVN 01:2020/BCT chỉ quy định phân cấp cửa hàng xăng dầu theo tổng dung tích chứa xăng dầu; quy định khoảng cách tối thiểu giữa các hạng mục xây dựng trong cửa hàng, khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài cửa hàng v.v... Thương nhân đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu căn cứ các quy định về quy mô sức chứa, khoảng cách các hạng mục xây dựng cửa hàng xăng dầu để bố trí diện tích xây dựng cửa hàng xăng dầu cho phù hợp.

1.2. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu:

Tại gạch đầu dòng thứ 6, khoản 20, Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu quy định Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu: *“Bổ sung vào điểm a, sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 25 như sau: Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận”*. Đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu của thương nhân để thông nhất cho các doanh nghiệp thực hiện đúng quy định, tránh gây khó khăn, phiền hà trong thực



hiện thủ tục hành chính.

**Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

Điểm a Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP) quy định thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, theo đó hồ sơ bao gồm “Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận”.

Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP quy định: “18. Sở hữu cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu (gồm cửa hàng bán lẻ xăng dầu, kho, phương tiện vận tải, cầu cảng, phương tiện tra nạp, phòng thử nghiệm và các phương tiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh xăng dầu) tại Nghị định này là việc chủ sở hữu sở hữu riêng hoặc sở hữu chung theo phần với tỷ lệ phần sở hữu tối thiểu 35% giá trị loại cơ sở vật chất tại thời điểm xác lập quyền sở hữu cơ sở vật chất đó.”

Căn cứ các quy định trên, bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu là bản sao các tài liệu chứng minh quyền sở hữu cửa hàng bán lẻ xăng dầu phù hợp với quy định tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

**2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Phú Yên)**

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động kinh doanh khí thì tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động kinh doanh khí (gồm: Chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp) có nội dung phức tạp, đặc biệt Thông tư 40/2018/TT-BCT yêu cầu việc đánh giá rủi ro định lượng phải được thực hiện bằng phần mềm chuyên dụng, có bản quyền.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và Phụ lục I Thông tư số 40/2018/TT-BCT thì đối tượng là công trình kho tồn chứa LPG < 114 m<sup>3</sup> phải thực hiện xây dựng tài liệu quản lý an toàn trình Sở Công Thương chấp thuận; tuy nhiên Thông tư không quy định sức chứa tối thiểu phải thực hiện quy định này, dẫn đến các kho chứa LPG có sức chứa vài m<sup>3</sup> LPG cũng phải thực hiện quy định là không phù hợp.

Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét quy định sức chứa tối thiểu đối với công trình kho chứa LPG phải xây dựng tài liệu an toàn hoặc xem xét bỏ đối tượng kho chứa LPG ra khỏi Danh mục công trình phải xây dựng tài liệu an toàn.

**Trả lời (Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp)**

Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí đã quy định các đối tượng phải xây dựng các tài liệu quản lý an toàn không căn cứ vào quy mô sức chứa tối thiểu của các Kho chứa LPG. Theo đó, các kho tồn trữ LPG dưới 114 m<sup>3</sup> phải xây dựng các tài liệu quản lý an toàn trình Sở Công Thương địa phương xem xét, chấp thuận. - Với kiến nghị của Sở Công Thương về những bất cập khi áp dụng quy định xây dựng tài liệu an toàn

đối với những kho chứa LPG quy mô rất nhỏ, Cục ATMT sẽ xem xét, đề xuất cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp về quy mô công trình kho chứa LPG phải xây dựng tài liệu an toàn trong quá trình xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

### **3. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi)**

Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng; Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT. Tuy nhiên một số căn cứ được áp dụng tại Thông tư số 39/2013/TT-BCT và Thông tư số 34/2017/TT-BCT đến nay đã được sửa đổi, bổ sung hoặc đã hết hiệu lực như:

- Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu được thay thế bởi Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014;
- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng được thay thế bởi Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được thay thế bởi Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 được thay thế bởi Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Tại Điều 154 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau: *“Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó (Khoản 2 Điều 154). Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực (Khoản 4 Điều 154)”*.

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về LPG, xăng dầu, gồm:

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, theo đó Chính phủ bỏ quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí không quy định việc lập quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh khí.

Do đó, để có cơ sở giải quyết hồ sơ đề nghị bổ sung quy hoạch đối với kho



chứa xăng dầu và kho chứa LPG thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn Quy trình, thành phần, thủ tục hồ sơ đề nghị đầu tư xây mới, điều chỉnh, bổ sung đối với kho chứa xăng dầu, kho chứa LPG thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và quy trình, hồ sơ đề nghị lên cấp trên.

### **Trả lời (Vu Kế Hoạch)**

- Mặc dù các căn cứ khi xây dựng thông tư 39 và thông tư 34 là Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng là những nội dung liên quan đến quy hoạch. Khi sửa đổi Nghị định 84/2009/NĐ-CP và Nghị định số 107/2009/NĐ-CP các nội dung liên quan đến quy hoạch không đưa vào các nghị định thay thế, tức là không đưa quy định về quy hoạch làm đối tượng điều chỉnh bởi các Nghị định về kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng. Nội dung liên quan đến quy hoạch được thực hiện theo Luật Quy hoạch.

- Hiện nay, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch và khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt, trong quá trình thực hiện được điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực. Theo đó, hiện nay Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương vẫn tiếp tục áp dụng cho việc xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng cho đến khi Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030 và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### ***4. Kiến nghị (Sở Công thương thành phố Đà Nẵng)***

4.1. Đề phát triển mỏ và đưa các mỏ khí Cá Voi Xanh (cách bờ biển miền Trung khoảng 100 km về phía Đông) và Mỏ dầu khí Kèn Bầu (cách đất liền gần nhất thuộc tỉnh Quảng Trị 65 km) vào khai thác được cần phải có một trung tâm khai thác Dầu khí (Shore Base) riêng biệt để phục vụ cho việc khai thác, trong đó Cảng Sơn Trà Đà Nẵng đã được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Bộ Giao thông - Vận tải cho quy hoạch và xây dựng để phục vụ cho ngành Dầu khí tại khu vực biển Miền Trung. Kính đề nghị Bộ Công Thương quan tâm chỉ đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đẩy nhanh hạng mục đầu tư trang thiết bị cho Công ty cổ phần Dịch vụ dầu khí (PTSC) để đáp ứng các yêu cầu của các Dự án nêu trên.

### **Trả lời (Vu Dầu khí và Than)**

Đề xuất, kiến nghị của Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng liên quan đến dự án đầu tư cảng dịch vụ tại Đà Nẵng do doanh nghiệp cổ phần thực hiện - Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí – PTSC, tiến độ triển khai công tác đầu tư dự án này

sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế triển khai các dự án Cá Voi Xanh, Kèn Bầu. Bộ Công Thương luôn hỗ trợ, tạo điều kiện để nhà đầu tư, nhà thầu của các dự án Cá Voi Xanh, Kèn Bầu thực hiện theo đúng quy định tại Hợp đồng Chia sản phẩm dầu khí (PSC) và quy định pháp luật liên quan.

**4.2 Về công tác thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m<sup>3</sup> đến dưới 5.000m<sup>3</sup>:** Theo quy định tại Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hoá lỏng, Sở Công Thương thẩm định Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m<sup>3</sup> đến dưới 5.000m<sup>3</sup> và Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án nêu trên.

Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chưa có quy hoạch kho xăng dầu, hệ thống dự trữ xăng dầu được phê duyệt (hiện đang xây dựng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050). Trong giai đoạn hiện nay (Quy hoạch tỉnh đang xây dựng, chưa phê duyệt), kính đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu là bổ sung vào quy hoạch nào, văn bản nào của cấp có thẩm quyền để Chủ đầu tư có thể triển khai thực hiện dự án trong trường hợp Hồ sơ được Hội đồng thẩm định biểu quyết đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch.

### **Trả lời (Vu Kế hoạch)**

Hiện nay, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch và khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt, trong quá trình thực hiện được điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực.

Theo Quyết định số 1030/2017/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm Việt Nam giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, kho chứa xăng dầu có thể tích dưới 5.000 m<sup>3</sup> được phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố xem xét bổ sung quy hoạch. Trường hợp Thành phố chưa có riêng quy hoạch kho xăng dầu thì có thể xem xét bổ sung vào các quy hoạch có nội dung phù hợp như quy hoạch có nội dung hạ tầng thương mại (quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại, quy hoạch phát triển thương mại hoặc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố) cho đến khi Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trình tự thủ tục xem xét bổ sung quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

## **5. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng)**

5.1. Đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn định nghĩa về rượu bổ; đồng thời, hướng dẫn quản lý ATTP đối với hoạt động sản xuất rượu ngâm các loại động vật, thực vật. Hiện nay, Bộ Công Thương quản lý rượu, cồn và đồ uống có cồn (không bao gồm sản phẩm rượu bổ do Bộ Y tế quản lý), tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể về rượu bổ gây khó khăn trong công tác quản lý của địa phương (theo quy định tại Mục II Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm).

### **Trả lời (Vụ Khoa học và Công nghệ)**

Rượu bổ là sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế theo phân công tại Phụ lục IV Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Vụ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của Bộ Y tế khi nhận được đề nghị trong việc hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm đối với sản phẩm trên.

## **6. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Nam)**

6.1. Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Nghị định 105/NĐ-CP giải thích từ ngữ sản xuất rượu thủ công và sản xuất rượu công nghiệp. Trên thực tế tại địa phương một số cơ sở không thực hiện sản xuất rượu thủ công nhưng hợp đồng mua nguyên liệu từ cơ sở sản xuất rượu thủ công có giấy phép để chế biến lại (ngâm rượu với các cây như Sâm Ngọc linh, Ba kích, chuối hột,...) sau đó qua máy lọc, chiết rót, đóng chai, như vậy địa phương khó xác định được cơ sở này là cơ sở sản xuất rượu thủ công hay sản xuất rượu công nghiệp gây khó khăn trong công tác hướng dẫn, tham mưu cấp phép. Đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn cho Sở Công Thương để thuận lợi công tác quản lý nhà nước và bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp và ban hành hướng dẫn mẫu Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện sản xuất/kinh doanh rượu và Biên bản thẩm định điều kiện sản xuất/kinh doanh rượu.

### **Trả lời (Cục Công nghiệp)**

Khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu quy định: “2. Sản xuất rượu công nghiệp là hoạt động sản xuất rượu trên dây chuyền máy móc, thiết bị công nghiệp. 3. Sản xuất rượu thủ công là hoạt động sản xuất rượu bằng dụng cụ truyền thống, không sử dụng máy móc, thiết bị công nghiệp.”

Vì vậy, trường hợp cơ sở sản xuất rượu có sử dụng bất kỳ một loại máy móc, thiết bị công nghiệp nào tham gia vào quá trình sản xuất rượu thì được coi là sản xuất rượu công nghiệp.

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu. Việc thẩm định và cấp giấy phép, đề nghị Sở Công Thương căn cứ hồ sơ thực tế và các quy định về

điều kiện hoạt động, hồ sơ cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP để thực hiện

6.2 Đối với các loại rượu ngâm (Sâm, nấm, thuốc bắc,...) nhưng doanh nghiệp không công bố công dụng thì do ngành Công Thương quản lý. Ở tỉnh Quảng Nam hiện nay Sâm Ngọc Linh đang là thương hiệu quốc gia, các loại rượu ngâm từ sâm Ngọc Linh có giá trị thương mại cao (giá từ vài chục đến vài trăm triệu 01 bình) nhưng hầu hết doanh nghiệp công bố ở dạng rượu thông thường nên rất khó khăn trong công tác quản lý chất lượng của sản phẩm rượu này vì hàm lượng Saponin trong Sâm ngọc linh không phải là chỉ tiêu bắt buộc doanh nghiệp phải công bố đối với rượu thông thường. Đề nghị Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các loại rượu ngâm này.

### **Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ)**

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 3105/BCT-KHCN về việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP. Để có cơ sở làm rõ trách nhiệm quản lý, Bộ Công Thương tiếp tục đề nghị Sở Công Thương Quảng Nam phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn làm rõ mục đích của các cơ sở chế biến trong việc ngâm thảo dược vào rượu dùng làm thực phẩm. Từ đó công khai, minh bạch tính chất, công dụng sản phẩm và hướng dẫn việc chấp hành các quy định về việc công bố sản phẩm, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật và chứng nhận cơ sở đủ điều kiện cũng như các quy định khác của pháp luật về an toàn thực phẩm.

### **III. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại, thương mại biên giới, thương mại điện tử, chuyển đổi số.**

**1. Kiến nghị (Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình):** Đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương tạo điều kiện:

1.1 Tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho địa phương để đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ thương mại, nâng cấp đường giao thông, nhất là cho các khu vực cửa khẩu, biên giới, tạo điều kiện để thu hút các nhà đầu tư, kinh doanh tại khu vực các cửa khẩu, thúc đẩy phát triển kinh tế các huyện miền núi có chung biên giới với các tỉnh của nước bạn Lào. Đồng thời tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho địa phương theo các chương trình, đề án để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức các hội chợ triển lãm quốc tế, hội nghị kết nối giao thương hàng hóa, các phiên chợ đưa hàng hóa nhu yếu phẩm thiết yếu lên phục vụ khu vực biên giới nhằm thúc đẩy các hoạt động giao thương, trao đổi, mua bán hàng hóa phát triển thị trường vùng biên.

### **Trả lời (Cục Xúc tiến thương mại)**

Hiện nay, Ban quản lý Chương trình cấp quốc gia về XTTM đã tiếp nhận đề xuất đề án chương trình cấp quốc gia về XTTM của Trung tâm Khuyến công và XTTM tỉnh Quảng Bình. Cục XTTM đang tổng hợp và sẽ gửi Hội đồng thẩm định, thẩm định đề án, sau khi có kết quả thẩm định Cục XTTM sẽ báo cáo Lãnh đạo Bộ

xem xét phê duyệt theo quy định.

Cục XTTM luôn sẵn sàng hỗ trợ địa phương tham gia các các hoạt động XTTM trong khuôn khổ Chương trình cấp quốc gia về XTTM và các hoạt động XTTM khác do Cục XTTM triển khai. Các hoạt động xúc tiến thương mại đều được đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và Cục XTTM. Đề nghị Sở Công Thương nghiên cứu, lựa chọn các hoạt động phù hợp với chủ trương, định hướng của tỉnh và nhu cầu của doanh nghiệp để giới thiệu, hướng dẫn các doanh nghiệp của tỉnh tham gia

1.2 Kính đề nghị Bộ Công Thương chỉ đạo các đơn vị liên quan tạo điều kiện, giới thiệu quảng bá, hỗ trợ các sản phẩm đặc trưng tiêu biểu tỉnh Quảng Bình tham gia các chương trình xuất khẩu hàng hóa ra thị trường khu vực và thế giới; tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại trên nền tảng số, trong thời kỳ kinh tế số để đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong tình hình mới. Quan tâm giới thiệu các doanh nghiệp có năng lực đến đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ logistic trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

### **Trả lời (Cục Xúc tiến thương mại)**

Cục XTTM đã và đang hỗ trợ địa phương quảng bá sản phẩm địa phương qua các kênh thông tin XTTM, các sự kiện XTTM, cụ thể:

- Cục XTTM đã phối hợp với Sở Công thương và Trung tâm Xúc tiến của các địa phương khu vực miền Trung - Tây Nguyên tổ chức Chương trình kết nối giữa nhà cung cấp địa phương với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức XTTM tại thành phố Đà Nẵng vào ngày 14-17/7/2022. Chương trình thu hút sự tham gia của hơn 250 doanh nghiệp đến từ 16 địa phương khu vực phía miền Trung - Tây Nguyên, gồm các hoạt động: (1) Hội nghị kết nối giao thương và (2) Khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm tiêu biểu, tiềm năng xuất khẩu của các địa phương tại khu gian hàng. Qua chương trình, các doanh nghiệp địa phương đã kết nối, làm việc trực tiếp với các nhà phân phối lớn trong nước như Central Retail Việt Nam, đại diện thương mại của Tổng lãnh sự quán Nga tại Đà Nẵng, cơ quan XTTMĐT Hàn Quốc, Kotra... Hội nghị kết nối đã thu hút sự tham dự của gần 300 đại biểu, với sự chia sẻ kinh nghiệm, thông tin thị trường từ Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Úc. Chương trình kết nối giao thương trực tuyến với doanh nghiệp tại thị trường Hàn Quốc, nhà phân phối tại Hoa Kỳ đã kết nối hơn 25 cặp doanh nghiệp hai bên.

- Phối hợp với các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài tổ chức Hội nghị giao thương trực tuyến giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm, giao thương hàng hóa của các tỉnh, thành phố tới các nhà đầu tư nước ngoài. Các hoạt động xúc tiến thương mại đều được đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và Cục XTTM. Đề nghị Sở Công Thương nghiên cứu, lựa chọn các hoạt động phù hợp với chủ trương, định hướng của tỉnh và nhu cầu của doanh nghiệp để giới thiệu, hướng dẫn các doanh nghiệp của tỉnh tham gia.

1.3 Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa xây



dựng, cải tạo và nhân rộng mô hình chợ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ biên giới, chợ cửa khẩu của các huyện giáp biên giới nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Cần có những chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các chợ dân sinh, có chế độ ưu đãi đối với các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các hộ kinh doanh.

**Trả lời (Vu Thị trường châu Á – châu Phi)**

- Đối với nội dung về chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp, thành phần kinh tế, hộ kinh doanh, một số chính sách thương mại đã được quy định tại Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam-Lào năm 2015 và Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam-Lào năm 2015.

+ Hiệp định Thương mại Việt Nam-Lào năm 2015 quy định mức ưu đãi thuế suất bằng 50% thuế nhập khẩu theo Hiệp định Thương mại ASEAN (ATIGA) đối với 27 mặt hàng của Việt Nam khi nhập khẩu vào thị trường Lào gồm động vật sống, thịt lợn tươi ướp lạnh, thịt và phụ phẩm.

+ Hiệp định Thương mại Biên giới giữa Việt Nam – Lào năm 2015 được ký kết nhằm thúc đẩy việc trao đổi hàng hóa của thương nhân và cư dân biên giới; khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang các tỉnh biên giới Lào thông qua việc dành ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu 0% cho 190 mặt hàng xuất xứ từ Lào nhập khẩu vào Việt Nam. Ngoài ra, một số loại cây trồng, vật nuôi, hàng nông sản được sản xuất bởi cư dân và hộ gia đình tại các tỉnh biên giới của Lào theo dự án của nhà đầu tư Việt Nam được hưởng thêm các ưu đãi về thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, hạn ngạch thuế quan, giấy phép nhập khẩu.

1.4 Tạo điều kiện hỗ trợ để tỉnh Quảng Bình mở cửa khẩu ở khu vực Chút Mút - Lạ Vin (*xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình*). Việc mở được cửa khẩu Chút Mút - Lạ Vin sẽ thông tuyến vận tải từ cầu Hữu nghị Lào - Thái Lan số 2 qua tỉnh Sạ Vẳn Na Khệt về các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh và thành phố Đồng Hới góp phần thúc đẩy phát triển các hoạt động sản xuất công nghiệp phụ trợ, xuất nhập khẩu và logistic phía Nam của tỉnh Quảng Bình.

**Trả lời (Vu Thị trường châu Á – châu Phi)**

- Về mặt chủ trương, Vụ AP ủng hộ việc tạo điều kiện hỗ trợ để tỉnh Quảng Bình mở cửa khẩu ở khu vực Chút Mút – Lạ Vin nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động giao thông vận tải xuyên biên giới giữa Việt Nam và Lào. Vấn đề mở cửa khẩu thuộc phạm vi phụ trách của Cục Xuất nhập khẩu, đề nghị Quý Cục lấy ý kiến của Cục Xuất nhập khẩu.

- Hiện nay, Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền đã quy định rất rõ về việc mở cửa khẩu, liên quan đến thẩm quyền mở cửa khẩu (đối với cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính thì thẩm quyền thuộc Chính phủ; đối với cửa khẩu phụ, lối mở biên giới thì thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) hay trình tự mở cửa khẩu. Do vậy, đề nghị Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình thực hiện theo Nghị định số 112/2014/NĐ-CP.



1.5 Bộ Công Thương đã có Công văn số 5598/BCT-KH về việc hướng dẫn báo cáo kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu, nội dung Công văn nêu rõ: “*Bộ Công Thương tạm dừng thu thập, tổng hợp chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong khi chờ Tổng cục Thống kê ban hành hệ thống chỉ tiêu làm căn cứ pháp lý cho điều tra thống kê chỉ tiêu xuất, nhập khẩu*” và “*đề nghị Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không báo cáo Biểu số 06/SCT-BCT “Báo cáo kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu” của Thông tư số 41/2016/TT-BCT cho đến khi có hướng dẫn mới*”. Tại tỉnh Quảng Bình, từ năm 2017 đến nay, Cục Thống kê cũng đã dừng việc thu thập số liệu xuất, nhập khẩu hàng hóa. Để đảm bảo cho nguồn số liệu được chính xác và mang tính pháp lý, phục vụ cho sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, cũng như làm căn cứ để đánh giá và xây dựng các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Sở Công Thương Quảng Bình đề nghị Bộ Công Thương trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê để chỉ đạo Cục thống kê địa phương thực hiện “Thu thập số liệu xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh”.

## **2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi)**

Tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu quy định:

*Đối với các địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất xăng dầu, nếu có chi phí thực tế phát sinh hợp lý, hợp lệ (đã được kiểm toán) tăng cao dẫn đến giá bán cao hơn giá điều hành, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu được quyết định giá bán thực tế tại địa bàn đó (đã được thông báo với Bộ Công Thương) để bù đắp chi phí phát sinh nhưng không vượt quá 2% giá điều hành công bố cùng thời điểm.*

Tuy nhiên, tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích khoảng 10km<sup>2</sup> với đặc thù: Không có kho chuyên dụng tồn chứa xăng dầu, không có cầu cảng chuyên dụng xuất nhập xăng dầu; lượng tiêu thụ trung bình năm không cao; các thương nhân đầu mối không có phương tiện, tàu thuyền chuyên dụng vận chuyển xăng dầu ra đảo, do đó chỉ bán cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên đảo tại địa phận đất liền, việc vận chuyển xăng dầu từ đất liền (Cảng Sa Kỳ) ra các cửa hàng trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn do doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên huyện đảo tự thực hiện phải qua rất nhiều công đoạn bơm rót, vận chuyển; vận chuyển nhỏ lẻ thành nhiều chuyến, phát sinh nhiều chi phí, phụ phí và được bán với giá bán lẻ vùng 2 (giá điều chỉnh tăng 2% so với giá điều hành công bố tại cùng thời điểm) theo quyết định của thương nhân đầu mối. Tuy nhiên, doanh nghiệp phản ánh không đảm bảo doanh thu trừ chi phí.

*Do đó, về lâu dài cần có cơ chế, chính sách chung về kinh doanh xăng dầu và giá bán xăng dầu tại các đảo có đặc thù như ở huyện đảo Lý Sơn. Sở Công Thương kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách chung về kinh doanh xăng dầu và giá bán xăng dầu tại các đảo theo hướng cho phép đối với những địa bàn đặc thù như đảo Lý Sơn được bán với giá bán cao hơn giá vùng 2 để áp dụng chung trong cả nước.*

### **Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

Giá bán xăng dầu tại các địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất xăng dầu (vùng 2) được thực hiện theo quy định tại Khoản 27 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu (Nghị định số 95/2021/NĐ-CP).

Việc quy định chi phí vận chuyển xăng dầu trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu đã được Bộ Tài chính tổng hợp, tính toán từ mức bình quân chi phí của các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu, trong đó đã tính đến chi phí vận chuyển xăng dầu tới các địa bàn xa cảng, kho đầu mối như huyện đảo Lý Sơn. Bên cạnh đó, quy định hiện hành đã cho phép các thương nhân kinh doanh xăng dầu được quyết định giá bán xăng dầu để bù đắp chi phí phát sinh nhưng không vượt quá 2% giá điều hành công bố cùng thời điểm nhằm khuyến khích các thương nhân kinh doanh xăng dầu cung ứng xăng dầu tới các địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất xăng dầu của thương nhân.

Ngoài quy định nêu trên, để khuyến khích các thương nhân kinh doanh xăng dầu cung ứng xăng dầu tới các địa bàn như huyện đảo Lý Sơn, đề nghị Ủy Ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị Bộ Tài chính bố trí kinh phí để hỗ trợ thêm cho các thương nhân cung ứng xăng dầu tại địa bàn này.

### **3. Kiến nghị (Sở Công thương thành phố Đà Nẵng)**

3.1 Trong thời gian qua, Sở Công Thương đã triển khai nhiều chương trình, hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, công nghiệp nông thôn tiêu biểu của thành phố, cụ thể là hỗ trợ ứng dụng, đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, tham gia các hội chợ, triển lãm trưng bày, giới thiệu sản phẩm, hội nghị kết nối cung cầu, nâng cao khả năng tiếp cận, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Mặc dù các sản phẩm nói trên đã được công nhận về chất lượng, cải tiến về mẫu mã và được người tiêu dùng đón nhận, sử dụng; tuy nhiên, chỉ có ít sản phẩm, nhất là sản phẩm OCOP vào được hệ thống bán lẻ lớn như các siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi hiện đại. Do vậy, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở tại các địa phương sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, công nghiệp nông thôn tiêu biểu của thành phố;

Kính đề nghị Bộ Công Thương hỗ trợ giới thiệu, kết nối với các đầu mối, hệ thống phân phối lớn (MM Mega, Lotte Mart, Coopmart, Siêu thị Go...) giúp tiêu thụ sản phẩm.

### **Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020; Thực hiện Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 7915/KH-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Công

Thương về việc triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 16/4/2019 về việc ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2019-2020; ban hành Bộ tiêu chí thiết kế biển hiệu và Bộ mẫu thiết kế Biển hiệu/Biểu tượng cho điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP mới được Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Quyết định số 3041/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2019.

Trong năm 2019-2020, Bộ Công Thương đã hỗ trợ 21 địa phương xây dựng Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, cùng với đó là các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại, tuyên truyền, quảng bá, kết nối cho các sản phẩm OCOP đã được Bộ Công Thương phê duyệt và triển khai thực hiện.

Bước đầu, các sản phẩm OCOP, các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, các sản phẩm đặc trưng, đặc sản, tiềm năng, lợi thế của địa phương, vùng miền đã được kết nối vào hệ thống các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, đã được đưa vào một số hệ thống phân phối trên địa bàn cả nước (Central Retail, MM Mega Market, Saigon Co.op...). Qua đó, góp phần thúc đẩy các địa phương tích cực tham gia sản xuất các sản phẩm thế mạnh cũng như phát triển kinh tế, trong đó có thành phố Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, Sở Công Thương Đà Nẵng có công văn số 1032/SCT-QLTM gửi Vụ Thị trường trong nước, Bộ Công Thương về việc hỗ trợ kết nối, tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của thành phố Đà Nẵng. Ngày 23 tháng 5 năm 2022, Vụ Thị trường trong nước đã gửi công văn nêu trên và danh sách các sản phẩm của thành phố Đà Nẵng cho đầu mối của các hệ thống phân phối lớn (MM MegaMarket, Central Retail, Saigon Coopmart, tập đoàn BRG...) để hỗ trợ Đà Nẵng trong việc kết nối sản phẩm vào các hệ thống nêu trên. Hiện nay, Central Retail đã kết nối và đưa vào hệ thống hơn 20 sản phẩm OCOP của Đà Nẵng, chủ yếu là sản phẩm tươi sống. Một số sản phẩm OCOP còn khó khăn khi đưa vào hệ thống phân phối do chưa đáp ứng được về các quy chuẩn về bao bì, đóng gói, sản lượng, về kinh phí vận chuyển...

Đồng thời, Vụ Thị trường trong nước cũng đã lồng ghép trong việc triển khai các chương trình, đề án liên quan do Vụ được giao để hỗ trợ các địa phương nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng trong việc kết nối, xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, cụ thể:

- Đề án “Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 386/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo theo Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính

phủ;

- Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 919/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025. Theo đó Bộ Công Thương được giao: “Phối hợp với các bộ, ngành liên quan hỗ trợ các tổ chức kinh tế phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực tiếp cận thị trường; lồng ghép, ưu tiên hỗ trợ các chủ thể OCOP ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị từ nguồn khuyến công; thực hiện có hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại sản phẩm trong Chương trình OCOP và kế hoạch xúc tiến thương mại quốc gia hàng năm”. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục hỗ trợ các địa phương nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng trong việc kết nối, xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm CNNTTB, sản phẩm là đặc sản, đặc trưng của địa phương.

### 3.2 Về chuyển đổi số thuộc lĩnh vực công thương

- Kính đề nghị Bộ Công Thương kiến nghị và tham mưu Chính phủ đề xuất Quốc hội sớm xây dựng, ban hành Luật Thương mại điện tử để tạo lập cơ sở, hành lang pháp lý vững vàng, đầy đủ, toàn diện hơn cho hoạt động thương mại điện tử.

- Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm triển khai tổ chức thực hiện, hình thành Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số theo Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 – 2030” đã được phê duyệt tại Quyết định số 1968/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm xây dựng, phát triển các ứng dụng, nền tảng số một cách tổng thể, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ XTTM của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức XTTM tại Trung ương và các địa phương.

- Kính đề nghị Bộ Công Thương quan tâm hỗ trợ thành phố Đà Nẵng triển khai Chương trình xây dựng mô hình nhà máy thông minh trong một số ngành công nghiệp chủ lực trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành các quy định về cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

### **Trả lời (Cục XTTM)**

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 8425/BCT-XTTM hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án, đến nay 100% các tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương cơ bản đã xây dựng dự thảo kế hoạch, trong đó có 43 tỉnh/ thành phố đã ban hành Kế hoạch và gửi về Bộ Công Thương.

Trên cơ sở ý kiến của các địa phương, Cục XTTM đã hoàn thiện dự thảo Kế hoạch lần 2 và lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trong Bộ trước khi trình Bộ trưởng Ban hành Kế hoạch. Theo kế hoạch dự kiến: Căn cứ mục tiêu của Đề án cũng như



căn cứ tình hình thực tế trong quý 4 năm 2022, Cục XTTM sẽ tổ chức 8 chương trình tập huấn tại các địa phương nhằm hỗ trợ các cơ quan, đơn vị làm công tác XTTM hiểu rõ hơn, xác định được tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong hoạt động XTTM. Song song với việc đào tạo, tập huấn Cục XTTM cũng đang phối hợp với các chuyên gia và các địa phương triển khai việc rà soát, đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của từng đơn vị nhằm đưa ra giải pháp, mô hình tiếp cận, ứng dụng phù hợp và hiệu quả.

Ngoài ra, trong khuôn khổ Chương trình cấp quốc gia về XTTM, Cục XTTM cũng đang phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam và Liên minh HTX các tỉnh/thành phố triển khai tổ chức 20 chương trình tập huấn Nâng cao kỹ năng kinh doanh trên nền tảng số phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và HTX xúc tiến xuất khẩu thông qua các nền tảng thương mại điện tử trong nước và quốc tế.

Đối với việc xây dựng, phát triển và liên kết các nền tảng, ứng dụng số hỗ trợ hoạt động XTTM, Cục XTTM hiện đang phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai xây dựng: (1) Bộ chỉ số đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động XTTM; (2) Cơ sở dữ liệu chuyên ngành XTTM; (3) Nền tảng tổ chức hội chợ, triển lãm số; (4) Liên kết, ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc XTTM.

3.3 Về hỗ trợ phương thức giao thương, kết nối trao đổi hàng hóa tạo thuận lợi thương mại trên tuyến EWEC

- Kính đề nghị Bộ Công Thương thống nhất và đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai nghiên cứu đầu tư mới, nâng cấp các tuyến đường bộ kết nối các cửa khẩu khác trên hành lang kinh tế Đông – Tây (cửa khẩu La Lay, cửa khẩu Nam Giang) để tạo điều kiện cho các địa phương tăng cường tiếp cận với nguồn hàng trung chuyển quốc tế.

- Kính đề nghị Bộ Công Thương tạo điều kiện cho Đà Nẵng và các địa phương trong khu vực tham gia nhiều hơn các cơ chế hợp tác song phương, đa phương gắn với hành lang Đông - Tây (EWEC). Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu, tìm kiếm thị trường, đối tác thông qua các Tham tán thương mại, các sàn thương mại điện tử và các Hội chợ quốc tế nhằm gia tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa; khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp lớn của Việt Nam tăng cường, mở rộng đầu tư tại các địa phương trên hành lang kinh tế Đông – Tây (EWEC) để chủ động hình thành các đầu mối sản xuất, nâng cao nhu cầu vận tải hàng hoá trong khu vực.

### **Trả lời (Cục XTTM)**

Để hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường nước ngoài, xúc tiến xuất khẩu thông qua hệ thống Tham tán Thương mại Việt Nam tại nước ngoài, kể từ tháng 7 năm 2022, Bộ Công Thương tổ chức Hội nghị giao ban XTTM với các thị trường ngoài nước với kế hoạch 1 tháng/lần với sự tham dự của toàn bộ hệ thống cơ

quan Thương vụ/Chi nhánh Thương vụ/Văn phòng XTTM Việt Nam tại nước ngoài. Hội nghị này là cơ hội tốt để các doanh nghiệp nắm bắt được diễn biến thị trường thế giới, cập nhật các quy định xuất nhập khẩu của nước và được trực tiếp trao đổi, kết nối với hệ thống Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài để nêu rõ nhu cầu xuất, nhập khẩu hàng hóa, tìm kiếm đối tác để các Tham tán Thương mại có hình thức hỗ trợ hiệu quả, thiết thực. Ngoài ra Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) vẫn thường xuyên phối hợp với các cơ quan Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài tổ chức các Phiên tư vấn về từng thị trường cụ thể với từng nhóm sản phẩm cụ thể. Vì vậy để hỗ trợ doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng gia tăng kim ngạch xuất khẩu và mở rộng thị trường, nắm bắt các quy định nhập khẩu của các nước, đề nghị Sở Công Thương Đà Nẵng thông báo rộng rãi các chương trình, hoạt động mà Bộ Công Thương vẫn đang triển khai nêu trên và khuyến khích các doanh nghiệp Đà Nẵng tích cực tham dự, qua đó kết nối trao đổi với các Tham tán Thương mại Việt Nam tại nước ngoài;

Ngoài các hoạt động nêu trên, các doanh nghiệp Đà Nẵng cũng có thể trực tiếp liên hệ với các Thương vụ/Chi nhánh Thương vụ/ Văn phòng XTTM Việt Nam tại nước ngoài thông qua địa chỉ liên hệ được Bộ Công Thương công bố tại website của Bộ: <https://moit.gov.vn/gioi-thieu/co-cau-to-chuc> nhằm trao đổi những nhu cầu hỗ trợ cụ thể với các Tham tán Thương mại Việt Nam tại nước ngoài để được hỗ trợ kịp thời và hiệu quả.

#### ***4. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng)***

Đề nghị Bộ Công thương hướng dẫn chi tiết hơn đối với hoạt động quản lý nhà nước trong thương mại điện tử; hoạt động thống kê thương mại điện tử; kiểm soát an toàn thực phẩm đối với hàng hoá kinh doanh thương mại điện tử.

#### **Trả lời (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số)**

Bộ Công Thương có hướng dẫn chi tiết đối với hoạt động quản lý nước trong thương mại điện tử tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và Nghị định 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

Về hoạt động thống kê thương mại điện tử, nhằm thu thập thập chỉ tiêu hoàn thiện biểu mẫu “Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử”, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 41/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ báo cáo số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử hàng năm.

Tại Quyết định số 645/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2020 phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phân công phối hợp với Bộ Công Thương triển khai hoạt động “Đẩy mạnh



hoạt động thông kê về TMĐT, đưa hoạt động này thành nhiệm vụ thường xuyên của Sở Công Thương nhằm phục vụ thiết thực công tác quản lý điều hành và xây dựng chính sách về TMĐT.”. Đây là cơ sở để các địa phương

### ***5. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Nam)***

5.1 Việc xuất khẩu nông sản của tỉnh Quảng Nam qua Trung Quốc chủ yếu thông qua thương lái thu mua và xuất đi theo đường tiểu ngạch, không ổn định, dễ bị ép giá và xảy ra tình trạng ùn tắc tại cửa khẩu khi nông sản vào vụ thu hoạch. Đề nghị Bộ Công Thương đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường số, thúc đẩy tiêu thụ nông sản qua ứng dụng thương mại điện tử xuyên biên giới. Đẩy nhanh việc ký kết với Trung Quốc các Nghị định thư về kiểm dịch thực vật đối với 8 loại trái cây đang được xuất khẩu chính ngạch vào Trung Quốc (bên cạnh măng cụt).

### **Trả lời (Cục XTTM)**

Ngay từ cuối năm 2018 đầu năm 2019, Cục XTTM đã xác định việc XTTM thông qua các nền tảng thương mại điện tử là giải pháp tối ưu, hiệu quả trong tình hình mới. Do đó, Cục XTTM đã chủ động, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ Công Thương ký, ủy quyền ký các biên bản hợp tác với các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế như: Alibaba, Amazon, Lazada, Tiki, Shopee, Sen do, Port mart... Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và hợp tác xã đa dạng hóa mô hình, phương thức kinh doanh, xúc tiến thương mại. Cụ thể, trong thời gian vừa qua, Cục XTTM đã phối hợp với các đối tác và đơn vị liên quan tổ chức hàng trăm khóa tập huấn nâng cao kỹ năng tham gia các sàn thương mại điện tử cho doanh nghiệp và hợp tác xã.

Điển hình, ngày 18 tháng 3 năm 2022, Bộ Công Thương (Cục XTTM) đã phối hợp với Alibaba khai trương "gian hàng Việt Nam - Vietnam Pavilion". Thông qua gian hàng trực tuyến, Cục Xúc tiến thương mại và Alibaba.com sẽ tiến hành các hoạt động xây dựng hình ảnh, quảng bá thương hiệu sản phẩm; nâng cao năng lực kết nối khách hàng và hoạt động tương tác hai chiều; nâng cao kỹ năng marketing trên môi trường số; cung cấp thông tin về sản phẩm cho khách hàng tiềm năng.

5.2 Đề nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ ban hành Cơ chế để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản đầu tư nhà máy chế biến, ứng dụng công nghệ đóng gói và bảo quản thực phẩm đối với hàng thủy sản xuất khẩu. Tăng cường hỗ trợ nhiều hơn cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản mở rộng thị trường, tiếp cận thị trường xuất khẩu tiềm năng.

## **IV. Lĩnh vực đa cấp, khuyến mại:**

### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Nam)***

Một số kiến nghị liên quan đến Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại:

- Bỏ sung thủ tục, biểu mẫu đối với trường hợp xin dừng Chương trình khuyến mại đã đăng ký ban hành kèm theo Nghị định.

- Cần quy định giới hạn thời gian đăng ký khuyến mại để Sở Công Thương dễ theo dõi, giám sát. Vì Nghị định 81/2018/NĐ-CP không quy định điều này nên doanh nghiệp có thể đăng ký thời gian khuyến mại dài hạn (có thể vài năm).

- Sở Công Thương được giao nhiệm vụ xác nhận khuyến mại nhưng Nghị định 81 không quy định phải tham gia các đợt quay số/bốc thăm trúng thưởng để giám sát doanh nghiệp thực hiện đúng thể lệ đã đăng ký, không gian lận làm sai lệch kết quả ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng.

- Hiện nay, việc tiếp nhận thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại theo hình thức được quy định tại Khoản 8 Điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định 81/2018/NĐ-CP phát sinh rất nhiều (trung bình từ 100 - 120 thủ tục/ngày), trong khi các Sở Công Thương không có nhân lực để kiểm tra, kiểm soát thực thi hết các Chương trình khuyến mại được thông báo. Vì vậy đề nghị bãi bỏ thủ tục này và yêu cầu Doanh nghiệp trước khi thực hiện Chương trình khuyến mại phải xây dựng kế hoạch, thể lệ, thực hiện lưu trữ và chịu trách nhiệm về các chứng từ, tài liệu liên quan đến chương trình khuyến mại để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

### **Trả lời ( Cục XTTM)**

a) *“Bỏ sung thủ tục, biểu mẫu đối với trường hợp xin dừng Chương trình khuyến mại đã đăng ký ban hành kèm theo Nghị định”*

Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại không có nội dung nào quy định về trường hợp xin dừng chương trình khuyến mại đã đăng ký/thông báo.

Điều 22 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định thương nhân được chấm dứt việc thực hiện chương trình khuyến mại trước thời hạn đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận trong các trường hợp bất khả kháng hoặc hết số lượng hàng hóa, dịch vụ được/dùng để khuyến mại hoặc phát hành hết số lượng bằng chứng xác định trúng thưởng đã công bố/đã được xác nhận hoặc trong trường hợp bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu chấm dứt. Trong các trường hợp chấm dứt chương trình khuyến mại trước thời hạn nêu trên, thương nhân phải thông báo việc chấm dứt đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bằng văn bản và nêu rõ lý do của việc chấm dứt. Vì vậy, tùy từng trường hợp cụ thể, thương nhân chỉ cần có văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước và nêu rõ lý do tùy theo thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không cần thiết phải có quy định mẫu văn bản thông báo.

b) *“Cần quy định giới hạn thời gian đăng ký khuyến mại để SCT dễ theo dõi, giám sát. Vì Nghị định 81/2018/NĐ-CP không quy định điều này nên doanh nghiệp có thể đăng ký thời gian khuyến mại dài hạn (có thể vài năm)”*

Khoản 1 Điều 95 Luật Thương mại quy định thương nhân có quyền lựa chọn

hình thức, thời gian, địa điểm khuyến mại, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại. Mặt khác, thực tế có nhiều trường hợp doanh nghiệp thực hiện khuyến mại với thời gian kéo dài căn cứ theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh của mình. Vì vậy, việc giới hạn thời gian tối đa của một chương trình khuyến mại là không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn, quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước, Sở Công Thương căn cứ theo điều kiện cụ thể để bố trí, triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát phù hợp với tình hình thực tiễn.

*c) “Sở Công Thương được giao nhiệm vụ xác nhận khuyến mại nhưng Nghị định 81 không quy định phải tham gia các đợt quay số/bốc thăm trúng thưởng để giám sát doanh nghiệp thực hiện đúng thể lệ đã đăng ký, không gian lận làm sai lệch kết quả ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng”*

Điểm d khoản 4 Điều 32 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định: “Sở Công Thương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung quản lý quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này...”. Do đó, bên cạnh việc tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về xúc tiến thương mại, Sở Công Thương hoàn toàn có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân (bao gồm các hoạt động quay số/bốc thăm xác định trúng thưởng trong chương trình khuyến mại).

*d) “Hiện nay, việc tiếp nhận thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại theo hình thức được quy định tại Khoản 8, điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định 81/2018/NĐ-CP phát sinh rất nhiều (trung bình từ 100-120 thủ tục/ngày), trong khi các Sở Công Thương không có nhân lực để kiểm tra, kiểm soát thực thi hết các Chương trình khuyến mại được thông báo. Vì vậy đề nghị bãi bỏ thủ tục này và yêu cầu doanh nghiệp trước khi thực hiện Chương trình khuyến mại phải xây dựng kế hoạch, thể lệ, thực hiện lưu trữ và chịu trách nhiệm về các chứng từ, tài liệu liên quan đến chương trình khuyến mại để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát”*

Cục XTTM sẽ tiếp thu, nghiên cứu và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét khi sửa đổi các quy định trong lĩnh vực xúc tiến thương mại tại Luật Thương mại.

## **2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Trị)**

Theo Khoản 2, Điều 20, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định “Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm ủy quyền cho một cá nhân cư trú tại địa phương làm người đại diện tại địa phương để thay mặt doanh nghiệp làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó”. Do đó, phần lớn các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đều ủy quyền cho người địa phương làm đại diện để được xác nhận bán hàng đa cấp tại địa phương nên gây khó khăn cho công tác quản lý; Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp bất chính có cơ hội để che giấu hành vi vi phạm. Do vậy, đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu xem xét trình Chính phủ bãi bỏ nội dung Khoản 2, Điều 20, Nghị định

số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ và nên quy định doanh nghiệp chỉ được xem xét xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương khi có trụ sở, hoặc mở chi nhánh, hoặc mở văn phòng đại diện tại địa phương để thuận lợi trong công tác theo dõi, quản lý.

### **Trả lời (Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng)**

Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp không quy định doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương phải có chi nhánh, văn phòng đại diện do quy định này không phù hợp với bản chất của hoạt động bán hàng đa cấp là hoạt động bán hàng hóa thông qua các cá nhân người tham gia và không có địa điểm cố định. Quy định như vậy sẽ phát sinh chi phí rất lớn cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp, đồng thời cũng gây lãng phí trong trường hợp doanh nghiệp phải thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại các địa phương có số lượng người tham gia bán hàng đa cấp không nhiều.

Do đó, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã có quy định trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm cử người đại diện tại địa phương để thay mặt doanh nghiệp làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó.

Tuy nhiên để nâng cao hiệu quả công tác quản lý bán hàng đa cấp tại địa phương theo hướng giảm thiểu chi phí phát sinh cho doanh nghiệp trong việc đăng ký bán hàng đa cấp tại địa phương, vừa qua Bộ Công Thương đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, trong đó Dự thảo đã bổ sung quy định sửa đổi theo hướng như sau:

Dự thảo sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, theo đó người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương phải đáp ứng các điều kiện sau:

- *Không phải là các trường hợp cấm không được tham gia bán hàng đa cấp;*
- *Được Bộ Công Thương cấp xác nhận kiến thức cho người đại diện tại địa phương theo quy định;*
- *Được doanh nghiệp ủy quyền để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh theo phương thức đa cấp.*

Về mục tiêu quản lý nhà nước, các quy định đã đề xuất này cũng giúp đạt được mục tiêu thông qua việc nâng cao vai trò của người đại diện tại địa phương bằng các quy định về yêu cầu, điều kiện nhằm đảm bảo người đại diện tại địa phương phát huy được vai trò trên thực tế, là cầu nối hiệu quả giữa các cơ quan quản lý ở địa phương với doanh nghiệp.

## **V. Lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế**

### **1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Phú Yên)**

Thời gian qua, công tác hội nhập quốc tế được tỉnh quan tâm triển khai, nhất là việc tuyên truyền các Hiệp định thương mại tự do đến cộng đồng doanh nghiệp của tỉnh, thông qua các hình thức như tuyên truyền trên báo, đài, tổ chức hội nghị, tập huấn. Tuy nhiên, doanh nghiệp của tỉnh chưa thực sự nắm bắt rõ và sâu các nội dung cũng như cam kết trong các Hiệp định.

Đề nghị Bộ Công Thương biên tập, xây dựng các tài liệu về các Hiệp định thương mại tự do cụ thể theo từng ngành hàng, lĩnh vực để tuyên truyền đến doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp chủ động hiện thực hóa các cơ hội do các FTA mang lại.

### **Trả lời (Vu Chính sách thương mại đa biên)**

#### 1. Tình hình xây dựng các tài liệu về các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA)

Cho đến nay, Việt Nam đã và đang thực thi nhiều FTA, trong đó có những FTA thế hệ mới bao gồm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên Hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA). Để thúc đẩy việc khai thác có hiệu quả các FTA thế hệ mới nêu trên, bên cạnh công tác tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến tuyên truyền, Bộ Công Thương cũng đã tập trung biên tập, xây dựng các sách, ấn phẩm, tài liệu không những về tổng quan đối với các FTA mà còn đi sâu vào từng ngành hàng, lĩnh vực cụ thể. Các sách và ấn phẩm mà Bộ Công Thương đã biên soạn và cho xuất bản, cụ thể như sau:

- Về Hiệp định CPTPP: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP): Bình luận của người trong cuộc; Cẩm nang CPTPP cho ngành da giày: Bình luận của người trong cuộc; Cẩm nang CPTPP đối với ngành thủy sản: Bình luận của người trong cuộc;...

- Hiệp định EVFTA: Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA): Bình luận của người trong cuộc;...

Ngoài các sách, ấn phẩm nêu trên, các doanh nghiệp và các cá nhân có quan tâm có thể truy cập vào Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP) của Bộ Công Thương tại địa chỉ: [fta.moit.gov.vn](http://fta.moit.gov.vn) để đọc và tham khảo thêm các sách, ấn phẩm, chuyên san khác liên quan đến các cam kết như phòng vệ thương mại, mua sắm công hay trong từng lĩnh vực ngành hàng cụ thể như: thủy sản, gỗ, da giày, rau quả,...

#### 2. Công tác xây dựng các tài liệu về các FTA trong thời gian tới

Trong năm 2022, Bộ Công Thương đã, đang và sẽ tiếp tục biên soạn và xuất bản các sách, ấn phẩm liên quan đến các FTA tập trung vào các lĩnh vực, ngành hàng cụ thể cũng như đi vào các lĩnh vực phi truyền thống khác, ví dụ như: Sách hướng dẫn thực thi cam kết dịch vụ logistics trong các FTA mà Việt Nam đã tham gia; các sách về cam kết phát triển bền vững trong Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA,...

Bộ Công Thương cũng sẽ liên tục cho đăng tải các sách, ấn phẩm về các FTA



lên Công Thông tin điện tử về FTA (FTAP) của Bộ Công Thương để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân có thể dễ dàng tiếp cận, từ đó tạo ra sức lan tỏa, giúp nâng cao hơn nữa khả năng hiểu và tận dụng của doanh nghiệp đối với các cam kết trong các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên.

## **PHẦN C - LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG**

### **I. Lĩnh vực năng lượng tái tạo**

#### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Bình)***

- Để thuận tiện cho việc triển khai Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 (QH Điện VIII) cũng như tích hợp Quy hoạch Điện lực Quốc gia vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, Sở Công Thương Quảng Bình đề nghị trong Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia (QH Điện VIII) nên Quy hoạch công suất nguồn điện theo địa bàn từng tỉnh (không nên quy hoạch theo vùng) để thuận lợi trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch điện VIII và việc lập, phê duyệt Quy hoạch chung của các tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.

- Trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh, quy hoạch nguồn điện năng lượng tái tạo của tỉnh Quảng Bình rất thấp. Tuy nhiên, tiềm năng để phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo lớn (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối...), mặt khác hiện trạng hệ thống truyền tải điện thuận lợi (có đường dây 500KV mạch 1,2,3; đường dây 220KV mạch 1,2) để giải tỏa công suất; do đó trong Quy hoạch điện VIII đề nghị Bộ Công Thương tăng chỉ tiêu phát triển năng lượng tái tạo cho tỉnh Quảng Bình. Cụ thể: Đưa vào Quy hoạch Điện VIII: Điện gió trên bờ và ngoài khơi 6.009,9 MW, trong đó ưu tiên đưa vào Quy hoạch các dự án điện gió ngoài khơi với tổng công suất 4.109,2 MW; điện mặt trời 1.230 MW; thủy điện nhỏ 102,8MW; điện sinh khối 318MW; điện rác 42MW; khí sinh học, địa nhiệt 90MW; điện khí LNG 3.200MW.

#### **Trả lời (Cục DL)**

Bộ Công Thương đã hoàn thiện dự thảo Quy hoạch điện VIII và trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 2279/TTr-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2022, trong đó đối với các nguồn điện năng lượng tái tạo trong Quy hoạch điện VIII, chỉ tính toán quy hoạch tổng thể công suất cho các khu vực. Sau khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt, trên cơ sở tổng quy mô công suất được quy hoạch tại địa phương trong các thời kỳ, các dự án do địa phương đề xuất có vị trí tiềm năng cao về năng lượng tái tạo, khả năng giải tỏa công suất, giải phóng mặt bằng, thuận tiện về đầu nối, kết hợp giải pháp và chuyển giao công nghệ chuyển đổi và lưu trữ năng lượng... sẽ được xem xét đánh giá chi tiết trong kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án sẽ được thực hiện theo các quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật liên quan khác.

Song song đó, Quy hoạch điện VIII dự kiến phát triển các công trình lưới điện đồng bộ và các công trình lưới điện trong khu vực, đảm bảo giải tỏa công suất nguồn điện trong các chế độ vận hành.



## **2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Phú Yên)**

Hiện nay, giá mua điện các dự án điện mặt trời được áp dụng theo các Quyết định (số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017; số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020); giá mua điện gió được áp dụng theo các Quyết định (số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011; số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2019) của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực nên sẽ gây khó khăn cho các Chủ đầu tư khi thi công hoàn thành dự án vì không thể bán được điện sản xuất.

Tại điểm e khoản 1 Điều 10 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam đã giao trách nhiệm Bộ Công Thương “*Nghiên cứu hoàn chỉnh cơ chế đấu thầu các dự án điện mặt trời, lộ trình thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt triển khai trên toàn quốc.*”; theo khoản 6 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam thì “*Bộ Công Thương có trách nhiệm đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về cơ chế đấu giá phát triển điện gió, giá mua điện gió áp dụng từ ngày 01 tháng 11 năm 2021*”.

Tuy nhiên, hiện nay Bộ Công Thương chưa đề xuất ban hành cơ chế đấu thầu, đấu giá phát triển điện gió, điện mặt trời nên khó khăn trong việc lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án khi có nhiều nhà đầu tư đăng ký đầu tư tại 01 vị trí.

Để có cơ sở lựa chọn nhà đầu tư, tiếp tục đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời, kính đề nghị Bộ Công Thương: Sớm trình Chính phủ ban hành cơ chế giá mua điện đối với các dự án điện gió, điện mặt trời; hướng dẫn về cơ chế lựa chọn Nhà đầu tư các dự án năng lượng tái tạo để làm cơ sở triển khai thực hiện.

### **Trả lời (Cục DL)**

Cơ chế giá bán điện cố định FIT là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Do đó, việc duy trì cơ chế giá bán điện cố định FIT đối với các dự án điện năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời trong thời gian tới là không còn phù hợp.

Bộ Công Thương đang nghiên cứu, dự thảo các cơ chế chính sách như sau:

- Xây dựng dự thảo Thông tư quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện gió, điện mặt trời theo đúng quy định của Luật Điện lực (Khoản 3 Điều 31 và Khoản 2 Điều 29 Luật điện lực 2012).

- Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa nhà máy điện gió, điện mặt trời với hộ tiêu thụ điện lớn.

- Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nguồn điện (trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời).

### ***3. Kiến nghị (Sở Công thương thành phố Đà Nẵng)***

Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 04/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam đã hết hiệu lực sau ngày 31/12/2020. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế mới để tiếp tục phát triển điện mặt trời nhằm tận dụng nguồn năng lượng sẵn có.

#### **Trả lời (Cục DL) (trương tự kiến nghị của SCT Phú Yên tại mục 2):**

Cơ chế giá bán điện cố định FIT là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Do đó, việc duy trì cơ chế giá bán điện cố định FIT đối với các dự án điện năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời trong thời gian tới là không còn phù hợp.

Bộ Công Thương đang nghiên cứu, dự thảo các cơ chế chính sách như sau:

- Xây dựng dự thảo Thông tư quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện gió, điện mặt trời theo đúng quy định của Luật Điện lực (Khoản 3 Điều 31 và khoản 2 Điều 29 Luật điện lực 2012).

- Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa nhà máy điện gió, điện mặt trời với hộ tiêu thụ điện lớn.

- Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nguồn điện (trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời).

### ***4. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Đắk Nông)***

4.1 Tỉnh Đắk Nông đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch điện VII điều chỉnh 04 Dự án điện mặt trời, tổng công suất 795MWp (Công văn số 1632/TTg-CN ngày 20/11/2020 và Công văn số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020). UBND tỉnh Đắk Nông nhận được các hồ sơ đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, do các quy định của pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và cơ chế về đấu thầu/đấu giá phát triển điện mặt trời; cơ chế đấu thầu thí điểm phát triển điện mặt trời hoặc cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện (cơ chế DPPA) chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành để thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến khó khăn về cơ sở pháp lý để UBND tỉnh Đắk Nông xem xét quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với việc đề xuất của các nhà đầu tư nêu trên. Do đó, kính đề nghị Bộ trưởng quan tâm, sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế đấu thầu/đấu giá phát triển điện mặt trời, cơ chế DPPA và các quy định có liên quan; hướng dẫn cụ thể để địa phương thực hiện đảm bảo quy định.

#### **Trả lời (Cục DL)**

Bộ Công Thương đang nghiên cứu, dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nguồn điện

(trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời).

Nội dung về cơ chế bán điện trực tiếp (DPPA) đề nghị quý Vụ tham khảo ý kiến của Cục Điều tiết điện lực.

4.2 Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đang triển khai thực hiện đầu tư các dự án điện gió, tuy nhiên quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng do chưa có quy định rõ về hành lang bảo vệ an toàn của cột tháp gió để làm cơ sở thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật Đất đai, dẫn đến người dân thường xuyên khiếu kiện, phản ánh nhưng chưa có cơ sở giải quyết. Đề nghị Bộ Công Thương quan tâm xem xét, hướng dẫn để làm cơ sở thực hiện và giải quyết các khiếu nại, kiến nghị của người dân.

### **Trả lời (Cục ĐL)**

Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

Ngay từ khi lựa chọn vị trí, bắt đầu triển khai dự án, Chủ đầu tư công trình điện gió có trách nhiệm nghiên cứu kỹ quy định của pháp luật liên quan và thực hiện đúng các quy định:

(i) Quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió (Thông tư số 02/2019/TT-BCT).

(ii) “Ưu tiên phát triển công trình điện gió ở các vị trí đất khô cằn, sỏi đá, ít có giá trị nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, ***dân cư thưa thớt hoặc không có người dân sinh sống***” theo Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 02/2019/TT-BCT.

(iii) “Bảo đảm đầu tư xây dựng công trình... phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương; bảo đảm ổn định cuộc sống của Nhân dân” theo Khoản 1 Điều 4 Luật Xây dựng.

(iv) Đảm bảo không lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung (theo quy định tại Khoản 11 Điều 12 Luật Xây dựng).

(v) Đảm bảo nguyên tắc không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh (theo Khoản 2 Điều 6 Luật Đất đai).

Đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông chỉ đạo đơn vị chức năng xem xét, rà soát hiện trạng (đất đai, nhà ở, các đối tượng liên quan) khu vực trước và sau khi xuất hiện công trình điện gió cụ thể trên địa bàn để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật có liên quan.

### ***5. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Nam)***

5.1 Đề nghị Bộ Công Thương sớm hoàn thành và trình duyệt sơ đồ điện VIII, trong đó cần chú ý đảm bảo nguồn điện cung cấp cho sự phát triển của vùng Đông của tỉnh Quảng Nam.

### **Trả lời (Cục ĐL)**

Quy hoạch điện VIII đã được Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 2279/TTr-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2022, trong đó đã tính toán cân đối nguồn tải theo từng khu vực, đảm bảo nguồn điện cung cấp đủ cho phát triển kinh tế - xã hội của cả đất nước và từng địa phương. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công thư số 182/LĐCP ngày 11 tháng 6 năm 2022, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 3787/BCT-ĐL ngày 04 tháng 7 năm 2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các nội dung của Quy hoạch điện VIII. Hiện nay, Bộ Công Thương đang chờ chỉ đạo tiếp theo của Thủ tướng Chính phủ.

5.2 Sớm tham mưu trình sửa đổi Quyết định 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng nguồn vốn NN cho EVN quản lý theo hướng phân cấp, ủy quyền cho địa phương để đơn giản hóa thủ tục, giảm thời gian trong quá trình thực hiện điều chuyển tài sản.

### **Trả lời (Cục DL)**

Tại Văn bản số 8594/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) quản lý. Nghị định này sẽ thay thế Quyết định 41/2017/QĐ-TTg, giải quyết những vướng mắc trong công tác điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước cho EVN quản lý.

Hiện tại, dự thảo Nghị định đã cơ bản hoàn thiện, Bộ Tài chính đang trình Bộ Tư pháp thẩm định trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành theo quy định.

### ***6. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk)***

Tỉnh Đắk Lắk có tiềm năng lớn về phát triển năng lượng tái tạo, có hạ tầng truyền tải rất tốt, có nhiều lợi thế về đất đai, về khoảng cách truyền tải đến các trung tâm sử dụng năng lượng lớn phía Nam, dự địa về phát triển các dự án năng lượng tái tạo khá lớn. Tuy nhiên, hiện nay cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời và điện gió đã hết hiệu lực thi hành, chưa có chính sách, cơ chế mới, khiến một số doanh nghiệp đang đầu tư dờ dang, có nhu cầu đầu tư dự án năng lượng trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện dự án. Kính đề xuất Bộ Công Thương xem xét tham mưu Chính phủ sớm ban hành cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

### **Trả lời (Cục DL)** (trương tự kiến nghị của SCT Phú Yên tại mục 2):

Cơ chế giá bán điện cố định FIT là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Do đó, việc duy trì cơ chế giá bán điện cố định FIT đối với các dự án điện năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời trong thời gian tới là không còn phù hợp.

Bộ Công Thương đang nghiên cứu, dự thảo các cơ chế chính sách như sau:

- Xây dựng dự thảo Thông tư quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện gió, điện mặt trời theo đúng quy định của Luật Điện lực (Khoản 3 Điều 31 và Khoản 2 Điều 29 Luật điện lực 2012).

- Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa nhà máy điện gió, điện mặt trời với hộ tiêu thụ điện lớn.

- Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nguồn điện (trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời).

### ***7. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Gia Lai)***

7.1 Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

#### **Trả lời (Cục ĐL)**

Quy hoạch điện VIII đã được Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 2279/TTr-BCT ngày 29 tháng 4 năm 2022. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công thư số 182/LĐCP ngày 11 tháng 6 năm 2022, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 3787/BCT-ĐL ngày 04 tháng 7 năm 2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các nội dung của Quy hoạch điện VIII. Hiện nay, Bộ Công Thương đang chờ chỉ đạo tiếp theo của Thủ tướng Chính phủ.

7.2 Hiện nay, các dự án điện gió chưa được COD trước ngày 31/10/2021 đã được thi công hoàn thành. Để tránh lãng phí nguồn lực đầu tư của các DN, kính đề nghị Thủ tướng Chính Phủ xem xét sớm ban hành giá bán điện cho các dự án điện gió được hoàn thành sau ngày 31/10/2021, cơ chế đấu giá cho các dự án điện mặt trời cũng như cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện (Cơ chế DPPA).

#### **Trả lời (Cục ĐL)** (tương tự kiến nghị của SCT Phú Yên tại mục 2):

Cơ chế giá bán điện cố định FIT là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Do đó, việc duy trì cơ chế giá bán điện cố định FIT đối với các dự án điện năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời trong thời gian tới là không còn phù hợp.

Bộ Công Thương đang nghiên cứu, dự thảo các cơ chế chính sách như sau:

- Xây dựng dự thảo Thông tư quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện gió, điện mặt trời theo đúng quy định của Luật Điện lực (Khoản 3 Điều 31 và Khoản 2 Điều 29 Luật điện lực 2012).

- Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế



mua bán điện trực tiếp giữa nhà máy điện gió, điện mặt trời với hộ tiêu thụ điện lớn.

- Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nguồn điện (trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời).

Đối với các nội dung về cơ chế bán điện trực tiếp (DPPA) đề nghị quý Vụ tham khảo ý kiến của Cục Điều tiết điện lực.

### **8. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Trị)**

Trên cơ sở danh mục các dự án điện gió, điện mặt trời được cấp có thẩm quyền phê duyệt vào Quy hoạch phát triển điện lực, đến nay tỉnh Quảng Trị có 03 dự án điện mặt trời đã hoàn thành đưa vào vận hành thương mại; đối với các dự án điện gió, đã có 19 dự án hoàn thành công tác xây lắp (17 dự án vận hành thương mại toàn bộ, 02 dự án vận hành thương mại một phần) và 12 dự án đang triển khai đầu tư. Tuy nhiên, do cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời chưa được thông suốt, bị gián đoạn, cụ thể: chưa có cơ chế hỗ trợ cho các dự án điện mặt trời từ sau ngày 01/01/2021 và cho các dự án điện gió sau ngày 01/11/2021. Dẫn đến, từ đầu năm 2021 đến nay, các dự án điện mặt trời không được áp dụng biểu giá FIT, trong khi cơ chế đấu thầu, đấu giá chưa được ban hành. Tương tự, là các dự án điện gió sau ngày 01/11/2021 cũng chưa có cơ chế áp dụng nối tiếp. Điều này đã gây khó khăn cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai phát triển, thực hiện dự án. Bên cạnh đó, do các điều kiện khách quan, đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid-19, làm cho một số dự án điện gió đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhưng không kịp COD. Đây đều là các dự án đã có hợp đồng mua bán điện PPA, hoàn thành cơ bản các công tác pháp lý (về đất đai, đầu tư xây dựng ...) và nhà đầu tư đã bỏ ra kinh phí rất lớn (trung bình 1 dự án điện gió 100MW có tổng mức đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng, lãi suất vay thương mại trung bình 10%). Việc chưa có cơ chế chuyển tiếp, công nhận COD là một gánh nặng lớn cho các nhà đầu tư.

Từ những lý do nêu trên, kiến nghị Bộ Công Thương và các cấp có thẩm quyền xem xét xác định, phân loại các dự án chuyển tiếp để có các cơ chế chính sách phù hợp. Trong đó, lưu ý hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các dự án hiện nay đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng nhưng không kịp vận hành thương mại (COD) trước thời hạn giá FIT (ưu đãi). Mặt khác, cấp có thẩm quyền cần đưa ra các chính sách hướng tới tạo môi trường đầu tư ổn định, lâu dài làm cơ sở có thể thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án năng lượng tái tạo, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### **Trả lời (Cục DL) (trong tự kiến nghị của SCT Phú Yên tại mục 2):**

Cơ chế giá bán điện cố định FIT là cơ chế khuyến khích của Nhà nước chỉ được áp dụng trong thời gian nhất định để khuyến khích thu hút đầu tư vào những lĩnh vực cần đầu tư. Do đó, việc duy trì cơ chế giá bán điện cố định FIT đối với các dự án điện năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời trong thời gian tới là không

còn phù hợp.

Bộ Công Thương đang nghiên cứu, dự thảo các cơ chế chính sách như sau:

- Xây dựng dự thảo Thông tư quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện gió, điện mặt trời theo đúng quy định của Luật Điện lực (Khoản 3 Điều 31 và Khoản 2 Điều 29 Luật điện lực 2012).

- Xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa nhà máy điện gió, điện mặt trời với hộ tiêu thụ điện lớn.

- Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nguồn điện (trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời).

## **II. Lĩnh vực công trình điện, cáp và truyền tải điện**

### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Phú Yên)***

Theo quy định tại khoản 13 và khoản 18 Điều 3 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy phép hoạt động điện lực, để cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho cho tổ chức tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV ***thì các cá nhân tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.***

Trước đây, theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng thì có nội dung quy định cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân tư vấn thiết kế, giám sát công trình đường dây và trạm biến áp. Tuy nhiên, hiện nay theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng thì ***không quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân tư vấn thiết kế, giám sát công trình đường dây và trạm biến áp.*** Do đó, việc cấp phép hoạt động điện lực cho tổ chức tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện được.

Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, hướng dẫn hoặc tham mưu Chính phủ sửa đổi quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực cho tổ chức tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV để triển khai thực hiện trong thời gian đến.

### **Trả lời (Cục Điều tiết điện lực)**

"Điều kiện cấp giấy phép Tư vấn thiết kế và Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp quy định tại Điều 41 và Điều 44 Nghị định số

137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). Trong đó, điều kiện quy định chứng chỉ hành nghề của các chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực Tư vấn thiết kế đường dây và trạm biến áp là “có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực thiết kế hạng tương đương”, trong lĩnh vực Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp là “có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong lĩnh vực giám sát thi công hạng tương đương”.

Điểm c khoản 3 Điều 62 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cá nhân không yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề trong các hoạt động xây dựng đối với các công trình cấp IV. Theo quy định tại Bảng 1.2 Phụ lục 1 Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, công trình đường dây và trạm cấp điện áp đến 35 kV thuộc công trình cấp 4.

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp

## ***2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên Huế)***

2.1 Qua thời gian triển khai thực hiện Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 17/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng vốn nhà nước sang Tập Đoàn Điện lực Việt Nam quản lý. Việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ theo đúng quy định tại Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg, cung cấp đầu môi, mất rất nhiều thời gian do hồ sơ chuyển qua nhiều cấp xét duyệt từ Trung ương đến địa phương, từ EVN đến các Công ty Điện lực. Để rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục theo quy định.

Đề nghị Bộ kiến nghị cấp có thẩm quyền rút ngắn quy trình và phân cấp cho Điện lực các miền và Điện lực địa phương thực hiện.

2.2 Hiện nay, công nghệ xe ô tô điện đã xuất hiện tại Việt Nam, là xu hướng chung của thế giới nhằm tiên tiến sử dụng năng lượng xanh, sạch. Tập đoàn Vingroup đang lắp đặt rất nhiều trạm, cột sạc cho xe ô tô điện tại các bãi đỗ xe, trung tâm thương mại, trụ sở văn phòng, chung cư,... để sẵn sàng cho vận hành hạ tầng xe ô tô điện. Quá trình vận hành hệ thống các trạm sạc điện này có hoạt động mua điện từ hệ thống điện, phân phối điện năng lại cho người vận hành xe ô tô điện và có thu phí sạc điện, làm phát sinh hoạt động mua bán điện năng. Các quy định hiện hành trong lĩnh vực hoạt động điện lực chưa có nội dung quy định cụ thể đối với loại hình hoạt động của các trạm sạc điện nêu trên. Để công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực trên địa bàn đạt hiệu quả cao, đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn một số nội dung sau:

+ Về Giấy phép hoạt động điện lực: Hoạt động của hệ thống các trạm sạc điện phục vụ quá trình vận hành cho xe ô tô điện có cần Giấy phép hoạt động điện lực hay

không; trường hợp cần phải có Giấy phép hoạt động điện lực thì cơ quan nào có thẩm quyền cấp phép để phù hợp với quy mô, điều kiện hoạt động của các tổ chức có đầu tư, vận hành các trạm/cột sạc xe điện.

+ Các cột/trạm sạc thực chất có hoạt động giao nhận mua bán điện (là một dạng hàng hóa đặc biệt), do đó cần đảm bảo về chất lượng hàng hóa (chất lượng điện năng), đảm bảo các quy định về số lượng hàng hóa giao nhận (đo lường) như công tác quản lý các trạm xăng dầu hiện nay, dẫn đến phát sinh một loạt các nội dung cần quản lý. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét ban hành quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn, yêu cầu về kiểm định, quản lý thiết bị đo lường có liên quan để các cơ quan quản lý có cơ sở thực hiện, đảm bảo sự công bằng minh bạch giữa các bên.

### **Trả lời (Cục Điều tiết điện lực)**

Hiện nay, Bộ Công Thương đang xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 12 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT. Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu kiến nghị của các Sở Công Thương, tổng hợp ý kiến của các đơn vị có liên quan trong quá trình xây dựng Dự thảo Thông tư nói trên.

## **III. Lĩnh vực mua bán điện**

### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương thành phố Đà Nẵng)***

Hiện nay, công nghệ xe ô tô điện đã xuất hiện tại Việt Nam, là xu hướng chung của thế giới nhằm tiến tới sử dụng năng lượng xanh, sạch. Đà Nẵng đã ban hành Đề án “Đề xuất các vị trí xây dựng trạm sạc xe ô tô điện, cơ chế khuyến khích phát triển xe ô tô điện”. Tuy nhiên, hiện nay các quy định, hướng dẫn về Giấy phép hoạt động điện lực, giá bán điện, tiêu chuẩn kỹ thuật trạm sạc và phòng cháy chữa cháy... vẫn chưa được ban hành. Vì vậy, kính đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành các quy định hướng dẫn.

### **Trả lời (Cục Điều tiết điện lực)**

Hiện nay, Bộ Công Thương đang xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện và Thông tư số 25/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 12 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT. Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu kiến nghị của các Sở Công Thương, tổng hợp ý kiến của các đơn vị có liên quan trong quá trình xây dựng Dự thảo Thông tư nói trên.

## **IV. Lĩnh vực an toàn hồ đập:**

### ***1. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng)***

Xem xét bổ sung nội dung hoạt động nạo vét cục bộ hồ chứa nước vào Điều 22 Nghị định 114/2018/NĐ-CP. Do hiện nay, một số chủ đập, hồ chứa thủy điện và doanh nghiệp có nhu cầu nạo vét bồi lắng trong lòng hồ để giải tỏa các vật cản dòng

chảy, nhằm tăng dung tích của hồ chứa thủy điện, đảm bảo an toàn máy phát điện, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà máy thủy điện; khôi phục, cải thiện chất lượng nước, kết hợp thu hồi cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Qua công tác triển khai thực hiện, Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng nhận thấy theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ và Quyết định số 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương chưa quy định cụ thể cho công tác quản lý và thủ tục cấp Giấy phép cho hoạt động nạo vét cục bộ trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

### **Trả lời (Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp)**

1.Theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, hoạt động nạo vét lòng hồ chứa thủy điện không nằm trong danh mục hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa phải có giấy phép. Hoạt động nạo vét lòng hồ kết hợp tận thu cát sỏi (để bán hoặc làm vật liệu xây dựng...), có thể liên quan đến các quy định pháp luật khác: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản,... Vì vậy, Sở Công Thương có ý kiến đề các chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện chấp hành đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2.Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước được ban hành đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý an đập, hồ chứa nước nói chung và thủy điện nói riêng. Tuy nhiên, đến nay đã bộc lộ một số quy định chưa phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Cùng với nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện được giao, Bộ Công Thương đã có Văn bản kiến nghị Chính phủ một số nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 114/2018/NĐ-CP để phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế. Hiện nay, kiến nghị này đang được Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu cho Chính phủ. Bộ Công Thương ghi nhận các kiến nghị của Sở Công Thương Lâm Đồng về vấn đề này và sẽ xem xét, góp ý Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 114/2018/NĐ-CP khi được lấy ý kiến góp ý.

## **PHẦN D – CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ KHÁC**

### ***1.Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Phú Yên)***

Về thủ tục“Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT); Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).

Sau khi Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, thẩm tra, đánh giá, thì gửi văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương và Bộ chuyên ngành (nếu có ngành hàng liên quan).Sau



khi nhận có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương thì có kết quả cấp hoặc không cấp Giấy phép cho thương nhân. Tuy nhiên, thời gian qua văn bản gửi lấy ý kiến Bộ mất khá nhiều thời gian, trễ thời hạn trả kết quả thủ tục hành chính theo quy định. Đồng thời, hầu hết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực này khá phức tạp, liên quan đến đối tượng là Thương nhân nước ngoài, các cam kết quốc tế, các ngành hàng thuộc lĩnh vực quản lý của các Bộ, ngành.

Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét phân cấp cho Sở Công Thương (phối hợp với các Sở, ngành liên quan) đánh giá, xem xét cấp (hoặc không cấp) giấy phép một số ngành hàng, lĩnh vực nhất định, mà không phải có văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương.

### ***Trả lời (Vu Kế hoạch)***

Bộ Công Thương **“không có cơ sở nhất trí”** đối với việc tiếp tục phân cấp, phân quyền các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018 với các lý do sau:

a) *Nguyên tắc phân cấp, phân quyền nói chung*: về nguyên tắc, việc phân cấp, phân quyền phải có cơ sở pháp lý và đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực, không phân cấp, phân quyền “ồ ạt” theo mọi kiến nghị của địa phương vì các địa phương thường chưa nắm bắt, quán triệt được đầy đủ và toàn diện về chủ trương, quan điểm, mục tiêu quản lý chung của cả ngành, cả thị trường và lợi ích tổng thể của quốc gia, nhất là trong những lĩnh vực liên quan đến mở cửa thị trường cho nước ngoài trong các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) *Lý do cụ thể* về việc không tiếp tục phân cấp, phân quyền các nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định tại định số 09/2018/NĐ-CP:

**- Thứ nhất, việc phân cấp không đảm bảo thực hiện tốt chủ trương, quan điểm chỉ đạo, mục tiêu quản lý đã xác định và đảm bảo thực thi hiệu quả quy định đối với dịch vụ phân phối bán lẻ tại các Điều ước quốc tế, cụ thể:**

Theo quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và xuyên suốt trong các FTAs thế hệ mới (VJEPA, VKFTA, CPTPP, EVFTA, UKVFTA, ATISA...) *cho đến nay*, dịch vụ phân phối bán lẻ không phải là dịch vụ mở cửa thị trường tự do để khuyến khích, thu hút đầu tư mà luôn là dịch vụ hạn chế mở cửa thị trường đối với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài và yêu cầu về việc thực hiện thủ tục ENT (kiểm tra nhu cầu kinh tế) đối với việc lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất tại Việt Nam của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài (ngoại trừ một số ít trường hợp cụ thể) là bắt buộc theo quy định tại các điều ước trên.

Chủ trương áp dụng các “rào cản kỹ thuật” trên trong việc mở cửa thị trường lĩnh vực dịch vụ phân phối bán lẻ nhằm: (i) tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phân phối trong nước có thời gian dần cải thiện năng lực cạnh tranh và giữ ổn định thị trường cho hàng chục triệu “hộ kinh doanh” và hàng chục triệu lao động bán hàng lưu động (bán rong) đã và đang kinh doanh phân phối bán lẻ theo mô hình truyền thống dần thích nghi, (ii) tránh những xáo trộn quá lớn sẽ tác động đến đời sống dân sinh của đông đảo các hộ kinh doanh, người lao động tự do, gây ra những

hệ lụy khó lường về mặt kinh tế - xã hội, đã và đang được các cấp có thẩm quyền (Quốc hội, Đảng, Chính phủ...) chỉ đạo, quán triệt xuyên suốt tại các Nghị định thư phê chuẩn các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên từ khi Việt Nam mở cửa thị trường lĩnh vực này theo cam kết gia nhập WTO cho đến nay (2007 đến nay) và gần đây, Nghị Quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 đã tiếp tục chỉ đạo và khẳng định: “*Xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ thị trường phân phối trong nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển và phù hợp với các cam kết quốc tế*” là một trong những nhiệm vụ chủ yếu mà các cơ quan có thẩm quyền các cấp và Bộ Công Thương phải thực hiện.

**- Thứ hai, việc phân cấp không đảm bảo phù hợp với các căn cứ pháp lý hiện hành:**

Chủ trương, quan điểm trên đồng thời đã được thể chế hóa tại hệ thống pháp luật trong nước: Các thể hệ Luật Đầu tư: 2005, 2014 và 2020, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, theo đó lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động mua bán hàng hóa (bao gồm phân phối bán lẻ) đều được quy định là lĩnh vực đầu tư – kinh doanh/mở cửa thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài/nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Các Nghị định 23/2007/NĐ-CP ngày 12/2/2007, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 đều đã quy định điều kiện cụ thể đối với nhà đầu tư nước ngoài/nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài trong lĩnh vực này.

Hiện hành, theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, bên cạnh ý kiến đánh giá của Hội đồng ENT địa phương về việc đáp ứng các tiêu chí ENT, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung sau để xem xét chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ:

*“1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa: Sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của vùng, quốc gia.*

*2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*

*a) Sự phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của vùng, quốc gia;*

*b) Tiến trình đàm phán mở cửa thị trường của Việt Nam;*

*c) Nhu cầu mở cửa thị trường của Việt Nam;*

*d) Chiến lược hợp tác với đối tác nước ngoài của Việt Nam;*

*đ) Quan hệ ngoại giao, vấn đề an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”.*

Những nội dung cần xem xét, thẩm định trên đây *không thuộc thẩm quyền và không phù hợp với năng lực quản lý của địa phương*, trong khi đây là những nội

dung không thể thiếu khi xem xét, cho phép nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thành lập cơ sở bán lẻ tại Việt Nam vừa đảm bảo phù hợp với cam kết quốc tế, vừa phù hợp với chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và đảm bảo hiệu quả, mục tiêu quản lý ngành, quản lý thị trường đã xác định.

**- Thứ ba, việc phân cấp không phù hợp với thực tiễn phát triển, mục tiêu, yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay và định hướng hoàn thiện cơ chế chính sách trong thời gian tới**

Nhờ việc phối hợp quản lý giữa địa phương và Bộ Công Thương trong suốt thời gian qua mà việc đầu tư kinh doanh dịch vụ phân phối bán lẻ và việc lập cơ sở bán lẻ của nhà đầu tư nước ngoài/ nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, đặc biệt là với mô hình phổ biến là lập chuỗi, hệ thống cơ sở bán lẻ liên tỉnh, toàn quốc đã được “giảm tốc” và kiểm soát tốt, không gây xáo trộn về mặt thị trường cũng như tạo được dư địa cho các doanh nghiệp phân phối bán lẻ của Việt Nam vươn lên làm chủ thị trường (hệ thống Vinmart, Vinmart+, Coopmart, Hapromart, Điện máy xanh, Mediamart, Thế giới di động, FPT shop...).

Tuy nhiên, theo đánh giá của các tổ chức nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, đến nay, thị trường bán lẻ Việt Nam luôn là một điểm đến hấp dẫn đối với các nhà bán lẻ nước ngoài. Ngày càng có nhiều nhà bán lẻ nước ngoài muốn gia nhập thị trường và dự báo với đà phát triển hiện nay, nếu không được kiểm soát, định hướng tốt trong trung và dài hạn, mức độ và khả năng tác động, chi phối của khối doanh nghiệp FDI đến thị trường bán lẻ Việt Nam sẽ ngày càng gia tăng, đặc biệt ở phân khúc thị trường bán lẻ hiện đại và ở địa bàn đô thị, tác động trực tiếp tới sự phát triển của sản xuất, phân phối trong nước, sự ổn định của thị trường và đời sống dân sinh của một bộ phận không nhỏ dân số Việt Nam.

Chính vì vậy, Đảng, Chính phủ đã chỉ đạo các cấp có thẩm quyền nói chung và Bộ Công Thương nói riêng trong thời gian tới phải củng cố, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm kiểm soát hiệu quả hơn nữa hoạt động phân phối bán lẻ của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài tại Việt Nam, tại Nghị quyết 50-NQ/TW và Nghị quyết số 58/NQ-CP dẫn trên. Hiện nay, Bộ Công Thương đang tổng kết, rà soát, nghiên cứu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 09/2018/NĐ-P theo định hướng tăng cường quản lý và kiểm soát hiệu quả hơn nữa hoạt động phân phối bán lẻ của nhà đầu tư nước ngoài/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhằm triển khai chỉ đạo trên của Bộ Chính trị, của Chính phủ: “Xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ thị trường phân phối trong nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển và phù hợp với các cam kết quốc tế”, dự kiến trình Chính phủ trong năm 2022.

c) Các nội dung trên đã được báo cáo với Chính phủ, các Bộ/ngành đầy đủ nên tại Danh mục các văn pháp quy cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước ngày 10/01/2022 đã không bao gồm Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

## ***2. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi)***

Thực tế tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2016-2020 đã xét công nhận xã đạt Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn chủ yếu là xét trường hợp xã có cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định. Tuy nhiên, trong dự thảo hướng dẫn Tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 chỉ hướng dẫn về xét công nhận xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao đối với trường hợp xã có chợ nông thôn là chưa phù hợp, đầy đủ với tình hình thực tế của địa phương.

Sở Công Thương đề nghị Bộ Công Thương bổ sung hướng dẫn Tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với các trường hợp Cơ sở bán lẻ khác như: siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để địa phương có cơ sở để triển khai thực hiện.

### **Trả lời (Cục Công Thương địa phương)**

a. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

b. Đối với Chỉ tiêu “6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm” thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 – 2025; Chỉ tiêu “6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2, hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định” thuộc tiêu chí số 6 về Kinh tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 – 2025, các nội dung chỉ tiêu đã được quy định đầy đủ, rõ ràng, cụ thể: Chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN 11856:2017 chợ kinh doanh thực phẩm; Chợ hạng 2 tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP; Trung tâm thương mại tại Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM về quy chế siêu thị, trung tâm thương mại. Theo đó, Bộ Công Thương không ban hành hướng dẫn thêm đối với các chỉ tiêu nêu trên.

## ***3. Kiến nghị (Sở Công thương thành phố Đà Nẵng)***

Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm đề xuất Chính phủ về tiếp tục việc hỗ trợ giá điện, tiền điện cho doanh nghiệp, người dân theo chủ trương đã nêu tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

### **Trả lời (Cục Điều tiết điện lực)**

Việc điều hành giá điện hiện nay đang được theo quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân để có những điều chỉnh phù hợp.



Tuy nhiên, trong những tháng vừa qua, giá nhiên liệu của các nhà máy điện (dầu, than) tăng cao và dự kiến những tháng còn lại của năm 2022, tình hình kinh tế, địa – chính trị thế giới còn rất nhiều phức tạp, diễn biến khó lường, những nguy cơ tiềm ẩn từ dịch bệnh, thiên tai, bão lụt... có thể gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó gây áp lực lớn lên mặt bằng giá. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiết kiệm chi phí, đồng thời nghiên cứu, đánh giá và đưa ra những giải pháp phù hợp trong điều kiện nhằm kiểm soát, tính toán, xử lý những tồn tại liên quan đến chi phí để giữ ổn định giá điện, qua đó góp phần phục hồi và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

#### **4. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Đắk Nông)**

4.1 Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành công thương. Hướng dẫn cụ thể số lượng người làm việc ở mỗi vị trí việc làm (Ví dụ: đối với vị trí khuyến công cấp tỉnh là bao nhiêu người, đối với vị trí xúc tiến thương mại cấp tỉnh là bao nhiêu người, đối với vị trí thương mại điện tử và kinh tế số cấp tỉnh là bao nhiêu người, đối với vị trí sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cấp tỉnh là bao nhiêu người, ...)

##### **Trả lời (Vụ Tổ chức cán bộ)**

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương và định mức biên chế trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành công thương và Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành công thương.

Hiện nay, dự thảo Thông tư đã được gửi xin và tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan. Dự kiến, trong thời gian sớm nhất, Bộ Công Thương sẽ ban hành các Thông tư nói trên (sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ).

4.2 Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét ban hành Thông tư hướng dẫn: Quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Công Thương; Quy định về tiêu chí cụ thể và hướng dẫn áp dụng các tiêu chí xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập ngành Công Thương.

##### **Trả lời (Vụ Tổ chức cán bộ)**

Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Công Thương đang triển khai xây dựng Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều



kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực công thương.

Dự thảo Thông tư đã được gửi xin và tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan. Hiện nay, cơ quan tham mưu đang xin ý kiến các đồng chí thành viên Ban cán sự đảng Bộ trước khi tổng hợp, trình đồng chí Bộ trưởng ký ban hành.

### ***5. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng)***

5.1 Hướng dẫn cụ thể đối với các dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa để có cơ sở áp dụng thực hiện điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

#### **Trả lời (Vu Kế hoạch)**

Nội dung này không thuộc lĩnh vực phụ trách của Bộ Công Thương, đề nghị Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng tham khảo ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5.2. Đề nghị Bộ Công Thương có hướng dẫn chi tiết triển khai về các hạng mục hỗ trợ và định mức hỗ trợ triển khai đề án nhân rộng Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Thực hiện Quyết định số 1404/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 28/5/2020 về việc phê duyệt thực hiện đề án, nhiệm vụ năm 2020 của Bộ Công Thương thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; theo đó, năm 2020, Sở Công Thương Lâm Đồng đã triển khai xây dựng Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại tỉnh Lâm Đồng đạt kết quả. Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 16/4/2019 của Bộ Công Thương về việc ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2019-2020; năm 2022, UBND tỉnh Lâm Đồng thực hiện bố trí kinh phí 220 triệu đồng và giao Sở Công Thương thực hiện nhân rộng Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Để có cơ sở pháp lý về cơ chế, chính sách áp dụng hỗ trợ triển khai nhân rộng, ngày 24/3/2022 Sở Công Thương Lâm Đồng có văn bản số 506/SCT-QLTM về việc hướng dẫn cơ chế, chính sách áp dụng hỗ trợ để nhân rộng các mô hình thí điểm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng gửi Bộ Công Thương. Tuy nhiên, đến nay Bộ Công Thương chưa có hướng dẫn chi tiết để triển khai thực hiện.

#### **Trả lời (Vu Thị trường trong nước)**

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020; Thực hiện Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 7915/KH-BCT ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 16/4/2019 về việc

ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2019-2020; ban hành Bộ tiêu chí thiết kế biên hiệu và Bộ mẫu thiết kế Biên hiệu/Biểu tượng cho điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP mới được Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Quyết định số 3041/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2019.

Hiện nay, Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2019-2020 đã hết hiệu lực theo quy định.

Ngày 22 tháng 2 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ mới ký ban hành Quyết định số 919/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025. Trong đó có giao Bộ Công Thương: “Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các quy định về điểm bán hàng OCOP phù hợp với yêu cầu và bối cảnh mới”.

Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương sẽ sớm nghiên cứu, lấy ý kiến của các cơ quan, các địa phương có liên quan để xây dựng và trình cấp thẩm quyền ban hành các quy định về điểm bán hàng OCOP trong giai đoạn 2021-2025.

## **6. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk)**

- Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo: Cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên hiệu quả sản xuất của đa số các doanh nghiệp chưa cao, thiếu bền vững, khả năng cạnh tranh kém; tỷ lệ chuyên môn hoá, công nghiệp hỗ trợ, tỉ lệ nội địa hoá còn ở mức thấp. Sản phẩm công nghiệp của tỉnh vẫn chủ yếu là sản phẩm thô, giá trị gia tăng chưa cao; Lực lượng lao động tuy nhiều song chất lượng nguồn lực còn hạn chế, nhất là nguồn nhân lực giỏi, có trình độ chuyên môn chuyên ngành kỹ thuật, có khả năng làm việc trong các dây chuyền sản xuất sản phẩm kỹ thuật cao như chế tạo thiết bị, điện tử.

Để khắc phục những hạn chế trên, trong giai đoạn tới, phát triển sản xuất thông minh là hướng đi tất yếu cho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh; trong đó, ứng dụng các công nghệ mới cùng với quá trình chuyển đổi số sẽ giúp doanh nghiệp thiết lập được một hệ thống sản xuất, kinh doanh có tính linh hoạt, hiệu quả cao và tạo ra những bước phát triển đột phá. Để đạt được điều đó, cần phải có những giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ theo xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, tỉnh Đắk Lắk kính đề xuất Chính phủ sớm ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 và phát triển sản xuất thông minh giai đoạn đến năm 2030. Đồng thời, kính đề xuất Bộ Công Thương xây dựng Cơ sở dữ liệu các ngành Công nghiệp để giúp cho việc định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh.

### **Trả lời (Cục CN)**

Năm 2020, Bộ Công Thương đã phối hợp với IFC/World Bank xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ (vsi.gov.vn). Hệ thống CSDL này là đầu mối quan trọng nhằm giải quyết nhu cầu hình thành mạng lưới kết nối B2B trong nước với nước ngoài, giúp các doanh nghiệp, nhà đầu tư tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, chính xác, đáp ứng nhu cầu kết nối đầu tư, tăng cường cơ hội hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp FDI, các tập đoàn đa quốc gia. Đến nay, hệ thống CSDL đã thu hút gần 4.000 doanh nghiệp tham gia thuộc các lĩnh vực điện tử, cơ khí chế tạo, ô tô, dệt may, da giày.

Đề nghị tỉnh Đắk Lắk chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu trên đến các doanh nghiệp trên địa bàn đăng ký tham gia và sử dụng.

### ***7. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Quảng Trị)***

Đề thúc đẩy khu vực thương mại - dịch vụ nói chung tăng trưởng, kính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, địa phương liên quan tập trung phát triển các ngành dịch vụ mà địa phương có lợi thế như: du lịch, logistics, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, bất động sản...; đồng thời rà soát, đốc thúc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư thương mại, dịch vụ, du lịch... đã được cấp chủ trương đầu tư sớm đi vào hoạt động, kiên quyết rút chủ trương đầu tư đối với các dự án không triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật, đồng thời kính đề nghị Bộ Công Thương quan tâm bố trí kinh phí thực hiện Đề án thống kê, điều tra đánh giá tỷ trọng bán lẻ hàng hóa theo từng loại hình (qua kênh hiện đại, kênh truyền thống, kênh thương mại điện tử) để có kết quả đánh giá cụ thể theo yêu cầu tại Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

### **Trả lời (Vu Kế hoạch)**

Đề nghị Quý Cục tham khảo ý kiến của Vụ Thị trường trong nước, là cơ quan đầu mối của Bộ Công Thương triển khai thực hiện Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

### ***8. Kiến nghị (Sở Công thương tỉnh Ninh Thuận)***

8.1 Nghị quyết 115, của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế, xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023, đã đồng ý chủ trương đối với những khu vực có chứa quặng titan chưa bảo đảm điều kiện khai thác, ảnh hưởng môi trường thuộc Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1546/QĐ-TTg ngày 03/9/2013 mà chưa cấp phép thăm dò, khai thác thì đưa vào khu vực dự trữ quốc gia để triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời.

Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương sớm tổng hợp đưa các khu vực có titan trên

địa bàn tỉnh Ninh Thuận, với tổng diện tích 4.345 ha ra khỏi Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan; đề Bộ Tài nguyên và Môi trường có cơ sở xem xét, trình điều chỉnh đưa vào dự trữ khoáng sản quốc gia đối với phần diện tích titan nói trên. Trong thời gian chờ hướng dẫn các thủ tục điều chỉnh Quy hoạch, đề nghị Bộ Công thương trình Chính phủ xem xét, cho chủ trương triển khai các dự án tại các khu vực này để đẩy nhanh tiến độ các dự án.

### **Trả lời (Cục CN)**

Đối với kiến nghị nêu trên, ngày 29 tháng 11 năm 2019, Bộ Công Thương đã có văn bản số 9136/BCT-CN báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy hoạch. Theo đó định hướng giải quyết như sau:

- Cần đánh giá lại hiệu quả các Dự án khai thác, tiếp tục duy trì những Dự án đang hoạt động có hiệu quả theo Giấy phép khai thác đã cấp.

- Đối với các diện tích chưa cấp phép thăm dò titan, UBND tỉnh nơi có khoáng sản cần kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ đưa ra khỏi quy hoạch thăm dò, khai thác và chấp thuận việc đưa các diện tích đó vào khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia và cho phép thực hiện các dự án phát triển kinh tế khác trên diện tích dự trữ khoáng sản.

- Đối với những diện tích đã cấp phép thăm dò, khai thác titan: Trường hợp doanh nghiệp đã được cấp phép thăm dò, khai thác muốn chuyển đổi sang thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội khác như điện gió, điện mặt trời, trồng rừng, du lịch... thì địa phương cần có chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho doanh nghiệp có nhu cầu chuyển đổi. Còn lại đối với trường hợp Doanh nghiệp khác mong muốn đầu tư các dự án phát triển kinh tế xã hội khác nhưng có chồng lấn vào các diện tích đã được cấp phép thăm dò, khai thác titan thì địa phương chủ trì, hướng dẫn các doanh nghiệp đầu tư mới thỏa thuận về phương án triển khai với các doanh nghiệp đã được cấp phép hoạt động khoáng sản titan theo nguyên tắc đồng thuận, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đầu tư và khoáng sản.

- Theo đó, trên cơ sở kết quả giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp và đề xuất của UBND tỉnh Ninh Thuận, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Ninh Thuận kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh diện tích 88 ha khu vực khoáng sản titan xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận ra khỏi Quy hoạch. Tại văn bản số 904/TTg-CN ngày 14/7/2020, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận việc điều chỉnh nêu trên đồng thời giao Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, bổ sung diện tích khu vực này vào khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- Đối với các diện tích có chứa quặng titan còn lại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đã được cấp Giấy phép thăm dò, khai thác: Đến nay, Bộ Công Thương chưa nhận được kết quả giải quyết vướng mắc đối với từng trường hợp cụ thể của các cơ quan có liên quan. Vì vậy, trong quá trình tổ chức lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm



2050 theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018, Bộ Công Thương chưa đủ cơ sở để loại bỏ các khu vực chứa quặng titan đã được cấp phép hoạt động khoáng sản nêu trên tại Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 904/TTg-CN nêu trên, Bộ Công Thương không đưa diện tích 88 ha khu vực khoáng sản titan xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận vào dự thảo nội dung Quy hoạch thăm dò, chế biến, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

8.2 Theo Báo cáo của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại cuộc họp với UBND tỉnh ngày 06/4/2022, thì dự án Thủy điện tích năng Bác Ái dự kiến tiến độ kéo dài thêm 03 năm so với Kế hoạch ban đầu, trong đó dự kiến phát điện Tổ máy 1-tháng 12/2029, tổ 2-tháng 04/2030, tổ 3-tháng 8/2030 và tổ 4-tháng 12/2030. Đây là dự án quan trọng của quốc gia, có nhiệm vụ phát điện phủ đỉnh, làm phẳng biểu đồ phụ tải và điều tần hệ thống điện, tăng công suất phát và ổn định hệ thống điện quốc gia, nhất là ổn định nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.

Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét chỉ đạo Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam đẩy nhanh triển khai dự án Thủy điện tích năng Bác Ái để tối ưu hoá khai thác hiệu quả năng suất các dự án điện năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

### **Trả lời (Cục ĐL)**

Dự án thủy điện tích năng Bác Ái (Dự án) đã được Thủ tướng Chính phủ giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tổ chức thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư và triển khai các bước tiếp theo tại Văn bản số 263/TTg-KTN ngày 28 tháng 02 năm 2014, trong đó có yêu cầu phải tính toán phù hợp với tiến độ tích nước hồ Sông Cái. Trên cơ sở đó, Hội đồng thành viên EVN đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình của Dự án tại Quyết định số 99/QĐ-EVN ngày 12 tháng 5 năm 2015, trong đó với dự kiến tiến độ tích nước hồ Sông Cái vào tháng 6/2017 (theo Văn bản số 89/TB-VPCP ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ thì tiến độ phát điện Tổ máy 1 vào Quý I/2026 và hoàn thành toàn bộ Dự án vào năm 2029). Việc này cũng đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất cho phép EVN tiếp tục triển khai Dự án tại Văn bản số 1027/TTg-CN ngày 15 tháng 8 năm 2019.

Tuy nhiên, thực tế hồ chứa nước Sông Cái mới bắt đầu tích nước vào tháng 4/2021. Vì vậy, Dự án đã hoàn thành thi công xây dựng đưa vào sử dụng đối với các hạng mục công trình thuộc Cụm công trình cửa xả (Giai đoạn 1) đáp ứng tiến độ đồng bộ với tiến độ điều chỉnh việc tích nước hồ Sông Cái.

Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Dự toán xây dựng công trình Giai đoạn 2 của Dự án đã được Chủ đầu tư hoàn thành và có Tờ trình thẩm định số 1949/TTr-EVN ngày 15 tháng 4 năm 2022, theo đó Chủ đầu tư đề xuất tiến độ phát điện Tổ máy 1 vào tháng 12/2029 và Tổ máy 2, 3, 4 vào năm 2030. Sau khi nhận được Tờ trình, Bộ Công Thương đã chỉ đạo Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thành lập Tổ Thẩm



định hồ sơ (Tổ Thẩm định được thành lập gồm các Bộ, ngành liên quan và Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận). Trên cơ sở kết quả thẩm định hồ sơ kết hợp kiểm tra thực địa Dự án, Tổ Thẩm định đã có Thông báo số 83/TB-ĐL ngày 07 tháng 6 năm 2022 yêu cầu Chủ đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương giải trình, bổ sung và hoàn thiện các nội dung về kỹ thuật theo quy định, trong đó có nội dung làm rõ thông tin về thiết bị công nghệ, tiến độ thi công để xem xét phương án đảm bảo khả thi, tiến độ và hiệu quả cho Dự án. Hiện nay, Chủ đầu tư đang phối hợp với các cơ quan tư vấn khẩn trương giải trình, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

Bộ Công Thương sẽ chỉ đạo Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo phối hợp với các Bộ, ngành và Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận yêu cầu Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các nội dung đã nêu trên để sớm hoàn thành công tác thẩm định, đảm bảo triển khai thực hiện Dự án theo đúng quy định hiện hành.

# PHẦN GHI CHÉP









